

Nguyễn Hiến Lê

Tương Lai Trong

TAY TA



Văn Hóa

Table of Contents

Tựa sách

TỰA

§I. VẤN ĐỀ NGUYÊN TẮC

§II. SỨC KHỎE TRƯỚC HẾT

- 1) Rán hưởng những thú vui bình dị của đời sống
- 2) Đừng để bệnh tật nó ám ảnh ta
- 3) Tập yêu công việc của bạn
- 4) Yêu người chung quanh và tiếp tay vào công việc của nhân loại
- 5) Tập thói vui tính
- 6) Cương quyết đương đầu với các nỗi khó khăn trong đời
- 7) Hưởng cái vui hiện tại

§III. LÀM VIỆC

§IV. AI CŨNG CÓ THỂ BẤT HỦ

§V. NGHỈ NGƠI VÀ TIÊU TIỀN

§VI. TU TÂM LUYỆN TRÍ

§VII. HÔN NHÂN

§VIII. LỰA BẠN TRĂM NĂM

§IX. ĐỂ GIỮ HẠNH PHÚC TRONG HÔN NHÂN

§X. LỜI KHUYÊN RIÊNG CÁC BẠN GÁI

§XI. DỰ BỊ CHO TUỔI GIÀ

Phụ lục. TRẮC NGHIỆM VỀ TINH THẦN GIÀ GIẶN

TƯƠNG LAI TRONG TAY TA

Tác giả: Nguyễn Hiến Lê

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

TỰA

Cùng các Bạn trẻ,

Tôi có cảm tưởng rằng đời mỗi người là một cuộc thám hiểm và khi ta bước chân vào đường đời, tâm trạng, tình cảnh của ta cũng tựa tựa tâm trạng, tình cảnh của một nhà thám hiểm – chẳng hạn của Magellan.

Ngày 20-9-1519, Magellan chỉ huy năm chiếc tàu, rời hải cảng Séville để tiến ra khơi. Ông đã dự bị trong hai năm cuộc hành trình đó: sắm tàu, mộ thủy thủ, mua các khí giới, đồ dùng và thức ăn để mang theo... Nhờ nhiều cuộc phỏng vấn những người ở Ấn Độ, Mã Lai và nhờ công tra khảo trong các sách Ý Đại Lợi, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, ông biết rằng trái đất tròn, và từ Séville cứ đi về phương Tây sẽ tới châu Mỹ mà Christophe Colomb đã tìm ra hơn hai chục năm trước, rồi theo bờ biển Nam Mỹ mà kiếm thì thế nào cũng thấy một eo biển đưa qua phương Đông, qua những xứ Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Độ, nơi sản xuất vàng, lụa, hương liệu; sau cùng lại từ Mã Lai, Ấn Độ, tiến hoài về phương Tây thì sẽ trở về Séville được. Ông chỉ biết đại cương cái hướng phải theo, còn đường đi thì ông chưa biết. Eo biển ở chỗ nào, có ở xa về phương Nam không hay chỉ ở dưới Ba Tây một chút? Rồi đại dương ở bên kia châu Mỹ ra sao? Rộng lắm không? Sóng gió nhiều không? Đi mấy tháng thì tới? Những điều đó còn là hoàn toàn bí mật.

Hồi mới ra trường, chúng ta không có cảm tưởng bắt đầu một cuộc phiêu lưu ghê gớm như vậy và tôi biết nhiều người bình tâm, thản nhiên, chẳng suy nghĩ, lo tính gì cả, mặc cho đời đưa tới đâu thì đưa; ngay cả với những kẻ đó, đời vẫn là một cuộc phiêu lưu, mặc dầu họ không nhận thấy.

Cái vốn chúng ta mang theo vào đời – tức những sự hiểu biết và sức khỏe của ta – không khác gì những thủy thủ, đồ đạc trong năm chiếc tàu Magellan. Cái mục đích lơ mờ của chúng ta lúc bước vào đời – kẻ thì mong yên ổn làm giàu, có vợ đẹp, con khôn rồi an nhàn dưỡng lão, kẻ thì hăm hở quyết tâm cải tạo xã hội, lập nên sự nghiệp để lại mai sau – cái mục đích đó cũng như mục đích thúc đẩy Magellan tìm ra Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Độ bằng một con đường mới, Magellan đã định một hướng là đi về phương Tây thì chúng ta cũng có một hướng: làm một nhà giáo hay một kỹ sư, một nhà văn hay một chính khách. Còn những hoàn cảnh, những khó khăn, những may rủi ta sẽ gặp trong đời, cả những bước đường sau này của ta nữa, thì ta không thể đoán được, cũng như Magellan khi nhổ neo từ biệt Séville

không có một ý niệm gì rõ ràng về con đường sẽ qua cả. Trước mặt ta, cũng như trước mặt ông là cả một bí hiểm mênh mông, một bí hiểm luôn luôn thay đổi!

Đọc tiểu sử Magellan tôi ân hận rằng ông vừa mới tới đích, mới tìm ra quần đảo Phi Luật Tân, sắp tới quần đảo Mã Lai, thì bị thổ dân giết vì ông nóng nảy, quá tự tin, khinh địch. Nếu ông sống mà trở về được châu Âu, thì tất Charles Quint sẽ phái ông đi vài chuyến nữa – cũng như trước kia Christophe Colomb được phái qua châu Mỹ bốn lần – và những kinh nghiệm của ông trong chuyến đầu sẽ giúp ích cho ông được biết bao trong những chuyến sau. Ông khỏi mất công dò vàm sông Rio de la Plata, những vịnh San Matias, Bahia de los Patos, Bahia de los Trabajos; khỏi phải đậu lại cả một mùa đông ở San Julian khi ông chỉ cách eo biển Magellan có hai ngày đường; và nhờ vậy, ông sẽ tránh được cảnh đói khát ghê gớm cho cả đoàn mạo hiểm, và tránh được bệnh hoại huyết, lợi sưng, răng rụng vì thiếu sinh tố, khi ba chiếc tàu còn lại lênh đênh trên Thái Bình Dương mấy tháng ròng; mà cuộc hành trình từ Séville tới Phi Luật Tân chỉ mất vài tháng, chứ không kéo dài tới mười tám tháng như lần đầu.

Nghĩ vậy rồi tôi nhớ lại cuộc đời của tôi hai mươi sáu năm nay, từ khi mới ở trường ra. Nó không có gì đáng cho tôi phàn nàn, ân hận lắm, và nếu có phải sống lại quãng đó thì tôi cũng không từ chối. Tôi vốn không có cao vọng lãnh một trách nhiệm gì lớn lao mà cái đời một thư sinh sống trong một gia đình êm ấm, bên cạnh sách và hoa cũng có cái thú, có lẽ còn thú hơn là được hoan hô nhiệt liệt trong những đám đông hàng ngàn hàng vạn người. Tôi rất may mắn không có chỗ nào cho người khác đề cao, nếu có mà bị đề cao thì tôi sẽ ngượng đến chết mất. Con người nào mà chẳng có vô số tật, và chết đi chẳng thành giòi, thành đất cả!

Nhưng nhiều khi tôi lẩn thẩn tự hỏi nếu nhờ chút ít kinh nghiệm bây giờ của tôi mà sống lại cái hồi hai mươi lăm tuổi trước kia thì đời mới của tôi sẽ ra sao nhỉ? Chắc là không thay đổi gì nhiều. Tôi cho rằng mỗi người sinh ra đời đã có một hướng sẵn: ông Eisenhower để làm một Tổng Thống, ông Einstein để làm một nhà khoa học, ông Paul Valéry để làm một nhà thơ... và cũng ngay từ hồi mới sinh, đã có cái gì định trước rằng mỗi người chỉ tiến được tới cái mức nào đó thôi: dù cố gắng tới mấy, gặp may tới mấy thì cũng không phải rằng chính khách nào cũng thành một Eisenhower và thi sĩ nào cũng thành một Valéry được.

Vậy thì có sống lại cuộc đời đã qua, tôi cũng sẽ chỉ là một thư sinh như ngày nay, không giàu hơn, không sang hơn, không tài giỏi gì hơn nhiều. Nhưng tôi chắc chắn rằng những kinh nghiệm ngày nay, nếu dùng được từ hồi trước thì sẽ làm cho tôi được mạnh khỏe hơn – tôi có thể tránh được bệnh đau bao tử và vài ba bệnh khác nữa – đỡ mất công dọ dẫm đường đi hơn, đỡ phí thì giờ vào những việc vô ích, mà hiểu biết được nhiều hơn, lại tạo được nhiều hạnh phúc cho mình và cho người hơn. A! tạo được hạnh phúc, đó mới là điều quan trọng! Tóm lại tôi sẽ như Magellan trong chuyến đi thứ nhì... nhưng Magellan làm gì có chuyến đi thứ nhì.

Nhớ lại những lầm lỗi trước, sao mà nhiều thế! Kể làm sao cho đủ mà khỏi rườm? Cho nên tôi chỉ lựa những điều quan trọng mà hồi trên dưới hai mươi lăm tuổi ít ai để ý tới. Và tôi thấy những điều đó có thể gom làm sáu bảy mục:

- Tìm một nhân sinh quan, tự hỏi: sống để làm gì, đời người ra sao?
- Nhận rằng bốn phận mỗi người là tạo hạnh phúc cho bản thân và cho người chung quanh.
- Muốn làm tròn bốn phận, phải giữ gìn sức khoẻ và tu tâm luyện trí để làm việc.
- Nhưng phải biết cách làm việc cho có hiệu quả.
- Rồi làm việc xong thì phải nghỉ, kiếm được tiền thì phải tiêu, vậy vấn đề hưởng thụ ở đời cũng cần thiết như vấn đề phục vụ xã hội.
- Phải lo tính trước cho tuổi già khỏi bệnh tật, túng thiếu mà thành một gánh nặng cho gia đình, xã hội.
- Sau cùng vấn đề quan trọng nhất đối với thanh niên là vấn đề hôn nhân, vì có khéo lựa bạn trăm năm thì mới có người giúp đỡ, mới vui vẻ, hăng hái làm việc, mới hưởng hạnh phúc ở đời được.

Đó, những điều quan trọng theo tôi, đại loại có bấy nhiêu. Tôi nhận rằng nhân sinh quan của tôi rất tầm thường mà những kinh nghiệm của tôi cũng tầm thường nữa. Bạn là hạng trung nhân như tôi thì hãy đọc cuốn này; nếu trái lại, bạn nuôi cái lý tưởng noi theo những

bậc siêu nhân, những vị thánh, mà cải tạo xã hội để cứu vớt cả nhân loại thì tôi xin cung kính ngưỡng mộ bạn, sách của tôi không đáng cho bạn ngó tới.

Chép lại kinh nghiệm của bản thân, tôi tuyệt nhiên không dám mong rằng nó sẽ làm thay đổi đời của bạn đâu. Tôi nhận thấy rằng bất kỳ ai cũng phải tự tạo lấy đời sống của mình bằng những từng trải của mình; nghĩa là những lời khuyên của người khác ảnh hưởng rất ít đến đời sống của ta, nếu ta không có cái tính tình, cái tâm trạng của người đó, không ở trong hoàn cảnh của người đó, đã từng trải gần gần như người đó. Phải có đồng thanh mới tương ứng, hoặc nói theo giọng khoa học ngày nay, phải có bắt đúng điện ba thì mới lên tiếng. Triết gia Đông Tây có biết bao nhiêu nhà mà tôi chỉ quý Khổng Tử, đâu có phải tại học thuyết của Ngài cao siêu hơn những nhà khác; nó hợp với tâm hồn tôi đấy thôi. Vậy thì lời trong sách này chưa chắc gì đã hợp với tâm hồn bạn; nếu may ra nó có hợp phần nào, mà theo quy tắc trong sách, bạn cải thiện đời sống được ít nhiều chăng thì cũng không phải là nhờ sách mà chỉ là nhờ một sự ngẫu nhiên, nó làm cho chúng ta có chỗ gặp nhau đấy thôi.

Nếu không gặp nhau thì tôi cũng mong rằng sách gợi cho bạn suy nghĩ, để tìm một nhân sinh quan riêng cho bạn, một giải pháp hợp với bạn mà tạo một đời sống đặc biệt của bạn, phong phú hơn, sáng sủa hơn, vui tươi hơn. Được vậy cũng đủ hài lòng kẻ chân thành này rồi.

NGUYỄN HIẾN LÊ

Saigon, ngày 1-4-1961.

Chương I

VẤN ĐỀ NGUYÊN TẮC

1. *Cái tuổi trên dưới hai mươi lăm.*
 2. *Nhân sinh quan thay đổi tùy người, tùy thời.*
 3. *Khi vào đời, bạn nên phác một nhân sinh quan.*
 4. *Nhân sinh quan của tôi:*
 - *Sống để làm gì?*
 - *Đời người ra sao?*
 - *Đạo Nho: sự tu nhân và lễ trung dung.*
 - *Cái vui của Tăng Điểm.*
 - *Đừng đòi hỏi nhiều quá.*
 5. *Phải sống hợp với qui tắc của mình.*
 6. *Đời người là một chuỗi tình cờ.*
-

Tôi chưa được biết bạn. Nhưng tôi đoán rằng bạn là một thanh niên trên dưới hai mươi lăm tuổi, vui vẻ, hoạt động, có một sức học ít nhất vào bậc phổ thông và bạn mới bước vào đời với một nghề mà bạn thích. Tôi lại đoán rằng nỗi lòng của bạn cũng tựa tựa nỗi lòng của tôi hai mươi sáu năm trước.

Hồi đó một ngày gần tết – phải, cũng trong cái tháng chạp âm lịch này đây – một ông bạn đồng song và tôi ngồi chiếc xe “ca” vượt cảnh núi sông trùng trùng điệp điệp trên con quốc lộ số 1 để vào Saigon nhận việc, vì con đường xe lửa “Xuyên Đông Dương” chưa hoàn thành. Qua những rừng dừa ở Tam Quan, ở Sông Cầu, rồi leo ngọn Đèo Cả, nhìn xuống biển khơi một màu ngọc thạch, chúng tôi thấy trong lòng nổi lên một khúc nhạc tựa như một khúc Xuân tình. Dưới con mắt chúng tôi, cái gì cũng mới: từ trời biển, núi sông đến cô bạn đồng hành cười luôn miệng và giọng “lú lo” như tiếng chim, nhất thiết đều khác hẳn với quê hương chúng tôi, mà tươi sáng quá chừng! Lòng chúng tôi cũng mới: từ nay bắt đầu bước vào đời, được bay bổng như những con hải âu lấp lánh ở ngoài Nam Hải kia, được tự do tạo cuộc đời của mình theo ý muốn của mình. Nhớ lại tuổi thiếu niên bị câu thúc và thiếu thốn, chúng tôi có cảm tưởng rằng chiếc xe ca mỗi giờ, mỗi phút đưa chúng tôi xa cái thời

đó cũng như xa cảnh mưa phùn ẩm đạm ở Bắc Việt mà chúng tôi mới từ biệt ngày rười rượi.

Nghĩ tới tương lai, chúng tôi không hề lo lắng – lo lắng cái gì? Việc sở thì chắc chắn là làm được; còn Nam Việt tuy là xứ lạ, nhưng có bạn bè và họ hàng, mà trước mặt chỉ thấy hăng hái và hy vọng, tràn trề hy vọng. Có ít nhất là ba chục năm để sống, sẽ gặp một thời thế mới, những hoàn cảnh mới, sẽ thu thập được những kinh nghiệm mới, sẽ kiếm được tiền, học hỏi thêm và sẽ hoạt động để đóng một vai trò nào đây. Còn gì thú cho bằng, kích thích cho bằng nữa? Tôi nghĩ thầm: ở trường ra, ai cũng như ai, đều sắp hàng ở cái vạch trắng đánh dấu mức khởi hành của cuộc đua, thử xem sau này ai tới trước và tới đâu? Chiếc xe ca vẫn lăn đều đều trên đường tráng nhựa, một bên là dãy Trường Sơn, một bên là biển cả, gió khơi lồng vào tóc, hương rừng ủa vào phổi.

Đó, tâm trạng của tôi hồi đó như vậy. Sau hai mươi sáu năm, thời cuộc đã thay đổi lạ lùng, đã có bao nhiêu cuộc biến thiên xảy ra trên dải đất của chúng ta và thời thế hiện nay có phần khó khăn hơn hồi xưa vì những vấn đề tự vệ, tự túc đương đòi hỏi chúng ta rất nhiều hy sinh; nhưng tôi tin rằng khi người ta trên dưới hai mươi lăm tuổi thì không có cái gì làm tiêu tan niềm hy vọng được cả. Vả lại thời thế tuy khó khăn hơn, song cũng có chỗ thuận tiện cho bạn hơn: bạn may mắn được sinh vào thời nước nhà đã giành lại độc lập, đương rón so vai với các nước khác để mạnh tiến, do đó khu vực hoạt động của bạn sẽ rộng hơn khu vực của chúng tôi hồi xưa. Bất cứ ngành nào cũng cần phát triển mau và mạnh, tài năng của bạn sẽ không sợ thiếu đất để dùng. Phải vậy chăng, thưa bạn?

Vậy tôi có thể tin rằng khi đọc cuốn này bạn cũng vui vẻ hăng hái, đầy hy vọng như tôi hồi mới bước vào đời; và có lẽ cũng như tôi hồi đó, bạn chưa có một nhân sinh quan nào rõ rệt cả.

Tôi xin thú thật rằng khi ngồi xe vào Nam, tôi chưa biết sẽ tổ chức đời tôi ra sao; chỉ lờ mờ nhận rằng được cha mẹ nuôi cho ăn học thì cần phải làm gì có ích cho nước nhà, và muốn vậy phải trau giồi thêm học vấn và tư cách của mình, rồi tùy hoàn cảnh mà hoạt động, chứ chưa hề vạch trước một con đường đi, chưa hề định trước những qui tắc để theo. Nếu quả thực bạn cũng như vậy thì cũng chẳng có điều gì đáng trách, vì nhân sinh quan của mỗi người thì mỗi người phải tạo lấy, mà muốn tạo lấy thì phải sống đã.

Nhân sinh quan khác với mục đích của đời, nó rộng hơn, nó là quan niệm của ta về đời người, nó định mục đích và những qui tắc hành động cho ta. Nó tùy theo cá tính mỗi người mà cá tính lại tùy thuộc thể chất, sự giáo dục, hoàn cảnh gia đình và xã hội. Chẳng hạn một người huyết chất (tempéramentsanguin) nhiều huyết, da hồng hào và nóng, ăn nhiều, ngủ nhiều, rất hoạt động, dễ cảm, thường cho đời là một cuộc chiến đấu, thích nhân sinh quan của Nietzsche; một người lâm ba chất (tempéramentymphatique) da mát, bắp thịt nhão, ít hoạt động, dễ thích đạo nhân, cho mọi sự ở đời chỉ như phù vân, không có gì quan trọng, day tay mắ miệng để cải tạo xã hội chỉ là uống công. Một gia đình văn học dạy con cái tôn trọng cái Thiện, cái Mỹ thì nhân sinh quan của trẻ cũng dễ hướng theo cái Thiện, cái Mỹ. Trái lại trong gia đình kinh doanh thì trẻ dễ có quan niệm ganh đua, thực tế, cho ở đời hễ phú quý là thành công. Trải qua một cuộc biến thiên, chịu nhiều sự thất bại, nhân sinh quan của người ta cũng có thể thay đổi: từ hăng hái chiến đấu biến ra thản nhiên cầu an; hoặc ngược lại. Nhân sinh quan còn có thể thay đổi ít nhiều tùy tuổi tác nữa: các cụ ta hồi xưa, lúc khí huyết còn cương cường, thì đa số theo chủ trương của nhà Nho, rán thực hiện được đạo cổ nhân, gây trật tự trong gia đình và xã hội, nhưng rồi về già, dễ nhiễm nhân sinh quan của đạo Lão, có khi của đạo Phật nữa. Ở nước ta trường hợp điển hình là trường hợp Nguyễn Công Trứ.

Khi còn là một thư sinh thì:

...

Đã mang tiếng ở trong trời đất,

Phải có danh gì với núi sông.

Trong cuộc trần ai, ai dễ biết,

Rồi ra mới rõ mặt anh hùng.

Rồi về già thì:

Ôi! Nhất sinh là thế ấy, như bóng đèn, như mây nổi,

Như gió thổi, như chiêm bao...

Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nào,

Vừa tỉnh giấc rồi kê chưa chín.

Người có biết ta hay thì chớ,

Chẳng biết ta ta vẫn là ta.

*Linh khâm bảo hợp thái hòa,
Sạch không trần lụy ấy là thần tiên.*

Vậy nhân sinh quan có hai tính cách:

- Nó thay đổi tùy từng người,
- Ở mỗi người, nó có thể thay đổi tùy từng thời, vì nó là kết quả của cá tính, học hỏi, kinh nghiệm của ta.

Do lẽ nó thay đổi tùy từng thời – nói đúng hơn, là nó lần lần tạo thành, mỗi tuổi một chút – nên ở trên đã nói, khi mới vào đời nếu chúng ta chưa có một nhân sinh quan rõ rệt thì cũng là việc thường. Cái nhân sinh quan của người khác mà hồi đi học ta đọc ở trong sách và nhận là đúng, chưa chắc đã phải là nhân sinh quan của ta. Muốn cho nó thành nhân sinh quan của ta thì phải đợi khi ta đã sống, đã từng trải ít nhiều để có thể thấy rằng nó đúng với quan niệm của ta về đời sống. Tôi nghĩ rằng sớm lắm cũng từ ba chục tuổi trở lên, nghĩa là ít nhất cũng phải từng trải việc đời được độ mười năm thì mới có thể nói là có một nhân sinh quan được.

Tuy nhiên ngay từ khi mới ra trường, mới bước vào đời, ta cũng nên thử phác họa quan niệm của ta về đời sống ra sao, để đánh dấu một giai đoạn trong tư tưởng của mình. Sau này do kinh nghiệm, học hỏi nó sẽ thay đổi, cứ mỗi lần thay đổi ta lại ghi lại, tới một lúc nào đó, nó không thay đổi nữa hoặc thay đổi rất ít, thì nhân sinh quan của ta đã định. Công việc ghi chép nhân sinh quan đó rất bổ ích: nó bắt ta suy nghĩ về những điều quan trọng nhất trong đời ta, nó giúp ta định mục đích và những qui tắc hành động; cho nên nếu chưa làm thì bạn nên làm ngay đi.

Tôi không thể làm giúp bạn được, tôi không thể vạch một nhân sinh quan tiêu chuẩn để bạn theo được, vì nhân sinh quan phải tùy từng người, phải tự mỗi người tạo nên, như tôi đã nói.

Nhưng có lẽ bạn tò mò muốn biết nhân sinh quan của tôi, lúc này? Vâng. Điều đó thì tôi không có quyền giấu bạn. Viết cuốn này tôi muốn đưa ra một ít kinh nghiệm của bản thân để giúp bạn; như vậy tôi phải cho bạn biết quan niệm của tôi về đời sống; nếu bạn có thể chấp nhận được thì sẽ đọc tiếp, bằng không thì hết chương này sẽ gấp sách lại.

Tôi xin thừa nhận ngay rằng, nhân sinh quan của tôi không có gì là cao cả, chỉ hợp với hạng người bậc trung.

Tôi bẩm sinh có óc thực tế, có lẽ vì tổ tiên nội và ngoại năm sáu đời nay đều là nhà Nho, mà đạo Nho có tính cách thực tế, mặc dầu lý tưởng của Nho gia không phải là không cao – cho nên tôi rất ít khi thắc mắc về những vấn đề huyền học: loài người ở đâu mà ra, loài người sinh ra để làm gì, loài người chết đi rồi về đâu, có Thượng đế hay không? ...

Riêng về Thượng Đế (hoặc Thiên Chúa) triết gia Kierkegaard đã nói một câu chí lý: “Muốn chứng minh sự hiện hữu của Thiên chúa là làm một việc điên, gàn. Bởi vì một là Thiên chúa thực sự hiện hữu thì ta không thể nói là chứng minh (cũng như ta không thể chứng minh có anh Ất, nhưng chỉ có thể đưa ra những bằng chứng về anh ta, mà như vậy là ta giả thuyết có anh rồi!) – hai là nếu Thiên chúa không hiện hữu thì càng không thể chứng minh có Ngài được”. (Trần Hương Tử dịch – *Kierkegaard, ông tổ Hiện Sinh chính thực* – Bách khoa số 118 ngày 1-12-1961). Vậy tin hay không là ở lòng ta chứ không ở lý trí, và không bao giờ nên thuyết phục ai tin những điều mà mình tin.

Tuy nhiên tôi không bảo những vấn đề đó là viển vông, tôi vẫn trọng những triết gia rón giải quyết nó để tìm một ý nghĩa cao cả cho đời người, mở rộng những chân trời thăm thẳm cho nhân loại; nhưng kính thì kính, tôi thường “viển chí”. Không phải là tôi hoàn toàn lánh họ, thỉnh thoảng tôi cũng có đọc một ít tác phẩm của họ nhưng đọc chỉ do tính tò mò; và trong những bộ phận của triết học tôi vẫn thích những môn luân lý học, tâm lý học, luận lý học hơn là môn huyền học.

Có thể rằng sau này khoa học sẽ tìm được những luật vật lý, hóa học để giảng giải những sự biến thiên của vũ trụ từ thời nguyên thủy cho tới ngày nay, nhưng truy nguyên ngược lên mãi thì thế nào cũng tới một lúc bí nếu không chịu nhận có một “cái gì” đó tạo nên vũ trụ thời nguyên thủy. Nhưng nếu đã nhận rằng có một “cái gì” đó tạo nên vũ trụ thì tức là nhận rằng “cái gì” đó tự nhiên mà có. Vậy thì vạn vật cũng có thể tự nhiên mà có, cần gì phải có một “cái gì” đó tạo nên vũ trụ thì “cái đó” ra sao, tạo ra vũ trụ để làm gì, tôi không sao hiểu nổi, cho nên nhìn sâu vào dĩ vãng tôi chỉ thấy mù mịt. Có những sự huyền bí mà con người chưa thể giảng được.

Mà nhìn sâu vào tương lai, tôi lại cũng thấy mù mịt nữa. Mới từ hồi có sử đến nay, trong một khoảng có ba bốn ngàn năm, loài người đã biến đổi, đã tiến không biết bao nhiêu về nhiều phạm vi, mà theo các nhà khoa học, nếu loài người không tự diệt mình thì có thể trường tồn cùng trái đất, nghĩa là hàng triệu năm nữa là ít; vậy thì trong hằng triệu năm đó, bằng cả ngàn lần từ hồi có sử tới giờ, loài người biến đổi ra sao, tiến tới đâu, ai là người có thể tưởng tượng nổi? Chỉ thử phác họa thế giới này ba chục hoặc năm chục năm sau cũng đã là cả gan lắm rồi! Vậy “loài người sinh ra để làm gì?” là một câu chúng ta chưa có thể đem ra hỏi vũ trụ, mà chỉ có thể tự hỏi tâm ta thôi.

Còn như chết rồi mà linh hồn còn hay không thì cũng chịu nốt. Tôi có thờ tổ tiên, những ngày giỗ tết, tôi cũng cúng vái; nhưng tôi không tin rằng linh hồn tổ tiên tôi hiện về những lúc đó và có thể giúp chúng tôi được việc gì. Các người đã khuất rồi; chẳng qua là gặp những ngày giỗ tết, hoặc những lúc vui buồn trong gia đình, tôi nhớ công ơn các người, tưởng như các người còn ở đó mà cảm động về mối liên lạc giữa những thế hệ đã qua và những thế hệ đương sống thế thôi. Tôi lại đoán rằng tục lệ cúng giỗ đó ít thế hệ nữa sẽ bãi bỏ, nhưng tôi cũng không buồn, vì lúc đó lại sẽ có những tục lệ khác.

Riêng về phần tôi, tôi không bao giờ quan tâm tới khi chết đi, linh hồn tôi còn trường tồn hay không? tôi sẽ sống một kiếp khác hay không? Trên hai chục năm trước đọc câu này của Khổng Tử: “*Vị tri sinh, yên tri tử?*” (Chưa biết được việc sống, sao biết được việc chết?), tôi cho là hợp lý quá rồi, khỏi phải thắc mắc gì nữa.¹⁴ Lo cái việc sống đi đã. Vấn đề linh hồn bất diệt không quan trọng bằng vấn đề “tam bất hủ” nghĩa là lập đức, lập công, lập ngôn để được bất hủ. Mà ngay như cái điều chết rồi có bất hủ hay không, nghĩa là còn có ai nhắc nhở tới mình hay không, tôi cho là vấn đề phụ nữa. (Chết rồi, còn biết gì không nhỉ?). Điều quan trọng là trong khi sống, có giúp được gì cho đời hay không, vậy thì có lập đức, lập công, lập ngôn cũng là vì hạnh phúc của người khác, chứ không phải là vì cái tiếng tăm ở đời.

Nhưng tôi tin rằng chết không phải là hết. Người nào chết đi cũng lưu lại cái gì cho thế hệ sau, *cái hay cũng như cái dở*. Cái trách nhiệm ghê gớm của con người là ở đó, mà cái vinh dự lớn lao của con người cũng ở đó: *tạo một ý nghĩa cho cuộc đời phù du của mình, cứ kiên nhẫn xây dựng cho những thế hệ sau mà chẳng cần biết riêng mình chết đi sẽ ra sao*.

Tôi không hiểu gì nhiều về đạo Phật, nhưng tôi nghĩ rằng thực hành điều đó thì chẳng cần phải ăn chay niệm Phật cũng là tín đồ của Phật giáo, vì làm tăng được những chủng tử tốt

trong cái Alaya của nhân loại. Mà tôi cũng tin rằng đạo Ki Tô cũng không dạy chúng ta làm điều gì khác là làm điều thiện cho người đương thời và những thế hệ tới sau.

Tóm lại, tôi chỉ nghĩ tới một khoảng rất ngắn trong cái thời gian vô cùng của vũ trụ: về nhân loại và tổ quốc, tôi chỉ nghĩ tới từ hồi có sử đến khoảng 50, 60 năm sau năm 1961 này; về gia đình, tôi chỉ nghĩ đến năm sáu thế hệ đã khuất sau một hai thế hệ của con cháu tôi gần đây; về bản thân tôi chỉ nghĩ đến đời hiện tại. Óc tôi hẹp hòi lắm, tôi nhận vậy.

Lâm Ngữ Đường trong cuốn *L'importance de vivre*, bảo: “*Các phụ nữ vô học Trung Hoa thường nói: Tổ tiên sinh ra ta và ta lại sinh ra con cháu. Chúng ta còn có công việc gì khác nữa đâu?*”

Rồi ông phê bình: “*Có một triết lý ghê gớm trong lời nói đó. Đời sống hóa ra một diễn tiến về sinh lý vì vấn đề linh hồn bất diệt hóa ra phụ*”.

Tôi cũng cho linh hồn bất diệt là vấn đề phụ, nhưng tôi không nhận rằng đời sống chỉ là một diễn tiến về sinh lý. Trong con người có cái gì cao cả hơn là sinh lý, gọi nó là linh hồn, hay là tâm hồn đều được cả, và sống không phải chỉ là để truyền giống, mà còn là để làm được cái gì cho người đương thời và những kẻ hậu sinh để khỏi phụ cái công của bậc tiền bối. Cho nên tôi muốn hiểu lời nói của phụ nữ Trung Hoa đó theo cái nghĩa này.

“Ta nhận được công của tổ tiên thì phải để công lại cho con cháu tổ tiên và con cháu đây hiểu theo nghĩa rộng, không thu hẹp trong phạm vi gia đình và nếu mỗi thế hệ theo được như vậy thì nhân loại cũng tiến lần lần được rồi”.

Tôi không cho đời là biến khổ như đạo Phật vì tôi thấy đời có khổ mà cũng có vui, khổ và vui là hai cái dựa vào nhau mà có, cũng như âm và dương, không có cái nọ thì không có cái kia. Vả lại cứ nhận xét ở chung quanh thì thấy những người cực khổ vào bậc nhất cũng có được những lúc vui, mà những người sung sướng nhất đời cũng có nhiều lúc khổ.

Tôi cũng không cho đời người là phù vân, việc đời chẳng nên dự như Lão, Trang. Sống không phải là chỉ cầu sự thanh tịnh; và có thể rằng về già, xuất thế là hợp cảnh, nhưng đương tuổi còn hoạt động mà không vui không buồn, không dụng tâm vực đạo, không gắng sức giúp người thì chỉ là trốn trách nhiệm. Có lẽ tôi hiểu Lão, Trang theo một cách thô thiển của phàm nhân chứ không theo cái cách thâm thúy của môn đệ hai họ đó.

Tôi lại không ưa tư tưởng yếm thế của một số văn sĩ hiện đại cho đời là phi lý, là “nôn mửa” và tôi ngờ rằng những nhà văn đó đã không nhận định rõ trách nhiệm của mình. Chỉ cái sinh hoạt vô ý thức của hạng người cam sống như một con vật mới là phi lý. Nếu bản thể của đời sống là không có ý nghĩa thì ta phải tìm cho nó một ý nghĩa. Đọc lịch sử nhân loại, tôi thấy về phương diện đạo đức, loài người hai, ba ngàn năm nay không tiến mấy; và mặc dầu chịu công giáo hóa của biết bao nhiêu hiền triết đông tây, một số đông người vẫn có thể có những hành vi ghê tởm, làm cho ta “buồn mửa”; nhưng thời nào tôi cũng thấy những hành vi rất cao cả; vậy thì cái xấu và cái tốt lẫn lộn nhau như cái vui và cái khổ. Chỉ nhìn thấy cái xấu chẳng phải là bi quan ư? Huống hồ cứ xét cái bản thân ta, có thể tự sửa được, thì loài người cũng có thể cải thiện được. Cứ kiên nhẫn hành động và đợi. Dù mất năm ba chục thế hệ đi nữa thì cũng có là bao so với cái tương lai hằng triệu của nhân loại?

Tôi vẫn ưa tư tưởng yêu đời của Alain. Lạc quan dù sao cũng không có hại bằng bi quan.

Tôi chịu ảnh hưởng đạo Nho từ hồi nhỏ nên thấy đạo đó hợp với tâm hồn tôi hơn cả. Tuy nhiên, tôi vẫn trọng những đạo khác vì *không thể* mà cũng *không nên* chỉ có một tôn giáo cho cả nhân loại hoặc cả một xã hội ; tính tình mỗi người một khác, có thể hợp với tôn giáo này không hợp với tôn giáo khác, như vậy thì “đồng qui” mà phải “thù đồ”.

Ba cuốn sách căn bản của đạo Nho là *Luận ngữ*, *Đại học*, và *Trung Dung*.

Luận ngữ chứa những tư tưởng vào hạng thâm thúy nhất của nhân loại, giá trị hơn hẳn tập *Tư tưởng* của Marc Aurèle vì phong phú hơn, nhiều sắc thái hơn, bàn về đủ các vấn đề, từ chính trị, xử thế, tu thân đến giáo dục, học vấn, nghệ thuật... Lời thì gọn mà hàm súc. Giá sửa đổi một vài quan niệm về hiếu, trung, lễ nghi, tôn ti cho hợp thời, vì tổ chức gia đình, quốc gia, xã hội ngày nay đã khác xa ngày xưa thì tác phẩm đó vẫn còn có thể đem dạy trong các trường học được.^[2] Sách *Đại Học* chứa một đoạn rất ngắn nhưng rất khúc chiết, hàm súc, vạch rõ mục đích của sự tu thân và mối quan hệ giữa tu thân và sự tiến hóa của quốc gia, xã hội.

Đoạn đó ai cũng biết, nhưng tôi cũng xin chép lại dưới đây, vì nó rất quan trọng, đáng cho ta thỉnh thoảng đọc lại và suy nghĩ:

“Đời xưa muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước hết phải trị nước mình; muốn trị nước mình thì trước hết phải tề nhà mình, muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình, muốn sửa thân mình thì trước hết phải chính cái tâm của mình, muốn chính cái tâm của mình thì trước hết phải làm cho tinh thành cái ý của mình; muốn làm cho tinh thành cái ý của mình thì trước hết phải có tri thức xác đáng. Tri thức xác đáng ở chỗ xét kỹ mọi vật. “Mọi vật đã xét kỹ thì sau tri thức mới xác đáng; tri thức đã xác đáng thì sau cái ý mới tinh thành; cái ý đã tinh thành thì sau cái tâm mới chính; cái tâm đã chính thì sau cái thân mới được sửa; cái thân đã sửa thì sau nhà mới tề; nhà đã tề thì sau nước mới trị; nước đã trị thì sau thiên hạ mới bình. Từ thiên tử cho đến thứ dân đều phải lấy sự sửa mình làm gốc; gốc loạn mà ngọn trị là điều chưa hề có; cái gốc mình đáng hậu mà lại bạc, cái ngọn mình đáng bạc mà lại hậu là điều chưa hề có”.

Đoạn đó áp dụng vào người nào cũng được. Chúng ta không có cái tài đức, không có cái cao vọng “bình thiên hạ”, mà cũng không mong gì được “trị quốc” thì cứ tu thân để giúp nhà, giúp nước, giúp xã hội trong phạm vi của mình, tùy theo khả năng của mình. Mà nếu ta hiểu hai tiếng “trị quốc” theo nghĩa rộng rằng mọi hoạt động của một công dân có ảnh hưởng ít nhiều đến sự thịnh vượng của quốc gia, lại hiểu những tiếng “bình thiên hạ” theo cái nghĩa giúp cho nhân quần thì cả đoạn đó ở thời đại nào, đối với ai mà không đúng?

Vậy sửa mình là gốc. Nhưng đức nào đáng tu luyện trước hết? Khổng Tử kê ra ba đức: nhân, trí, dũng. Mạnh Tử lựa bốn đức: nhân, nghĩa, lễ, trí. Sau Đồng Trọng Thư đòi Hán thêm đức tín nữa, cộng là năm đức và gọi là ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Theo tôi, kể ra càng nhiều chỉ càng thêm rườm. Ta chỉ cần nhớ ba đức của Khổng Tử: nhân, trí, dũng, vì Khổng tử chủ trương rằng nhân gồm cả nghĩa, lễ, tín. Trong *Luận Ngữ*, trả lời cho Phàn Trì, ngài nói: “Nhân là yêu người”, rồi thêm: “*Cư xử phải kính, làm việc phải cẩn thận, đối đãi với người phải thật thà*”.

Trả lời cho Tử Trương: “*Nhân là có thể làm được năm điều này trong thiên hạ: cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung thì không khinh nhờn, khoan thì được lòng người, tín thì người ta tin cậy được, mẫn thì có công, huệ thì đủ khiến được người*”.

Trả lời cho Nhan Hồi: “*Sửa mình trở lại theo lễ là nhân*”.

Vậy nhân là thái độ đối với mình thì đè nén lòng dục để theo lẽ phải, đối với người thì giữ được lễ nghĩa, thành thực, khoan hòa, bác ái. Bác ái không phải chỉ là “*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*”, mà còn là “*thành nhân chi mỹ*”, tự giác rồi giác tha nữa.

Muốn nén lòng mình, giữ lễ nghĩa thì phải có dũng, nghĩa là phải có nghị lực, có tiết tháo.

Nhưng nhân và dũng mà không sáng suốt, không hợp lý thì cũng hỏng, cho nên lại cần phải có trí và sự mở mang lý trí để *cách vật trí trí* là bước đầu để tu thân. Đó là một đặc điểm của Nho giáo.

Đạo Nho nếu chỉ gồm có *Luận ngữ* và *Đại Học* thì có cái vẻ nghiêm trang gần như khắc khổ nữa: lúc nào cũng lo cho nhà cho nước, cũng để ý tới tôn và ti, cũng phải nhớ tới lễ và nghĩa. Phép xử thế của đạo Nho nghiêm cẩn quá, dễ sinh gò bó, câu nệ, cho nên Khổng Tử phải giảng thêm cái thuyết *Trung Dung* mà sau Tử Tư chép lại.

“*Trung là giữa, không thiên lệch về bên nào; dung là thường*”. Chỉ có vậy mà áp dụng thì thực khó khăn, và nghĩa của chữ *trung* mệnh mông lạ thường.

Chính Tử Tư cũng nhận đạo trung dung là rất rộng, rất tinh vi; đem thi thố ra thì ai cũng có thể biết được, làm được, mà biết cho đến cùng, làm cho đến hết thì dẫu bậc thánh nhân cũng vị tất đã đạt được. (*Phụ phụ chi bất tiểu khả dĩ năng hành yên, cập kỳ chi dã, tuy thánh nhân diệc hữu sở bất năng yên*, *Trung Dung*. Chương XII).

Nó khó như vậy thì sức mình tới đâu hiểu tới đấy. Theo tôi, thuyết trung dung là chỗ uyên áo nhất, đặc sắc nhất của đạo Nho. Nhờ nó mà đạo Nho mới uyển chuyển, không cố chấp, có thể thích hợp được với mọi thời và mọi dân tộc. Những chủ trương về lễ, nghĩa, tôn ti, hiếu, trung nếu biết tùy thời, tùy người, tùy hoàn cảnh mà thay đổi cho hợp với trung dung thì không bao giờ gây hại được. Tôi lấy thí dụ sự cư xử của cha mẹ với con cái. Thời nào cũng phải giữ cái lễ trên dưới phân minh, nhưng theo chế độ gia đình ngày nay, theo cái tinh thần trọng nhân cách của trẻ và giữ đúng những luật phát triển về tâm lý của trẻ, nếu ta biết tùy tuổi của trẻ mà thi hành uy quyền của ta: từ 3 tuổi tập cho trẻ vâng ta để làm vui lòng ta; từ 6, 7 tuổi bắt đầu giảng cho chúng hiểu để chúng vâng lời ta; từ 12, 13 tuổi, cởi mở dần dần cho chúng bàn bạc góp ý kiến; từ 18 hay 20 tuổi trở đi, tập cho chúng tự làm chủ, nhưng vẫn

dắt dẫn, nâng đỡ; như vậy uy quyền của ta vẫn còn, sự tin cậy và hòa khí cho gia đình được nẩy nở mà sự phát triển của trẻ được tự nhiên.

Nhưng nhất định *trung dung* không phải là lưng chừng. Sở dĩ có người cho nó là lưng chừng là vì người ta quên rằng nó có công dụng điều hòa nhân, trí, dũng, nhưng phải dựa trên cơ sở nhân, trí, dũng ; thiếu một trong ba đức đó không còn nói đến *trung dung* được nữa. Khổng Tử khuyên ta *sát thân dĩ thành nhân* ; lại có lần ở nước Tề, ham mê học nhạc thiều ba tháng đến nỗi ăn không biết mùi thịt, thì đâu phải lưng chừng. Việc mà hợp với đạo nhân, phải làm thì làm, cương quyết sáng suốt mà làm; còn việc không đáng làm thì thôi. Cần *thành nhân* thì cứ *sát thân*: nếu *sát thân* mà không phải là để thành nhân thì là sát thân một cách vô ích. Mê việc học thì cứ tạm bỏ những việc khác mà học, nhưng học mệt rồi thì nghỉ, gấp công việc gấp hơn thì ngừng.

Đó, tôi hiểu cái nghĩa trung dung như thế.

Sống là làm việc cho đời, nhưng lúc nào cũng đau đầu lo “tu thân, tề gia, trị quốc...” thì mệt quá đi, cho nên thỉnh thoảng cũng nên theo cái thuyết nhàn của Lão, Trang. Tôi tưởng ngay như Khổng Tử cũng nhận thấy vậy. Mặc dầu là gần suốt đời bôn ba để lo thi hành cái đạo của mình, tới nỗi có kẻ trách là không thức thời, “biết là không thể được mà cứ làm”, mặc dầu tận tụy với đời như vậy mà cũng có lúc Khổng Tử ước ao cái sinh thú của đạo nhàn.

Chứng cứ là trong *Luận Ngữ* có chép đoạn Ngài khen Tăng Điểm. Hôm đó Ngài bảo các đệ tử bày tỏ chí của mình cho Ngài nghe. Tử Lộ tỏ ý muốn được trị nước. Nhiễm Cầu muốn lo về kinh tế, Công Tây Hoa muốn coi về việc lễ, duy có Tăng Điểm là khác hẳn.

“Tăng lúc đó đang gảy cây đàn sắt, tiếng đàn thong thả và hòa nhã, bỏ đàn xuống, đứng dậy thưa:

- Chí tôi khác ba anh kia (...). Đến cuối mùa xuân, áo xuân đã may xong, năm sáu người trạc độ hai mươi tuổi, sáu bảy đứa trẻ con rủ nhau đi tắm sông Nghi, hóng gió đền Vũ Vu, rồi hát mà về.

“Ngài thở dài mà than rằng: “Ta cũng thích như Điểm vậy”.

(*Luận Ngữ* – Tiên Tiến)

Tôi rất mến tâm hồn của Ngài trong đoạn đó, vì Ngài gần chúng ta lắm.

Nói đến nhà Nho, ta thường hình dung một cụ Tú hay cụ Cử đạo mạo, lúc nào khăn áo cũng chỉnh tề, ngồi ngay ngắn ở giữa một cái sập kê ngay ngắn và trái chiếu cũng ngay ngắn, nói năng thì nghiêm trang, cử chỉ thì từ tốn. Con người đó là con người nôm, đâu phải là nhà Nho. Nhà Nho chân chính thì phải hiểu cái lẽ tùy thời, trung dung. Chính cuốn *Trung Dung* làm cho đạo Nho có tính uyển chuyển và hợp nhân tình: chính nó là cái cầu để đạo Nho có chỗ tiếp xúc với đạo Lão, chính nó giúp cho nhà Nho có tinh thần đạt quan.

Tôi rất ưa tinh thần đạt quan: tận tâm làm việc mà cũng biết nghỉ ngơi, hưởng thú nhàn; mong thành công nhưng không cầu danh vọng; muốn tránh cảnh nghèo nhưng cũng không mải mê đeo đuổi tiền bạc; trọng sự tự do, rảnh sống bình dị, hòa nhã, chống với nghịch cảnh, không được thì chịu nhận nó để cải thiện nó; coi đời không phải chỉ có vui, hoặc chỉ có khổ; không cho lý thuyết nào là hoàn toàn cả, có đúng thì cũng có sai, đúng lúc này mà sai lúc khác, đúng ở đây mà sai ở kia; tuy chịu ảnh hưởng của Nho mà cũng biết cái đẹp của Lão, của Phật.

Nhắc tới đạo Phật, tôi lại thấy cũng nhờ thuyết Trung Dung mà Nho và Phật không đến nổi xa cách nhau quá. Tôi không theo thuyết diệt dục của đạo Phật nhưng cái lòng từ bi, cái tinh thần bình đẳng của nhà Phật có thể giúp cho nhà Nho khoáng đạt hơn. Chủ trương tôn ti của Khổng Giáo tuy là hợp lý nhưng dễ làm cho con người hóa ra tự kiêu và vị kỷ, đôi khi độc đoán nữa. Muốn giúp người ư? Còn phải xét xem có đáng giúp hay không, có hợp với câu “*tài giả bồi chi, khuyhnh giả phúc chi*” hay không? Rồi lại xét người đó thân hay sơ vì phải giúp cho người thân trước người sơ sau, như vậy dù có giữ được lòng nhân thì lòng nhân hoàn toàn hợp lý đó có phần cũng hơi khô khan. Phải như cái thuyết trung dung, dung hòa tình cảm và lý trí, cái nhân của đạo Nho mới có thể theo được cái từ bi của đạo Phật, cái tôn ti của Khổng Tử mới có thể tiến gần lại được cái bình đẳng của Thích Ca.

Giảng giải chữ Trung Dung như vậy có lẽ hơi gò ép, nhưng cái đạo đó của Nho học đã mệnh mông thì chắc độc giả cũng không nỡ trách tôi.

Đó, đại lược nhân sinh quan của tôi lúc này như vậy. Tôi không dám nhận là nó đúng, tôi cũng không bảo rằng nó đã nhất định. Nó có thể là tầm thường, sau này tôi có thể sửa đổi nó, nhưng nếu có sửa đổi thì chắc cũng không sửa đổi nhiều. Tôi có cảm tưởng rằng càng

trở về già, tôi càng dễ hiểu Lão và Phật, nhưng dù sao thì cái tinh thần Nho Giáo vẫn là hợp với bản tính của tôi hơn cả.

Nhân sinh quan đó chẳng có gì là mới mẻ, nó thông thường ở phương Đông. Thái độ của tôi là thái độ của một người “biết điều”, không đòi hỏi nhiều quá mà cũng không muốn được nhận ít quá. Con người không phải là thánh nhân mà cũng không phải là thú vật. Thế giới này không hoàn toàn nhưng cũng không phải là nhất thiết xấu xa. Có thể cải thiện nó được, nhưng cũng đừng nên mong gây được trật tự, hạnh phúc hoàn toàn.

Lâm Ngữ Đường trong cuốn sách tôi đã dẫn, kể một truyện lý thú, tôi xin chép lại dưới đây:

“Một người chết xuống âm phủ, sắp được đầu thai, tâu với Diêm Vương.

- Nếu Đại Vương cho tôi trở về dương gian làm người thì tôi xin được vài điều kiện.

Diêm Vương hỏi:

- Điều kiện nào?

Đáp:

- Xin Đại Vương cho tôi đầu thai làm con một vị Thượng Thư, làm cha một Trạng nguyên.

Tôi sẽ có một vựa mẫu ở chung quanh nhà, những ao đầy cá, những cây đủ các trái lạ, một người vợ rất hiền và những nàng hầu rất đẹp, những kho đầy vàng ngọc, những hầm đầy lúa, những ruộng đầy tiền, và tôi sẽ là một vị Tể tướng hay một Công hầu, phú quý, danh vọng, thọ tới trăm tuổi.

Diêm Vương bảo:

- Nếu trên dương gian có đủ những cái đó thì ta đã đầu thai thay người rồi!”

Anh chàng trong truyện ngụ ngôn ấy còn khôn đấy, nên không đòi làm vua, làm vua mới là ngán! Nhưng quả thực là quá tham. Tôi chỉ sinh trong một nhà Nho nghèo, chỉ đóng một vai thư sinh hiền lành trên sân khấu của cuộc đời, năm nay 51 tuổi mà mới làm chủ được một căn nhà, đồng thời cũng làm chủ một vết lở trong bao tử và một vết nám trong phổi; vậy mà tôi cũng chẳng đòi hỏi gì hơn là một sức khỏe kha khá thêm chút nữa.

Còn bạn muốn cái gì thì tùy ý bạn. Trong lúc mơ mộng người ta hoàn toàn tự do. Đòi nhiều đòi ít gì cũng được cả. Điều quan trọng không phải là muốn nhiều hay ít, mà là thực hiện được ý muốn của mình hay không.

Vậy xin bạn lấy miếng giấy ghi nhân sinh quan của bạn lên, vạch mục đích cho đời, định những quy tắc để sống hợp với những quy tắc đó.

Arnold Bennett trong cuốn *Sống 24 giờ một ngày* nói một câu chí lý, đại ý rằng: Người ta sợ dĩ khổ là sống không hợp quy tắc của mình. Bạn thử nhận xét bản thân và nhận xét những người chung quanh xem có phải như vậy không. Riêng tôi, tôi biết một người giàu thì không giàu nhưng phong lưu, có danh vọng, vợ hiền, con ngoan và thông minh, mà lúc nào cũng cau có, bi quan, chua chát, chỉ tại ông ta muốn dân tộc mình được bình đẳng tự do ngay như dân tộc Thụy Điển, xã hội mình không có những kẻ giàu quá hoặc nghèo quá, cũng như Thụy Điển, mà ông ta không có cách nào cải tạo xã hội mình được cũng không có cách qua sống bên Thụy Điển, nên suốt đời bất mãn.

Tôi lại biết một bà nữa rất nhút nhát, trong thời chiến tranh mới thấy “lạch tạch” ở xa là đã xám xanh mặt lại, chỉ cầu trời được yên ổn. Khốn nỗi bà ta lại có một gia tài kết xù và những công việc làm ăn rất thịnh vượng ở giữa một khu loạn nọ thành thử bà không thể bỏ nơi đó lên Saigon sống cho yên thân được, và đêm nào cũng khóa cửa rất kỹ và rất sớm mà vẫn còn kinh hoàng đến thành bệnh. Quy tắc của bà ấy là muốn được yên ổn và giàu lớn trong thời loạn thì làm sao mà chẳng khổ?

Tôi còn có thể kể nhiều thí dụ khác nữa, nhưng bấy nhiêu cũng đủ cho bạn hiểu lời của *Arnold Bennett* rồi.

Phác được một nhân sinh quan là vạch được một mục đích cho đời mình; và phải có một mục đích để tập trung tất cả những gắng sức của ta vào đó thì mới thành công được.

Trong hồi thế chiến vừa rồi, diêm và đá lửa đều hiếm, tại thôn quê có nhà dùng loại kính đeo mắt để lấy lửa. Người ta cho ánh nắng chiếu qua kính rồi tập trung vào một điểm nhỏ trên một lớp bông gòn, chỉ trong mười giây là bông gòn bắt lửa. Nếu để kính gần hay xa lớp gòn quá thì ánh nắng không tập trung trên gòn nên không cháy. Sự tập trung hoạt động của

ta cũng có công hiệu như vậy, cho nên vạch một mục đích để nhắm vào đó mà tiến tới là điều cần thiết.

Tuy nhiên, bạn cũng nên nhớ điều này: cuộc đời là một chuỗi tình cờ; tuy có mục đích rồi đó mà không phải ai cũng đi thẳng một mạch tới được.

Đọc lịch sử cổ kim, chắc bạn để ý đã có bao việc ngẫu nhiên xảy ra, và ảnh hưởng tới sự thịnh suy của một giòng họ, một triều đình, một quốc gia. Người ta thường bàn đến những cái *nếu* ở trong lịch sử “nếu cái mũi của Cléopâtre mà dài hoặc ngắn hơn một chút”, nếu vua Louis XVI không bị nhận mặt ở Varennes mà trốn thoát được ra ngoại quốc năm 1791, nếu vua Quang Trung thọ thêm được vài ba chục năm nữa thì..., thì lịch sử tuy cũng có thể diễn tiến theo một đường giống con đường đã qua, nhưng có lẽ chậm hơn hoặc sớm hơn và chuyển hướng đi một chút.

Đời chúng ta cũng vậy. Bạn cứ thử nhớ lại những sự tình cờ đã ảnh hưởng đến đời của bạn thì thấy rõ điều ấy. Nội một việc bạn sinh vào gia đình bạn chứ không vào một gia đình khác cũng là một sự ngẫu nhiên rồi. Đạo Phật bảo đó là cái nghiệp. Còn các nhà lý học bảo đó là số mạng. Rồi lớn lên, không năm nào bạn không gặp những sự tình cờ, có khi thú vị, có khi chua chát, hết thấy đều lưu lại một dấu vết trong tâm hồn bạn, có thể thay đổi ít nhiều chí hướng của bạn nữa.

Nếu khi mới ở trường Công chánh ra, tôi không được bỏ vào đây thì chắc đời tôi đã không như ngày nay. Và nếu tôi không quen nhóm Thanh Nghị thì tôi đã không viết cuốn *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*.

Sáu năm nay, tôi bỏ ra những phút rảnh để tiếp tay ông Trương Văn Chình khảo cứu về ngữ pháp Việt Nam cũng là nhờ một sự ngẫu nhiên nữa. Chín năm trước, Trương quân ở Bắc mà tôi ở Nam, hai người chưa quen nhau. Lúc đó tôi xuất bản cuốn *Để hiểu văn phạm* để ghi vài nhận xét của tôi về ngữ pháp Việt Nam. Cuốn đó chỉ được một số ít người để ý tới, trong đó có Trương quân. Rồi ông di cư vào đây, chúng tôi gặp nhau, nhờ vậy mà tôi được ông thúc đẩy để đi vào con đường nghiên cứu Việt Ngữ. Nghề cầm bút có lẽ là một trong những nghề nó đưa ta đến những sự tình cờ thú vị nhất; nó giúp tôi nhận ra rằng đời người như một cuộc du lịch vậy. Ta đã định sẽ tới một nơi nào đó, sẽ do con đường nào đó mà tới, nhưng trong khi đi đường, hoặc vì gặp cảnh đẹp, hoặc vì gặp người quen, hoặc vì có sự ngăn cản... ta nhiều khi phải bỏ đường chính mà rẽ qua bên phải, bên trái, có khi nghỉ lại, thơ

thần trong một trại hoa, một khu rừng hay một bờ suối, rồi mới tiếp tục đi, rồi cuộc ta có thể tới một nơi khác mục đích của ta, hoặc ở gần đó, hoặc ở xa xa một chút. Chính vì đời có rất nhiều sự ngẫu nhiên như vậy mà sự vạch một mục đích lại càng quan trọng. Ít nhất ta phải có một hướng đi, nếu không thì sẽ bị sự tình cờ hoàn toàn chi phối mà ta sẽ chỉ như một cánh bèo trên sóng, xuôi ngược lênh dênh, sóng gió đánh tạt vào đâu cũng phải chịu.

Chương II

SỨC KHỎE TRƯỚC HẾT

1. Đau ốm vẫn có thể làm việc được, nhưng giữ gìn sức khỏe vẫn là một bổn phận.
 2. Ta vận động, không phải để thành một lực sĩ.
 3. Nên biết ít nhiều về y học thường thức để:
 - Tìm hiểu cơ thể của ta,
 - Tìm hiểu thể chất của ta.
 5. Nên lập cuốn sổ sức khỏe.
 6. Cảm xúc ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe.
 7. Bấy lời khuyên của bác sĩ John Schindler.
-

Tôi vẫn biết có những người đau ốm quanh năm mà vẫn làm việc được, làm việc rất đặc lực là khác nữa. Chẳng hạn thi hào Marcel Proust của Pháp, bị bệnh suyễn, sợ tiếng động, sợ mọi mùi hương, phải đóng cửa kín mít suốt ngày – cửa và tường lại có một lớp cách thanh – sống như con cú hăng chục năm, mà sáng tác được một tác phẩm bất hủ dày trên bốn ngàn trang, bất hủ vừa về nội dung nhờ những nhận xét tâm lý rất tinh vi vừa về hình thức nhờ một bút pháp cực kỳ mới mẻ, tức bộ *A la recherche du temps perdu*, một bộ in mười lăm năm (1913-1928) mới xong, đã ảnh hưởng rất lớn đến văn học hiện đại của Pháp.

Nhưng Marcel Proust vẫn chưa đáng kinh bằng Darwin, nhà vạn vật học Anh ở thế kỷ trước, tác giả vô số công trình nghiên cứu, mà công trình lớn nhất đã gây biết bao đông tố trong dư luận đương thời, một công trình viết hàng chục năm rồi lại sửa chữa mười hai năm nữa, tức bộ *De l'origine des espèces par voie de sélection naturelle*. Ông bị bệnh gì tôi không rõ: cứ theo Jean Guittou trong cuốn *Apprendre à vivre et à penser* thì mỗi ngày ông chỉ làm việc được có hai giờ trong buổi sáng và mỗi khi đọc được độ mười phút cho con ông chép rồi ông lại: “Thôi, ngừng để ba nghỉ”.

Tôi lại biết có những người tàn tật mà sung sướng hơn cả các vua chúa. Tức như bà Helen Keller đui câm từ hồi nhỏ, không có chồng con, sống với một cô giáo nghèo, phải kiếm ăn một cách rất vất vả, vậy mà luôn luôn lạc quan, cho rằng đời sống thực đẹp đẽ, đầy hạnh phúc; còn Nã Phá Luân, có hồi làm chủ hai phần ba châu Âu thì khi sắp mất lại phàn nàn

rằng cả đời mình không có lấy được sáu ngày sung sướng. Và điều này mới đáng cho ta khâm phục: đui và cùm mà bà viết được mười một cuốn sách.

Clarence Day trong chiến tranh Hoa Kỳ – Y Pha Nho cũng bị tàn tật, mà cũng không than thân, trách phận, lại còn cột cây viết chì vào ngón tay để viết một cuốn ca tụng Chúa, tức cuốn *Life with Father* (Đời sống với Chúa) đã làm cho vô số người cảm động.

Không, đối với những người có chí và đạt quan thì bệnh tật không đáng kể; họ vẫn yêu đời và càng gặp bất lợi thì lại càng phấn đấu để chuyển bất lợi thành thắng lợi.

Tuy nhiên, đã có chí, có tinh thần đạt quan mà có thêm sức khỏe dồi dào thì vẫn hơn; còn đối với bọn thường nhân chúng ta, chí đã kém, tinh thần lại hẹp hòi thì sức khỏe là cần nhất. Nhờ có sức khỏe ta mới dễ làm việc, dễ vui vẻ; mà chúng ta vui vẻ thì người chung quanh chúng ta mới được vui vẻ. Cho nên giữ gìn sức khỏe là một bổn phận.

Đã có nhiều sách chỉ những phương pháp luyện tập thân thể để giữ gìn sức khỏe. Đại loại những phương pháp đó không khác nhau mấy và đều có hiệu quả; chắc bạn đã biết dư rồi, tôi khỏi phải phê bình, giới thiệu. Tôi chỉ xin góp thêm một ý kiến nhỏ dưới đây, một ý kiến của riêng tôi nên tôi không dám nhận là đúng. Bạn theo hay không, tùy ý.

Trừ phi bạn muốn thành một lực sĩ để đoạt những giải quán quân trong môn này hay môn nọ và để hy vọng một ngày kia vẻ vang cho nước nhà ở các cuộc thể vận như cuộc thể vận ở La Mã vừa rồi thì không kể; còn thì không nên quá mất thì giờ vào công việc luyện tập thân thể.

Ta nên nhớ mục đích của ta chỉ là để giữ gìn sức khỏe thôi, chứ không phải để có bắp thịt vồng lên và cứng như sắt. Tôi không ưa những bắp thịt đó. Nó có vẻ như chỉ để biểu diễn và chụp hình. Và nhìn những bắp thịt như vậy nổi lên ở trên một thân thể vạm vỡ, ngực bạnh ra mà cái đầu nhỏ xíu, tôi thấy nực cười lắm, ngờ rằng đời sống tinh thần của các võ sĩ đó khó mà cao được.

Ngay như cái lối ganh đua trong các cuộc thể vận tôi cũng không thích. Coi bề ngoài thì nhả nhận, lễ độ lắm, nhưng bề trong tôi vẫn thấy cái gì tàn bạo, Nga với Mỹ tranh nhau những huy chương vàng, huy chương đồng để làm gì nhỉ? Một lực sĩ nước này nhảy cao hơn lực sĩ nước kia được nửa phân, hoặc chạy nhanh hơn được một phần mười giây, điều đó có

đủ chứng minh rằng dân tộc này hơn dân tộc kia không? Có khác gì một sân đá gà không? Người Hy Lạp hồi xưa lập ra những cuộc đua đó để đào tạo cái tinh thần thượng võ; có thể rằng nhờ chế độ ấy mà họ đã nêu danh trong những trận Thermophyles, Marathon, Salamine; mà mười ngàn lính Nhã điển đã thắng được trăm ngàn lính Ba Tư, mà Leonidas đã thốt được câu bất hủ này khi sứ thần Ba Tư lại khuyên ông đầu hàng nếu không thì một đám mây đoàn thương sẽ bay tới. “Càng hay, như vậy chúng tôi sẽ được chiến đấu ở dưới bóng mát”. Nhưng từ đầu thế kỷ này, hai cuộc thế chiến đã làm cho tôi ngán cái tinh thần thượng võ của Đức, của Nhật quá rồi và tôi chỉ mong sao người ta tổ chức lại cái thế giới này để ai nấy có thể làm việc nửa ngày bằng tinh thần, nửa ngày bằng tay chân, cho mọi cơ năng của con người được phát triển một cách điều hòa, khỏi có những kẻ bị giam trong phòng suốt ngày, không được vận động ở ngoài trời, và những kẻ dầm mưa dãi nắng suốt ngày mà không có thì giờ để đọc sách, ngắm tranh, nghe nhạc.

Vậy theo tôi, không nên quá trọng những môn thể thao; chỉ nên tập thể dục mỗi ngày mười lăm phút hoặc vận động một giờ nếu có thể được, như đi bộ, làm vườn, bơi lội... Cần nhất là thâm hô hấp.

Nhưng chỉ vận động thôi cũng chưa đủ. Còn phải tìm hiểu cơ thể của mình, biết cách dinh dưỡng để đề phòng bệnh tật nữa.

Từ sau thế chiến vừa rồi, ở Âu Mỹ loại sách phổ thông khoa học rất thịnh hành, mỗi ngày một phát triển mạnh, nhất là loại sách báo phổ thông y học. Đó là một bước tiến lớn của nhân loại.

Ngoài những tạp chí như *Guérir*, *Science et Vie* chuyên về y học, khoa học thường thức, những tạp chí như *Sélection du Reader's Digest*, *Constellation* cũng thỉnh thoảng đăng những bài phổ thông y học. Nhà *Gérard* ở Bỉ đã xuất bản được vài cuốn rất bổ ích trong loại sách rất rẻ tiền *Marabout Service*, như cuốn *le Conseiller médical* của bác sĩ *Moarbout Fisbein*, cuốn *La grande aventure de la Médecine* của *Kenneth Walker*, cuốn *Maigrir sans larmes – Embonpoints et cellulite*, của bác sĩ *G. M. Decormeille*. Lại có rất nhiều cuốn sách nhỏ nhỏ, viết cao hơn, nửa phổ thông, nửa nghiên cứu, của nhiều nhà xuất bản khác, mỗi cuốn viết về một bệnh: bệnh lao, bệnh đau gan, đau bao tử, bệnh mất ngủ...

Tôi cho rằng ở ban trung học, chương trình vạn vật học có thể rút đi được một nửa để tăng cường thêm môn sinh lý và vệ sinh. Biết những loài rắn ở Châu Phi, loài gấu ở Bắc Mỹ, loài rong ở Hồng Hải, thì cũng thú thật, nhưng không quan trọng bằng biết hơi kỹ một chút về cơ thể của ta, nhất là cách đề phòng những bệnh thông thường, tôi nói những bệnh thông thường chứ không phải chỉ riêng những bệnh truyền nhiễm.

Tôi đau bao tử đã mười mấy năm mà năm sáu năm đầu cứ ngỡ là đau gan vì mấy ông bác sĩ gà mờ bảo tôi là đau gan. Cho nên tôi nghĩ ở ban trung học, đem dạy y học thường thức thì có lợi cho quốc dân rất nhiều. Ở trường đã không được học thì ra đời chúng ta học lấy vậy.

Trước hết bạn nên tìm hiểu cơ thể của mình.

Bác sĩ Paul Noel trong cuốn *Fais ton chemin* (J. Oliven – Paris), đã viết một chương để phổ thông những điều cần biết về cơ thể mà tôi tóm tắt lại dưới đây.

Mỗi bộ phận trong cơ thể của ta đều do vô số tế bào hợp thành và do những dây thần kinh chỉ huy.

Óc như một trung tâm điện thoại luôn luôn liên lạc với ngũ tạng (tim, phổi, bao tử...) và ngũ quan (mắt, mũi, tai...).

Tất cả các tế bào đều làm việc và cần có thức ăn. Cơ quan tiêu hóa biến đổi thức ăn thành chất bổ; cơ quan tuần hoàn đem chất bổ lại các tế bào rồi lấy những chất dơ ở các tế bào đem lên phổi, lại thận, lại ruột, ra ngoài da để bài tiết những chất dơ đó (hơi thở ra, nước tiểu, phân, mồ hôi).

Tại mỗi tế bào có một công việc hóa học nó tiết ra một sức nóng, tức nhiệt độ của ta. Người ta gọi hiện tượng đó là sự nhiên thiêu của cơ thể (combustion organique). Sự nhiên thiêu ấy được điều hòa bằng một hệ thống thần kinh và hạch. Hạch chia làm hai loại: nội tiết tuyến (như gan, mật, thận...) và ngoại tiết tuyến (như hạch nước miếng, hạch mồ hôi...). Nội tiết tuyến tiết ra những chất kích thích tố (hormone) và những chất này vào máu, làm cho mỗi bộ phận trong cơ thể ta hoạt động mạnh hơn hay chậm lại, do đó ta thấy hăng hái hoặc uể oải, vui hoặc buồn, chú ý hoặc lơ đãng...

Hai nội tiết tuyến rất quan trọng là giáp trạng tuyến (thyroïde) và tòng quả tuyến (hypophyse).

Giáp trạng tuyến ở trước họng làm tăng sự nhiên thiêu, kích động các dây thần kinh và bắp thịt, ngăn cản sự súc tích mỡ. Nếu hạch đó không sung túc thì tim đập chậm, người mập lên và sự thông minh cũng kém. Nhiều trẻ học dở, chậm chạp nếu chích cho mỗi ngày một chất rút ở hạch đó, thì tấn tới lên trông thấy.

Tòng quả tuyến ở dưới não, nếu hoạt động không điều hòa thì làm cho trẻ chậm lớn cả về thể chất lẫn tinh thần: bé nhỏ, gầy ốm, ngây ngô.

Lá gan cũng là một nội tiết tuyến có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe của ta. Những tế bào của nó tiết ra vô số chất hóa học cần thiết cho sự hoạt động điều hòa của nhiều bộ phận. Nếu gan yếu thì thận bị ảnh hưởng, bộ phận sinh dục cũng yếu, rồi có thể sinh ra bón, mất ngủ, mệt mỏi, gầy ốm, gắt gỏng.

Ngoài ra còn *mật*, *lá lách*, *hạch thượng thận* (ở trên trái thận), *hạch sinh thực*. Tất cả những hạch đó liên quan mật thiết với nhau, nếu điều hoà thì ta mạnh khỏe, vui vẻ, hoạt động, thông minh. Mà sự chỉnh đốn, phối trí của chúng là nhờ bộ thần kinh. Bộ này chia làm hai hệ thống:

1) *Hệ thống trung ương* nó phân bố các dây thần kinh tới ngũ quan và các bắp thịt, làm cho ta cử động, suy nghĩ.

2) *Hệ thống giao cảm* gồm nhiều thần kinh tiết ở dọc theo xương sống. Chức vụ của nó là điều khiển bộ tuần hoàn, ngũ tạng và các hạch. Nó hoạt động không theo ý muốn của ta, ta không thể kiểm soát nó được.

Nó lại chia làm hai bộ phận:

- *Orthosympathique* (chân giao cảm) kích thích bộ tuần hoàn, nhưng trái lại làm cho bao tử căng ra, hoạt động chậm lại.

- *Parasympathique* (phản giao cảm) làm cho sự tuần hoàn chậm chạp, nhưng lại kích thích bao tử, làm cho nó thun lại.

Dưới đây là một bản ghi ảnh hưởng tới cơ thể của hai bộ phận đó.

ORTHOSYMPATHIQUE

PARASYMPATHIQUE

Sáng dậy hăng hái mà chiều thì thấy mệt.

Sáng thấy uể oải, chỉ làm việc đắc lực từ bốn giờ chiều trở đi.

Tim đập mau, hay hồi hộp.

Huyết áp cao, da hồng hào.

Mạch máu đập mạnh ở thái dương và tai.

Đau ở ngực.

Tim đập chậm.

Huyết áp thấp, da tái mét.

Thiếu huyết ở óc, hay chóng mặt, té xỉu.

Tiêu hóa chậm.

Thấy nặng ở bao tử.

Hay ợ hơi.

Bón.

Da khô.

Bao tử giật giật (apasme).

Ruột cũng vậy.

Đau bụng.

Đi tướt.

Da ướt, mồ hôi nhiều.

Cơ thể và tinh thần bị kích thích, quạu quọ, giận dữ, không bình tĩnh.

Cơ thể và tinh thần mệt mỏi hay buồn chán, lo lắng.

Đọc bảng đó, bạn có thể nhận được một vài triệu chứng thông thường của mình (nước da, mồ hôi, tiêu hóa, tính tình) mà đoán được bộ phận orthosympathique hay parasympathique của mình không điều hòa. Nếu hai bộ phận đó điều hòa với nhau là bạn mạnh, trái lại là đau.

Y học ngày nay đã bắt đầu có khuynh hướng không quá chú trọng vào cách giết vi trùng để trị bệnh nữa mà chú trọng vào cách giữ gìn và gây lại sự quân bình trong cơ thể, sự điều hòa của hệ thống giao cảm.

Trong đoạn trên tôi chỉ mới gợi ít vấn đề mà bạn nên tìm hiểu thêm trong các sách y khoa. Tôi cho rằng không có gì bổ ích, thiết thực bằng loại sách đó.

Đứng về một phương diện khác, các bác sĩ và các nhà tâm lý học còn chia ra bốn hạng người:

- Hạng *thần kinh chất*, mắt sáng, ưa hoạt động, tưởng tượng mạnh, có sáng kiến nhưng không bền chí. Hạng này nên ngủ sớm và đúng giờ, không nên dùng nhiều chất kích thích như rượu, trà và cà phê đậm, nên tập những môn thể dục nhẹ nhàng.

- Hạng *huyết chất*, nhiều huyết, da hồng hào và nóng, ăn nhiều, ngủ cũng nhiều, rất hoạt động, dễ cảm, nhưng nóng nảy. Có thể thức khuya, dùng những chất kích thích và tập những môn thể dục mạnh mẽ vì hạng này trái với hạng trên, dễ an phận.

- Hạng *đảm chất*, trong máu có nước mật, da thường nóng, khô, vàng, nhiều xương, ít thịt, tính tình nóng nảy, hiếu thắng, hay ghen. Nên ăn và uống những món có tính chất dịu thần kinh, nên ở chỗ tĩnh.

- Hạng *lâm ba chất*, có nhiều mỡ, da mát, bắp thịt nhão, làm biếng, không hoạt động. Nên vận động nhiều giữa thiên nhiên, sống trong đoàn thể.

Bạn tự xét xem ở trong hạng nào rồi nhờ một bác sĩ giỏi chỉ cho cách dinh dưỡng, cách làm việc cho hợp với tính tình của bạn (*hợp* nghĩa là phát triển được những ưu điểm, bồi bổ được những khuyết điểm) và cho sức khỏe được dồi dào.

Nhưng muốn biết rõ cơ thể của ta không gì bằng giữ một cuốn sổ mà tôi gọi là *sổ sức khỏe*. Tôi thấy công việc đó rất hữu ích, rất quan trọng mà từ trước tới nay không một ai chỉ bảo cho cả.

Tôi nghe nói một số y sĩ có lương tâm ở Âu Mỹ khi coi mạch cho một bệnh nhân, hỏi kỹ về những bệnh của cha mẹ, ông bà bệnh nhân, rồi về những bệnh từ hồi nhỏ của bệnh nhân,

sau mới hỏi về bệnh đương mắc. Tôi lại nghe nói ở một số trường tại Âu Mỹ, mỗi trẻ có một cái thẻ ghi sự phát triển cùng các bệnh tật, kết quả của các lần rọi kính, ngày tháng những lần chích thuốc ngừa bệnh... Thẻ đó giữ trong hồ sơ của trẻ và theo trẻ mỗi khi trẻ đổi trường.

Ở nước ta chưa được hưởng những văn minh đó, nên ta phải tự lập lấy một sổ riêng cho ta. Trong sổ đó ta sẽ ghi:

- Bề cao bao nhiêu.
- Cân nặng bao nhiêu.
- Đã chích ngừa những bệnh nào.
- Kết quả các lần thử nghiệm:
 - + Thử máu.
 - + Thử phân.
 - + Thử nước tiểu.
 - + Thử đàm.
- Từ hồi nhỏ thường bị những bệnh gì, đã có lần nào đau nặng chưa, đau bệnh gì?
- Và mỗi khi đau hơi lâu (nhức đầu, sổ mũi, ho qua loa... thì không đáng kể), ghi:
 - + Những triệu chứng của bệnh.
 - + Nhiệt độ ra sao.
 - + Phân, nước tiểu ra sao.
 - + Dùng những thuốc gì, công hiệu của thuốc ra sao, ăn ngủ ra sao.
- Bạn nên chú trọng nhất đến các bộ phận:
 - + Hô hấp.
 - + Tuần hoàn.
 - + Tiêu hóa.
 - + Bài tiết.

Nếu thấy một bộ phận nào không được điều hòa, nên hỏi một bác sĩ quen, giỏi, có lương tâm; đồng thời cũng nên kiểm những sách báo phổ thông y học mà tìm hiểu về bệnh đó. Bạn

lại nên tìm hiểu thêm về các nội tiết tuyến và các sinh tố, về cách dùng các thứ thuốc thông thường.

Có bác sĩ khuyên từ ba mươi tuổi trở đi – tuổi đó là tuổi cơ thể bắt đầu suy lần lần mà ta không hay – mỗi năm nên nhờ bác sĩ khám kỹ các bộ phận trong cơ thể một lần. Được như vậy thì quý nhất, nếu không thì mỗi khi đau nặng, bạn nên yêu cầu bác sĩ nhân tiện coi kỹ cho tất cả các cơ quan, thử máu, thử nước tiểu (ông J. Ratcliff trong tạp chí *Sélection du Reader's Digest* số Mai 1958 nói thử nước tiểu là một trải nghiệm y học mà cổ kim đông tây đều cho là thông thường nhất, quan trọng nhất), đo huyết áp, nếu cần thì rọi phổi và bao tử.

Kết quả ra sao bạn ghi cẩn thận trong sổ sức khỏe, như vậy liên tiếp mười năm thì bạn biết khá rõ cơ thể của mình và trong nhiều *trường hợp bệnh nhẹ*, bạn có thể trị bệnh lấy được.

Trị bệnh lấy, nghe ba tiếng đó chắc nhiều vị bác sĩ cho tôi là cả gan đến ngu xuẩn. Các vị ấy nghĩ sao thì nghĩ, tôi vẫn tin rằng một bác sĩ mới khám bệnh cho tôi lần đầu, dù có kinh nghiệm, có lương tâm cũng khó mà biết rõ cơ thể của tôi và những bệnh thông thường của tôi bằng tôi. Và tôi đã trị được lấy vài bệnh cho tôi sau khi hai ba vị bác sĩ mò không ra.

Nếu bạn thận trọng không dám trị bệnh lấy thì khi đi bác sĩ, đưa *sổ sức khỏe* của mình cho bác sĩ coi, bạn sẽ giúp bác sĩ rất nhiều để tìm ra căn do của bệnh.

Bạn nên lựa một bác sĩ giỏi, có lương tâm, đặt tín nhiệm vào ông và chỉ đi một ông đó; nếu gặp bệnh ông không chuyên môn thì nhờ ông giới thiệu một bác sĩ khác mà ông quen. Trị cho bạn nhiều lần, ông sẽ hiểu rõ cơ thể của bạn và sẵn lòng giảng giải cho bạn về y học thường thức, về vệ sinh. Còn nay đi ông này, mai đi ông khác thì chỉ là đem thân mình cho người ta thử thuốc một cách vội vã thôi.

Ai cũng biết rằng có tin thầy, tin thuốc thì bệnh mới mau hết. Mà muốn cho ta tin thầy, tin thuốc thì ta phải hiểu bệnh của ta và cách chữa của bác sĩ. Cho nên ta có quyền đòi hỏi bác sĩ giảng giải cho ta về bệnh và cách chữa. Những bác sĩ chích thuốc cho bệnh nhân mà khi bệnh nhân hỏi thì giấu tên thuốc là những người không đáng cho tôi tin.

Sau cùng, bạn nên nhớ điều này: cảm xúc ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe.

Bác sĩ John Schindler trong cuốn *Comment vivre 365 jours par an* bảo rằng nếu làm chủ được cảm xúc thì chúng ta có thể tránh được gần nửa những bệnh của ta, vì sau nhiều năm kinh nghiệm ở chức Giám Đốc dưỡng đường Monroe (Wisconsin – Hoa Kỳ) ông thấy rằng trên 50% trường hợp bệnh tật là do thất tình không điều hoà. Tại dưỡng đường Ochsner ở Nouvelle Orleans, người ta nhận xét 500 người bị các bệnh bao tử và ruột, và thấy có tới 74% đau là do cảm xúc. Tại Đại học đường Yale, 76% những người tới khám bệnh cũng đau vì buồn rầu, lo lắng, giận dữ...

Những cảm xúc khó chịu có hại cho cơ thể vì nó kích thích quá mạnh những bắp thịt, bộ thần kinh và các nội tiết tuyến; còn những cảm xúc vui vẻ làm cho các cơ quan hoạt động một cách điều hoà mà ta thấy khỏe mạnh, yêu đời.

Ai cũng nhận thấy rằng khi ta nổi giận lên, những bắp thịt ở cuống bao tử (pylore) thắt lại làm cho cả bộ tiêu hóa ngưng trệ. Đồng thời số huyết cầu tăng lên, tim đập nhanh gấp hai gấp ba lúc bình thường; huyết áp nhảy vọt lên một cách đáng ghê, từ số 11 hay 13 lên tới số 23, có thể làm đứt một mạch máu ở óc và té xỉu.

Thường thường những ảnh hưởng tai hại đó rất dễ thấy và ta có thể đề phòng được, chẳng hạn mỗi khi muốn nổi giận thì rón rén đi bằng cách này hay cách khác. Nguy hiểm nhất là những cảm xúc âm thầm như thất vọng, buồn chán, lo âu; vì ảnh hưởng của nó chúng ta không nhận thấy ngay để kịp đề phòng; chúng cứ đều đều, chậm chạp từng chút từng chút một, phá hoại cơ thể mà không hay.

“Mới mấy năm trước, hai nhà tâm lý học ở Đại học đường Cornell là H. Liddell và A. Moore đã thí nghiệm về loài vật. Họ buộc một sợi dây điện nhỏ vào cẳng một con cừu đang ăn cỏ ngoài đồng, và thỉnh thoảng cho một luồng điện rất yếu chạy vào sợi dây đó. Mới đầu bị điện giật, con vật chỉ cựa cái chân mà vẫn tiếp tục ăn cỏ như thường, dù giật nhiều hay ít thì cũng không làm cho nó quan tâm tới mấy.

“Rồi hai nhà nghiên cứu đó nghĩ cách làm cho một cái chuông kêu mười giây trước khi cho điện giật. Luồng điện cũng vẫn vậy, mà lần này thì hẳn nghe tiếng chuông là con cừu ngưng ăn cỏ, lo lắng đợi lúc bị điện giật. Thí nghiệm vào những con vật khác, kết quả cũng vậy. Con vật nào cũng chỉ trong một thời gian ngắn là bị bệnh. Mới đầu chúng ngừng ăn, rồi đứng ì một chỗ, không đi đi lại lại nữa. Kế đó nó đứng không muốn nổi, sau cùng thở một cách khó khăn. Chắc chắn chúng sẽ chết nếu hai ông không ngừng cuộc thí nghiệm lại”.

Cảm xúc mạnh có thể làm cho ta thấy đau trong bắp thịt. Trong đại chiến thứ nhất, rất nhiều lính chiến đấu trong các hầm núp bị bệnh phong thấp, nhức xương. Mới đầu người ta tưởng tại sự ẩm thấp trong hầm núp. Nhưng trong đại chiến thứ nhì vừa rồi, người ta ngạc nhiên nhận thấy rằng dù tại những miền lạnh lẽo và ẩm thấp như quần đảo Aléoutienne, hay tại những nơi khô ráo, nóng nực như Bắc Phi, thì số lính bị nhức gân cốt cũng nhiều như nhau. Người ta còn nhận thấy rằng càng tiến gần tới mặt trận, số người bị bệnh đó càng tăng. Vậy bệnh của họ không do thời tiết, khí hậu mà do nỗi lo sợ của họ, nghĩa là do cảm xúc.

Bao tử dễ chịu ảnh hưởng của cảm xúc nhất. Khi vui vẻ thì ăn thấy ngon; khi buồn rầu thì không muốn ăn uống gì cả, nếu rán nuốt vào thì thấy như có cái cục gì ở trong bao tử, lâu dần sinh ra chứng lở bao tử. Bệnh này là một trong những bệnh khó trị nhất, nó làm cho sinh lực con người giảm đi mất phân nửa; ta thấy đời mất vui, làm việc hết hăng hái. Cổ nhân đã hiểu rõ ảnh hưởng của cảm xúc tới bộ tiêu hóa nên có câu: “Trời đánh cũng tránh bữa ăn”. Nhiều khi cảm xúc mạnh làm cho đau thắt ở bụng, đau ghê gớm, bác sĩ tưởng là có ruột dư hoặc có sạn trong mật, giải phẫu thì không thấy gì cả.

Trái lại những cảm xúc vui vẻ ôn hoà làm cho ta mạnh khỏe. Nó có hai công dụng:

- Nó đẩy lui những cảm xúc bất mãn khó chịu, nhờ đó tránh được nhiều bệnh.
- Nó ảnh hưởng tới tòng quả tuyến (hypophyse) mà hạch này chỉ nhỏ bằng hạt đậu, có công dụng điều hòa hầu hết những nội tiết tuyến của ta. Hạch tiết ra nhiều kích thích tố, thứ thì làm tăng huyết áp, thứ thì để co các bắp thịt nhẵn, thứ thì để tăng hay giảm sự bài tiết nước tiểu, sự hoạt động của hạch thượng thận, hạch sinh thực... Nếu ta vui vẻ thì tòng quả tuyến hoạt động điều hòa mà các nội tiết tuyến khác cũng hoạt động điều hòa, và cơ thể không bị bệnh tật.

Đó là những nhận xét của bác sĩ John Schindler trong cuốn *Comment vivre 365 jours par an* mà nếu có thể được bạn nên mua để đọc.

Cuối cùng, bác sĩ khuyên ta bảy điều dưới đây để sống vui vẻ, khỏe mạnh:

1) Rán hưởng những thú vui bình dị của đời sống

Những thú vui đó luôn luôn có sẵn ở chung quanh ta và rất dễ hưởng. Bỏ cái thói tìm cái đặc biệt trong thú vui đi. Đời sống sẽ là một cuộc mạo hiểm kỳ thú nếu bạn biết tập sống chẳng hạn như các nhà vạn vật học danh tiếng, say mê vì sự điều hoà bất tuyệt của màu sắc, thanh âm, hình thể, hương thơm và thế giới diễm ảo lúc nào cũng đầy dẫy. Nếu theo gương những nhà đó, bạn biết tự hòa hợp với vạn vật, thì mỗi phút trong đời bạn sẽ là một cuộc dạo mát trên một con đường đầy thú vui hiện tại.

“Hồi tôi còn đi học, tôi được biết một nhà bác học như vậy. Ông không thèm đi xe hơi mà đi bộ để nhận xét mọi vật, và quả thực là trên một quãng đường một cây số ông tìm ra được nhiều cái kỳ diệu hơn là những kẻ ngồi trong xe hơi trên một con đường mười ngàn cây số. Ông biết những nơi có thứ lan này lan nọ trổ hoa. Ông lại có thể dùng mưu gạt một con chồn để tìm ra được hang của nó; ông nghiên cứu địa chất học, các vật hóa thạch và các hang trong núi (...) Tôi thấy có lần, ông bỏ ra cả một buổi chiều để nghiên cứu một loài nhện. Khi thiếu tiền, ông diễn thuyết hoặc viết một bài báo; nhưng ông không cần nhiều và có thể nói rằng ông giàu hơn hết thảy các nhà triệu phú hợp lại. Tất nhiên, không phải ai cũng có thể tập cái khả năng tìm cái vui trong những vật giản dị mà ta gặp hằng ngày trong đời sống.”

2) Đừng để bệnh tật nó ám ảnh ta

Tôi có thể nói chắc rằng những kẻ khổ nhất trên đời là những kẻ đầu óc bị ám ảnh về bệnh của mình và lúc nào cũng chỉ lo ngại ngái về nó. Mới bưng mắt dậy, họ đã tự hỏi:

“Hôm nay mình đau chỗ nào đây?”

Có một sự thật kỳ cục này là nếu tự hỏi: “Mình đau ở đâu?” thì thế nào cũng kiếm được một chỗ đau thật. Và chỗ đau đó, vốn không quan trọng gì cả, nếu chú ý tới nó, thì thế nào cũng hóa trầm trọng lên gấp mười.

Một thân chủ của tôi, giám đốc một xí nghiệp, luôn luôn làm việc quá sức, thường thấy tức ở ngực. Lúc nào chú ý vào công việc thì quên nó đi; nhưng một lần, nhân có vị bác sĩ của hãng lại khám sức khỏe cho nhân viên, ông kể bệnh ra và bác sĩ bảo có lẽ ông bắt đầu đau tim. Từ đó ông ta chỉ nghĩ tới tim của mình và mỗi lần thấy nặng nặng ở ngực là tưởng như sắp chết đến nơi. Ít lâu sau không còn làm việc được nữa, phải nằm liệt suốt một năm. Phải nhờ nhà chuyên môn về tim khám kỹ cho ông nhiều lần, và trị cho, sau cùng ông mới tin rằng cảm giác đè nặng ở ngực đó sự thực chỉ là do làm việc quá sức và lo lắng nhiều, chứ tim chẳng có bệnh tật gì cả.

Muốn tránh những lo lắng như vậy về sức khỏe, mỗi năm một lần hoặc mỗi khi có điều gì lo ngại, bạn nên nhờ một y sĩ đứng đắn xét kỹ tất cả các bộ phận cho. Rồi nếu không có gì thì đừng nghĩ tới nó nữa.

Những người ít đau vì cảm xúc chính là những đàn bà nông dân, có chín mười đứa con, làm việc quần quật suốt ngày trong nhà lại còn tiếp tay chồng con trong công việc đồng áng nữa. Làm việc không kịp thở, còn thì giờ đâu mà lo lắng; sẵn sóc cho người thân không xuể còn thì giờ đâu mà nghĩ đến thân mình? Có lần tôi hỏi bà có bao giờ thấy mệt không, bà ta đáp:

“Cậu em nè, hai mươi năm nay tôi không hề tự hỏi câu đó.”

Đừng nghĩ tới nó, đó là phương thuốc thần diệu nhất để trị chứng mệt mỏi.

3) Tập yêu công việc của bạn

Chắc bạn cũng như hầu hết mọi người, phải làm việc để mưu sinh. Sự làm việc cũng như mọi yếu tố khác không thể tránh được trong đời, rán yêu nó đi còn hơn ghét bỏ nó để rồi sinh ra mọi sự bất mãn.

Kể nào oán ghét công việc làm, miễn cưỡng làm một cách chán nản, khó chịu, thì là bắt đầu bị bệnh rồi đấy. Khi một bệnh nhân của tôi bảo không thích công việc đang làm thì tôi thường khuyên kiếm một việc khác thích hơn mà làm. Nhưng tôi thường nhận thấy rằng đổi việc rồi, người đó cũng vẫn không thích gì hơn việc trước. Thì ra chỉ tại người đó sợ làm việc.

Biết yêu công việc, tìm thấy cái vui bình dị trong sự giúp ích xã hội, thì sẽ có những cảm giác khoan khoái trong tất cả thời gian làm việc. Làm việc là một cách trị bệnh, và yêu công việc là phương thuốc thần diệu nhất để trị những bệnh do cảm xúc sinh ra.

4) Yêu người chung quanh và tiếp tay vào công việc của nhân loại

Người ta không thể tưởng tượng được rằng có vô số người đau những bệnh tinh thần vì họ ghét hết thấy mọi người, ghét từ vị Tổng thống mà họ không bao giờ được gặp mặt cho tới người láng giềng mà họ ước gì khỏi phải gặp mặt. Họ “nan du” mà hóa ra cô độc, rồi than thân trách phận, tự cho là bị ngược đãi; họ sống ưu uất, khốn khổ.

Tiếp tay vào công việc của nhân loại, giúp một phần vào sự gắng sức của mọi người để cải thiện xã hội là một cái vui kích thích nhất của đời sống, nó làm cho tinh thần ta được quân bình, sức khỏe ta được dồi dào.

5) Tập thói vui tính

Trong đời không thiếu gì những lúc mà tỏ ra vui tính, hài hước là có lợi. Vậy mà có những kẻ phàn nàn về mọi thứ; thuế má thì nặng, chính trị thì tai hại; rồi la rầy tất cả những kẻ dưới. Bọn càu nhàu đó sớm muộn gì cũng phải tới phòng bác sĩ. Trái lại, tôi biết nhiều nhà kinh doanh công việc bề bộn mà vẫn vui vẻ tươi tỉnh như một em gái chạy nhảy ngoài đường.

Trong đời sống gia đình nên khuyến khích thói chuyện trò vui vẻ. Đó là một điều đặc biệt quan trọng. Bữa cơm đừng nên kể những chuyện lo lắng, chán đời, tố cáo cái xấu của người, như vậy không có lợi cho người thân, cho ta và cho bộ tiêu hóa của ta.

6) Cương quyết đương đầu với các nỗi khó khăn trong đời

Trong số hàng ngàn vấn đề lặt vặt hàng ngày, tất nhiên bạn không thể giải quyết hết thảy một cách hoàn hảo được. Vậy thì đôi khi nên chịu lầm lỗi, chịu thua đi, đừng nghĩ ngợi hoài về nó mà nhất định đòi giải quyết cho kỳ được, gặp trường hợp như vậy, hoàng kim quy tắc là bạo dạn quyết định đi, cách nào cũng được, rồi đừng nghĩ tới nữa.

7) Hưởng cái vui hiện tại

“Có kẻ luôn luôn sống trong sự chờ đợi, mong sẽ xảy ra cái gì, như vậy là làm mất cái thú vui hiện tại. Học sinh trung học mong mỗi đến lúc lên đại học, lên đại học lại mong tới lúc thành kỹ sư. Khi làm kỹ sư lại tưởng rằng lập gia đình rồi mới có hạnh phúc, và suốt đời chỉ mong mỗi những cái sẽ tới. Lúc già hết mong mỗi gì nữa, mới nhớ lại những niềm vui đã qua... nhưng trễ rồi!

Chỉ trong hiện tại là chúng ta mới thực sống. Ta chỉ có thể hưởng cái hiện tại được thôi. Tôi nhận rằng cũng nên dự tính tương lai nhưng nhìn xa quá thì chỉ thêm lo ngại, chóng mặt”.

Bảy lời khuyên đó tuy có vẻ bình dị nhưng hiệu nghiệm vô cùng mà cũng rất khó thực hành, khó hơn tất cả các môn học cổ kim. Có tú tài rồi, một người thông minh trung bình chỉ học mười năm là đậu được những bằng cấp cao nhất trong bất kỳ ngành nào. Nhưng có những người rất thông minh, từng trải mà suốt đời vẫn không thực hành được bảy lời khuyên đó: chứng cứ là Nã Phá Luân, khi bị đày ở đảo Sainte Hélène oán trời trách người, ưu uất đến nỗi bị ung thư mà chết hồi mới 52 tuổi. Rồi Tolstoi, Kipling... và vô số danh nhân khác nữa. Họ thiếu tinh thần tự chủ và đạt quan.

Tóm lại, muốn giữ gìn sức khỏe, bạn:

- o Nên vận động mỗi ngày ít nhất là mười lăm phút, vừa vận động vừa thâm hô hấp.
 - o Nên lập một sổ sức khỏe và đọc các sách phổ thông về y học để tìm hiểu cơ thể của bạn mà đề phòng bệnh tật.
 - o Nên làm quen một y sĩ đứng đắn.
 - o Và rán theo bảy lời khuyên của John Schindler mà tôi lặp lại một lần nữa ở dưới đây vì tính cách rất quan trọng của nó:
1. Rán hưởng những thú vui bình dị của đời sống.
 2. Đừng để cho bệnh tật nó ám ảnh ta.
 3. Tập yêu công việc của mình.
 4. Yêu người chung quanh và tiếp tay vào công việc của nhân loại.
 5. Tập thói vui tính.

6. Cương quyết đương đầu với những nỗi khó khăn trong đời.

7. Hưởng cái vui hiện tại.

Chương III

LÀM VIỆC

1. So sánh nghề công chức và nghề tự do.
 2. Muốn thành công trong công việc thì phải:
 - Biết làm không công trong một thời gian.
 - Tìm cái khó mà làm, đừng tìm cái dễ.
 - Việc gì có thể làm được ngay thì đừng để đến ngày mai.
 - Luôn luôn sẵn sàng.
 3. Nếu thất bại thì nên nhớ rằng:
 - Ai cũng đã có lần thất bại.
 - Có thất bại mới có kinh nghiệm.
 - Những cây quý nhất là những cây chậm lớn.
 - Chưa thành công và thành công chỉ cách nhau có năm mươi phút.
 - Có khi thất bại mà gấp mười thành công.
 - Một sự thành công thấp nhất là làm giàu.
-

Tôi đoán rằng bạn đã lựa được một nghề hợp với khả năng và sở thích của bạn. Nếu chưa, bạn nên mở cuốn *Quảng gánh lo đi và vui sống* của Dale Carnegie mà đọc phần thứ bảy để lựa hoặc lựa lại nghề.

Sự lựa nghề là một trong những việc quan trọng vào bậc nhất trong đời ta, cho nên nếu đã lỡ lựa lầm thì can đảm và cương quyết thay nghề đi, miễn là trước khi quyết định phải điều tra, suy nghĩ cho thực kỹ, đừng có nay nghề này, mai nghề khác mà rồi chẳng đi tới đâu cả: “Đá mà lăn hoài thì rêu nào mà bám vào được?”

Nghề thì rất nhiều nhưng có thể phân làm hai hạng lớn: làm công (công chức hay tư chức) và làm nghề tự do.

Nghề công chức là một nghề cao quý phục vụ nhân dân, tổ quốc một cách đặc lực: một công chức cao cấp có thể tiết kiệm hoặc làm lợi cho quốc gia hàng triệu bạc một năm, có thể làm vẻ vang cho đồng bào.

Nghề đó lại yên ổn, vững vàng, tuổi già được bảo đảm ; ở một nước như nước mình, nó còn tương đối nhàn nhã, lương hậu, được trọng vọng. Nhưng tôi vẫn thích một nghề tự do.

Tôi đã làm công chức trên mười hai năm lại làm hai nghề tự do trên mười hai năm nữa, nên có đủ tư cách để so sánh. Trừ những nhân viên cao cấp (vào hàng Giám Đốc trở lên) có tài năng, mới dám lãnh trách nhiệm, thì thoả sáng kiến còn thì đại đa số công chức dễ biến thành một người máy – tôi nói dễ biến thành một người máy chứ không nói là *một người máy*.

Trước hết, ở nước nào cũng vậy chứ không riêng ở nước mình, công sở bao giờ cũng bị thủ tục chi phối rất nặng; thủ tục phòng này, sở này liên đới với thủ tục phòng khác, sở khác, chằng chịt với nhau; cho nên mười lần có sáng kiến muốn sửa đổi một tình trạng thì chín lần phải bó tay.

Lại thêm quy chế công chức dễ làm cho người ta chỉ cầu được yên thân: nếu cải thiện công việc mà thành thì công quy cả vào người trên, không thành thì lỗi quy cả về mình; việc sở chạy hay không thì hai ba năm cũng lên lương, mà mỗi lần lên chẳng được là bao, không bằng thêm một đứa con; vì vậy chẳng ai muốn bày việc ra làm gì cả.

Huống hồ thời nào cũng có những cách mờ ám để thăng chức, công hiệu hơn sự ngay thẳng và tận tâm. Cái tệ đó cũng làm nhục tinh thần của công chức.

Rốt cuộc người công chức không khác gì một bánh xe nhỏ trong một bộ máy vĩ đại, dần dần mất nghị lực, gần như mất cả cá tính nữa, thành một kẻ vô danh trong cái đám người mênh mông mà người Pháp gọi là “ronds de cuir”. Tất nhiên tôi chỉ xét phần đông, chứ trong sở nào cũng có được một vài người lỗi lạc, sáng suốt, can đảm lãnh trách nhiệm, hy sinh cho quốc gia mà không vị lợi.

Làm nghề tự do cực khổ hơn nhiều nhưng cũng thú hơn nhiều.

Nói là tự do chứ sự thực người ta còn bị bó buộc hơn một công chức nữa. Một công chức có thể tan giờ là về, công việc để hôm sau làm tiếp, đau yếu thì được nghỉ, công việc giao cho người khác làm thay; nghề tự do thì không được vậy: đã đến giờ đóng cửa tiệm mà có khách hàng thì vẫn phải tiếp; sổ sách làm không xong thì phải thức khuya hay dậy sớm; hễ đau yếu

mà còn tỉnh táo thì còn phải suy tính, cắt đặt công việc. Chỉ được một điều là tự mình bỏ buộc mình chứ không bị một chỉ thị nào chi phối cả.

Làm việc thì mệt gấp ba bốn một công chức mà lợi có khi không bỏ với công, có lúc lỗ cả công lẫn của. Nhưng cũng có khi lời rất nhiều; và cái thú nhất là được lãnh hết trách nhiệm về mình, tha hồ có sáng kiến, được trông thấy kết quả của công việc mình làm, thấy rằng mình hoàn toàn tạo tương lai cho mình, hoàn toàn làm chủ mình, bao nhiêu khả năng của mình đều có thể phát triển đến cực độ được.

Vì những lý do đó, tôi nghĩ rằng không có gì luyện chí khí, tư cách, trí não của ta bằng làm một nghề tự do; và nếu bạn thấy chán công việc sở của bạn thì đừng do dự gì hết, cứ bỏ quách nó đi.

Nhiều người ngại ngùng, không biết rời cái vú của bà mẹ chính phủ rồi thì tương lai sẽ bấp bênh ra sao, rồi sẽ phải vất vả ra sao, không chừng ăn bữa sáng mà phải lo bữa tối đây. Nhưng tôi tin rằng một thanh niên khỏe mạnh, có chí, có một sức học phổ thông, có một nghề trong tay thì không khi nào chết đói và hết thấy chúng ta sớm muộn gì cũng được hưởng cái mà ta đáng được hưởng và chỉ được hưởng cái mà ta đáng được hưởng thôi. Có thể rằng bạn sẽ long đong trong mười năm như Somerset Maugham, có hồi phải chịu đói chịu rét, nhưng cứ bền chí thì thế nào bạn cũng sẽ thành công, và sự thành công đó sẽ dư để đền bù những năm vất vả.

Chắc một số người sẽ buộc tội tôi là tuyên truyền cho công chức bỏ sở, ra ngoài sinh nhai. Cũng may mà lịch sử nhân loại chưa hề ghi một cuộc “đào sở” đại qui mô nào của công chức; một người ra thì cả chục, cả trăm người khác chực sẵn để nhào vào, cho nên công sở chỉ luôn luôn đặc nghẹt chứ không bao giờ vắng người và lời buộc tội tôi sẽ không đứng vững. Tôi chỉ theo gương cựu Tổng thống Mỹ Eisenhower khuyên thanh niên đừng an phận mà chịu mạo hiểm, làm những việc kinh doanh có lợi cho sự rèn luyện khả năng cùng nhân cách của họ, như vậy mới giúp ích nhiều cho quốc gia.

Trong cuốn *The power of positive living*,^[3] ông Douglas Lurton kể chuyện rằng năm 1949, tạp chí Fortune làm một cuộc điều tra và thấy rằng 98% sinh viên ở Mỹ ngại mạo hiểm, chỉ mong có một việc làm yên thân.

Những thanh niên đó đa số đã bận quân phục, đã can đảm chống với xe tăng, đại bác mà tuyên bố rằng họ chỉ ghét mỗi một điều, nhất định không chịu một điều là mạo hiểm. Chỉ có 20% là muốn ra kinh doanh lấy, còn 98% kia chỉ cần làm trong một sở, một hãng lớn nào đó rồi về già có chút tiền dưỡng lão, nghĩa là chỉ cần được “yên ổn trước hết”.^[4]

Trước cái tình trạng bi đát đó, Eisenhower lo ngại cho tiền đồ nước Mỹ và tuyên bố trước sinh viên Đại học đường Columbia:

“Trong cái thời mà biết bao người nói đến sự yên ổn này, yên ổn trong mọi việc, miễn sao cho khỏi bị lạnh, bị mưa hoặc bị đói khát, tôi phải bảo cho các bạn biết rằng nếu bạn muốn thực hiện một hoài bão gì mà đòi được hoàn toàn yên ổn thì các bạn đã lầm đường rồi đấy. Tôi hoàn toàn chắc chắn rằng loài người không còn tiếp tục tồn tại được nếu đã có được sự hoàn toàn yên ổn. Đời sống chỉ đáng sống khi nào có sự chiến đấu cho một mục đích cao cả, và trong sự chiến đấu không khi nào có sự yên ổn hoàn toàn”.

Tóm lại, ông khuyên sinh viên phải bỏ cái ý tưởng làm công chức ba cọc ba đồng, về già có lương hưu trí, để đi mạo hiểm kinh doanh, có chịu đói rét trong ít năm rồi tư cách, tài năng mới tăng tiến.

Nhưng nếu vì một lý do cao cả nào đó, bạn vẫn thích cái đời sống công chức yên ổn thì tôi rất tôn trọng ý kiến của bạn. Bạn cứ làm một công chức cần mẫn, lương thiện. Tôi chỉ xin nhắc bạn điều này: dù làm công chức hay làm một nghề tự do thì cũng phải làm cho đắc lực.

Từ đầu thế kỷ, một phần vì sự tranh đấu để sinh tồn mỗi ngày một gay go, một phần vì khoa tâm lý thực hành đã tiến được những bước vững vàng, nên loại sách dạy cách tu luyện để thành công ở Âu Mỹ xuất bản rất nhiều. Mỗi tác giả do kinh nghiệm của bản thân nhấn mạnh vào đức này hay đức khác. Chẳng hạn Dale Carnegie, một nhà kinh doanh có tài diễn thuyết kiêm triết gia, chú trọng đến sự tự học; Gordon Byron khuyên nên tự tin; Frank Bettger khuyên có nhiệt huyết. Vô số tác giả khác chỉ cho ta những cách luyện đức tự chủ, đức kiên nhẫn, tài chỉ huy, luyện kỷ tính, sự tập trung tư tưởng, sự tập trung hoạt động vào một mục đích... Tất cả những tác giả đó đều có lý vì sự thành công đòi hỏi nhiều tài đức. Tất nhiên không ai có đủ các tài đức tôi mới kể sơ ở trên, nhưng ít nhất cũng phải có vài ba chỗ hơn người rồi biết những sở đoản của mình để bồi bổ bằng cách tu luyện hoặc tìm những

người cộng sự có những đức mà mình thiếu, thì mới có thể thành công lớn được. Vậy bạn nên tìm đọc những sách đó, trong mười cuốn thế nào cũng gặp được một cuốn đúng với trường hợp của mình, và nhấn mạnh vào những tài đức mà bạn thiếu.

Ở đây tôi không làm cái công việc vô ý thức là tập hợp lại những lời khuyên của tất cả các tác giả đó, chỉ xin đem ít kinh nghiệm bản thân để giúp bạn có một thái độ đàng hoàng khi bắt tay vào việc.

Một văn sĩ Pháp mà tôi quên mất tên nói rằng chỉ có mỗi một cái nghề ti tiện là cái nghề người ta làm với mục đích duy nhất là để kiếm tiền. Lời đó thật chí lý. Nghề nào cũng có thể cao cả được nếu ta yêu mến nó, tìm cách cải thiện nó để phụng sự người khác và đồng thời luyện những khả năng của ta. Và nghề nào dù bản chất cao cả tới mấy mà ta miễn cưỡng làm chỉ để kiếm tiền thì cũng thành một cái nghề ti tiện.

Tất nhiên ai cũng phải lo kiếm tiền để nuôi thân và nuôi gia đình. Trước khi làm một việc gì bạn có quyền và có bốn phận xem cái số lợi có bỏ công không; nhưng một khi đã làm thì phải yêu công việc, tìm cách cải thiện đó để nó có ích thêm cho người khác. Tôi rất ghét những kẻ so đo: “Người ta trả mình có bấy nhiêu, thì mình làm bấy nhiêu là vừa rồi ; gắng sức nữa chỉ là thiệt” hoặc “Mỗi ngày mình có bốn phận làm tám giờ thì hết tám giờ là hết bốn phận. Việc gấp ư, cần làm thêm giờ ư? Thì trả thêm đi”. Những kẻ đó không khi nào khá được vì họ không biết hy sinh; họ sẽ khổ sở vì họ không biết yêu công việc, cho nó là một món nợ phải trả, trả ít chừng nào hay chừng đó.

Trước thế chiến vừa rồi, trong lúc kinh tế còn khủng hoảng, một thanh niên đã học năm thứ nhì ban Cao Đẳng tiểu học lại xin tôi một chân lao công xách máy để đo lường. Thời đó, có sức học đó có thể làm thư ký lương gấp ba lương lao công được. Tôi thấy em đó có chí, cho vào làm; em ấy chịu cực khổ như những lao công khác, nên tôi đem lòng mến, chỉ nghề cho và ba tháng sau giới thiệu em vào làm thư ký trong sở của tôi.

Mới đây, một thanh niên khác đương học ban Tú tài xin việc tôi. Thực ra tôi không có việc gì để giao cho, nhưng thương tình, nhờ em sửa ấn cáo giùm tôi để đợi có cơ hội sẽ giới thiệu với nhà in; tiền thù lao không phải là thấp, nhưng em cho rằng công việc đó không xứng đáng với sức học của mình, nên làm một cách miễn cưỡng; một tháng sau tôi phải cho em nghỉ việc.

Chúng ta phải tập cái đức *biết làm không công*. Jack London, Somerset Maugham đều đã chịu làm không công; họ tập viết văn, trong mười năm, bán tác phẩm không được, tiền nhuận bút không đủ để ăn sáng. Frank Woolworth, một nhà tỉ phú ở Mỹ, hồi trẻ cũng đã chịu làm không công trong ba tháng cho một tiệm bán đồ trang sức, rồi cả một năm sau, làm mỗi giờ chỉ được ba xu, luôn sáu bảy năm, làm chật vật suốt ngày mà kiếm chỉ được khoảng hai đồng rưỡi mỗi ngày, cũng gần như không công nữa. Nhưng chính những năm làm không công đó là những năm có lợi nhất cho họ vì nó cho họ nhiều kinh nghiệm nhất để sau này thành công. Trồng xoài phải sáu bảy năm mới có trái, trồng chuối cũng phải một năm mới có quả. Những kẻ không chịu làm không công thì rất khó mà được hưởng sự thành công.

Một thanh niên hơi thông minh, đậu Tú Tài vào hạng bình thứ, muốn xin du học ngoại quốc, tới hỏi tôi nên lựa trường nào. Tôi đưa cho em cuốn *Carrières pour les jeunes gens* (loại Guides Néret của nhà Lamarre, Paris) để em lựa. Hôm sau em đem lại trả tôi, bảo đã lựa một trường kỹ sư Nantes. Tôi hỏi tại sao? Em ấy đáp là vì trường đó, có bằng Tú Tài toán hạng bình thứ thì được vào khỏi phải thi. Tôi khuyên em lựa một trường khác cũng dạy nghề đó, nhưng cao hơn; vì *nên tìm cái khó chứ đừng tìm cái dễ*; rồi đưa em đọc bài *Jamais il n'a cherché la facilité* của Virginia Gordon trong tạp chí *Sélection du Reader's Digest*, số Aout 1956. Bài kể chuyện một em nhỏ 6 tuổi bị chứng tê liệt mà đòi đi học như những kẻ khác, phải bò từ cửa lớp tới bàn học, mà rón tập đọc tập viết, làm cho từ cô giáo đến bạn bè phải thán phục, sau lên tới trung học, theo kịp các bạn chứ không kém ai.

William James, nhà tâm lý trứ danh ở Mỹ, bảo chúng ta có rất nhiều khả năng mà chính ta không ngờ; phần đông chỉ dùng tới khoảng một phần mười khả năng của mình thôi. Lựa một công việc khó, tự đặt mình vào những hoàn cảnh khó khăn tức là tự cho mình cơ hội để tận dụng khả năng của mình.

Sở dĩ tôi không ưa nghề công chức một phần cũng vì cái nghề đó dễ dàng, ít bắt ta phải gắng sức. Suốt năm, suốt đời làm hoài một công việc nào đó, đúng với những thủ tục nào đó, riết rồi người ta không cần phải suy nghĩ nữa. Nếu phải làm công chức, bạn nên xin với cấp trên giao cho bạn những việc mỗi ngày một khó hơn, không được thì nên từ chức.

Nhưng ngay trong những nghề tự do, người ta cũng dễ mắc cái thói ư ơ: hễ đã thành công trong một việc nào rồi thì tiếp tục hoài công việc đó, không chịu tìm một việc khác, một lối khác. Nhưng vậy thì làm sao mà tiến được.

Bạn có thể ăn rồi ngủ, dạo phố, kiếm bạn tán gẫu suốt tháng mà không đáng trách vì có khi bạn cần nghỉ ngơi lâu, hoặc nếu chưa kiếm được việc gì nên làm thì bạn có quyền không làm; nhưng một khi đã làm thì *phải làm cho đến nơi đến chốn*. Nhà tôi có đặt hai vòi nước, một cái thấp, một cái cao. Cái thấp để cho các em nhỏ dùng và cũng để mùa nắng, nước yếu không lên cao được thì hứng ở những vòi đó. Cứ thỉnh thoảng tôi phải đi kiểm soát xem những vòi đó khóa có kỹ không và nhiều khi tôi phải khóa lại. Không phải chỉ có những em nhỏ là lơ đãng, ngay những người ba bốn chục tuổi mà khóa vòi nước cũng không xong. Họ ngó đi đâu ấy, vặn vài vòng rồi bỏ đi, không cần biết nước còn dỉ ra hay không. Thật lạ lùng! Tôi không hiểu tại bản tính của họ hay tại họ thiếu sự dạy dỗ.

Thời này tật đó là tật chung của đa số công nhân. Khó kiếm được một người thợ sửa một vòi nước, một ống máng một lần mà xong, chỉ được ít hôm lại phải gọi sửa lại. Cạo tường để quét vôi thì mười người có tới chín người phải có chủ đứng coi ở bên. Tôi còn nghe nói trong một cuộc khánh thành, một quan khách thấy một dãy cây mới trồng, lúc lắc thử một cây rồi nhổ tuột lên một cách dễ dàng; cây chỉ có gốc mà không có rễ. Hình như hạng trí thức cũng vậy. Ai nấy làm cho qua loa, xong chuyện, có khi làm nửa chừng rồi bỏ, không theo dõi cho tới cùng. Gửi đơn xin việc ư? Đơn bỏ vào thùng thư rồi là thôi, không cần biết nó có tới hay không, kết quả ra sao? Đợi lâu quá, không thấy gì, lúc đó mới đi hỏi thì thư đã lạc đâu mất rồi. Tài liệu dùng xong, nhét bậy vào chỗ nào đó, không cần trả về chỗ cũ.

Người ta quen ăn xối ở thì, được ngày nào hay ngày đó, không tính chuyện lâu dài. Có phải tại cái không khí thời loạn từ sau thế chiến, cái thời mà tương lai không có gì bảo đảm, nó làm cho người ta có tinh thần đó không? Ở Mỹ, ở Pháp đâu đâu cũng nổi lên lời phàn nàn rằng: “Mọi người đều trốn tránh trách nhiệm mà chỉ tìm cách làm cho thật nhanh, rốt cuộc là người nọ đổ cho người kia, chẳng ai chịu nhận lỗi cả”, rằng: “Ở thế giới này, bất kỳ chế tạo một vật gì, người ta cũng có cách làm cho tồi hơn một chút để bán rẻ hơn một chút, mà kẻ nào ham rẻ là bị lường gạt nhiều nhất”.

Nhưng cũng có một số người cẩn thận quá hóa ra tỉ mỉ, tốn công vô ích. Họ nắn nót từng nét để “vẽ” tên một cuốn sổ kế toán hay thông tư; đo một căn nhà để họa bản đồ mà đếm cả từng li; giữ sổ chi tiêu thì họ ghi và cộng cả từng cắc; mở một gói đồ, họ bỏ ra năm mười phút để gỡ từng mối dây chứ không chịu dùng dao để cắt... Thái quá cũng như bất cập, đều là không nên. Ta phải biết tùy từng công việc mà làm kỹ lưỡng tới một mức nào cho không hỏng việc mà cũng đừng tốn thì giờ vô ích. Nếu là một công trình nghệ thuật thì càng kỹ càng quý ; nếu là một công việc thường, có tính cách tạm thời hay phỏng chừng thì kỹ quá chỉ là uổng công.

Hiểu được mục đích ra sao rồi tính trước cách làm cho đỡ phí sức, phí công, phí thì giờ, như vậy mới là biết làm việc một cách đặc lực.

Tôi không hiểu tại sao trong số mấy trăm bài tập đọc ở ban tiểu học tôi chỉ còn nhớ được năm sáu bài mà nhớ kỹ mặc dầu đã cách bốn chục năm.

Một trong những bài đó khuyên chúng tôi đừng để lại ngày mai việc gì có thể làm được ngày hôm nay. Tác giả kể chuyện một người nhà quê đi thăm vườn cam thấy nhiều gốc có sâu, không bắt sâu ngay tự hẹn hôm sau sẽ làm công việc đó. Hôm sau chú ta đau, phải nghỉ vài bữa, đến lúc khỏi thì gặp đám giỗ, xong đám giỗ thì có cơn giông, rồi tới công việc gấp khác, nên quên hẳn công việc bắt sâu, nửa tháng sau mới trở lại vườn cam thì cây nào cây nấy héo rũ cả rồi.

Hồi nhỏ tôi cho truyện đó là truyện bịa, tác giả tưởng tượng ra tất cả các biến cố để hoãn lại cái ngày trừ sâu, nên tôi không tin. Giá tác giả chỉ kể rằng người nhà quê định hôm sau bắt sâu rồi có công việc khác, quên băng đi, nửa tháng sau mới sực nhớ ra thì tôi dễ tin hơn. Mới hay giảng tâm lý, dù là cho trẻ con, cũng cần đúng sự thực.

Vậy nghệ thuật bài đó kém, nhưng lời khuyên thì thực có giá trị. Càng sống tôi càng thấy những người thành công thường có cái đức: *làm ngay, không để tới ngày mai*.

Xin bạn đừng hiểu lầm tôi. Tôi vẫn biết có những việc không nên giải quyết vội, cứ để trong một thời gian, trí óc bình tĩnh, ta thu thập thêm được đủ tài liệu rồi sẽ giải quyết. Lại có những việc mới coi tưởng như quan trọng, nhưng để ít lâu, hoàn cảnh thay đổi rồi, khỏi phải giải quyết nữa. Trong những trường hợp đó không nên hấp tấp mà lơ việc.

Nhưng việc gì đã cho là nên làm, đã quyết định thế nào cũng làm, thì nếu có thể được, nên làm ngay đi, đừng trì hoãn. Trì hoãn thường lỡ cơ hội; mà dù không lỡ cơ hội thì thói trì hoãn cũng có hại. Nó gậm nhấm lần nghị lực, chí quyết đoán của ta.

Vả lại có tập tính làm ngay việc gì có thể làm được thì mới luyện được đức *sẵn sàng* rất cần thiết cho sự thành công. Trong đời người, ai cũng có một vài lần gặp được cơ hội may. Người nào dự bị sẵn sàng để nắm lấy nó thì sẽ thành công; không sẵn sàng để cho nó trôi qua thì không biết bao giờ nó mới trở lại nữa.

Đọc tiểu sử Mustapha Kémal ta thấy cái tài của ông là dự bị từ lâu để hể cơ hội tới là nắm lấy nó liền. Sau đại chiến thứ nhất, một mặt ông phải chống với hoàng gia, một mặt phải chống với các cường quốc châu Âu. Ông nhóm hợp một số sĩ quan cùng chí hướng, thành lập quốc hội rồi khi vua Méhémet VI chịu nhận những điều kiện nhục nhã của Anh, Pháp, Ý làm cho toàn dân Thổ đã ghét đế quốc tham tàn, nay lại ghét cả hoàng gia nữa, ông đứng ra phát hồng kỳ và toàn dân theo ông ngay. Rồi trong chiến tranh với Hi Lạp, quân lực Thổ kém quân lực Hi, nhưng lần nào ông cũng định rõ chiến thuật, xuất kỳ bất ý, tấn công ồ ạt, làm quân Hi trở tay không kịp, thua to ở khắp các mặt trận. Khi lên cầm quyền, đương lúc quốc dân sùng bái ông, hăng hái duy tân để theo kịp Âu Mỹ, ông thi hành ngay những cải cách mạnh bạo, làm cho Thổ chỉ trong mười mấy năm có một bộ luật mới, một văn tự mới, một lịch mới, những đồ đo lường mới, nhất là một chế độ mới cho phụ nữ.

Muốn cho lúc nào cũng sẵn sàng thì phải biết nhìn xa, tính trước. Những nhân viên hay dùng con dấu: *Khẩn – Tối Khẩn* là những người không biết làm việc. Nếu biết tính trước và dự bị sẵn sàng thì không có việc gì là tối khẩn. Một cây sao ở trước nhà tôi khô đã hai năm, tôi nhắc người ta mà người ta không chịu dọn. Rồi tới mùa đông bão, một cành khô gãy, xuýt gây ra tai nạn, thì người ta ra lệnh khẩn, gọi người lại dọn.

Tôi thấy những việc quốc gia đại sự mà đôi khi cũng giải quyết theo lối đồn sao đó. Chẳng hạn bộ Quốc gia Giáo dục, chín mươi năm trước khi dùng Việt ngữ ở bậc Trung học thì phải tính trước làm sao đào tạo kịp trong bảy năm một số giáo sư Đại học dạy bằng tiếng Việt được. Nhưng người ta có tính toán gì đâu, tới khi học sinh theo chương trình Việt lên Đại học, nghe giáo sư ngoại quốc giảng bài như vịt nghe sấm. Họ kêu ca quá, quốc dân kêu ca quá, bộ phải triệu tập các giáo sư Đại Học để giải quyết vấn đề. Đó chỉ là một thí dụ trong hàng chục thí dụ khác.

Vậy, theo tôi, muốn thành công trong việc làm, cần có thái độ dưới đây:

1. Biết đôi khi làm không công.
 2. Tìm cái khó, đừng tìm cái dễ.
 3. Không làm thì thôi, đã làm thì làm cho đến nơi đến chốn, nhưng đừng quá tỉ mỉ.
 4. Việc gì có thể làm ngay thì đừng trì hoãn.
 5. Lúc nào cũng phải sẵn sàng.
-

Nếu đã gắng sức mà chưa thấy thành công thì bạn nên nhớ những điều này.

Ở đời ai cũng đã có lần thất bại. Đức Thích Ca đã thất bại nhiều năm rồi mới tìm thấy chân lý ở dưới gốc Bồ Đề. Đức Khổng Tử đã thất bại trong suốt quãng đời bốn ba đi tìm một minh chúa để thực hành đạo của mình và chỉ thành công trong công việc trừ tác lúc về già. Một danh tướng như Nã Phá Luân cũng thua ở Ai Cập, Nga, Leipzig và Waterloo. Văn hào bậc nhất của Nga là Dostoievsky viết hàng chục tác phẩm cũng chỉ được bốn năm tác phẩm là bất hủ, còn thì tầm thường. Chịu thất bại nhiều nhất là các nhà phát minh, thí nghiệm cả trăm lần mới được một lần thành công: Alexander Fleming tìm ra được chất Pénicilline rồi mà phải đợi hơn mười năm sau mới chế tạo được nó một cách rẻ tiền; Bernard Palissy phải đốt tất cả đồ đạc và sàn nhà rồi mới phát minh được cách làm đồ gốm ; còn Albert Einstein, bậc kỳ tài cổ kim, đã nói: trăm lần suy nghĩ thì có tới chín mươi lần sai.

Bạn mới ra đời, nếu có thất bại liên tiếp trong vài năm thì đừng nên lấy làm buồn, chỉ nên coi là một cái phúc; vì thất bại hồi trẻ, trong khi còn đủ sức để chiến đấu còn hơn là về già mới thất bại như Nã Phá Luân để rồi mang bệnh ung thư chết lần mòn ở đảo Sainte Hélène.

Vả lại có thất bại rồi mới có kinh nghiệm và nếu ta rút được một bài học trong mỗi lần thất bại để sửa đổi lại lối suy nghĩ, lối làm việc thì mỗi thất bại sẽ giúp ta tiến lại gần sự thành công một chút.

Đọc tiểu sử hai anh em Wright (Wiber và Orville), những người đã phát minh ra phi cơ, bạn sẽ hiểu rõ điều ấy.

Mới đầu họ chế tạo một cái điều có hai tầng cánh, điều khiển bằng dây, năm 1900 đem thí nghiệm ở Kitty Hawk, máy chỉ lạng được từ đỉnh đồi đến chân đồi.

Năm sau họ chế tạo được một máy liệng lớn, cũng đem thí nghiệm ở chỗ cũ, bay được chín thước rưỡi.

Tất nhiên họ chưa mãn nguyện, về nhà nghiên cứu lại, làm thử trên *hai trăm kiểu* máy bay nhỏ, rồi năm sau nữa lại thí nghiệm một lần nữa: máy cất cánh được một trăm tám chục thước, nhưng phải nhờ sức gió đưa đi. Như vậy chưa thể nói là thành công.

Lần này họ quyết tâm tự tạo lấy gió, nghĩa là lắp động cơ và cánh quạt vào máy liệng. Năm 1903, công việc hoàn thành, lại thí nghiệm: phi cơ chỉ cất cánh được có vài thước, rồi giảm vận tốc, hạ cánh xuống chân đồi. Các người đi coi đều tỏ vẻ thất vọng, nhưng hai ông không nản chí, về nhà cải thiện lại, năm sau nữa phi cơ bay được năm phút. Tính ra trước sau hai ông đã bay thử cả ngàn lần trong mấy năm rồi mới thành công.

Hiện nay các nhà bác học phóng vệ tinh lên mặt trăng cũng phải thất bại cả trăm lần, mà tôi chắc rằng mỗi lần thất bại chỉ làm cho họ vững tâm thêm vì nhờ thất bại mà họ rút thêm được kinh nghiệm.

Vì vậy tôi cho lời này của Henri Pigozzi, giám đốc hãng *Simca* là đúng: *“Người ta không thể bảo rằng chỉ một sự thành công xảy ra đúng một lúc thuận tiện nào đó là đủ để giáng được đòi hoạt động của một người. Sự thực tôi nghĩ rằng đòi tôi là kết quả của rất nhiều sự thất bại”*. Biết lợi dụng sự thất bại một cách thông minh, đó là bí quyết để thành công.

Làm một công việc cũng y như đi một con đường. Công việc càng quan trọng thì con đường càng dài. Tôi còn nhớ hồi mười tuổi, ba tôi đã mất, một người anh họ dắt tôi về thăm quê nội lần đầu. Cách đây bốn chục năm, chưa có xe đò trên đường Hà Nội – Sơn Tây, chúng tôi phải đi xe kéo. Đường thì trải đá, xe lại bánh gỗ, lắc quá. Chúng tôi ngồi xe cả một ngày mới tới Sơn Tây; tá túc tại nhà một người bà con một đêm, sáng hôm sau lại ngồi xe kéo lóc cộc tiến lên Phủ Quảng cách tỉnh Sơn Tây 11 cây số. Ngán ngồi xe quá rồi, chúng tôi đi bộ về nhà. Riêng tôi thấy mệt lắm, chỉ mong chóng tới nhà, luôn luôn hỏi anh tôi: “Đã sắp tới chưa?” Anh tôi đáp: “Bằng từ nhà tới chợ Đồng xuân nghĩa là khoảng một cây số”. Từ Phủ Quảng, chúng tôi đi độ một cây số đến bờ đê Nhị Hà, ngồi nghỉ trong một cái quán canh, nhìn cảnh núi Tản uy nghi, xanh thắm ở trước mặt. Anh tôi chỉ những vạch trắng đều đặn ở lưng núi, bảo đó là những nhà nghỉ mát của người Pháp.

Rồi chúng tôi lại đi chùng một cây số nữa, tới đầm làng Tây Đằng, xuống rửa mặt ở bờ đầm và ngắt những bông sen. Một lúc sau chúng tôi lại đi, cũng độ một cây số nữa tới chợ Phú Xuyên, vào quán uống một bát trà vối, ăn một cái bánh nhộm. Cứ như vậy, đi độ một cây số anh tôi lại kiếm một chỗ cho tôi nghỉ, giảng cho tôi về địa thế, di tích trong miền: đây là đền một ông Nghè quê ở nơi khác, về già đến làng này dạy học; kia là đình một làng thờ một bà tướng giúp hai bà Trưng đánh đuổi Tô Định. Rốt cuộc, trưa hôm đó chúng tôi tới nhà sau khi đi bộ sáu cây số mà không thấy đường dài.

Đường càng dài thì càng nên chia ra nhiều chặng; và ai muốn làm nên sự nghiệp nên coi mỗi lần thất bại như một chặng đường phải qua. Nếu ta biết rút kinh nghiệm thì mỗi lần thất bại là một lần vượt được một chặng đường mà tới gần đích hơn một chút.

Tôi thường nhận được những thư của các bạn trẻ phàn nàn rằng tuổi đã lớn mà chưa làm nên được sự nghiệp gì cả. Mới tuần trước, một bạn hỏi tôi hai mươi lăm tuổi mà chưa thành công, có phải là trễ không. Tôi không hiểu bạn ấy cho tiếng “thành công” cái nghĩa gì? Nếu đậu Tú tài mà là thành công thì hai mươi lăm tuổi chưa thành công, quả là trễ, trễ lắm! Nếu cho có nhà lầu xe hơi là thành công thì vô số người hoặc nhờ tổ ấm, hoặc nhờ buôn chợ đen một chuyến, tuổi đó cũng đã có thể thành công được rồi. Nhưng nếu hiểu thành công là gây được một sự nghiệp có ích cho quốc gia, xã hội thì tuổi đó là sớm quá. *Những cây quý nhất là những cây chậm lớn.* Cây so đũa chỉ trồng một năm là cao bằng đầu người, nhưng cây sao phải mười năm mới cao được hai thước.

Tôi không trách các bạn trẻ mới ba chục tuổi đã phàn nàn là chưa làm nên được cái gì. Đó là một tật chung của những người có nhiệt huyết. Hồi mới ở trường ra, tôi cũng đã có lần nghĩ rằng có muốn làm cái gì thì làm trước khi bốn mươi tuổi, chứ sau cái tuổi đó, sức suy rồi, còn hoạt động gì được nữa. A! Thì ra đời người chỉ có bốn chục năm thôi ư? Bỏ đi hai mươi lăm năm đầu sống nhờ gia đình, thì chỉ còn có mười lăm năm làm việc thôi ư? Đáng buồn nhỉ? Nhưng bây giờ đây, năm chục tuổi rồi, tôi mới hiểu rằng có làm được việc gì là từ hồi bốn mươi tuổi trở đi, và càng lớn tuổi, càng có kinh nghiệm, chúng ta mới càng có ích cho xã hội. Hầu hết các chính khách, ngoài năm chục tuổi mới được giao phó những trách nhiệm quan trọng.

Riêng về ngành nghệ thuật, có những thiên tài thành công rất sớm, như Mozart, André Chénier, Vương Bột... dưới hai, ba mươi tuổi đã sáng tác được những nghệ thuật bất hủ, nhưng cũng có một số đông càng già tài càng cao.

Victor Hugo gần sáu chục tuổi mới bắt đầu viết tập *La légende des siècles*, 80 tuổi mới xong; 60 tuổi mới hoàn thành bộ *Les misérables*; Goethe 83 tuổi viết nốt cuốn *Faust* rồi thì mất; Sophocle hồi 89 tuổi viết *Oedipe à Colone*. Titien hồi 98 tuổi mới vẽ xong bức *La bataille de Lépante*.

Khổng tử nói đại ý rằng: Một người mà bốn mươi tuổi chưa làm được gì thì mới đáng buồn. Có lẽ ta nên hiểu câu đó như thế này: bốn mươi tuổi mà tài năng đức hạnh chưa thấy phát thì đáng buồn, chứ bốn mươi tuổi chưa thành công thì vẫn chưa nên buồn, vì có thể rằng bốn mươi một tuổi sẽ thành công.

Chưa thành công và thành công rồi chỉ cách nhau có một bước. Somerset Maugham viết trong mười một năm mà không đủ sống, có hồi phải nhịn đói. Nhưng một hôm một ông bầu gánh hát nọ kiếm một vở kịch để diễn tạm bèn lục tủ, lấy ra kịch *Lady Frederick* của S. Maugham. Kịch đó đã nằm trong tủ từ mấy năm, vì ông ta cho là chẳng hay ho gì, không ngờ đem diễn lại được hoan nghênh lạ lùng, khắp thành phố Luân Đôn ai cũng nhắc tới. Thế là Somerset Maugham nổi danh, các ông bầu hát ở Luân Đôn tranh nhau xin kịch của ông, tiền tác giả chảy vào như suối, khỏi phải nhịn đói nữa mà tha hồ đi du lịch châu Âu kiếm đề tài sáng tác.

Bob Ripley nói: “*Một người có thể làm việc như mọi, không ai biết đến luôn trong mười năm, rồi nổi danh trong mười phút*”. Đúng vậy. Chưa thành công và thành công cách nhau chỉ có năm, mười phút. Luôn trong mười hai năm, từ 1928 đến 1940, Fleming kiếm ra một thứ nấm có chất pénicilline, nhưng không sao chế tạo được pénicilline nguyên chất, nên chỉ một số bạn thân biết công trình của ông. Đột nhiên một ngày tháng tám năm 1941, đọc tờ báo *The Lancet*, ông hay tin một nhóm bác sĩ ở Oxford đã chế tạo được thuốc péniciline nguyên chất, ông chạy lại xem thì ra những bác sĩ đó tưởng ông đã chết, tiếp tục công việc của ông mà thành. Từ đó danh của ông nổi lên như sấm.

Magellan nuôi cái mộng đi vòng quanh thế giới từ hồi trẻ, đến năm 37 tuổi, yết kiến vua Charles Quint trình bày kế hoạch, được Charles Quint tin dùng, sai sửa soạn cuộc hành trình trong hai năm rồi một ngày tháng chín năm 1519, ông cầm đầu năm chiếc tàu mạo hiểm ra khơi, vượt Đại Tây Dương, cuối năm đó tới vịnh Ba Tây và theo bờ biển Nam Mỹ tiến xuống phương nam để tìm một con đường qua Ấn Độ. Sau bốn lần mừng hụt ở vàm sông Rio de la Plata, vịnh San Matias, vịnh Bahia de los Patos, vịnh Bahia de los Trabajos, ông phải ngừng lại ở San Julian bốn tháng cho qua mùa đông và tới ngày 18-8-1520 lại tiếp tục cuộc mạo hiểm. Ngày 21-10 thì gặp một cái vịnh nước đen thui, tức eo biển Magellan thông Đại Tây Dương với Thái Bình Dương. Thế là ông đã thành công sau mười mấy năm dự tính. Nhưng nếu chỉ mười, mười lăm phút trước khi tìm ra được eo biển Magellan, ông nghe theo lời các thủy thủ mà bỏ chương trình, quay ngược về Ba Tây rồi về châu Âu thì ông đã thất bại rồi.

Vậy bốn mươi tuổi hay năm mươi tuổi mà chưa thành công thì cũng đừng buồn, cứ tiếp tục thực hiện ý chí của mình đi, có thể rằng sự thành công, sẽ không xa đâu, chỉ cách bạn có vài tháng, vài ngày hoặc vài phút thôi đấy.

Sau cùng bạn nên nhớ *có những thất bại được nhân loại ngưỡng mộ gấp ngàn lần những sự thành công, vì những thất bại đó rất có ích cho nhân loại*. Bạn thử nhớ lại đời chúa Giê Su, không vợ không con, không có lấy một căn nhà lá, nghèo khổ, lang thang, lại chết yếu, bị đóng đinh trên thập tự giá hồi ba chục tuổi, đời người mà như vậy là hoàn toàn thất bại, phải không bạn? Vậy mà trong lịch sử nhân loại, có ai được sùng bái hơn ngài, có ai lưu được ảnh hưởng lâu bền hơn ngài?

Philippe Semmelweis, một y sĩ Hung Gia Lợi ở thế kỷ trước, cũng đã thất bại một cách đau đớn. Ông tìm ra được nguyên nhân chứng bệnh sốt sản hậu (fièvre puerpérale) nó làm cho sản phụ châu Âu thời đó chết như rạ, có phòng chết không còn sót một người, có giường người nào vào nằm cũng chết, chết đến nỗi sản phụ mà phải vào dưỡng đường thì coi như là tận số rồi, quỳ xuống khóc lóc năn nỉ y sĩ cho được ra bờ sông bãi cỏ để đẻ. Nguyên do chỉ tại các y sĩ thời đó không biết rửa tay sạch sẽ trước khi khám bệnh, có khi mới mổ một thầy ma xong, tay còn bê bết máu mủ, chỉ nhúng vào một thùng nước dơ dáy, khoảng khoảng vài cái rồi đi thăm bệnh cho sản phụ, đỡ đẻ cho họ, thành thử họ bị lây mà chết. Ông chế ra một thứ thuốc sát trùng, bắt các y sĩ rửa tay thật kỹ, khử độc bằng thuốc sát

trùng rồi mới khám bệnh. Kết quả trông thấy: số người chết trong có hai tháng hạ từ 50, 60% xuống 20%. Nhưng bề trên của ông vì ngu xuẩn, vì ganh tị, vì cố bám vào địa vị, không ai chịu nghe ông cả; ông chiến đấu hơn mười năm để truyền bá phương pháp của ông khắp châu Âu, rốt cuộc thất bại. Chưa xót quá vì thấy số sản phụ khắp nơi cứ chết oan mỗi năm hàng ức, hàng triệu người, ông hóa điên, lấy một lưỡi dao dính máu mủ của bệnh nhân, tự đâm vào tay mình để cho nhân loại thấy rõ nguyên nhân của bệnh, và ít ngày sau ông chết trong một nhà thương điên. Thời đó không ai biết ông, nhưng ngày nay y học phương Tây sắp ông vào bậc ân nhân của nhân loại, ngang hàng với Pasteur.

Bạn thử so sánh những sự thất bại như vậy với những sự thành công của Hitler, Mussolini, sẽ thấy bên nào đáng trọng: một bên tuy thất bại mà gây được hạnh phúc cho nhân loại, nâng cao được tâm hồn của nhân loại; một bên thành công mà làm tiêu diệt hàng triệu người và làm cho hàng chục triệu người khác hóa ra nô lệ.

Chúng ta oán ghét ghê tởm Hitler, Mussolini nhưng chúng ta không thể khinh họ được. Vì ít nhất họ cũng có cái chí chiến đấu với Anh, Pháp, những nước đã hiếp đáp họ, để tạo cho dân tộc họ một địa vị hùng cường. *Cái hạng người chỉ hiểu thành công theo cái nghĩa có nhà lầu và xe hơi mới là đáng khinh nhất.* Bọn này không cho đời có một giá trị nào ngoài đồng tiền. Họ bảo họ chiến đấu để sống, nhưng sự thực họ chiến đấu không phải để có cơm ăn, áo mặc, mà để làm giàu hơn họ hàng, bạn bè, để vượt những kẻ trước kia ngang hàng với họ về phương diện tiền tài. Mục đích của họ chỉ là kiếm tiền, kiếm càng nhiều càng tốt, kiếm bằng mọi phương tiện, rồi kiêu hãnh khoe của. Tinh thần ganh đua để “thành công” đó là một nguyên nhân gây khổ não, chiến tranh cho nhân loại, và theo Bertrand Russell, một triết gia Anh được giải Nobel, thì tinh thần đó bắt đầu nảy nở ở Mỹ, lan qua Âu Châu và giới mại bản Mỹ hiện đương lần lần trở thành một giới mại bản quốc tế. Ở nước ta ngày nay hạng mại bản đó đang phát triển mạnh. Họ sống vội vã, không chịu nghỉ ngơi một lúc, suốt ngày lo chạy áp phe để kiếm tiền gửi ngân hàng, tậu đồn điền, không có thì giờ mà cũng không biết thưởng thức một cái thú cao nhã nào ở đời, coi rẻ tất cả những giá trị về tinh thần. Một xã hội nhiều những kẻ như họ là một xã hội sa đọa, lảm than.

Nếu bạn hiểu thành công như hạng mại bản đó thì tôi thành tâm chúc cho bạn thất bại; vì thành công đã chẳng lợi gì cho quốc gia, mà cũng chẳng lợi gì cho bản thân của bạn cả: bạn

có được hưởng cái vui nào đâu, ngoài cái hãnh diện là có nhiều tiền hơn người ; mà chưa biết chừng con cái của bạn sẽ dễ sinh hư nữa đấy.

Tóm lại, đã làm việc không ai không mong thành công, nhưng chúng ta đừng quên rằng:

- Ở đời ai cũng phải trải qua nhiều lần thất bại.

- Nếu ta biết rút kinh nghiệm sau mỗi lần thất bại thì tức là ta tiến lại gần sự thành công hơn một chút.

- Những cây quý nhất là những cây chậm lớn; tuổi càng cao kinh nghiệm càng nhiều thì sự nghiệp mới đáng kể.

- Chưa thành công với thành công rồi chỉ cách nhau có một bước; có thể rằng mới hôm qua còn thất bại mà hôm nay đã thành công.

- Có những sự thất bại đáng ngưỡng mộ gấp ngàn lần những sự thành công; mà trong những sự thành công thì sự thành công của bọn mại bản là thấp nhất.

Chương IV

AI CŨNG CÓ THỂ BẤT HỦ

1. *Chân giá trị của con người.*
 2. *Từ đời sống một nhà nho.*
 3. *Và công việc trồng một gốc hoàng lan.*
 4. *Đến thuyết bất hủ của Hồ Thích.*
 5. *Một bài thơ của Longfellow.*
 6. *Câu chuyện một danh ca.*
 7. *Những vật nhỏ mọn ở đời.*
 8. *Kết luận: ai cũng có thể giúp đời được.*
-

Sau này, nếu bạn được lãnh một nhiệm vụ quan trọng trong xã hội mà thi hành nhiệm vụ đó một cách đầy đủ, đắc lực, đã công minh lại liêm chính thì bạn cũng chưa nên lấy vậy làm hãnh diện; vì nghĩ cho cùng, như vậy mới là làm tròn nhiệm vụ của mình thôi. Một vị giáo sư đại học soạn bài kỹ lưỡng, giảng giải rõ ràng cho sinh viên; một ông giám đốc điều khiển một cơ quan một cách điều hòa, được việc mà không hao tổn ngân sách; một người thợ điện bắt dây gắn bóng đèn khéo léo mà không hao dây; một người đạp xích lô chở khách hàng tới nơi tới chốn, không vô ý mà bị rủi ro; so sánh những người đó, tôi không thấy ai hơn ai. Địa vị có khác nhau, sự quan trọng của công việc cũng khác nhau; nhưng hết thấy chỉ đều là làm tròn bốn phận để xứng đáng hưởng số tiền mình nhận được.

Cái giá trị của một người không đo bằng địa vị, bằng cấp mà đo bằng sự ích lợi của người đó đối với đồng bào, xã hội ngoài công việc mà người đó làm để mưu sinh.

Ông giáo sư đại học, ngoài giờ dạy học ra phải khảo cứu, trứ tác, làm thêm một việc gì bổ ích cho văn hóa, thì mới được quốc dân mang ơn. Ông giám đốc một sở cũng vậy, phải có một sáng kiến nào làm tăng năng suất của nhân viên, giảm chi phí cho công quỹ thì mới gọi là được cái gì cho đời. Người thợ điện, người đạp xe không có sáng kiến tạo được cái gì mới thì có thể giúp láng giềng, họ hàng, đồng bào trong phạm vi của mình: chẳng hạn chỉ cách thức sửa đèn cho một nhà trong xóm, chở một em nhỏ lạc đường về nhà nó, giúp đỡ, an ủi những người nghèo hơn mình...

Không phải ai cũng có thể thành vĩ nhân, lưu lại sự nghiệp cho đời; muốn vậy cần phải có tài đức, nhiều khi lại cần gặp thời cơ nữa; nhưng bất kỳ ai cũng có thể làm nhẹ cái gánh của người chung quanh bằng những phương tiện của mình.

Tôi có một ông bác chỉ làm một ông đồ nho nghèo ở một làng nhỏ tại tỉnh Sơn Tây mà được dân ba tổng trong miền ngưỡng mộ và mang ơn. Người chẳng đồ đạc gì cả, thi Hương có một khóa, rớt, rồi gặp phong trào duy tân, bỏ luôn khoa cử, hoạt động cho Đông Kinh Nghĩa Thục được một năm, khi trường bị Pháp đóng cửa, về quê nhà làm ông đồ dạy chữ Nho và Quốc Ngữ. Từ tổng trên tới tổng dưới, nghe danh tiếng người, ai cũng xin cho con tới học, và tôi thấy có những thanh niên đi năm cây số, đến nghe người giảng sách một vài giờ rồi lại đi năm cây số trở về nhà, như vậy quanh năm, mưa cũng như nắng. Các cụ đồ hồi xưa không lấy học phí, không đòi tiền thù lao – có lẽ nhờ vậy mà có uy tín – cha mẹ học trò gặp những ngày giỗ tết có gì thì đưa nấy: một thúng gạo, hoặc một con gà, vài quả bưởi, một cân đường, một bánh trà mạn... Nhà chỉ có ba mẫu ta ruộng, cho nên bác tôi phải sống một đời cực kỳ thanh đạm, có mỗi một cái áo the thâm thì bận từ hồi cưới cho tới khi mất, mỗi năm chỉ may thêm có mỗi một bộ vải tám dầy, ăn thì quanh năm rau muống chấm tương, chỉ những ngày giỗ tết mới có thịt, và ba bốn năm không ra tỉnh, cũng không xuống phủ lấy một lần.

Nhưng người lúc nào cũng vui vẻ, khoan hòa: dạy học trọn buổi sáng; buổi chiều người trong làng hay trong tổng nhờ việc gì người cũng giúp. Thôi thì đủ các thứ việc: lấy lá số cho một đứa nhỏ, coi sinh phần cho một ông lão, đi thăm con bệnh, viết câu đối, an ủi những kẻ khốn khổ, giải quyết những bi kịch trong gia đình, có khi lại xử kiện nữa, và xử kiện thì luôn luôn dùng chính sách hòa giải.

Suốt mấy vụ hè về quê ở với người, tôi thấy không tuần lễ nào người không hùng hồn, ngọt ngào dùng những lời lẽ trong kinh sách giảng giải cho người trong họ trong làng nên nhường nhịn nhau, hòa thuận với nhau, tìm hiểu nhau để tránh những vụ xung đột, khỏi đưa nhau lên phủ huyện. Sau này đọc cuốn *Đắc nhân tâm* tôi ngạc nhiên nhận ra rằng người đã áp dụng đúng phương pháp của Dale Carnegie, bất kỳ trong việc gì cũng theo hoàng kim quy tắc: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” của Khổng Tử.

Tôi còn nhớ hồi đó tôi mười hai, mười ba tuổi, trong làng xảy ra một chuyện mà người ta cho là động trời, làm cho hàng tổng bàn tán xôn xao.

Một thiếu phụ nọ hơi có nhan sắc, dòng dõi gia giáo, con một ông đồ ở làng trên, làm dâu trong một gia đình giàu có ở làng tôi. Người chồng có học, con một, mới cưới vợ vài tháng thì bị chứng tê liệt, nằm quanh năm, không cử động, không nói năng được phải đút cơm, nhưng vẫn tỉnh táo. Tình cảnh thực chua xót cho người vợ: không có một mụn con, mà phải hầu hạ chồng từng chút suốt mười mấy năm, trước còn chạy thầy chạy thuốc, lễ đền nọ phủ kia, sau biết là tuyệt vọng, nhẩn nhục nhìn cái tuổi xuân nó trôi lẩn bên cạnh một phế nhân. Cả làng cả họ đều khen người đó là tiết phụ.

Rồi đột nhiên có tin thiếu phụ đó có mang. Gia đình bên chồng day nghiêng, tính đuổi đi; chua xót nhất là chính gia đình của thiếu phụ đó cũng từ bỏ, còn làng mạc thì được dịp tha hồ mà nói ra nói vào, chỉ trích, thì thào.

Vì người chồng là con một, nhà lại giàu có nhất làng nên vụ đó hóa ra quan trọng. Những kẻ trước kia chắc chắn khi người bệnh chết đi, sẽ được chia gia tài, nay thấy có cơ mất ăn, nên phao tin rằng thiếu phụ đó đã ngoại tình với người này người khác và như vậy phải “tống cổ” đi, phải đem xuống phủ để xử, mà đứa nhỏ sinh ra không được nhận là người trong họ, không được hưởng gia tài.

Thiếu phụ lại khóc lóc kể lể với bác tôi, và luôn trong sáu tháng, người phải đem hết uy tín và sự từng trải ra để giải quyết vấn đề đó cho êm ấm, thuyết phục hai gia đình và họ hàng làng mạc rằng đứa con đó không phải là con hoang. Có hồi người dắt tôi đi theo, lại thăm chồng thiếu phụ luôn một tuần lễ để hỏi han. Người phải ghé vào tai mà hỏi bằng chữ Nho vì sợ người ngoài hiểu được, rồi ngồi đợi một lúc lâu bệnh nhân mới gật được đầu hay lắc. Rồi người điều tra, lại thăm hàng chục người liên hệ trong vụ đó, tra cứu trong sách thuốc và lịch sử để dẫn chứng trường hợp một người tê liệt như vậy mà có con được.

Người chịu khó nhọc như vậy để làm gì? Để tránh tiếng xấu cho hai gia đình, tránh sự nhục nhã có thể là sự tự tử cho một thiếu phụ đáng thương, tránh cho đứa trẻ khỏi mang cái tên là con hoang. Sau cùng người thuyết phục được hai gia đình, bà mẹ chồng bằng lòng nhận đứa nhỏ là cháu nội nhưng vì nó là gái, phần hương hỏa vẫn về một đứa cháu trong họ; và một năm sau việc đó mới êm hẳn.

Thiếu phụ đó có lỗi hay không? Điều đó tôi không biết mà cũng không muốn biết. Nhưng dù có lỗi đi nữa thì việc người làm lại càng đáng khen vì người đã tỏ ra có một tấm lòng đại độ, khoan hồng, hiểu tâm lý và sinh lý con người, chứ không câu chấp như phần đông các nhà nho khác.

Đó giá trị của người ở chỗ giúp cho họ hàng, làng mạc được những việc như vậy. Tên tuổi của người không lan ra ngoài một khu vực đường bán kính là năm sáu cây số; nhưng khi mất đi, người đã để lại nhiều bài học cương trực và hy sinh cho kẻ chung quanh, và những bài học đó tôi tin rằng đời trước truyền đời sau, có ảnh hưởng lâu bền, cả trăm năm cũng chưa mất.

Tôi còn biết một trường hợp nữa: một người nhà quê không học hành gì cả, chỉ trồng một cây ở bên vệ đường mà cũng ảnh hưởng đến người ở xa.

Năm 1936, tôi còn làm ở sở Thủy lợi, phải đi đo mực đất, mực nước trên các lộ và bờ kinh miền Tiền Giang, Hậu Giang. Đời sống giữa thiên nhiên đó cũng có nhiều cái thú, nhưng rất vất vả và lắm lúc chán lảm. Suốt năm lênh đênh trên sông rạch, làm việc luôn sáu, bảy giờ giữa trời, rồi có khi làm việc xong phải đi bộ ba, bốn cây số để về chỗ ghe đậu, mà ghe thường đậu ở những chỗ hoang vu, nhìn lên bờ chỉ thấy toàn những tràm, đước, bần và khỉ, sách báo không có để đọc, bạn bè không có để chuyện trò; lại thêm lắm nỗi bức mình vì viên chủ sở, vì các người giúp việc.

Một hôm, làm ở miền kinh Xà No, tôi chán nản, muốn bỏ hết cả, đổi qua nghề khác. Một người giúp việc vô ý lằm lẩn mà lại sợ không dám thú, làm cho tôi mất công tính toán hằng giờ, rồi tới khi tìm ra được lỗi, phải tức tốc đi bộ ba cây số để đo lại bốn cây số nữa. Tôi gắt vung lên; nhất là trời hôm đó lại nóng, đường lại bụi, nên tôi càng dễ quạu.

Nhưng tới một quãng đường vắng, bỗng ngừng lại, khoan khoái hít một hương quen thuộc, ngọt ngọt. Tôi ngó chung quanh. À! Một cây hoàng lan.^[6] Tôi chạy lại gốc cây, lượm những cánh hoa rụng, nhìn những cành mềm mại rủ xuống, rồi hít đầy phổi hương thơm, vừa hít vừa nhớ lại những cây hoàng lan ở làng Ngọc Hà và gần những chuồng khỉ trong vườn Bách Thảo Hà Nội.

Lần đó là lần đầu tiên được gặp bạn cố tri cho nên ngồi nghỉ ở gốc cây có đến nửa giờ để hưởng cái thú hiện tại mà mơ tưởng đến thời xưa.

Khi đứng dậy, tâm hồn tôi nhẹ hẫng đi. Tôi vui vẻ huýt sáo, ngâm thơ. Các người giúp việc tôi ngạc nhiên không hiểu sao tính tình tôi thay đổi đột ngột như vậy; và thấy tôi vui, họ cũng vui. Từ lúc đó công việc chúng tôi không còn là một cực hình nữa. Vừa làm việc tôi vừa thầm cảm ơn người nào đã trồng cây hoàng lan ở khúc đường đó và miên man nghĩ:

“Miền này toàn là nhà lá của những dân tứ xứ lại đây làm tá điền trong một đồn điền của Tây. Cây hoàng lan đó nếu không phải do chim muông mang hạt lại thì chắc do một nông phu nào đó trồng. Người trồng cây có ngờ đâu đã ban cho tôi và những người giúp việc tôi mấy giờ vui vẻ như vậy nhỉ? Và hằng ngàn, hằng vạn người đi qua khúc đường này, ngồi nghỉ chân dưới gốc cây này, hít cái hương thơm này, ngắm những cảnh mềm mại này, tất cũng cảm thấy khoan khoái mà cảm ơn người trồng cây như chúng tôi. Biết đâu trong số những người đó chẳng có nhiều người nhờ bóng mát, hương thơm mà tâm hồn dịu xuống, hết giận đời, giận nhà, giận bạn, oán ghét công việc? Người trồng cây kia giá có biết được ảnh hưởng lớn lao đó của một công việc rất tầm thường của mình, thì có ngạc nhiên mà muốn trồng thêm hằng trăm cây ở khắp các nẻo đường không nhỉ?”

Từ buổi đó, trong khi đo đường, tôi thường để ý ngắm cây cối ở hai bên và mỗi một cây có hoa hay có quả, từ những cây mù u, cây vú sữa đến những gốc mai, gốc bưởi, đều làm nở một chút vui ở trong lòng, và lần nào tôi cũng thầm cảm ơn những người đã vô tình cho tôi hưởng cái vui đó.

Ba bốn năm sau, về làm việc ở Sài Gòn, tôi tìm được ở Chợ Lớn cuốn *Hồ Thích Văn Tuyển*. Sách mỏng dính, in xấu, giá một cắc mấy. Tôi biết Hồ Thích là một văn hào đề cao văn bạch thoại và nổi tiếng về bài *Văn học cải lương xô nghị* (Bàn về sự cải lương văn học), được thanh niên Trung Quốc rất hâm mộ, nên tò mò, mua về đọc. Hồi đó tôi đương mê loại cổ văn Trung Hoa như của Hàn Dũ, Âu Dương Tu, không ưa cái lối “văn chương tư thuận” của họ Hồ, nhưng một bài trong tập văn tuyển đã kích thích tôi rất mạnh, tức bài ông bàn về thuyết xã hội bất hủ. Sở dĩ tôi thích bài đó vì tác giả đã diễn một ý hợp với ý của tôi khi tôi được

hưởng cái hương hoàng lan trên một con đường miền kinh Xà No, hay nói cho đúng hơn là vì tôi đã kinh nghiệm để cảm được cái sâu sắc trong tư tưởng họ Hồ.

Bài đó tôi đã trích dẫn trong cuốn *Nghệ thuật nói trước công chúng*, nhưng cũng xin chép lại dưới đây, sau khi sửa đổi vài chữ, để bạn khỏi mất công tìm kiếm. Vả lại theo tôi có đọc lại bài đó một lần nữa cũng không phải là vô ích.

Đây, Hồ Thích viết:

“... Sinh mệnh của xã hội, dù xét về chiều ngang hay chiều dọc, đều giống một cái máy có tổ chức. Xét về chiều dọc thì lịch sử của xã hội tiếp tục không dứt: người trước ảnh hưởng đến người sau, người sau lại ảnh hưởng đến người sau nữa. Không có tổ tiên ta và vô số cố nhân thì làm sao có bạn và tôi ngày nay? Không có bạn và tôi ngày nay thì làm sao có người đời sau? Không có vô số cá nhân đó thì không có lịch sử, mà không có lịch sử thì vô số cá nhân đó cũng không có hình dạng đó. Xét về chiều ngang thì sự sinh hoạt của xã hội cũng ảnh hưởng lẫn nhau. Cá nhân tạo thành xã hội, xã hội tạo thành cá nhân. Sự sinh hoạt của xã hội toàn là nhờ sự sinh hoạt của cá nhân phân công mà hợp tác; mà sự sinh hoạt của cá nhân dù khác nhau ra sao, đều không thoát khỏi ảnh hưởng của xã hội. Nếu không có xã hội như thế thì quyết là không có bạn và tôi như thế này. Nếu không có vô số bạn và tôi thì xã hội cũng nhất định không như thế này.” Thế giới là một đại khối đặc. Nhất thiết các vật đều liên tiếp nhau ở trong khối đặc đó. Nếu có một điểm biến động thì toàn bộ đều chịu ảnh hưởng (...) Mỗi cá nhân chẳng những trực tiếp chịu ảnh hưởng của người thân bên mình mà lại còn gián tiếp chịu ảnh hưởng của người rất xa. Cho nên, trong thế gian, dù là cách nhau xa hay gần, chúng ta đều chịu ảnh hưởng lẫn của nhau, mà mỗi người trên thế giới đều chịu ảnh hưởng hết thảy những động tác của toàn thế giới. Nếu một người nào đó có cái trí tuệ biết khắp được vạn vật thì tất có thể nhận thấy hết các ngành hoạt động của thế gian ở trong bản thân mỗi người. Quá khứ hay vị lai đều nhìn thấy được. Ở trong hiện tại có hình ảnh của thời gian và không gian vô cùng. “Do lẽ thế giới quan và xã hội quan ảnh hưởng lẫn nhau đó mới sinh ra thuyết mà tôi gọi là thuyết “xã hội bất hủ”. Đại ý thuyết “xã hội bất hủ” là: cái “tôi nhỏ” này của tôi không phải là độc lập tồn tại mà có quan hệ trực tiếp hay gián tiếp với vô số cái “tôi nhỏ” khác; có quan hệ ảnh hưởng lẫn nhau với toàn thể xã hội, toàn thể thế giới; có quan hệ nhân quả với quá khứ và vị lai của xã hội và thế giới. Những cái nhân từ trước tới nay, những cái nhân mà vô số cái “tôi nhỏ” hiện tại với vô số

thế lực khác tạo ra, đều gây thành một bộ phận nhỏ là cái “tôi nhỏ” này của tôi. Cái “tôi nhỏ” của tôi, thêm vào những cái nhân từ trước tới nay, lại thêm vào những cái nhân hiện tại, truyền lần lần xuống mà gây thành vô số cái “tôi nhỏ” của tương lai. Những cái “tôi nhỏ” quá khứ kia với những cái “tôi nhỏ” hiện tại và những cái “tôi nhỏ” vô cùng tương lai nọ, đời nọ truyền đời kia, giọt này nối giọt khác, thành một dây kéo dài, liên miên không dứt, một dòng chảy xuôi, thao thao bất tuyệt; dây đó, dòng đó tức là cái “tôi lớn”. Cái “tôi nhỏ” tuy là chết nhưng nhất thiết những hành vi của nó, nhất thiết những công đức, tội ác, nhất thiết những lời nói, công việc, bất luận là lớn hay nhỏ, phải hay trái, thiện hay ác, đều vĩnh viễn tồn tại trong cái “tôi lớn”. Cái “tôi lớn” đó là tấm bia ghi công của hết thảy những cái “tôi nhỏ” từ xưa đến nay, là tòa đền phô trương những điều thiện, là cuốn sách phán quyết những tội trạng (...) Cái “tôi lớn” đó vĩnh viễn bất hủ, cho nên nhất thiết sự nghiệp, nhân cách của những cái “tôi nhỏ”, nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất tiếu, mỗi quan niệm, mỗi công lao, mỗi tội lỗi đều vĩnh viễn bất hủ. Đó là cái bất hủ của xã hội, cái bất hủ của cái “tôi lớn”. “Một bức tường thấp che một người gảy cây đàn ba dây. Tiếng đàn làm nổi vô số đợt sóng trong không gian. Những điểm của không khí bị xúc động đó, trực tiếp hay gián tiếp xúc động vô số điểm bên cạnh, thành những đợt sóng; những đợt sóng này lan ra, từ gần đến xa, từ phút này đến những phút vô lượng, đến thời gian vô cùng; như vậy đã là bất diệt, bất hủ rồi. “Trong thời gian đó, một thi nhân ở ngoài “bức tường đất thấp”, nghe thanh âm của cây đàn ba dây đó, đột nhiên phát ra một ý niệm, do ý niệm đó mà làm thành một bài thơ hay. Bài thơ hay này được truyền tụng rất rộng, gây cho người đọc những ý niệm khác, do đó phát sinh ra vô số ý niệm nữa, sinh ra vô số động tác đến vô cùng. Nhưng người gảy cây đàn ba dây ở sau “bức tường đất thấp” kia làm sao mà biết được những ảnh hưởng mình gây ra đó? “Một người bị bệnh lao ngẫu nhiên khạc ra một cục đàm ở ngoài đường. Cục đàm đó nắng làm khô, hóa ra bụi nhỏ, bị gió thổi trong không trung, phiêu tán đi khắp nơi, càng thổi càng xa, đến thời gian vô cùng. Ngẫu nhiên một người ốm yếu hô hấp bụi đó vào, sinh ra bệnh lao rồi từ thân người đó, bệnh truyền qua một nhà, lại do nhà đó truyền qua vô số nhà khác. Truyền nhiễm lần lần như vậy đến không gian vô cùng, đến thời gian vô tận. Nhưng người khạc ra cục đàm kia, xương đã thối nát rồi, làm sao biết được những ác quả nọ?” Một ngàn sáu trăm năm trước, một người tên là Phạm Trấn nói rằng: “Thần với hình như sự sắc bén đối với con dao. Chưa nghe nói dao mất mà bén còn, há hình mất mà thần còn được?” Câu đó đương thời bị vô số người công kích; đến đời Tống có

người tên là Tư Mã Quang đem chép vào bộ Tư trị thông giám. Một ngàn sáu trăm năm sau có một đứa trẻ mười một tuổi là tôi, đọc bộ thông giám đến mấy câu đó, trong lòng xúc động đến nỗi tư tưởng và hành vi của nó bị ảnh hưởng suốt đời. Nhưng người nói câu đó là Phạm Trấn đã sớm mất từ một ngàn sáu trăm năm trước rồi!" Hai ngàn sáu bảy trăm năm trước, ở Ấn Độ có một người cùng dân chết vì bệnh, không có ai chôn cho, cái sọ phơi ra ở bên đường, đã thối nát. Một chiếc xe đi ngang qua, trên xe một vị thái tử ngồi nhìn cái thây người thối nát đó mà bỏ cả phú quý, bỏ cả cha mẹ vợ con, một mình đi tìm phương pháp giải thoát cảnh sinh, lão, bệnh, tử. Sau vị vương tử đó thành một giáo chủ, sáng lập ra một tôn giáo triết học, cảm hóa vô số người. Thế lực, ảnh hưởng của người đó đến nay vẫn còn, vĩnh viễn tồn tại cho đến vô cùng. Sự đó, người chết ở bên đường mà thây đã thối nát kia, có thể tưởng đến được không?" (...) Theo ý riêng của tôi thì quan niệm "xã hội bất hủ" đó có thể làm tôn giáo cho ta được. Giáo chỉ của tôn giáo chúng ta là: "Cái "tôi nhỏ" hiện nay của chúng ta đối với cái "tôi lớn" vô cùng quá khứ, vĩnh viễn bất hủ kia, phải gánh một trách nhiệm trọng đại; đối với cái "tôi lớn" vô cùng vị lai, vĩnh viễn bất hủ kia, cũng phải gánh một trách nhiệm trọng đại. Ta phải thường nghĩ cách gắng sức dùng cái "tôi nhỏ" ra sao cho khỏi phụ cái "tôi lớn" vô cùng quá khứ kia, và không di hại cho cái "tôi lớn" vô cùng vị lai nọ.

Đúng vậy. Hết thảy chúng ta, chẳng kể sang hay hèn, tài giỏi hay ngu độn, đều là bất hủ cả, vì mỗi hành động của ta, dù vô tình hay cố ý đều có ảnh hưởng không nhiều thì ít, không trực tiếp thì gián tiếp, đến những người ở chung quanh ta hoặc ở xa ta về không gian và thời gian, ảnh hưởng mà nhiều khi chính ta, ta không ngờ.

Người nào đã trồng cây hoàng lan ở miền kinh Xà No kia có ngờ đâu đã là một ân nhân của tôi, đã giúp tôi cảm được bài văn của Hồ Thích, rồi bây giờ lại gợi ý cho tôi viết chương này?

Thuyết xã hội bất hủ đã nhiều lần an ủi tôi. Một lần vào năm 1946 mà đến nay tôi còn nhớ rõ. Năm đó, tôi lánh vào Đồng Tháp Mười, còn được năm sáu trăm đồng, mười người cày hai công đất rồi đích thân tôi cuốc, lên vòng, làm cỏ, mua nhánh dâu về cấy. Không ngờ dâu lên chậm mà nước lên mau, dâu vừa mới đâm lá cao độ năm tấc thì nước ngập lụt ngọn, mấy ngàn gốc chỉ còn ló được mỗi một gốc. Nhìn làn nước dâng lên và lá dâu vàng xuống,

tôi chán nản vô cùng, nhưng một hôm tôi đột nhiên nhớ lại bài Xã hội bất hủ của Hồ Thích, và nghĩ: “Đàn là mất hết cả công lẫn của, nhưng đâu có phải là hoàn toàn vô ích? Tháng trước, hồi dâu mới xanh mà nước chưa ngập, ai đi qua đây cũng nhìn vườn dâu này, thì biết đâu cái màu xanh mướt kia chẳng làm mát lòng được nhiều người trong vài giây? Và biết đâu trong số những người đó chẳng có vài người thầm cảm ơn tôi như tôi đã thầm cảm ơn người trồng cây hoàng lan ở miền Xà No hồi trước? Không, không một gắng sức nào là vô ích cả”.

Thực ra thuyết xã hội bất hủ không phải là một phát minh của họ Hồ. Spinoza, một triết gia Anh ở thế kỷ XVII cũng đã nghĩ rằng hết thảy chúng ta chỉ là những phần tử của một Toàn Thể, Toàn Thể đó bất hủ thì chúng ta cũng bất hủ. Và trước Spinoza, một cổ thi Ấn Độ cũng có khuyên ta: “Anh nên nhận rằng chúng ta có một hồn bất biến đồng thể với hồn của Toàn Thể; đừng mơ mộng hão huyền rằng có thể tách phần tử ra ngoài Toàn Thể được.”^[1] Nhưng diễn ý đó ra một cách rành mạch, có dẫn chứng thú vị thì tôi chưa thấy bài nào bằng bài của Hồ Thích.

Còn cái ý rằng mỗi hành động của ta đều lưu lại ảnh hưởng ở đời thì trước Hồ Thích khoảng nửa thế kỷ, một thi sĩ Mỹ, H.W.Longfellow cũng đã gửi vào trong một bài thơ du dương xinh xinh dưới đây:

THE ARROW AND THE SONG

I shot an arrow into the air,
It fell to earth I knew not where,
For so swiftly it flew, the sight,
Could not follow it in its flight.
I breathed a song into the air,
It fell to earth I knew not where,
For who has sight so keen and strong,
That it can follow the flight of a song.
Long, long afterward in an oak
I found the arrow until unbroke
And the song from beginning to end
I found it again on the lips^[2] of a friend.

MŨI TÊN VÀ LỜI CA

*Tôi bắn một mũi tên trong không gian,
Nó rớt xuống đất, tôi không biết ở đâu,
Vì nó bay nhanh quá đến nỗi mắt
Không thể theo dõi nó được trong khi nó bay
Tôi ngâm một lời ca trong không gian,
Nó rớt xuống đất tôi không biết ở đâu,
Vì mắt ai nhanh và tinh đến nỗi
Có thể theo dõi một lời ca trong khi nó bay.
Lâu lâu về sau, trên một cây sên.
Tôi tìm thấy mũi tên còn nguyên vẹn.
Và lời ca, đủ từ đầu đến cuối
Tôi lại thấy nó ở trên môi một người bạn.*

Trồng một cây bên vệ đường còn có thể giúp cho một kẻ đương bực tức hóa ra yêu đời, huống hồ là ngâm một lời ca trong một đêm tĩnh mịch.

Câu:

I breathed a song into the air

trong bài thơ trên đã gợi cho tôi nhớ chuyện của một danh ca Pháp, cô Emma Calvé. Cô viết:

“Hồi đó tôi cô độc. Tôi đã đợi một bức thư suốt một tuần lễ, lòng lo lắng không xiết tả. Sau cùng bức thư tới, tàn nhẫn và cương quyết. Tôi thất vọng ghê gớm. Tôi chỉ muốn chết. Tựa lan can, tôi nhìn dòng nước sâu và tối. Thì một điệu ca văng vẳng tới tai tôi trong lúc tôi đau khổ, giọng ca của một người lái đò vừa chèo vừa hát”.

Bỗng tôi có ý muốn hát một lần cuối cùng nữa trước khi chết. Tôi khoát vội một chiếc áo to rồi đi ra trong đêm tối. Một chiếc thuyền đợi ở dưới chân cầu thang cẩm thạch, và một phút sau tôi trôi theo dòng một con kênh lặng lẽ. Tôi bắt đầu hát, say mê hát hết thấy những bài hay nhất mà tôi thuộc. Những điệu du dương cuộn cuộn từ miệng tôi chảy ra, buồn bã hoặc vui vẻ, tình tứ hoặc thảm thiết. Tôi đem hết tài năng, hết nỗi đau khổ, hết đời sống của tôi

*ra mà tung vào đêm tối tất cả nghệ thuật của tôi như là để vĩnh biệt loài người.
Mãi tới khi ngừng hát tôi mới để ý nhìn chung quanh thì thấy bốn bề chen chúc những
thuyền đầy những người say sưa tán thưởng giọng hát của tôi.
Tôi mắc cỡ trốn vào khoang thuyền rồi về khách sạn vì tôi chỉ muốn được yên ổn một mình.
Sáng sớm hôm sau tôi nhận được một bó hoa với những hàng chữ này: "Của Phaolo và
Maria kính tặng cô. Chúng tôi đắm đuối yêu nhau và cô đã cho chúng tôi hưởng một đêm
vui không khi nào chúng tôi quên được. Chúng tôi cầu nguyện Thượng Đế phù hộ cho cô, cô
mà Ngài đã ban cho giọng ca nồng nhiệt đó".
Câu sau đã xúc động đến thâm tâm tôi. Tôi có thể cầu nguyện và cảm ơn Thượng Đế đã để
cho tôi còn sống. Và mỗi năm, cứ tới đúng ngày ấy, bất kỳ là ở đâu, tôi cũng nhận được một
tấm thiệp của Phaolo và Maria tỏ một cách tha thiết tấm lòng quý mến và cảm tạ tôi".*

Chẳng riêng gì cặp Phaolo và Maria mang ơn cô Emma Calvé mà chính tôi chưa được nghe giọng tiên của cô cũng cảm ơn nữa. Ai mà chẳng có lần chán nản thấy rằng công việc của mình chẳng có chút kết quả gì cả. Nhất là khi đọc trên báo những tin tức các cường quốc hăm he nhau, tôi có cảm tưởng rằng cả nhân loại như một bầy kiến bò quanh miệng của một hỏa diệm sơn đang sùng sục trong lòng. Lửa có thể phun lên bất kỳ lúc nào mà bầy kiến vẫn gắng sức kiếm mồi, làm ổ, vẫn tổ chức, vẫn kiến thiết, để gây dựng một tương lai. Một tương lai? Chán thật!... Những lúc tinh thần tôi xuống như vậy thì tôi đọc lại câu chuyện của cô Emma Calvé, rồi đọc lại bài *The arrow and the song* của H.W. Longfellow, bài *Xã hội bất hủ* của Hồ Thích để tự an ủi, tìm chút tin tưởng. Phải tin tưởng. Phải tin tưởng rằng mỗi công việc ta làm dù không có kết quả gì, cũng không phải là công dã tràng, cũng ảnh hưởng gián tiếp tới kẻ khác trong thời gian và không gian, thì ta mới có thể yên lòng mà sống được.

Và nếu tin được như vậy thì ta sẽ thấy công việc nhỏ mọn gì cũng có một cái thú, và như một thi sĩ Anh vô danh, tác giả bài thơ dưới đây, ta sẽ hăng hái nắm lấy cơ hội, dù là cơ hội rất nhỏ nhất, để làm việc giúp đời.

THE LITTLE THINGS

If any little word of mine
May make a life the brighter,
If any song of mine

May make a heart the brighter,
God help me speak the little word
And take my bit of singing
And drop it in some lonely vale
To set the echoes ringing.
If any little love of mine
May make a life the sweeter
If any care of mine
May make a friend's the fleeter,
If any little lift may ease
The burden of another
God give me love, and care, and strength
To help my toiling brother

NHỮNG VẬT NHỎ MỌN

*Nếu lời ca nhỏ mọn của tôi
Giúp đời ai đó sáng tươi đôi phần,
Nếu tôi ca hát dăm vần
Mà lòng ai đó lâng lâng hết phiền
Thì tôi cầu khẩn Hoàng Thiên
Giúp cho tôi nói, ca lên vài lời,
Rồi đưa lời đó xa khơi
Vang trong cô lũng cho tôi giúp người.
Nếu tình nhỏ mọn của tôi
Giúp cho ai đó thấy đời thêm xuân,
Nếu tôi niềm nở ân cần
Mà đời ai đó nhẹ phần bi ai,
Nếu tôi xắn áo ghé vai
Mà làm gánh nặng của ai nhẹ dần,
Xin trời cho dũng cùng nhân
Để tôi an ủi đỡ dần anh em.*

Làm được một con người lương thiện, nuôi được gia đình, dạy dỗ con cái cho nên người, cũng đã là khá rồi. Nhưng như tôi đã nói, đó chỉ là cái bốn phần tối thiểu của chúng ta. Ngoài ra ta còn phải làm thêm những việc gì không vì tư lợi, mà vì cái lợi của người khác, và giá trị của ta cao hay thấp ở chỗ ta có làm nhiều việc như vậy hay không. Mà những việc đó ai cũng có thể làm được. Tôi đã trích một bài của Hồ Thích để bạn thấy rằng mỗi hành vi của ta đều có ảnh hưởng xa hay gần tới người khác; tôi lại dẫn ra nhiều thí dụ để chứng thực rằng những việc rất tầm thường như trồng một cây, ca một bài cũng có ích lợi lớn đến nhiều người mà ta không hay.

Vậy thì ai cũng có cơ hội và đủ khả năng để giúp đời. Ta không có tài làm được một bài thơ hay thì ta an ủi một em nhỏ, ta không có tài phát minh một thuyết mới thì ta đem kinh nghiệm ra giúp những người trẻ tuổi và nếu ta không làm được việc gì khác thì ít nhất cũng có thể trồng một cây chuối, một cây me ở bên đường cho người khác hưởng bóng mát và ăn trái. Một ông anh tôi hồi nhỏ, có lần đang đi thăm ruộng, nổi cơn đau, ôm bụng vội vã về nhà, tới khỏi cổng xóm, thấy một cành chà gai nằm ở bên đường, cũng rón cúi xuống lượm lên gài nó vào trong bụi để cho người đi sau trong đêm tối khỏi giẫm phải. Một cụ già thấy vậy khen là người tốt. Trong đời sống hằng ngày luôn luôn có những việc nhỏ như vậy cho ta làm; và xã hội nào có nhiều người như vậy là xã hội đó văn minh. Ăn mặc lơ lửng, la cà những trà thất và quán cà phê, lớn tiếng chửi đời là vô nghĩa lý, là đáng buồn mữa, hoặc khoanh tay than rằng nhân loại sắp đến lúc tiêu diệt, không có gì đáng làm, chỉ là tỏ ra một thái độ trốn tránh trách nhiệm. Bọn người đó, bắt họ cầm cuốc để khẩn hoang hoặc cầm súng để dẹp giặc thì chỉ trong sáu tháng, sẽ hiểu ngay ý nghĩa của cuộc đời.

Chương V

NGHỈ NGƠI VÀ TIÊU TIỀN

A) NGHỈ NGƠI. 1. *Nghỉ ngơi cũng là một cách làm việc.*

2. *Những cách nghỉ ngơi.*

3. *Tinh thần hưởng nhàn của người Trung Hoa và điệu Hát nói của ta.*

4. *Nhàn là một vấn đề nội tâm.*

5. *Những lúc vui của Kim Thánh Thán.* **B) TIÊU TIỀN.** 1. *Quan niệm của Tư Mã Thiên.*

2. *Quan niệm của Renan, Rockefeller con, Schliemann, Byron, Trương Tử Phòng.*

3. *Kinh nghiệm của Stefan Zweig.*

4. *Chân giá trị của đồng tiền.*

Làm việc thì phải nghỉ; kiếm được tiền thì phải tiêu. Trong chương này tôi trình bày ít quan niệm của tôi về hai vấn đề đó: nghỉ ngơi và tiêu tiền.

Trong cuốn *L'importance de vivre* Lâm Ngữ Đường chê người Mỹ không biết nghệ thuật sống. Ông bảo:

“Ba tật lớn của người Mỹ là tính làm việc có hiệu năng, tính đúng giờ và tính muốn thành công. Những tính đó làm cho họ rất khổ sở và rất quạu quọ. Nó ăn cắp của họ cái quyền không thể nhượng được là quyền thơ thẩn và làm cho họ mất những buổi chiều nhàn rỗi tuyệt thú.”

Nhưng ít hàng sau ông lại nhận rằng những tính xấu đó không phải là không có lợi cho người khác, chẳng hạn cho chính ông:

“Tôi đồng ý rằng nhờ tính làm việc có hiệu năng mà chúng ta có được những vật chế tạo rất kỹ lưỡng, khéo léo. Bao giờ tôi cũng tin những cái vôi nước chế tạo ở Mỹ hơn là những cái vôi chế tạo ở Trung Hoa vì những vôi nước Mỹ không dỉ nước. Từ hồi xưa đã có người khuyên rằng hết thấy chúng ta phải là người có ích, làm việc đắc lực, thành những công chức và có quyền lực, nhưng từ hồi xưa cũng đã có người trả lời rằng ở đời không khi nào thiếu những kẻ ngu dại muốn được thành người có ích, bận việc và có quyền lực, và dù làm

cách này hay cách khác thì việc đời cũng làm xong. Chỉ có một điều cần hỏi: là kẻ thơ thần với kẻ cặm cùi, thì kẻ nào khôn hơn. Chúng ta trách cách làm việc có hiệu năng không phải ở chỗ tính đó giúp ta làm nên việc, mà ở chỗ nó ăn cắp thì giờ của ta, không cho ta được rảnh rang để hưởng đời, làm cho thần kinh của ta căng thẳng vì chỉ đau đầu muốn làm cho được những vật hoàn toàn.”

Ai đọc tác phẩm đó của ông – tôi muốn nói cuốn *L'importance de vivre* – cũng nhận rằng trong non 350 trang ông gom lại nhiều bài tiểu luận hóm hỉnh, sâu sắc, giọng nhiều chỗ nửa đùa nửa thật. Muốn đảm bảo một cái tệ, ông phải nói quá một chút, đưa ra một cực đoan, nên ta không thể theo đúng lời của ông được. Làm việc mà không muốn cho đắc lực, không đúng giờ, không cần sự thành công thì tôi e rằng sẽ bị đào thải rồi bị cơ cực chớ có đâu được an nhàn mà hưởng thú? Nhưng nếu sống cái đời đa số các nhà kinh doanh Âu Mỹ, nhất là Mỹ, suốt năm chỉ đau đầu lo thành công, lúc nào cũng tìm cách tăng năng suất, công việc gì cũng dự tính hàng tháng trước, không hề trễ một giờ, phí một phút, không có thì giờ để xả hơi nữa thì dù có thành công cũng chết sớm vì bệnh đau gan, đau tim, đau bao tử, đau thận và các bệnh thần kinh. Thái độ luộm thuộm “xính-xái” được thế nào hay thế nấy, ở thời này tất nhiên không hợp mà thái độ của người Mỹ “đặt hành động lên trên con người”, coi hành động trọng hơn con người, cũng không phải là khôn.

Phải biết dung hòa, khi làm việc thì phải làm cho đắc lực, phải phác họa chương trình, dự tính thời giờ, và rần theo chương trình, được đến đâu hay đến đó; và ngoài giờ làm việc phải nghỉ ngơi, di dưỡng tính tình. Nghỉ ngơi cũng cần thiết như làm việc vì có nghỉ ngơi rồi mới làm việc được; cho nên tôi có thể nói rằng nghỉ ngơi là một cách làm việc.

Thực ra chỉ trong những lúc ngủ, ta mới được nghỉ ngơi hoàn toàn. Những lúc thức thì dù không làm việc gì óc ta cũng suy nghĩ. Một người thợ mộc ngừng tay bào để hút thuốc, nhưng trong lúc nghỉ đó, óc vẫn hướng về công việc, tính trước bào xong miếng đó sẽ làm gì, lưỡi bào đã phải mài lại chưa, chỗ ván nào dày quá hoặc chưa nhẵn, còn phải bào thêm... Những người làm việc tinh thần cũng vậy: ngừng cây bút để đọc một mục báo, một trang sách thì tuy nói là nghỉ mà đâu có được nghỉ; nếu ra vườn nhổ cỏ hay cuốc vườn thì chân tay lại phải vận động. Vậy ngủ mới thực là nghỉ ngơi và giấc ngủ là quan trọng nhất. Những người thần kinh yếu cần ngủ nhiều hơn những người bình thường. Trung bình phải bảy,

tám giờ một ngày mới đủ. Một giấc ngủ trưa rất ngắn, nửa giờ hay mười lăm phút cũng có lợi nhiều cho sức khỏe. Nếu không ngủ được thì duỗi tay duỗi chân, nằm trong chỗ tối, không cử động, rán đừng suy nghĩ tới cái gì, rồi thở đều đều, nhẹ nhẹ.

Một điều bạn nên nhớ nữa là đừng đợi tới lúc thật mệt rồi mới nghỉ; sắp thấy mệt thì nghỉ trong năm mười phút rồi lại tiếp tục làm, như vậy năng suất cao hơn là làm một hơi cho thật mệt rồi nghỉ lâu. Các nhà chuyên môn về cách tổ chức công việc đã thí nghiệm và khuyên ta như vậy. Các nhà kinh doanh, các chính khách phải làm việc nhiều cũng thường áp dụng cách đó: họ để bên cạnh chỗ làm việc một cái ghế dài, lâu lâu họ ngã lưng một chút.

Dale Carnegie trong cuốn *Quảng gánh lo đi và vui sống* đã chứng thực rằng sự chán nản làm cho ta sinh ra mệt mỏi. Một bà cô của tôi không biết có bị bệnh đau tim hay không, có bác sĩ nói có, có bác sĩ lại bảo không, hễ hơi vận động một chút như quét nhà, làm bếp là kêu mệt; nhưng có hồi đánh tứ sắc suốt ngày, hết tháng này qua tháng khác mà không thấy mệt, sức khỏe có phần lại dồi dào lên.

Vậy đã phải làm công việc nào thì dù không thích nó cũng rán kiếm cách làm cho nó vui; rán mà không được thì bỏ quách nó đi, bỏ không được thì thay đổi công việc, nghĩa là tạm ngưng nó lại trong một lúc để làm công việc khác. Thay đổi công việc không phải là nghỉ ngơi, nhưng đó là một cách làm cho ta vui, nhờ vui mà khỏe mạnh. Cho nên tôi chủ trương rằng ai cũng nên có một nghề thứ nhì để tiêu khiển.

Nhà giáo dạy học chán rồi có thể viết sách; nhà văn có thể dạy học thêm, có chút khiếu thì có thể học nhạc, và bất kỳ ai có một miếng đất nhỏ cũng có thể làm vườn, nuôi gà vịt.

Cái lợi sẽ rất lớn, trước hết, như tôi đã nói, đời sống của ta vui lên nhờ thay đổi công việc, ta lại có thể tiết kiệm được một số tiền dùng vào những tiêu khiển khác như coi hát, đánh bi da. Nhiều khi nghề thứ nhì còn giúp ta kiếm thêm được tiền và tôi biết nhiều người đã đổi nghề thứ nhì thành nghề chính; sau cùng, tập một nghề thứ nhì là luyện thêm những khả năng của ta.

Nhưng điều quan trọng nhất tôi muốn thưa với bạn là phải dung hòa hai thái độ của Mỹ và của Trung Hoa, nghĩa là làm việc thì đàng hoàng mà vẫn biết hưởng nhàn, có vậy đời mới còn lạc thú, ta mới vui vẻ sống để giúp người được. Alain, một triết gia hiện đại của Pháp,

thầy học cũ của André Maurois, viết một câu mà tôi cho là rất thâm thúy: “*Hạnh phúc là một bốn phận*”. Nó là bốn phận vì chúng ta có sung sướng thì mới khoan hồng với người, mới làm việc được, mới gây hạnh phúc được cho kẻ thân người sơ, mà cái mục đích của loài người là gì, nếu không phải là gây hạnh phúc cho gia đình, cho xã hội, cho những thế hệ tới sau?

Về phương diện hưởng nhàn thì người phương Tây phải học của người Trung Hoa. Tôi không được biết rõ văn chương Á Rập; mới được đọc cuốn *Robaiyat* của Omar Khayyam và cuốn *Le Jardin des roses* của Saâdi, tôi đoán rằng một dân tộc du mục, ngày đêm được ngắm những cảnh mênh mông của vũ trụ, những vòm trời đầy sao, những đồi cát trắng xóa, tất nhận thấy sự nhỏ bé của con người, sự phù du của đời người và tất có nhiều thi sĩ ca tụng cái lạc thú của sự nhàn; nhưng đời sống quá vất vả, nhất là đạo Hồi có tinh thần chiến đấu rất mạnh không cho họ hưởng được hết cái đạo nhàn như dân tộc Trung Hoa, một dân tộc đã sinh ra được những triết gia như Lão, Trang. Tôi có thể nói rằng thời xưa, nhà nho nào cũng chịu chút ảnh hưởng của Lão, Trang và nếu dân tộc Trung Hoa chỉ có Khổng, Mạnh mà không có thêm Lão, Trang thì không văn minh như vậy được và chắc cũng không khác dân tộc Mỹ là mấy.

Một nhà văn Trung Hoa ở thế kỷ XVIII, Thư Bạch Hương nói: “*Thì giờ có ích vì nó không dùng vào việc gì. Sự nhàn cũng như một khoảng trống trong một căn phòng*”. Khoảng trống đó có dùng vào việc gì đâu, nhưng rất cần thiết: có nó thì nhà cửa mới thích ở, đời sống mới thoải mái, nghỉ ngơi mới được. Cho nên ai có dư tiền cũng mong có một căn nhà rộng rộng một chút, không bề bộn những đồ đạc. “*Có những cái tưởng như vô ích mà rất có ích*”, lời đó đúng quá.

Một ông bạn tôi chê những bài Hát nói của ta không chứa một tư tưởng gì mới cả, hầu hết chỉ dùng một đề tài là phong hoa tuyết nguyệt. Đúng. Chính vì vậy mà tôi thích những bài đó. Một điệu hát chậm chạp, khoan thai, ung dung, nhàn nhã như điệu hát nói không để diễn những cái thú nhàn thì diễn cái gì bây giờ?

Muốn giảng cái đạo tế thế an dân, tu tề trị bình của Khổng Tử hoặc muốn tả những cảnh thương tâm trong xã hội, những cảnh hùng vĩ nơi biên ải thì thiếu gì thể thơ khác; cổ phong đấy, luật thi đấy, lục bát đấy, thơ mới đấy; phổ những cái đó vào điệu hát nói làm chi, hòa nó vào tiếng cây đàn đáy và giọng của các đào nương làm chi?

*“Cũng phải xơi ngoi cũng phải chơi,
Làm người nào phải Phật lo đời?”*

Dù bạn có muốn noi gương Phật mà lo đời thì một cách đặc lực để lo đời là khi làm việc xong phải hưởng cái thú nhàn. Bạn thí nghiệm mà xem. Sau một ngày lo tính mệt nhọc, bạn tắm rửa rồi nằm trên cái ghế dài, bảo trẻ vắn một đĩa hát nói lên nghe trong năm mười phút, có thấy tâm hồn khoan khoái hơn và sau đó, có thấy hăng hái làm việc hơn lên không? Đỡ phải uống những thuốc an thần như Equanil, Miltown của người Mỹ. Tôi nghe nói ở Mỹ, người ta dùng những thuốc đó như cơm bữa, mỗi ngày ba lần, mỗi lần một viên. Chỉ tại họ không có những Lão, Trang như người Trung Hoa, và không có điệu hát nói như chúng ta. Tôi cũng lầy cái tật của Lâm Ngữ Đường rồi đấy. Muốn giới thiệu văn hóa của ta cho Âu Mỹ, tôi tưởng nên dịch những bài hát nói và thu thanh ít bài cho họ đọc và nghe. Tôi không hiểu tại sao nhạc sĩ Trần Văn Khê không để ý tới điệu đó trong đĩa hát *La musique Vietnamienne*.

Cả trăm bài cũng diễn một ý ư? Vâng. Nhưng cái đó có hề gì. Cũng như tiểu thuyết, như phim hát bóng vậy. Tiểu thuyết xã hội nào mà không như nhau? Tiểu thuyết tình nào mà không giống nhau? Phim chiến tranh, phim cao bồi thì cũng diễn bấy nhiêu trò: thả bom, chiếm đồn hoặc chạy ngựa rồi bắn đùng đùng. Mà người ta cũng vẫn sản xuất hoài những thứ đó. Xét ra thì những chủ đề chính trong nghệ thuật có nhiều gì đâu: tình với nhà, với nước, với xã hội, tình thờ Chúa, tình trai gái... gì nữa? Cho nên có truyện Kiều rồi lại có Hoa Tiên, có Nửa chừng xuân; có Dominique, lại có Manon Lescaut, Atala... Thế thì tại sao lại trách những bài hát nói chỉ là khai thác mỗi một đề tài là: nhàn?

Tôi còn muốn gom lại những văn thơ về nhàn từ xưa đến nay để lâu lâu mở ra đọc, gặp bài nào đọc bài đó. Hôm nay đọc *Qui khứ lai từ* của Đào Tiềm, hôm khác đọc *Tương tiến tửu*, *Xuân nhật túy khởi ngôn chí* của Lý Bạch, *Tiền Xích Bích Phú* của Tô Đông Pha. Ngay như Đỗ Phủ, thi sĩ suốt đời “đeo thánh giá trên vai”, tôi cũng sẽ lựa vài bài, chẳng hạn bài *Khúc giang*, bài *Giang thôn tức sự*.

Tôi sẽ chép những bài *Đời người thấm thoát*, *Uống rượu tiêu sầu*, *Ngán đời* của Cao Bá Quát, *Thoát vòng danh lợi*, *Cầm kỳ thi tửu* của Nguyễn Công Trứ, bài *Thanh phong minh nguyệt* của Ngô Thế Vinh, và mặc dầu có những bài đó rồi, tôi cũng không quên chép thêm bài dưới đây mà tôi cho có lẽ là bài thơ nhàn cuối cùng của một thi nhân còn được cái may là biết hưởng cái thú của một thời nhàn.

CHỮ NHÀN

*Dem hàn mặc mài viên khối lõi
Tìm yên hoa gỡ mối giang san,
Dù ái ưu cũng có khi nhàn,
Thời tiêu khiển trong cuộc rượu, cung đàn, âu cũng nhẽ.
Hãy gác cả vinh nhục, thị phi cùng cổ kim, nhân ngã,
Dem hạo nhiên mà hể hả với cầm tôn,
Trộm cái nhàn trong túi càn khôn
Dăm bảy vốc con con thôi cũng đủ.
Thử tung ra cho nó chảy cồn cồn như nước, bay thong thả như mây, đi lững thững như
trăng, thối thênh thênh như gió.
Rải rác khắp ngoài bát hoang trong lục vũ hãy còn thừa.
Cái nhàn đã lạ lòng chưa?*

ƯU THIÊN BÙI KỶ

Nhàn, cũng như hạnh phúc, thuộc về nội tâm hơn là ngoại giới. Phải có tâm trạng nhàn rồi mới hưởng được cái nhàn. Cổ nhân nói: *"Biết nhàn thì là nhàn rồi, chứ đợi cho được nhàn thì bao giờ nhàn."* Biết nhàn thì ngày nào ta cũng có được dăm ba phút để nhàn: trong bữa cơm chuyện trò với vợ con, trước khi đi ngủ vuốt mớ tóc mây, rờ đôi má phính của trẻ thơ, ngay trong khi làm việc nữa, hút điếu thuốc nhìn qua cửa sổ mà *Nhàn ngắm trời cao mây trắng bay* trong vài phút, cũng là nhàn rồi; không cần phải đợi có dư được năm bảy ngàn đi Đà Lạt nghỉ nửa tháng, hoặc tham hơn nữa, đợi có được mười triệu bạc, tậu được vài cái biệt thự cho thuê ở Sài Gòn, một cái nhà nghỉ mát ở Long Hải, một cái khác ở Blao, và vài mẫu vườn ở Lái Thiêu rồi lúc đó mới dưỡng lão để hưởng nhàn. Nếu có tâm trạng đó thì dầu được Trời cung mà nguyện vọng được thỏa thì không thể hưởng nhàn được vì lại phải cặm cụi lo khai thác số vốn của mình để tậu thêm vài cái biệt thự ở Nice nữa.

Vậy muốn nhàn, trước hết phải biết tri túc. Lâm Ngữ Đường chê người phương Tây là những đứa con bạc béo của Thượng Đế vì họ đặt ra chuyện Thiên đường đã mất, để chê cỏi Trần này là xấu xa. Ông bảo:

"Vườn thượng uyển của Thượng Đế đẹp đẽ đến thế kia à, mà cả cái vũ trụ hiện tại này xấu xa đến thế kia ư? Từ khi ông Adam và bà Eve mắc nguyên tội thì hoa không nở nữa ư?"

Thượng Đế đã nguyên rửa cây táo, không cho nó có trái nữa vì lẽ Adam đã mắc tội chẳng? Hay là đã bắt hoa táo phải kém đẹp đi? Những con hoàng oanh, họa mi, sơn ca đã thôi hát rồi ư? Không còn tuyết trên núi nữa, không còn ánh trăng trên hồ nữa ư? Không còn những buổi chiều tà nữa, không còn cầu vồng, không còn màn sương trên đồng nữa, cũng không còn những thác nước, những dòng suối róc rách, những cây cao bóng mát nữa ư?”

Nếu ta không thấy Thiên Đường ngay trên trái đất này thì sẽ không thấy nó ở đâu cả. Ở trong Nam này không có đủ bốn mùa như ngoài Bắc, nhưng nếu ta không mẫn nguyện vì hai mùa mưa và nắng ở đây, nếu đầu mùa mưa nhìn những tàn me mơn mớn mà ta không thấy thích, giữa mùa nắng nhìn ánh trăng, lồng lộng trên lòng rạch mà không thấy mê, thì có được bốn mùa hay tám mùa một năm ta cũng không thể vừa lòng được.

Có người bảo chỉ hạng giàu có mới có thể hưởng nhàn còn nghèo khổ thì làm sao mà hưởng nhàn được. Nếu nghèo quá, tới cái mức lo lắng suốt ngày không đủ cơm áo cho vợ con thì cũng khó mà hưởng nhàn được thật, khó hưởng vì hoàn cảnh khó gây được tâm trạng nhàn. Nhưng chính những người giàu có lại ít được hưởng nhàn nhất, vì họ lo làm giàu thêm, lo có quyền cao chức trọng thêm; rốt cuộc chỉ những người đủ ăn, vô cầu, biết tri túc là dễ hưởng nhàn hơn cả.

Cái nhàn thực ra là cái tiêu khiển rẻ tiền nhất. Đâu có mất tiền mua vé hạng nhất hạng nhì để được ngắm mây bay trên trời, nghe chim hót trên lá, nhìn hoa nở đầu tường? Tôi biết ở Sài Gòn này khó kiếm được một miếng vườn lắm, nhưng bạn có thể kiếm một chậu cây nhỏ trồng một cây lựu kiểng đỏ. Thứ này bông nhiều, có trái, nhưng ăn không được, chỉ để trưng. Tôi thích loài lựu lắm: lá nó lăn tăn mà bóng, lấp lánh dưới ánh nắng và ánh trăng, lúc nó còn non thì đỏ tươi, trái nó rất nhả mà màu đỏ của hoa thì tuyệt đẹp. Nhìn nó nở ở đầu tường, nhìn bóng nó chiếu lên tường, thấy nhẹ nhàng tâm hồn. Mà có tốn kém gì đâu?

Bạn chê nó không thơm? Bạn lại mắc cái bệnh của cổ nhân nào đó hận rằng hải đường không hương và cá chấy nhiều xương rồi. Thì hãy cứ ngắm cái sắc của lựu đi, rồi muốn có thêm hương, ai cấm bạn trồng thêm một rò huệ.

Vậy, nếu có tinh thần tri túc thì ta sẽ thấy trên thế giới này vô số cái đẹp không tốn tiền cho ta hưởng. Bạn cho đời bạn buồn tẻ ư? Xin bạn nghe Lâm Ngữ Đường:

“Chắc chắn là không ai có thể bảo rằng đời sống trên cõi này tẻ nhạt, không có gì thay đổi. Thời tiết thay đổi như vậy, màu sắc của trời thay đổi như vậy, trái cây thì thơm tho ngọt ngào, mùa nào thức nấy, hoa thì thay nhau nở quanh năm, như thế mà còn có người không được thoả mãn thì người đó nên tự tử đi, còn hơn là đeo đuổi một cảnh Thiên Đường không thể được (...)

Bạn thử nghĩ xem bạn có lý hay họ Lâm có lý?

Tôi còn muốn cho tiếng *tri túc* thêm một nghĩa mới này nữa, làm việc đến một mức nào thôi rồi nghỉ. Như tôi đã nói trong một chương trên, được cha mẹ nuôi nấng dạy dỗ, được hưởng cái ơn của tiền nhân và người đồng thời thì ta lại phải làm một việc gì cho gia đình, cho xã hội, để cải thiện đời sống hiện tại và sửa soạn một tương lai tốt đẹp hơn cho thế hệ mai sau. Nhưng chúng ta cũng nên nhớ rằng con người và xã hội chỉ có cải thiện từ từ mà việc cải thiện đó là nhiệm vụ chung của mọi người, đừng khur khur ôm lấy vào một mình ta. Ta làm việc ba mươi năm, sức suy thì có quyền được làm bớt đi, hoặc nghỉ hẳn. Ta làm việc mười, mười hai giờ một ngày thì cũng có quyền để riêng ra một giờ tiêu khiển. Có những việc lâu dài không thể làm một đời người mà xong được. Mình làm một chút rồi người khác tiếp một chút. Sao lại cứ muốn làm lấy một mình?

Nếu hiểu *tri túc* với nghĩa như vậy nữa thì tri túc là đạt quan, và tôi có thể tóm tắt rằng chỉ những đạt nhân mới biết hưởng nhàn, mới biết hưởng hạnh phúc ở đời.

Kim Thánh Thán, một nhà phê bình Trung Hoa ở thế kỷ XVII viết một đoạn văn kể ba mươi ba lúc vui của mình. Lâm Ngữ Đường đã trích dẫn trong cuốn *L'importance de vivre*. Dịch cả ra thì dài quá. Tôi tóm tắt những cái vui mà chúng ta có thể hưởng được:

- Ngày hè đương nóng như nung, bỗng đổ cơn mưa lớn.
- Bạn thân mười năm chưa gặp, chiều tối bỗng tới gõ cửa, mừng rỡ đón vào và sai người nhà đi mua rượu đủ uống được ba ngày.
- Có tiếng chuột gặm nhấm sách vở gì ở đầu giường, bỗng có mèo con vào.
- Nghe trẻ đọc bài một cách trôi chảy.

- Lọc rương thấy những giấy nợ đã lâu đời của người khác; có người đã chết, có kẻ còn sống. Đốt những giấy nào mà biết người viết giấy không sao trả nổi.

- Trời hè, nhìn một bọn người tát nước.

- Nghe tin kẻ bạo tàn nhất trong tỉnh mới chết.

- Mưa suốt một tháng: buổi sáng dậy nghe tiếng chim hót và nhìn ra ngoài thì trời đã rực rỡ.

- Cất được một căn nhà nhờ ngẫu nhiên được một số tiền.

- Chiều hè, bổ một quả dưa xanh để ăn.

- Tình cờ tìm được trong rương một bức thư cũ của một người bạn thân.

- Một người hiếu học mà nghèo, muốn mượn tiền mà ngại ngần chưa dám nói. Đoán được ý, hỏi nhỏ, giúp một món.

- Đi xa đã lâu trở về cố hương.

- Một đồ sứ cổ và quý, bể mà không có cách nào gắn lại, gọi người ở lại bảo đem làm gì thì làm, miễn khuất mắt là được.

- Lầm lỡ một điều trong ban đêm, sáng dậy kể với người khác để tỏ nỗi ân hận.

- Mở cửa sổ cho một con ong bay ra.

- Nhìn một đám đốt đồng.

- Trả hết nợ.

- Đọc truyện *Lão râu quăn*.^[9]

Chúng ta cũng nên noi gương Kim Thánh Thán ghi lại những phút vui của mình. Đó là một cách tự xét khá thú vị.

Tất nhiên, ông ngẫu hứng mà viết đoạn đó với một giọng hóm hỉnh để chơi, chứ không có ý kể hết những lúc vui của mình. Một tâm hồn như ông tất còn hưởng được vô số cái vui khác, chẳng hạn cái vui được thơ thần bên đường, được ngồi một mình trong một chỗ rất tịch mịch.

Buổi chiều tà, dắt một đứa nhỏ tám chín tuổi dạo gót bên bờ sông, mình thì hút thuốc nó thì ngậm kẹo, mình thì ngắm mây nó thì nhìn người, nó hỏi gì mình chỉ mỉm cười mà ừ hử,

phút đó cũng thú đấy chứ? Không có trẻ thì có một ông bạn thân, chậm chạp bước cùng hàng, tay chấp sau lưng, mỗi người nghĩ bông lông một phía, nói với nhau rất ít, thỉnh thoảng chỉ gật đầu tỏ rằng ý nghĩ bông lông đã gặp nhau, cũng thú đấy chứ?

Xe hơi chạy vào một khu rừng sâu rồi ngừng. Xuống xe đi một mình vào một chỗ tịch mịch đến nỗi nghe được tiếng động của những con vật nhỏ ở mặt đất, tưởng như bắt được hơi thở của cây cỏ, cũng là một lúc tuyệt thú; không được vậy thì thỉnh thoảng gặp được một chiều chủ nhật, cả nhà đi khỏi, khóa cửa trước cửa sau, nằm hút thuốc nghe cái tĩnh mịch ở trong lòng cũng là thú. Rồi đúng cái lúc chán sự tĩnh mịch ta ra mở cửa thì trẻ ở trên xe cũng vừa bước xuống, chạy vào: “Thưa ba, con đã về”, cũng thú đấy chứ?

Những lúc đó mới thật là nhàn! Tôi yêu bài *Le bois amical* của Paul Valéry và bài *Độc tọa Kính Đình san* của Lý Bạch có lẽ vì nó gọi cho tôi được những phút vui mới kể chẳng?

Nous avons pensé des choses pures
Côte à côte, le long de chemins
Nous nous sommes tenus par les mains
Sans dire... parmi les fleurs obscures;
...
Chúng điếu cao phi tận,
Cô vân độc khứ nhàn.
Tương khan lưỡng bất yếm,
Chỉ hữu Kính Đình san

Tôi đã xét xong vấn đề nghỉ ngơi, bây giờ xét đến vấn đề tiêu tiền.

Một văn hào Pháp, Renan, nói một câu bất hủ:

“Những kẻ tự nhận lấy cái việc làm giàu thay cho chúng ta, chúng ta mang ơn họ nhiều mà không biết đấy”.

Tôi chưa thấy ai khinh miệt bọn phú gia một cách thanh nhã bằng ông.

Nhưng một văn hào khác, Tư Mã Thiên, lại có một thái độ trái hẳn, và tôi cũng chưa hề thấy lời ca tụng sự làm giàu nào nồng nhiệt, văn hoa như lời này:

“Kho vừa đầy rồi mới biết lễ tiết, y thực đủ rồi mới biết vinh nhục. Giàu có thì lễ mới sinh, nghèo khó thì lễ phải bỏ. Cho nên người quân tử mà giàu thì thích thi hành đức mình, kẻ tiểu nhân mà giàu thì làm theo ý mình. Vực có sâu thì cá mới sinh sản, núi có cao thì loài thú mới tới, người ta giàu có thì mới thêm nhân nghĩa... Tới bậc vương có nghìn cỗ xe, bậc hầu có vạn nhà, bậc quân có trăm nhà, còn lo không đủ, huống hồ bọn thất phu dân thường ư?”

Một nhà nho chân chính và có khí tiết mà lại viết sách khuyên người ta cứ lo làm giàu, làm giàu hoài đi, đừng bao giờ nghĩ là đủ cả, thì thực cũng lạ đời.

Nhưng nếu biết tiểu sử của ông thì ta hiểu được thái độ đó. Ông sinh vào đời Hán, cách đây non hai ngàn hai trăm năm (145 – 87 tr. CN) là con một sử quan, Tư Mã Đàm. Hồi nhỏ đã thông cổ văn, muốn nối chí cha lập nên sự nghiệp, hai mươi tuổi đi chu du khắp nước, khảo sát về địa lý, phong tục từng miền, gặp di tích nào cũng ngừng lại nghiên cứu, phàm những cảnh kỳ quan cùng quê hương các vĩ nhân, ông đều để gót tới.

Sau ông làm chức lang trung, phụng mệnh đi dẹp Ba Thục. Khi cha mất, ông thay cha giữ chức thái sử và bắt đầu soạn bộ *Sử ký*.

Hồi ấy, Lý Lăng, một vị anh hùng đi dẹp rợ phương Bắc, bị vây mà không được quân tiếp viện. Quân địch đông hơn thập bội. Lý can đảm chống cự không nổi, phải tạm thời đầu hàng để bảo đảm sinh mệnh mà đợi cơ hội rửa nhục. Nhưng ở triều đình có kẻ gièm pha, vu cho Lý phản quốc; vua Hán nghe, giết cả ba họ của Lý.

Tư Mã Thiên biết Lý là tôi trung, cả gan bênh vực ở giữa trào. Vua bất bình, bắt ông chịu tội hoạn, một trong những tội nhục nhã nhất hồi xưa. Theo luật lệ, ông có thể bỏ tiền ra chuộc tội, nhưng ông vốn nghèo mà bạn bè không ai có lòng nghĩa hiệp dám ra mặt giúp, sợ vua ghét lây.

Nhục quá ông đã định quyên sinh nhưng nghĩ lại, chết như vậy cũng không hết nhục mà phải bỏ dở sự nghiệp ông đeo đuổi từ hồi trẻ, sự nghiệp mà thân phụ ông lúc gần tắt hơi, dặn ông phải nối chí mình biên chép lại, nên ông đành nuốt hận, dùng những ngày sống thừa để hoàn thành bộ *Sử ký*, một bộ sử không tiền khoáng hậu trong văn học sử Trung Hoa, vừa có tính cách nghệ thuật, triết lý lại vừa có tính cách khảo cổ với một tinh thần

khách quan rất cao và nhiều sáng kiến đặc biệt, một bộ sử làm vẻ vang cho dân tộc Trung Hoa, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và được coi như công trình lớn lao của nhân loại.

Trong bộ đó, ông chẳng những chép hành vi của các vua chúa mà ông phê bình một cách công tâm và hàm súc, lại ghi cả văn hóa như lễ, nhạc, triết học, văn học...; đặc biệt nhất là chép cả đời các nhà kinh doanh, các con buôn đã làm giàu cho quốc gia trong thiên *Hóa thực truyện*. Câu văn tôi đã dẫn của ông ở trên, chính là phần cuối bài tựa thiên đó.

Chủ trương của ông đúng. Từ Quản Tử tới Khổng Tử, Mạnh Tử, đều bảo rằng có hăng sản rồi mới có hăng tâm, có phú quý rồi mới sinh lễ nghĩa. Có tiền mới được yên ổn, có đủ phương tiện để học hành, trau dồi tài đức, nhất là ở vào cái thời này mà sự học tốn kém ghê gớm.

Tôi đã qua cái cảnh, buổi sáng rét căm căm, bắc thối lồng lộng, bạn có ba cái áo mỏng, mua một củ khoai lang một trình hoặc một khúc khoai mì một xu rồi đi chân đất dưới mưa phùn để tới trường cách nhà trên hai cây số, ngồi học ba bốn giờ rồi lại đi bộ về nhà. Có lúc đói quá, lạnh quá, không nghe được lời giảng của thầy nữa. Giá hồi đó tôi có thêm được một xu mỗi ngày để ăn và đôi ba tháng có thêm được vài hào để mua sách thì chắc sự học của tôi đã tấn tới hơn.

Lớn lên tôi lại thấy nhiều lúc muốn làm việc có ích mà đành bó tay chỉ vì thiếu cái “sinh tố T” như thanh niên ngày nay thường nói.

Đáng thương tâm nhất là vài người tôi quen, vốn có chí khí, có hùng tâm, cũng chỉ vì thiếu thứ sinh tố đó mà đánh mất sự tự do của mình, cái đáng quý nhất ở đời đó.

Công dụng của đồng tiền thực là vô biên, cho nên tôi phục Tư Mã Thiên đã dám bảo các bậc vua chúa của cải mệnh mông mà còn lo không đủ, huống hồ là người dân thường như mình. Và tôi khuyên bạn dù gặp hoàn cảnh khó khăn đến đâu cũng rán tiết kiệm mỗi tháng một ít tiền để gây một số vốn, nhiều thì một vài ngàn đồng, ít thì một vài trăm, một vài chục cũng được, miễn là tháng nào cũng có dư, để cho thành một thói quen. Gây số vốn đó, tức là gây cái vốn tài đức, nuôi dưỡng cái tự do cho bạn đấy.

Nhưng lời của Renan cũng có lý. Tôi tự mâu thuẫn chẳng? Không. Khi ta đã có đủ tiền để bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm sự tự do của ta rồi, tôi nhắc lại, chúng ta

nên tri túc, thì sự kiếm thêm tiền nữa không đáng quý bằng sự lập sự nghiệp. Và Renan đã chú trọng tới sự lập nên sự nghiệp, để sự làm giàu cho người khác, những người tài kém ông.

Từ thượng cổ tới nay, chưa có một thường dân nào để lại một gia tài “kinh khủng” cho con bằng ông già John D. Rockefeller, giám đốc công ty dầu lửa Standard Oil. Đúng là một gia tài kinh khủng vì chính Rockefeller còn phải thú rằng gia tài lớn quá, đè bẹp ông xuống, làm cho ông mất cả sinh lực, không hưởng thú ở đời được nữa, lúc nào cũng bị tụi bòn tiền bọ dờ đè tiện, và bị cái ý này ám ảnh: “Làm sao dùng cái gia tài vĩ đại đó một cách có ích cho nhân loại được?”

Nhờ một người bạn tốt khuyên, ông tìm được lối thoát: tặng hằng năm, hằng ngàn triệu Mỹ Kim cho các công trình văn hóa và khoa học, lập đại học đường Chicago, viện Rockefeller mà chi nhánh mọc cả ở Trung Hoa, phân phát tiền của cho các nhà bác học, các nghệ sĩ của 63 nước trên thế giới để họ nghiên cứu, sáng tác, lại bỏ ra hàng trăm triệu quan để sửa sang lại những di tích của Pháp như nhà thờ Reims, điện Versailles, tặng Liên hiệp quốc cả chục triệu Mỹ kim để mua một miếng đất lập cơ sở tại Nữ Ước.

Ông phân phát tiền như vậy vì ông nghĩ:

“Tất cả những cái gì thực có giá trị ở trong đời không thể mua bằng tiền được. Người ta không thể mua sự hòa bình, lòng thiện chí, nếu mua được thì những vấn đề chúng ta phải giải quyết hóa ra giản dị quá. Tiền bạc chỉ có một công dụng là tạo nên một không khí, một khu đất để cho các giá trị đó có thể sinh sôi nảy nở thôi”.

Nghĩa là ông cho rằng tiền phải dùng vào việc lập sự nghiệp. Ông không phải là một nhà bác học, một nghệ sĩ thì ông giúp phương tiện cho các nhà bác học và nghệ sĩ. Mà các nhà bác học và nghệ sĩ thì dùng tài của mình và tiền của ông để nghiên cứu, phát minh, sáng tác. Một người giàu có như ông mà hiểu rõ giá trị đồng tiền như vậy, thật đáng khen.

Schliemann, một nhà khảo cổ Đức ở thế kỷ trước, làm lụng vất vả mấy chục năm để làm giàu và khi giàu có rồi, đem dùng cả gia tài vào việc đào kiếm di tích thành Troie, viết lại được nhiều trang cổ sử cho nhân loại.

Hồi mà Schliemann mới có vài tuổi thì một thi sĩ Anh, Byron cũng phá sản để làm một việc nghĩa. Lúc đó dân tộc Hi Lạp, nổi dậy chống Thổ Nhĩ Kỳ để giành lại độc lập. Thổ đàn áp

dữ dội. Hi phải cầu cứu tới các cường quốc trong Thần Thánh đồng minh, nhưng các đồng minh Thần Thánh đó gồm Phổ, Áo, Nga lại làm thình. Hi Lạp lâm nguy. Chính Phủ Anh còn do dự. Byron, một thi sĩ trong một gia đình quý phái, giàu có ở Luân Đôn, thản nhiên bỏ tiền ra mua tàu chiến và khí giới, một mình mộ quân đi cứu Hi Lạp, ba tháng sau tử trận, mới 36 tuổi đầu, làm cho cả châu Âu bị kích thích, kẻ quyên tiền người giúp sức ồ ạt đi giải thoát Hi Lạp, rồi cuộc triều đình Anh mắc cỡ, cũng phải lên tiếng chỉ trích Áo, rồi cùng với Nga, Pháp đem thủy quân tấn công Thổ, cớ ách cho Hi.

Ở Trung Hoa, đời Tần, có Trương Tử Phòng, cũng “phá sản bất vị gia”. Tổ tiên Trương năm đời làm tướng nước Hàn. Khi Tần phá Hàn, Trương đem nghìn vàng cầu một tráng sĩ đất Thượng Hải, rồi nhân lúc vua Tần công du, đi qua bãi Bắc Lăng Sa, tráng sĩ đó vùi mình trong cát, đợi xe Tần Thủy Hoàng tới, cầm chùy đập, không may đập lầm xe khác, Thủy Hoàng thoát nạn, và Trương Tử Phòng phải trốn ở Hạ Bì. Đời sau Lý Bạch qua Hạ Bì nhớ lại truyện đó cảm hứng làm một bài thơ, bài *Kinh Hạ Bì Dĩ Kiêu hoài Trương Tử Phòng* mà hai câu kết buồn mênh mông.

Thán tức thử nhân khứ,

Tiêu điều Tử, Tứ không

Nghĩa là: Tử Phòng mất rồi thì châu Từ, sông Từ, chỗ quê hương của Trương Tử Phòng không còn ai nữa.

Mã Viện hồi trẻ làm nghề chăn nuôi, chỉ mấy năm là giàu lớn. Rồi một hôm ông nghĩ: kẻ trượng phu mà chỉ tính chuyện làm giàu thì tầm thường quá, bèn phân phát cả gia sản cho người chung quanh rồi đi tìm một anh quân để phụng sự, sau cùng gặp Hán Võ Đế, lập nên những chiến công oanh liệt cho nhà Hán.

Mấy vị danh nhân đó và vô số danh nhân khác đều cho giàu có không đáng quý bằng sự nghiệp; họ sai khiến đồng tiền chứ không để đồng tiền sai khiến.

Một danh nhân khác, văn hào Stefan Zweig lại cho tiền chỉ như một vị khách tới chơi nhà. Kinh nghiệm của ông đáng cho ta suy ngẫm, nhất là trong cái thời này mà giá trị tờ giấy bạc có thể thay đổi bất ngờ.

Trong bài *La vraie place de l'argent* (tạp chí *Sélection du Reader's Digest* số Juillet 1956) ông kể chuyện năm 1923 ông gửi cho một nhà xuất bản ở Leipzig bản thảo một tác phẩm mà ông đã viết mất một năm và xin nhà xuất bản trả trước tác quyền của ông tính theo 10.000 cuốn. Chi phiếu gửi tới, bốn ngày sau ông mới đi lĩnh. Trong khoảng bốn ngày đó, đồng tiền Đức hạ giá đến nỗi số tiền ông nhận được giá trị không bằng những con tem ông đã mua để gửi bản thảo. Thế là mồ hôi nước mắt trong một năm ròng tan ra hơi khói hết.

Năm đó một quả trứng giá bốn tỉ Đức Kim, lớn hơn cả tổng số ngân sách Đức những năm trước đại chiến thứ nhất.

Mới tuần trước có đủ tiền mua một căn nhà bốn tầng thì bây giờ số tiền đó chỉ đủ thay một viên gạch. Buổi sáng một tờ nhật báo giá ba vạn Đức Kim, thì buổi chiều giá năm vạn và sáng hôm sau vọt lên mười vạn. Chính phủ Đức cho phát hành những giấy bạc một triệu đồng. Tới những người ăn mày cũng có bạc triệu, rồi một tuần lễ sau có bạc tỉ và mua bán cái gì cũng phải tính từ bạc tỉ trở lên. Suốt ngày, toàn dân nước Đức chỉ đếm tiền, tính tiền. Trong lịch sử nhân loại chưa có lần nào mà đồng tiền phá giá ghê gớm như vậy. Sự phá giá đó bắt đầu từ 1919. Đức thua đồng minh, phải chịu nhiều khoản bồi thường vô lý quá nặng và chính phủ Đức phải dùng phương pháp cướp giật đó, mặc dù biết rằng sẽ có một sự xáo trộn dữ dội vô cùng trong dân chúng.^[10]

Nhưng đây mới là chỗ lý thú của câu chuyện. Ai cũng tưởng dân Đức hồi đó điêu đứng lắm, không ngờ lại trái hẳn. Sau này nhớ lại, chính Stefan Zweig cũng phải ngạc nhiên mà nhận rằng đời sống của ông và của vô số người khác trong cuộc phá giá đó vẫn tiếp tục như thường. Tất nhiên nhiều nhà giàu hóa ra gần như điên, mà bọn người nghèo vất vả, nhưng cứ xét bề ngoài thì chẳng có gì thay đổi cả. Mọi người vẫn làm việc điều hòa: xe điện vẫn chật ních người, thư từ vẫn tới đúng ngày giờ, nông phu vẫn cày ruộng, nhà buôn vẫn mở cửa và trẻ em vẫn đi học. Thì ra nghị lực của con người mạnh thật.

Ông không nhớ đã làm cách nào mà kiếm đủ ăn trong thời đó, nhưng ông và vô số người khác mặc dầu là gia tài khánh tận, bao nhiêu công lao tiết kiệm mất hết mà vẫn không phải nhịn bữa nào, hơn nữa, vẫn can đảm, vui sống. Lạ lùng là giá trị đồng tiền càng sụt thì hình như những giá trị khác càng tăng như sự làm việc, tình yêu, nghệ thuật, thiên nhiên mà những giá trị này mới thực là quan trọng ở đời. Thanh niên đua nhau đi du lịch; các nghệ sĩ

đua nhau sáng tác và người ta nghe nhạc nhiều hơn. Cơ hồ chỉ có thời đó, người ta mới biết say mê thưởng thức cái Đẹp.

Rồi ông kết luận:

“Tôi thấy được rằng sức mạnh đồng tiền không liên lạc khăng khít với đời sống trong tâm tư của ta, như hồi trước tôi tưởng.

Không phải là từ hồi đó tôi khinh đồng tiền đâu, nói vậy thì tôi sẽ không thành thực với tôi. Không khi nào tôi đánh giá thấp cái vui thích mà nó có thể tặng ta. Tôi tiếp đón nó như một ông khách đáng được hậu đãi và nó ở nhà tôi cũng như một ông khách, có thể thôi.

Tôi không tự cho tôi là chủ của nó nữa, mà tôi cũng không cho nó cái quyền xâm chiếm đời của tôi. Tôi đã rút được bài học trường cửu này trong lần kinh nghiệm độc nhất đó: của cải không làm cho ta thực an toàn, chính tài đức, khả năng sáng tác của ta mới làm cho ta thực an toàn”.

Thì cũng gần đúng với hai câu:

Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng

Thiên kim tán tận hoàn phục lai

của Lý Bạch trong bài *Tương tiến tửu*; và với câu:

Người làm nên của, của chẳng làm nên người.

của ta.

Vậy thì chưa có tiền, ta nên cần kiệm để gây một số vốn giúp ta trau dồi thêm tài đức, giữ được sự tự do, khỏi phải lệ thuộc ai, khi đã có dư rồi thì nên nhớ rằng làm giàu chưa đáng gọi là lập sự nghiệp; phải biết dùng tiền vào một công việc hữu ích cho nhân quần mới có hy vọng tạo nổi sự nghiệp; lại nên nhớ thêm rằng chỉ nên tiếp đón của cải như một ông khách thôi, tới thì cũng mừng mà có đi lúc nào thì cũng đừng tiếc, còn hai bàn tay, một khối óc thì ông khách đó có đi rồi cùng sẽ trở về; và lúc nào có cao hứng đốt một chiếc pháo bông chơi thì cũng đừng so đo, miễn là đừng mỗi ngày mỗi đốt và đừng mượn tiền thiên hạ để đốt.

Đọc lịch sử nhân loại, thấy biết bao nhiêu triều đại thịnh rồi suy, biết bao dân tộc cường rồi nhược, non chục nền văn minh sáng rồi tắt; rồi đêm thanh, nằm trên bờ biển gối đầu

trên cánh tay nhìn hằng tỉ ngôi sao lấp lánh trên không trung, có ngôi lớn gấp triệu trái đất, cách xa ta hằng triệu năm ánh sáng; tưởng tượng cái mệnh mông của vũ trụ rồi đem cái thân của mình ra so sánh, ta sẽ thấy đời người trong thời gian vô cùng có nghĩa lý gì đâu, và cái thân ta trong không gian vô cùng cũng chẳng có nghĩa lý gì cả; huống hồ là mớ giấy bạc in hình con voi, con cá, cái tháp, cái đỉnh. Đúng như Stefan Zweig đã nói, còn nhiều cái khác mới đáng gọi là có chân giá trị ở đời.

Trở lên trên là ít quan niệm về giá trị đồng tiền mà tôi gom góp được của một số danh nhân kim cổ. Tôi chép lại để bạn suy nghĩ mà cũng là để tự răn tôi nữa. Mới chín, mười năm trước; một buổi sáng thức dậy, đọc báo thấy đăng tin giá đồng bạc từ 17 quan thụt xuống còn 10 quan tôi đã chua xót ngâm rằng:

Bình con mắt dậy, năm đồng còn ba.

Chương VI

TU TÂM LUYỆN TRÍ

1. Hai thứ quý phái.
 2. Sự tiếp hóa của nhân loại cần sự tu luyện của mỗi người.
 3. Cách học tập. Và điều kiện để học tập:
 - Phải gắng sức.
 - Phải có một chương trình.
 - Đừng cầu gấp.
 - Bớt giao du.
 - Sống một đời giản dị.
 4. Nâng cao trình độ văn hóa.
 5. Luyện óc thẩm mỹ.
 6. Luyện tình cảm.
-

Tôi có một ông anh họ bên ngoại lớn hơn tôi tới trên hai con giáp. Hồi tôi mười hai mười ba tuổi thì ông đã non tứ tuần. Một hôm má tôi dắt lại nhà ông đó ăn giỗ. Trước khi đi má tôi dặn:

- Nhà người ta là nhà quan, tới thì phải lễ phép, thưa bẩm, người ta có mời ngồi thì đừng ngồi liền, đợi nhắc hai ba lần rồi hãy ngồi, mà ngồi ne né ra xa xa ấy. Trước đó tôi đã nghe nói ông anh tôi là một ông ấm, tổ tiên hai ba đời làm quan; giá ở thời cũ thì chẳng dễ đạt gì cả cũng được đặc cách bổ tri huyện rồi, nhưng gặp cái thời mới này thì chỉ làm một phú ông trông nom nhà cửa cho vợ buôn bán, rồi uống trà tàu, chơi cây cảnh.

Tới nơi, một căn nhà lớn có gác ở phố Hàng Đường, tôi chỉ ngả mũ, chào:

- Lạy bác ạ.

Còn ông anh tôi, khăn áo chỉnh tề, thì chấp tay vào ngực rồi cúi gập mình xuống đáp lễ:

- Tôi không dám, lạy chú ạ.

Tôi ngượng quá, luýnh quính, chấp tay cúi đầu. Tôi không ngờ ông ta gần bằng tuổi ba tôi mà giữ lễ quá như vậy, và tôi có cảm tưởng rằng mình là thằng vô giáo dục, là hạng thường

dân không biết tục lệ nhà quan. Cả buổi đó, tôi không dám cử động nữa, chỉ sợ thất thổ điều gì và trong bữa cơm không dám gấp, không dám ăn, đúng là “cắn cái giá làm ba”.

Lúc về, tỏ cảm tưởng với má tôi, người bảo:

- Nhà quý phái người ta như vậy. Tao cũng không thích, nhưng giỗ tết không lẽ không đến.

Hai chục năm sau, tôi vào nhà thương Saint Paul ở Hà Nội để thăm một bà cô. Bà ít học, gia đình tầm thường, mới giàu được ít năm. Tôi đang hầu chuyện bà thì một bà phước vào. Hai bà nắm tay nhau trò chuyện năm mười phút rất thân mật, một người nói tiếng Pháp, một người nói tiếng Việt. Tôi muốn làm thông ngôn, nhưng tôi thấy không cần vì bà cô tôi luôn luôn mỉm cười, gật đầu như có vẻ hiểu lắm. Tôi rất ngạc nhiên, khi bà phước ra, mới hỏi cô tôi:

- Thưa cô, cô có hiểu bà ấy nói gì không? Và bà ấy có hiểu cô nói gì không?

Cô tôi đáp:

- Cô có biết một tiếng Pháp nào đâu mà bà ấy cũng không biết tiếng Việt. Nhưng cần gì biết ngôn ngữ của nhau mới hiểu nhau. Hiểu bằng lòng là đủ. Cô biết bà ấy sắp về Pháp, đoán là đến từ biệt cô, chúc cô mau bình phục. Phải bà ấy nói như vậy không?

- Thưa phải.

- Thế thì chắc bà ấy cũng đoán được rằng cô cảm ơn bà ấy đã tận tâm săn sóc và cầu Chúa cho bà ấy đi đường được bình an, về thăm gia đình, xứ sở, nghỉ ngơi ít tháng rồi lại trở qua đây.

Tôi phục nhất là thái độ niềm nở, thành thực và rất tự nhiên của cô tôi. Một người khác, không có học ở trong trường hợp đó tất lúng túng mà cô tôi thì tuyệt nhiên không. “Hiểu nhau bằng lòng”, phải là những người văn minh mới thốt được câu đó. Và hôm ấy tôi được thấy một vẻ quý phái nữa, khác hẳn với cái vẻ quý phái của ông ấm, anh họ tôi. Một bên thì kiểu cách, do lễ nghi; một bên thì tự nhiên, do đáy lòng.

Cái quý phái thứ nhất, quý phái truyền thống bây giờ ít người muốn đem ra khoe nữa. Hai chục năm trước, Thái Phỉ sáng lập ra một tờ báo nhi đồng đặt tên là *Cậu Ấm*! Báo ra được dăm số thì chết. Ngày nay đặt tên như vậy thì báo chắc chết ngay từ số thứ nhì. Người ta không ưa những tên quý phái và phải đặt những tên như *Bé ngoan* hay *Thiếu nhi Việt nam*...

thì mới hợp thời. Sự quý phái truyền thống như mất rồi; nhưng sự quý phái của tâm hồn thì thời nào cũng còn, thời nào cũng được trọng.

Đức Giêsu chỉ là con một nhà thợ mộc mà tất cả vua chúa châu Âu đều tôn sùng trong mấy ngàn năm nay. Còn có thứ quý phái nào hơn nữa? Được vậy nhờ tâm hồn cao cả của Ngài, những lời nói rất nhân từ của Ngài, nhất là trong bài thuyết giáo ở trên núi.

Đức Thích Ca từ bỏ cái quý phái cao nhất của truyền thống, tức ngôi Hoàng Tử rồi mới tìm được cái quý phái cao nhất của tâm hồn, tức lòng từ bi vô biên đối với loài người và cả vạn vật.

Albert Einstein sinh trong một gia đình thường dân mà các vua chúa, Tổng Thống, Quốc Trưởng tự cho là một vinh dự lớn lao khi được ông tiếp. Tôi chưa thấy hình một ông già nào mà đẹp như hình của ông: trán rất rộng, mắt rất sáng, nét đều đặn, mớ tóc rậm và bạc phơ phủ cả tai, vẻ mặt thông minh, hiền từ lạ lùng.

Còn Isaac Newton, hài cốt được chôn ở điện Westminster cùng với các vua chúa Anh, mà người đời còn cho rằng đó không phải là một vinh dự cho ông, trái lại, là một vinh dự cho Hoàng Gia Anh.

Cái quý phái đó mới là quý phái của muôn thuở, chỉ Trời cho và tự mình tạo nên mới được, chứ không có một sắc chỉ, một uy quyền nào cấp cho cả.

Muốn có thứ quý phái đó thì phải trau dồi tâm trí. Không phải ai cũng có thể thành những bậc vĩ nhân được, nhưng ai cũng có thể và có bốn phận tự tu tự tiến để cho nhân cách cao lên, dự một phần nhỏ vào sự tiến bộ của nhân loại trong thế hệ hiện tại và giúp cho sự tiến bộ đó trong những thế hệ tương lai. Một dân tộc có vài ba bậc tài đức cực kỳ xuất chúng trong khi đại đa số quần chúng thất học, thấp kém về mọi phương diện tinh thần, đạo đức, thì những vĩ nhân đó cũng chẳng làm nên việc gì mà dân tộc đó cũng không thể gọi là văn minh được. Tôi còn ngờ rằng một dân tộc như vậy khó có được những bậc vĩ nhân, vì ở trong một hoàn cảnh bất lợi, những bậc tài đức khó làm được việc lớn để thành vĩ nhân. Hơn hai ngàn năm trước nếu Đức Khổng Tử không sinh ở trên lưu vực Hoàng Hà mà sinh ở giữa những cánh đồng cỏ và rừng rậm miền Tây Bá Lợi Á chẳng hạn chắc đã không lưu lại được sự nghiệp. Mà Đức Thích Ca thời xưa nếu sinh ở giữa châu Phi thì chắc cũng chỉ là một

từ trưởng vô danh. Muốn làm nên sự nghiệp lớn phải nhờ công dọn đường của người trước như Khổng Tử nhờ công của Văn Vương, Chu Công; Thích Ca nhờ công của các nhà sáng lập đạo Bà La Môn – và công hưởng ứng của người đương thời, như Khổng Tử nhờ công của thất thập nhị hiền; Thích Ca nhờ công của vô số tín đồ của Ngài.

Các nhà khoa học cũng vậy. Một thiên tài dù là “trên trời rơi xuống”, nếu không sinh đúng cái thời thuận tiện, được người trước mở đường và được người đồng thời có một trình độ đủ để hiểu mình thì không thể nào phát minh được một thuyết mới. Thiên tài vào bậc nhất thế giới như Newton, sở dĩ tìm được luật vũ trụ dẫn lực cũng là nhờ công của Copernic, Képler sinh trước ông, rồi muốn chứng minh thuyết đó, ông phải nhờ công trình đo trái đất của Picard, một người Pháp đồng thời với ông; sau cùng học thuyết in ra rồi, lại nhờ công của nhiều nhà bác học hiểu nổi nó, nhiệt tâm truyền bá nó.

Vậy muốn cho một dân tộc tiến mau, muốn cho nhân loại tiến mau, sự đào tạo những bậc anh tuấn tuy quan trọng mà sự huấn luyện quần chúng có phần lại quan trọng hơn. Mà muốn cho sự huấn luyện quần chúng có hiệu quả thì mỗi cá nhân phải tự cho mình có bốn phận tự tu tự tiến.

Ta tu tiến để nâng cao trí và tâm: trí thì đủ hiểu những vấn đề quan trọng trong đời sống và có thể phán đoán một cách đúng sai lầm quá; tâm thì đủ cảm được cái đẹp cao cả mà thích nó.

Nếu bạn đồng ý với tôi rằng một cảnh trăng trên sông, một bông lan trong chậu là đẹp; mà một hành vi cao thượng, một tấm lòng bác ái cũng là đẹp; đến sự tìm tòi ra chân lý – chẳng hạn sự phát minh ra luật vũ trụ dẫn lực của Newton, những thí nghiệm của Pasteur để chứng minh rằng có vi trùng – cũng là đẹp nữa thì chúng ta có thể tóm tắt rằng sự tu tiến có mục đích giúp ta cảm được và thực hiện được cái đẹp.

Trong sự tu tiến ta cần chú trọng tới những điểm này:

1. Nâng cao trình độ văn hóa.
2. Luyện óc thẩm mỹ.
3. Luyện tình cảm.

Ba điểm đó giúp ta có một lối suy tưởng hợp lý, sát sự thật và hợp nhân tình.

Nhưng trước khi xét từng điểm đó một, tôi nên bàn qua về cách học tập và những điều kiện để học tập. Tôi không nhắc lại những điều tôi đã nói trong cuốn Tự học để thành công, tôi chỉ nhấn vào những điểm dưới đây:

Bất kỳ việc gì không gắng sức thì không có kết quả. Bạn có thể đọc nhiều báo và sách, đi nghe nhiều cuộc diễn thuyết, coi nhiều cuộc triển lãm mà trình độ văn hóa của bạn vẫn kém vì bạn không chịu ghi nhớ, không chịu suy nghĩ, không chịu gắng sức. Bạn chỉ có một ý niệm rất lơ mơ về mỗi vấn đề mà những ý niệm đó chẳng giúp cho bạn được gì cả.

Muốn có kết quả, bạn phải bỏ ra ít nhất mỗi tuần vài ba giờ để tìm hiểu rành rọt về một vấn đề nào đó, thu thập nhiều tài liệu, đọc kỹ, ghi chép, so sánh, tóm tắt lại, bày tỏ quan niệm của mình, nghĩa là phê bình; và nếu có thể được, viết một bài hay một tập về vấn đề ấy. Viết sách là một cách vô cùng công hiệu để tự học. Đọc tiểu sử André Maurois trong Hàn lâm viện Pháp, bạn sẽ thấy rõ điều đó. Khi viết, đừng nhắm mục đích xuất bản, chỉ lo tìm hiểu thôi; rồi sau thấy nên xuất bản thì sẽ xuất bản.

Phải lập một chương trình. Nếu là công việc lâu dài thì lập chương trình cho hằng tháng, rồi hằng tuần, hằng ngày.

Một khi đã lập chương trình thì nên rán theo cho đúng vì có như vậy, chương trình mới có ích: nó thôi thúc ta, không cho ta sao nhãng. Nhưng cũng đừng nên quá nô lệ chương trình. Nếu có việc gấp hoặc nếu sức khỏe kém thì ta có thể nghỉ trong ít bữa, ít tuần rồi sau sẽ tiếp tục. Gặp một vấn đề thích thú, trước ta tính nghiên cứu trong một tháng, bây giờ có thể nghiên cứu thêm một vài tháng nữa. Trái lại nếu có điểm nào chán quá hay khó quá, đã gắng sức nhiều mà không kết quả thì có thể bỏ qua, hoặc để lại một lúc khác.

Làm công việc gì cũng phải hăng hái nhưng muốn cho mau thành thì hổng việc. Nhiều người rất hăng hái nhưng chỉ hăng hái được lúc đầu, rồi sau thấy kết quả chậm quá, đâm ngả lòng. Tôi thường nhận được thư của những bạn trẻ hỏi làm cách nào mau giỏi về môn này hay môn khác, làm cách nào luyện được cây bút như văn sĩ nọ văn sĩ kia. Các bạn ấy đều có tinh thần cầu tiến rất đáng quý, và đều mắc một tật chung: cho rằng đời người chỉ có ba mươi năm thôi. Họ phàn nàn rằng gần ba mươi tuổi rồi, chưa làm được cái gì. Tôi trả lời các

bạn ấy rằng: Muốn làm được cái gì thì cứ làm đi, làm đều đều, đừng lúc nào quên, mà cũng đừng mong nó xong, vì mong cho chóng xong thì sốt ruột lắm, khó đeo đuổi tới cùng được.

Viết một bộ sách ngàn trang, chỉ nghĩ tới cũng đủ ngán rồi, phải không bạn? Nhưng cứ mỗi ngày thu thập ít tài liệu, thảo một trang, hai trang, vài ba tháng tạm ngưng, đi chơi ít bữa, trở về lại tiếp tục, thì vài ba năm có thể xong được.

Tu tiến cũng như lập sự nghiệp là công việc suốt đời mà đời ta từ khi ở trường ra cho tới khi chết trung bình được ba bốn chục năm, tại sao lại cứ mong làm trong năm sáu năm là xong?

Mỗi khi thấy công việc nào dài quá muốn cho khỏi chán, tôi tưởng tượng như tôi đi bộ từ Sài Gòn ra Huế. Khi bắt tay vào việc là lúc tôi khởi hành ở Sài Gòn. Một tháng sau, làm được một phần nhỏ rồi tôi tự cho là đã đi tới Thủ Đức. Rồi tháng sau nữa tôi tới Biên Hòa, như vậy sáu tháng hay một năm nhìn lại bước đường đã đi, tôi thấy mừng, con đường cứ thu ngắn lại lần lần và chẳng bao lâu nữa tôi sẽ tới đích.

Ba năm nay tôi tiếp tay với một ông bạn nghiên cứu về ngữ pháp Việt Nam. Cứ mỗi tuần tôi bỏ ra vài ngày; bây giờ tính lại, tôi thấy đã đọc được ba bốn chục cuốn sách dày sáu bảy trăm trang và chúng tôi đã ghi chép hằng ngàn trang, sửa đi sửa lại năm sáu trăm trang giấy đánh máy nữa. Nếu lúc đầu chúng tôi sốt ruột, muốn nội trong một năm phải xong thì chắc chắn là chúng tôi phải bỏ dở.

Phải bớt giao du, để mỗi ngày trung bình hưởng được một giờ cô tịch. Mười năm trước, sống trong một tỉnh nhỏ, tôi có lần bị một ông bạn trách là sao lãnh đạm, không đi đưa đám táng thân phụ một học sinh của tôi. Tôi đáp: “Tôi đã chia buồn và an ủi khuyên nhủ em đó rồi, còn ba của em tức người mất – thì từ trước tôi chưa hề gặp ông ta lần nào, cho nên tôi nghĩ không cần phải đi đưa đám”. Ông bạn tôi bảo trong một tỉnh nhỏ, chẳng cần biết nhau cũng là quen nhau, và có ý chê tôi là thiếu xã giao, thiếu tình đoàn kết.

Trong xã hội có nhiều người như ông bạn đó thì đời sống cũng thú, bất kỳ việc gì cũng nổi đình đám, nhưng tôi nhất định giữ chủ trương của tôi là chỉ giao thiệp thân với một nhóm người và dành một số ít thời giờ cho đời sống tinh thần của tôi. Tôi có thể là ích kỷ, là thiếu lịch sự, nhưng tôi cho rằng sự xã giao chỉ nên tới một mức nào thôi; nếu coi nó là một đức

quan trọng nhất trong đời thì chúng ta sẽ không còn thì giờ để làm công việc gì ích cho mình, cho người nữa. Tiếp một ông khách vợ vẫn không có lợi bằng đọc một trang sách hay.

Bất kỳ ai muốn làm nên việc gì cũng cần có những lúc cô tịch, một mình một bóng. Giêsu vào ẩn trong núi, tôi nhớ đâu như bốn mươi ngày, rồi mới nghĩ ra được bài thuyết giáo bất hủ. Thích Ca ngồi trầm tư dưới gốc bồ đề bốn mươi chín ngày rồi mới tìm ra được tứ diệu đế. Còn Ghandi thì mỗi lần vào khám là mỗi lần sung sướng vì có dịp để suy tưởng. Văn sĩ nào mà chẳng trần trọc để xây dựng tác phẩm, còn các nhà bác học thì sống không khác gì một con cú trong các phòng thí nghiệm năm này qua năm khác. Vậy thì sự cô tịch cần thiết cho loài người lắm chứ! Nó đẹp biết bao. Nhờ nó mà biết bao cái cao cả mới thành hình được.

Phải sống một đời giản dị. Nghèo quá học không được, mà giàu quá học cũng không được, vì nghèo quá thì thiếu phương tiện, mà giàu quá thì mắc lo giữ gìn, khuếch trương sản nghiệp, tiếp đón khách khứa, tính toán làm ăn, thì giờ đâu mà học? Chỉ phong lưu vừa vừa và biết sống một cách giản dị là thuận tiện cho sự học nhất.

Đọc tiểu sử các vĩ nhân, ta thấy vị nào sống cũng rất thanh bạch. Bạn có thể tưởng tượng được Thích Ca hay Giêsu mà lại để ý tới cái ăn cái mặc của mình không? Khổng Tử cũng rất giản dị, bảo bà vợ hễ may áo thì ống tay phải nên cắt ngắn để dễ làm lưng; có lần Ngài lại khen Nhan Hồi là người hiền vì ăn chẳng cầu no.

Ông bà Curie được Tổng Thống Pháp mời dự tiệc, trông thấy các bà quý phái đeo vàng ngọc đầy cổ, thì thầm với nhau. “Giá chúng mình có được vài chuỗi ngọc đó thì tha hồ mà nghiên cứu về quang tuyến nhĩ”. Hồi cưới, bà chỉ may mỗi một cái áo cưới tầm thường để cưới xong có thể bán đi dạy học được.

Spinoza ở trọ trong một căn phòng ở La Haye, mua vài món thường dùng về nấu lấy, hai ba ngày mới ra khỏi nhà, vừa mài kính để kiếm ăn, vừa trứ tác. Người ta mời ông làm giáo sư triết học ở Heidelberg, đời sống sẽ danh giá, sung sướng hơn nhiều, ông từ chối: “Mắc dạy học thì khó nghiên cứu được... Vả lại, tôi sẽ phải giấu tình cảm của tôi đi để khỏi làm mất lòng các giáo phái, như vậy tôi không muốn”. Bạn thân tặng ông tiền, ông cũng không nhận.

Có phải là ông không biết hưởng thú ở đời đâu vì chính ông đã khuyên người ta nên tìm mọi cái tiện lợi của đời: như thức ăn ngon, quần áo đẹp, nhìn hoa lá, ngửi hương thơm, nghe âm nhạc, coi diễn kịch... Vậy mà ông chịu sống rất thanh bạch, chỉ vì ông muốn có thì giờ để suy tưởng và được tự do, khỏi phải hòa theo một phái nào.

Tóm lại, đời sống vật chất càng giản dị, thì đời sống tinh thần càng phong phú, thanh thoi. Muốn tu tiến thì phải cởi bỏ bớt những trói buộc của sự xa hoa phiền phức.

Có những điều kiện đó – gắng sức, lập một chương trình, đừng muốn mau có kết quả, bớt giao du, sống giản dị – chúng ta mới có thể nâng cao trình độ văn hóa, luyện óc thẩm mỹ, luyện tình cảm được. Ba công việc đó quan trọng như nhau, phải thực hiện cùng một lúc.

Tôi mong rằng bạn đã theo học hết ban trung học đệ nhị cấp hoặc ít nhất là hết ban trung học đệ nhất cấp. Bạn thi đậu thì càng quý: có bằng cấp Tú Tài, bạn được ghi tên vào các trường đại học và có thể vừa làm việc vừa học thêm, có bằng trung học đệ nhất cấp, bạn được quyền dự nhiều kỳ thi tuyển nhân viên.

Nhưng dù không đậu thì công mười năm hay mười mấy năm học hành của bạn cũng không phải là vô ích. Bạn có một sức học phổ thông đủ để tự học được.

Nếu bạn chỉ mới học hết ban tiểu học thì tri thức còn thiếu thốn nhiều lắm, và công việc tự học sẽ rất vất vả. Tôi biết nhiều người thông minh, nhờ chịu đọc sách, nghiên cứu mà thành những nhà trí thức tiếng tăm, song họ chỉ hiểu rộng về văn chương, lịch sử, địa lý, còn về khoa học chẳng biết gì mấy, và xét chung thì ngoài khu vực chuyên môn của họ ra, họ hiểu chậm lắm; sự hiểu chậm chứng tỏ rằng trình độ văn hóa của họ thấp.

Vậy nếu chỉ có tiểu học thì bạn rán học thêm cho hết bậc trung học đệ nhất cấp.

Sự học ở ban trung học chỉ có bề rộng mà không có bề sâu, điều đó tất nhiên rồi. Bạn hiểu mỗi môn một chút; cái “một chút” đó đem dùng ngay vào việc đời thì không lợi gì mấy; nhưng dùng vào sự học thêm thì có ích, nó giúp ta lần lần có một trình độ văn hóa cao.

Người có văn hóa cao không cần phải nhớ nhiều. Sự học ngày nay mệnh mông, chứ không thu hẹp trong tứ thư, ngũ kinh và vài bộ sử như ngày xưa mà có thể nhớ hết được. Ngoài khu vực chuyên môn ra, ta chỉ cần hiểu rõ cái đại cương rồi biết cách tra kiểm tài liệu để nghiên cứu cho sâu thêm. Cần nhất là nhãn quan cho rộng, biết bao quát vấn đề, hiểu mau

và phán đoán vững vàng. Một chính khách và học giả Pháp, ông Herriot nói: *“Tri thức là cái gì còn lại khi người ta đã quên tất cả những điều đã học được”*. Khi ông viết câu đó, giá có ai cắc có bắt ông thi lại bằng Tú tài thì tôi chắc có nhiều môn ông kém điểm những học sinh trung bình; nhưng đưa một tác phẩm nào về những môn đó cho ông đọc thì ông mau hiểu hơn, hiểu thấu đáo hơn, phê bình xác đáng hơn bất kỳ một học sinh nào; và nếu gặp chỗ nào mà ông nghi ngờ là sai thì ông có thể tìm ngay ra được tài liệu để tra cứu lại. Còn những vấn đề về nhân sinh, về xã hội, về văn học... tất nhiên ông vượt hẳn cả nhiều giáo sư đại học. Như vậy là có một trình độ văn hóa cao.

Trái lại, những nhà bác học chỉ chuyên khảo cứu về một vấn đề nào đó, chẳng hạn về vi trùng học, về nguyên tử, mà không đọc nhiều sách ở ngoài phạm vi của mình, thì có thể chẳng hiểu gì về tôn giáo, văn chương, chính trị, tâm lý, và kiến thức không đáng gọi là rộng được.

Thời giờ thì có hạn, công việc thường ngày của ta mỗi ngày một nhiều, sự học hỏi thì mênh mông, mà mỗi người lại phải làm một nghề chuyên môn, thành thử khó mà dung hòa trình độ chuyên môn và trình độ văn hóa. Đó là một vấn đề gay go của thời đại; ta thường thấy nhiều nhà chuyên môn trình độ văn hóa rất kém, đã không có lợi gì cho bản thân, cho gia đình họ – chẳng hạn trường hợp một kỹ sư điện mà không biết cách dạy con, không biết luật pháp – mà cũng không có lợi gì nhiều cho xã hội.

Khuyết điểm đó ta phải tìm cách bồi bổ; nghĩa là phải tổ chức đời sống ra sao cho có thì giờ học hỏi thêm, chẳng những về ngành chuyên môn của mình mà còn về tất cả những cái gì quan trọng liên quan tới xã hội và con người. Như Têrence đã nói: *“Tôi là người, và không có cái gì liên quan tới loài người mà xa lạ với tôi”*. Tất nhiên, ta nâng cao trình độ văn hóa được đến đâu thì hay tới đó, không biết thế nào là đủ được. Và tôi tưởng nếu ta lựa được chừng một trăm tác phẩm phổ thông và nghiên cứu có giá trị, lại đọc đều đều chừng vài ba tập chí thì trình độ văn hóa của ta cũng không đến nỗi kém lắm.

Điều khó là lựa tác phẩm nào để đọc. Trong cuốn *Tự học để thành công*, tôi đã giới thiệu vài ba trăm tác phẩm ngoại quốc, phần nhiều lựa trong cuốn *La bibliothèque de l'honnête homme* do nhà Ad. Goemaère ở Bruxelles (Bỉ) xuất bản. Để soạn cuốn đó, một nhóm gần bốn chục nhà bác học ở Bỉ có danh tiếng khắp thế giới họp nhau lựa chọn những tác phẩm căn bản về văn hóa vạn quốc rồi sắp theo từng loại (có đủ các loại: Tác phẩm tổng quát, Sử

ký, Văn minh, Ngữ học, Mỹ thuật, Văn học, Khoa học luân lý, Khoa học tự nhiên và đích xác), từng xứ, từng thời đại rồi giới thiệu mỗi tác giả hoặc tác phẩm quan trọng trong ít hàng, hết thấy được khoảng ba ngàn bộ.

Gần đây tôi lại được biết một công trình tương tự của một nhóm trên bốn chục giáo sư, học giả ở Mỹ, do ông Atwood H. Townsend điều khiển. Nhóm đó đã lựa non ngàn rưỡi bộ để giới thiệu với dân chúng trong cuốn *Good Reading*, nhà New American Library xuất bản. Sách nhằm giới bình dân (không như cuốn *la bibliothèque de l'honnête homme* nhằm giới trí thức), cho nên nặng về Sử ký, Triết học, Văn học, Mỹ thuật hơn những môn khác. Tuy nhiên, hạng trí thức nước mình dùng nó vẫn thấy bổ ích.

Trước hết bạn phải đọc thông một sinh ngữ, Anh hay Pháp, rồi lựa trong hai tác phẩm đó những cuốn căn bản về mỗi môn.

Về lịch sử nhân loại chẳng hạn, bạn chỉ cần mua một cuốn *Esquisse de l'Histoire universelle* của H.G. Wells (có bản dịch ra tiếng Pháp của nhà Payot – Paris, bản dịch này đã được giải thưởng của Hàn lâm viện Pháp), rồi nếu thích sử thì bạn sẽ đọc thêm những cuốn khác về các văn minh cổ, các cuộc cách mạng lớn ở châu Âu.

Về văn học nếu bạn thông hiểu tiếng Pháp thì bạn nên có một cuốn về lịch sử văn học Pháp của G. Lanson hay D. Mornet (riêng về văn học hiện đại thì có cuốn *Littérature contemporaine* của H. Clouard). Tất nhiên bạn cũng phải đọc ít nhất là mười tác phẩm chính bất hủ về mọi thể: kịch, thơ, tiểu thuyết, triết lý, luận thuyết... Dù không biết tiếng Anh, bạn cũng nên biết qua loa về văn học Anh; và nếu có được một bộ về văn học sử thế giới thì càng quý.

Về triết học phương Tây, tôi chưa thấy cuốn nào viết dễ hiểu và vui như bộ *The Story of Philosophy* của Will Durant (cũng có bản dịch ra tiếng Pháp của nhà Payot). Đọc cuốn đó rồi mà bạn thấy mê triết lý thì sẽ kiếm thêm những tác phẩm quan trọng của mỗi triết gia như Platon, Aristote, Spinoza, Kant...

Về khoa học, tôi tưởng gia đình nào cũng nên có cuốn *Histoire de la Science* của Pierre Rousseau (nhà Arthème Fayard). Dầy hơn tám trăm trang mà đọc mê như tiểu thuyết. Tác giả học rộng, có tài viết sách phổ thông khoa học và tôi có gần đủ những sách về Thiên văn của ông. Đọc những sách này thấy được cái mệnh mông không tưởng tượng nổi của vũ trụ,

nhất là thấy bộ óc của loài người chỉ nhỏ bằng nắm tay mà tìm ra được những luật chi phối vũ trụ, lường được, đoán được tính chất các tinh tú cách ta hằng triệu năm ánh sáng, có ngôi đã tắt từ ức vạn năm rồi mà ngày nay ta vẫn còn thấy lấp lánh trên không trung, thực không có gì thú bằng, không có gì làm cho tâm hồn ta khoáng đạt hơn nữa.

Rồi những bí mật của những núi cao, biển cả, của thảo mộc, côn trùng (tôi nhớ tới bộ *Souvenirs entomologiques*, chín mươi cuốn, gồm mấy ngàn trang của Fabre, một bộ sử côn trùng đẹp như thơ), biết bao cái nó mở rộng kiến thức và nâng cao tâm hồn của con người.

Về tôn giáo, luật học, kinh tế học, xã hội học, chính trị học... bạn cũng nên có ít kiến thức phổ thông, đủ để tra cứu trong sách chuyên môn mỗi khi cần.

Những phát minh mới mẻ của khoa tâm lý học giúp ta hiểu mình và hiểu người. Cuốn *Les prodigieuses victoires de la psychologie moderne* của Pierre Daco (loại Marabout Service) rất rẻ tiền mà rất bổ ích, mới in ra được vài tháng đã bán hết. Những phương pháp giáo dục mới, những sách dạy cách xử thế, tu thân, nhất là những thường thức y học như trong một chương trên tôi đã nhắc tới, đều rất cần thiết, bạn không thể không đọc được.

Tôi chỉ phác ra vài khu vực, chú ý là hướng dẫn bạn chứ không thể nào giới thiệu cho đủ. Bạn nên tìm kiếm thêm trong cuốn *La Bibliothèque de l'honnête homme* và cuốn *Good Reading*.

Nhưng tôi muốn nhấn mạnh vào điều này: phải hiểu biết về nước mình và phương Đông.

Một người Việt thực có học phải đọc được chữ Hán, nếu không thì ít nhất cũng phải hiểu rành rọt những tiếng Hán Việt, chẳng hạn có thể phân tích những tiếng như mục kích, truyền thống, quả cảm... mục là gì, truyền thống là gì...? Có hiểu như vậy mới gọi là thông tiếng Việt và viết mới ít sai. Ta không cần viết bằng chữ Hán, chỉ cần hiểu nghĩa, nên không tốn công bao nhiêu: đại loại chỉ có độ hai ba ngàn tiếng Hán Việt thông dụng mà nếu sự dạy tiếng Việt ở bậc trung học được tổ chức đàng hoàng, có giáo sư giỏi, có sách giáo khoa đứng đắn thì những học sinh ban tú tài văn chương phải tới được trình độ đó. Nếu không được học ở trường thì bạn học lấy: mỗi lần gặp một tiếng khó, chịu khó tra tự điển Hán Việt rồi học cho nhớ thì chỉ trong vòng ba năm là hiểu rõ được nghĩa những tiếng thông dụng.

Tất nhiên bạn phải biết về lịch sử, địa lý, văn học, tôn giáo của nước nhà. Dù không đọc được hết bạn cũng phải có trong tủ sách những tác phẩm cổ kim – kể ra cũng chẳng có bao nhiêu, để mỗi khi cần dùng tới thì tra khảo.

Nhưng bạn cũng không được quên lịch sử và văn minh Trung Hoa, Ấn Độ và ít nhất bạn cũng phải đọc kỹ một bộ sử Trung Hoa từ thượng cổ đến thế chiến thứ nhì, một bộ Triết học phương Đông, một bộ Văn học sử Trung Hoa. Bạn nên có bản dịch của bộ *Tứ Thư*, một cuốn nghiên cứu về đạo Phật, một cuốn nữa về đạo Lão. Thơ đời Đường, từ đời Tống, một ít cổ văn của bát đại gia Trung Hoa rất đáng cho bạn thưởng thức dù bạn là một nhà khoa học, làm kỹ sư hay y sĩ...

Sự liệt kê của tôi còn thiếu sót nhiều, nhưng tôi tưởng trong năm sáu năm đầu khi mới ở trường ra, bạn đọc được những sách tôi đã kể trên để bổ túc sự học ở trường thì bạn đã tiến một bước dài đáng khen rồi đấy.

Tự học như vậy không phải chỉ nhằm mỗi một mục đích mở rộng kiến thức mà còn để luyện óc thẩm mỹ. Như trên tôi đã nói, tôi hiểu Đẹp theo một nghĩa rộng: nó gồm cả cái Chân và cái Thiện. Vậy thì có óc thẩm mỹ là biết phân biệt cái hư cái thực, cái phải cái trái, cái đẹp, cái xấu, biết yêu cái gì đáng yêu, ghét cái gì đáng ghét, mà không phải chỉ có âm nhạc, hội họa, thi văn mới luyện óc thẩm mỹ. Bất kỳ môn học gì cũng giúp ta tìm hiểu cái đẹp được.

Darwin khi về già phàn nàn:

“Đã từ lâu rồi tôi không chịu đọc lấy một câu thơ, mới đây tôi ráng đọc Shakespeare và tôi thấy chán quá, đến ngấy lên. Tôi cũng gần như mất cái thú ngắm tranh và nghe nhạc (...). Tôi còn hơi thích ngắm cảnh đẹp nhưng không còn thấy thú lạ lùng như hồi trước (...) Hình như óc tôi đã biết thành một cái máy để nhào vô số những sự kiện rồi rút ra những luật tổng quát, nhưng tôi không hiểu được tại sao khả năng tìm tòi suy nghĩ đó làm cái phần kia của óc, phần thưởng thức cái đẹp, teo lại được. Một người mà tinh thần được tổ chức khéo hơn hoặc cấu tạo hoàn bị hơn chắc không bị cái bệnh đó như tôi. Nếu tôi được làm lại cuộc đời thì tôi sẽ đặt quy tắc này là ngâm thơ và nghe nhạc ít nhất là một tuần lễ một lần. Nếu được luyện tập thì cái phần hiện nay teo lại trong óc tôi chắc bảo tồn được hoạt động của

nó. Không thưởng thức được những cái đẹp đó là mất hạnh phúc ở đời; nó có thể hại cho óc thông minh và chắc là hại cho tính tình vì nó làm nhụt cảm xúc của ta đi”.

Lời tự thú của ông là một lời cảnh cáo cho chúng ta. Khảo cứu về khoa học, sắp đặt, ghi chép sự kiện luôn trong mấy chục năm, óc ông quá phát triển về phương diện này thì tất phải suy nhụt về phương diện khác. Vậy ta nên nghe lời ông, mỗi tuần ít nhất là một lần nghe nhạc, đọc thơ và ngắm cảnh.

Nhưng ông cũng hơi có thiên kiến: ông cho rằng khoa học không luyện được óc thẩm mỹ; còn tôi thì thấy rằng khoa học cũng có cái đẹp của nó: thu được sự vận chuyển của vũ trụ vào trong một công thức rất bình dị như Newton, coi màu sắc ánh sáng một tinh tú mà đoán được tuổi của nó và khoảng cách nó xa trái đất là bao nhiêu; đoán đúng được từng phút từng giây những nhật thực và nguyệt thực; tìm được những luật sinh lý kỳ cục trong con sâu cái kiến như Fabre; tạo ra được những thiên lý nhãn, thiên lý nhĩ cho nhân loại; diễn một công thức thành một đường cong uyển chuyển, đều đặn... những công việc đó cũng có cái đẹp của nó chứ? Tại sao lại chê khoa học là khô khan? Cái đẹp có thiên hình vạn trạng. Tùy tính tình khả năng của mỗi người mà kẻ thì thiên về cái này, kẻ thiên về cái khác, và có phước thay kẻ nào cảm được sâu và rộng, bắt được cái đẹp trong nhiều hình thức của nó.

Nhưng hưởng cái đẹp có phần chưa thú bằng tạo được cái đẹp. Không phải ai cũng có tài làm thơ, vẽ hoặc đàn, ca... song ai cũng có thể tạo ra cái đẹp.

Trình bày một bức thư cho nhĩ, bày biện đồ đạc cho cân đối, khéo lựa màu thêu một cái khăn, khéo tìm kiểu cho một bức màn...; tôi tưởng bất kỳ ai được huấn luyện ít nhiều đều có thể tạo được những cái đẹp trong công việc lật vật thường ngày đó.

Dễ nhất là trồng hoa. Mua ít hạt giống, gieo xuống đó rồi tưới mỗi ngày, chẳng bao lâu cả một bức tranh linh động rực rỡ màu sắc, ngào ngạt hương thơm, sẽ hiện lên lần lần ở ngay cửa sổ. Tôi nghe nói dân tộc Nhật Bản có lần tặng thành phố Hoa Thịnh Đốn một rừng anh đào. Họ nên tự hào về cử chỉ đó hơn là về cuộc tàn phá Trân Châu Cảng trong một buổi sáng.

Cái đẹp đầy dẫy trong vũ trụ, trong sách vở, trong mọi sáng tác của loài người, từ một giọt nước, một búp non, một tiếng chim, tiếng gió đến văn thơ, âm nhạc, kiến trúc, y phục... vậy mà có kẻ bảo đời là đáng chán, thì nhất định kẻ đó bệnh hoạn chứ không phải bình thường.

Đẹp hơn cả có lẽ cái tình của con người.

Một số người theo đạo Phật cho tình là nguồn gốc của mọi oan trái. Có đúng cũng chỉ đúng một phần thôi. Điều chắc chắn là không có tình thì vũ trụ không như ngày nay, mà đời người không đáng sống. Vì sống để làm gì bây giờ khi mà con người hết tình cảm? Mặt trời cũng vẫn mọc và vẫn lặn, nhưng chúng ta sẽ hoàn toàn thản nhiên; hoa cũng vẫn nở, chim cũng vẫn hót nhưng chúng ta không thấy đẹp, thấy thơm, thấy du dương nữa. Mà lúc đó học hành, lập gia đình, sáng tác để làm gì nữa? Không có tình thì mọi vật hoàn toàn sẽ vô nghĩa. *“Tình là linh hồn của sự sống, là ánh sáng của tinh tú, là âm tiết trong ca nhạc, là cái rực rỡ trong bông hoa, màu sắc trên lông chim, cái duyên của đàn bà và sự sống trong khoa học”.*

Cho nên ta luyện tâm trí để thưởng thức được cái đẹp, mà thưởng thức cái đẹp chính là để luyện cảm xúc tính của ta cho tế nhị, mẫn nhuệ, sâu sắc.

Tôi không hiểu tại sao người ta lại muốn diệt tình cảm; theo tôi thời này, nhất là trong các đô thị, nó bị văn minh cơ giới làm cho khô héo quá rồi, nên tưới thêm cho nó mới phải chứ!

Lâm Ngữ Đường bảo:

“Hồi còn bé ai cũng có tình cảm, nhưng khi chúng ta lớn lên, bản chất tình cảm của ta bị hoàn cảnh cay độc giết chết, bóp nghẹt, làm cho ốm o gầy mòn đi, một phần lớn tại ta không siêng năng bồi dưỡng nó, không che chở nuôi nó. Trong khi học “kinh nghiệm của đời”, ta dần áp bức tính của ta, tập cho cứng rắn, giả dối, nhiều khi tàn nhẫn, thành thử kẻ nào khoe mình là mỗi ngày một già kinh nghiệm, thì thần kinh của họ cũng mỗi ngày một chai ra, một nhụt đi; nhất là trong giới chính trị và thương mại. Kết quả là chúng thành hạng người “thành công” lớn, đẩy người khác ra mà leo lên được tới ngọn, hạng người ý chí sắt đá, quyết định không hề lung lay, mà trong lòng còn giữ được chút tình cảm nào cái thứ lý tưởng đa cảm, lỗ bích đó, người ta bảo vậy, thì nó cũng chết lần chết mòn đi. Hạng người đó không đáng cho tôi khinh nữa. Nếu một ngày kia chính phủ dùng chính sách làm tuyệt chủng bọn bất lực thì phải bắt đầu từ bọn không có tình cảm, không thưởng thức được cái đẹp, những kẻ lòng dạ sắt đá, quyết định lạnh lùng, tàn nhẫn mưu sự thành công, rồi mới tới những kẻ điên”.

Lời mạt sát của ông thật mạnh và đích đáng.

Chính họ là tổ của bọn độc tài, của Hitler, Mussolini, mà cái nạn độc tài thực kinh khủng. Tôi mới đọc xong cuốn *Exodus* của Leon Uris (Robert Laffont Paris), một thiên phóng sự viết theo thể tiểu thuyết, bán chạy nhất từ xưa tới nay, chỉ trong một tuần bán hết một triệu cuốn, tả sự dã man của bọn Hitler. Họ tiêu diệt năm sáu triệu dân Do Thái bằng đủ mọi cách, mà cách ghê gớm nhất là đem nhốt vào phòng hơi độc, để giết rồi thiêu và tán xương ra làm phân bón ruộng.

Không, cái bề khổ của nhân loại do thiếu tình chứ không phải là do phú tình mà gây nên. Và tôi nghĩ rằng con người có luyện tình cảm cho tế nhị, rộng rãi, sâu sắc thì mới là con người văn minh. Bất kỳ sự học hành, tu tiến nào cũng phải nhắm mục đích đó trước hết.

Chương VII

HÔN NHÂN

1. Có được vợ giúp đỡ mới làm nên.
 2. Hôn nhân và gia đình.
 3. Bốn cộng đồng trong hôn nhân.
 4. Muốn cho hôn nhân được bền.
 5. Những trường hợp chưa nên lập gia đình:
 - Chưa có một quan niệm đúng đắn về hôn nhân.
 - Tuổi còn nhỏ.
 - Cơ thể không lành mạnh.
 - Chưa có nhà riêng.
 - Ốc chưa già giặn.
-

Chỉ trừ một số đào hát bóng ở Hollywood còn thì không ai không nhận rằng hôn nhân là một việc quan trọng nhất trong đời, cho nên xét phong tục dân tộc nào ta cũng thấy hôn lễ long trọng, tỉ mỉ hơn cả.

Hôn nhân quan trọng vì nó định đoạt một phần lớn hạnh phúc của cá nhân mà cá nhân có hạnh phúc thì gia đình mới thịnh vượng, quốc gia mới thịnh vượng. Chu Tử nói: “*Cha con yêu nhau, gốc là việc công*”. Lời đó đúng, mà nếu đổi ra: “*Vợ chồng yêu nhau, gốc là việc công*” thì còn đúng hơn nữa, vì có vợ chồng rồi mới có con cái, có gia đình.

Hôn nhân chẳng những định đoạt hạnh phúc mà còn định đoạt sự thành công của bạn nữa. Bạn mỉm cười ư? Tôi hiểu tâm lý bạn. Bạn còn trẻ, hăng hái, hoạt động, có tài, nên bạn rất tự tin, nhất định tự tạo lấy tương lai của mình, không cần nhờ vả ai hết. Thân tu mi nam tử mà lại nhờ vợ mới thành công thì chẳng tủi lắm ư? Vâng, cái hạng đào mỏ hoặc nhờ tài “ngoại giao” của vợ mà được chức phận thì bao giờ mà chẳng đáng khinh? Tuy nhiên nhờ vợ có nhiều cách và nếu đừng hiểu tiếng đó theo nghĩa xấu thì ai cũng phải nhờ vợ mới thành công được.

Đã kinh nghiệm ít nhiều, đã nhận xét đời những người chung quanh và đời những danh nhân trong lịch sử, tôi thấy rằng tính tình, tài đức của người vợ ảnh hưởng rất lớn đến công

việc của người chồng. Bạn có tài kinh doanh, làm ra tiền, nhưng kiếm được đồng nào, bà vợ xài hết đồng đó, thì bạn cũng khó mà phát đạt được; nếu bạn không tin bà, đích thân cai quản lấy mọi việc thì một là không còn thì giờ để kinh doanh, hai là sẽ chết sớm vì lao tâm, lao lực. Bạn có tài làm thơ, nhưng không gặp được vợ nhu mì đảm đang, nhà cửa lúc nào cũng ỉ eo, thì bạn có thể sáng tác được những bài rất chua xót đấy, song cái hứng của bạn tất cũng mau cạn. Tolstoi hồi mới cưới vợ, được hưởng hạnh phúc đầy đủ, nhờ vợ chép bảy lần bản thảo bộ *Chiến tranh và hòa bình* nên tác phẩm đó mới sửa chữa được rất kỹ. Dostoievsky nhờ bà vợ sau đảm đang lo công việc cửa nhà nên về già mới bình tĩnh mà sáng tác được bộ *Ba anh em Karamazov*.

Tôi vẫn biết có một số vĩ nhân ở độc thân như đức Giesu hoặc từ bỏ gia đình như đức Thích Ca mà lập nên sự nghiệp muôn thuở, một số khác càng đau khổ về gia đình bao nhiêu, càng hy sinh cho quốc gia nhân loại bấy nhiêu như Socrate, Abraham Lincoln, như Tolstoi lúc về già; nhưng đó là những ngoại lệ, còn xét phần đông thì câu tục ngữ: “Của chồng, công vợ” thường là đúng.

Lâm Ngữ Đường đã viết được nhiều trang sâu sắc để bàn về hôn nhân và gia đình. Ông bảo muốn xét trình độ văn minh của một dân tộc thì chỉ cần xét xem dân tộc đó tạo được những người chồng, người vợ, người cha, người mẹ ra sao. Điểm đó quan trọng nhất, còn những điểm khác như nghệ thuật, triết lý, văn chương, sự tiện nghi về vật chất đều không có nghĩa lý gì cả, vì tất cả những cái đó chỉ là những phương tiện để tạo những người chồng, người vợ, người cha, người mẹ hiền lương, ưu tú. Ở thời nào, xứ nào cũng có chín chục phần trăm con người là chồng hoặc là vợ, và cả trăm phần trăm đều có cha, có mẹ. Vậy thì tất nhiên cái văn minh nào tạo được hạng người đó lương hảo nhất phải là cái văn minh cao nhất. Số nghệ sĩ, triết gia, bác học nhiều lắm là được một phần ngàn dân số: đào tạo hạng người đó có lợi cho nhân loại thật, nhưng đào tạo họ cũng chỉ có mục đích để họ cải thiện xã hội, nâng cao tâm trí của quần chúng tức của những người chồng, người vợ, người cha, người mẹ; nếu không thì công việc nghiên cứu, sáng tác của họ có lợi gì đâu? Một nước có được những thiên tài vào hạng Descartes, Shakespeare, Pasteur, mà quần chúng là những người chồng tàn bạo, những người vợ biếng nhác, những người cha, người mẹ không biết nuôi con, dạy con thì nước đó có thể gọi là văn minh được không?

Như vậy thì hôn nhân quả là việc quan trọng nhất trong đời người, điều ấy không còn nghi ngờ gì nữa.

Vậy mà trong gia đình và cả ở trường học, không có một chương trình giáo dục về hôn nhân. Kể ra, người ta cũng có dạy thanh niên một đôi điều: trong các gia đình có nề nếp, trước khi con gái về nhà chồng, bà mẹ cũng có dặn dò nên cư xử với chồng, với gia đình nhà chồng ra sao; ở trường người ta cũng có chỉ bảo cách cho trẻ bú, cách cắt những cái áo xinh xinh cho em bé; về phần con trai, người ta cũng có khuyên nên lựa bạn trăm năm theo những tiêu chuẩn nào; chẳng hạn đừng tham tiền, mà nên để ý đến giáo dục, học thức, sức khỏe... Nhưng vấn đề giáo dục hôn nhân nào phải chỉ có bấy nhiêu; thành thử vô số thanh niên khi lập gia đình chẳng có ý niệm gì rõ ràng cả về sự quyết định lớn nhất trong đời họ.

Cứ hỏi mười thiếu nữ, tôi chắc có đến chín cô trả lời rằng:

- Đàn bà thì phải có chồng, nên tôi lấy chồng, chứ còn tại sao nữa?
- Lấy chồng để chồng nuôi chứ để cha mẹ nuôi hoài ư?
- Lấy chồng để có con.
- Lấy chồng để có nhà riêng, có người dắt đi coi hát bóng...

Nếu lại hỏi mười thiếu nam thì cũng có đến chín trả lời rằng:

- Lấy vợ để có người trông nom nhà cửa.

hoặc:

- Để có con.
- Để lâu lâu dắt đi Long Hải.
- Để cho khỏi thui thui một mình.

...

Rất ít người thấy rõ được sự quan trọng của hôn nhân. Mà số người sáng suốt lựa bạn trăm năm lại càng hiếm. Marcel Proust đã bảo: *“Nhiều người nếu tự hỏi vì lẽ gì trước kia đã hỏi người đàn bà đó làm vợ và nếu họ có thể phân tích thành thực về điều đó thì sẽ ngạc nhiên thấy rằng lý do lựa chọn của họ thật ngây thơ, nhỏ mọn”*. Ngây thơ, nhỏ mọn mà thôi ư? Có khi còn kỳ quái nữa chứ! Tôi biết có cô lấy chồng vì ganh tị với bạn, có cậu lấy vợ để trả thù một người thân.

Nếu người ta đồng ý với Lâm Ngữ Đường rằng mục đích của văn minh là tạo nên những người chồng, người vợ, người cha, người mẹ lương hảo thì chương trình trung học ngày nay phải sửa đổi rất nhiều: nửa số giờ dạy toán, lý, hóa, vạn vật phải bỏ đi mà đem những môn hôn nhân, gia đình, xử thế... thay vào. Nhưng khốn nỗi các nhà lập chương trình đều bị khoa học làm chóa mắt, nên cho rằng chỉ có bom nguyên tử, hỏa tiễn mới là cái dấu hiệu của văn minh.

Trước hết bạn nên nhớ rằng ý nghĩa của hôn nhân thời nay đã thay đổi rất nhiều.

Năm chục năm trước ông bà ta cho mục đích quan trọng nhất của hôn nhân là để nối dõi, rồi để cho người đàn bà có chỗ nương tựa, cho người đàn ông có người săn sóc nhà cửa. Người nào lớn tuổi mà không thành gia đều bị xã hội nghi kỵ, khinh bỉ.

Ngày nay những lý do tuy vẫn còn, nhưng kém quan trọng, nhất là tại các châu thành, trong giới trí thức.

Chúng ta cũng vẫn muốn có con, nhưng đông con quá thì cũng ngán: không có con trai thì có con gái cũng được, và nhiều người đã coi thường sự tuyệt tự.

Chúng ta đều muốn có một người vợ biết săn sóc việc nhà, cho nhà cửa được sạch sẽ, cơm nước đàng hoàng; nhưng có nhiều việc bếp núc, may vá xưa phải làm ở nhà thì nay có thể mua ở tiệm, thành thử người đàn bà có thể rảnh hơn hồi xưa, mà người đàn ông không có vợ thì đời sống cũng không đến nỗi khó khăn, lúng túng.

Trẻ em hồi xưa, ngoài những giờ học với ông đồ (thường mỗi ngày chỉ một buổi) đều do cha mẹ săn sóc, dạy dỗ lấy. Từ hồi mới sinh cho đến lúc đi học (năm, sáu tuổi) sự giáo dục hoàn toàn do cha mẹ. Ngày nay công việc của cha mẹ nhẹ hơn: trẻ một hai tuổi có thể đem gửi các nhà ký nhi, lớn chút nữa thì gửi các “vườn trẻ”, các lớp mẫu giáo, tới tuổi đi học thì có thể gửi ký túc xá, nghỉ hè cho vào các trại hè.

Những phụ nữ lớn tuổi mà độc thân không bị chê bai nữa; họ kiếm tiền, sống thông thả, tự do, làm cho nhiều người có chồng thêm địa vị của họ.

Những sự thay đổi đó làm cho hôn nhân kém tính cách bó buộc, thiêng liêng, nhưng thiệt ở phương diện này thì lợi ở phương diện khác. Hôn nhân ngày nay có tính cách bình đẳng hơn, cộng đồng lợi hại hơn hồi xưa.

Mà bốn cái cộng đồng quan trọng nhất là: cộng đồng tinh thần (có những tiêu khiển chung, một trình độ văn hóa ngang nhau để có thể hiểu hoạt động của nhau, nhất là có một mục đích chung, một lý tưởng chung); tôi nhớ đến câu của Saint Exupéry: “*Vợ chồng yêu nhau không phải là ngồi ngó nhau suốt ngày mà là cùng nhìn về một hướng*”, cộng đồng tình dục, cộng đồng kinh tế, cộng đồng gia đình (nghĩa là chia nhau trách nhiệm nuôi nấng, dạy dỗ con cái).

Không phải là hồi xưa ông bà ta không có bốn cộng đồng đó, nhưng vì tính cách không bình đẳng giữa chồng và vợ, nên sự cộng đồng không quan trọng, đầy đủ ý nghĩa như ngày nay. Về tinh thần, vì các cụ bà ít học, nên các tiêu khiển của cụ ông như cầm kỳ thi họa, cụ bà ít dự tới. Một lẽ nữa, các cụ bà lo việc bếp núc, may vá suốt ngày, không có thì giờ đâu để tiêu khiển chung với chồng được. Đến ngay như nghề nghiệp, (chẳng hạn dạy học hay làm quan), công việc quốc gia, xã hội của chồng, các cụ cũng ít khi bàn tới. Về tính dục, nhiều cụ có quan niệm là chỉ cốt có con nối dõi. Về kinh tế thì tuy có câu tục ngữ “*Của chồng, công vợ*”, nhưng phần đông công việc giữ tiền, kinh doanh chỉ ở trong tay một người, hoặc cụ ông hoặc cụ bà nếu cụ bà đảm đang làm ăn để nuôi chồng. Về con cái thì mọi việc dạy dỗ, cưới gả phần nhiều đều do các cụ ông định đoạt hết.

Bốn sự cộng đồng đó, ngày xưa không được mạnh mẽ mà gia đình rất vững, vì phong tục, luật pháp bắt người đàn bà phải tùy thuộc người chồng, và cũng vì các cụ coi trọng tình nghĩa hơn bây giờ.

Ngày nay thì khác. Ông Edward Kaufmann, một luật sư Mỹ, sau ba chục năm chuyên xét các vụ ly dị, rút được nhiều kinh nghiệm để soạn hai cuốn *Vous et vote mari* và *Vous et votre femme*, bảo rằng nếu chỉ một trong bốn cộng đồng đó mà yếu thì hôn nhân không khi nào lâm nguy cả: chẳng hạn trình độ văn hóa của vợ chồng khác nhau xa, người vợ không hiểu được những hoạt động tinh thần của chồng như trường hợp ông bà Disraeli thì vợ chồng vẫn có thể khăng khít với nhau nếu ba cộng đồng kia (tính dục, kinh tế, gia đình) ở trên mực trung. Nhưng nếu có hai hay ba cộng đồng dưới mực trung thì hôn nhân khó mà vững được.

Ông chia tờ giấy làm bốn khoảng đều nhau, mỗi khoảng là một cộng đồng rồi ông vẽ biểu đồ của những cuộc ly dị, thấy rằng đường biểu diễn của các cộng đồng chỉ vượt lên trên một

đường bình hành trở mức trung ở mỗi một khoảng còn ở ba khoảng kia xuống rất thấp; có trường hợp ly dị, con đường biểu diễn đó không tới được đường bình hành ở một khoảng nào hết. Trái lại, trong những cuộc hôn nhân có hạnh phúc thì đường biểu diễn có thể thấp hơn đường bình hành ở một khoảng mà vượt lên trên đường bình hành ở ba khoảng khác.

Nhận xét đó của ông đáng cho bạn suy nghĩ và sẽ giúp bạn được nhiều để gây hạnh phúc trong hôn nhân.

Hiểu hôn nhân là một cộng đồng giữa hai bên, ta sẽ thấy có nhiều trường hợp không nên lập gia đình.

Trước hết *không nên lập gia đình nếu mục đích không phải để thực hiện bốn cộng đồng đã kể trên*. Nếu thực hiện được cả bốn thì càng tốt, nếu không thì cũng phải được ba hay ít nhất là hai.

Trường hợp hy sinh cho gia đình như nàng Kiều vẫn thường xảy ra trong xã hội. Trong chiến tranh vừa rồi, tôi đã thấy những thiếu nữ có học, có sắc mà phải nuốt lệ lên xe hoa, làm bạn với một kẻ vũ phu chỉ vì tình cảm gia đình; họ rất đáng thương, không ai trách họ vào đâu được, và tôi mong rằng trong một xã hội thực là văn minh thì những chuyện đau lòng đó không khi nào xảy ra.

Nhưng còn nhiều trường hợp khác rất đáng chê. Chẳng hạn một thanh niên nọ hỏi một thiếu nữ không được, đâm tức tối, cậy cục cưới cho được một cô khác giàu hơn, mặc dù cô này rất kém về dung, ngôn, công, hạnh, có ý như để nhấn cô kia rằng nhà cô ta chưa thấm vào đâu, đừng có hợm mình. Tất nhiên thanh niên đó không yêu vợ, phải trả một giá rất đắt và trả suốt đời, có lẽ cả trong đời con cháu nữa, sự tức khí vô lý trong một lúc đó. Tôi nói phải trả cả trong đời con cháu vì vợ chồng mà không hòa thuận thì con cái khó sung sướng, thông minh được.

Trường hợp này cũng xảy ra rất thường, bất bình với dì ghẻ hoặc kẻ mẫu, muốn thoát ly gia đình bằng mọi cách, sớm ngày nào hay ngày nấy, nên nhắm mắt đính hôn.

Có cô thấy bạn bè kém mình về nhiều phương diện mà đã lập được gia đình, cũng vội vàng vợ quàng một đám. Có lẽ họ cho muện có gia đình là một cái nhục. Ốc họ thật non nớt.

Đáng thương và đáng trách hơn là một thiếu nữ nọ, nhà khá giả, có học, có duyên, đã hẹn hò với một thanh niên, sau vì gia đình thanh niên đó không bằng lòng, cuộc tình duyên phải đoạn tuyệt, thiếu nữ buồn chán muốn hóa điên, oán trách người tình thậm tệ, tìm cách tự hủy đời mình để trả thù, cưới một người có tật, nghèo, xấu, học lại kém mình. Có phải người thiếu nữ đó tự làm cho mình đau đớn ê chề để người tình cũ phải ân hận không? Hay là muốn cho người ấy hiểu rằng: “Sang trọng có học mà tâm hồn như vậy, nuốt lời thề thì cũng không bằng một kẻ ngu dốt, nghèo hèn, tàn tật”.

Kết quả ra sao bạn đã đoán được: hai vợ chồng chỉ ở với nhau được vài năm rồi xin ly dị, và người vợ bắt đưa con trai độc nhất, nuôi nó để có một nguồn an ủi, nhưng nó dần dần, trung bình cứ ba năm hai lớp, tương lai chẳng có gì khả quan. Và người đàn bà đó mỗi ngày thêm oán đời, sống âm thầm trong nhà, tuyệt giao với cả bà con và những bạn bè thân nhất, trước kia đẹp và có duyên, bây giờ xấu xí, quạu quọ, chua chát.

Những bi kịch như vậy xảy ra rất thường ở chung quanh ta, chỉ vì người đời không hiểu rõ ý nghĩa của hôn nhân, hoặc hiểu mà coi thường nó.

“Hôn nhân mà không xây dựng trên lý trí, là xây dựng trên cát”. Không có cái lý lẽ “khẩn cấp” nào dù là cưới để chạy tang, dù là cưới vì đăng trai sắp phải nhập ngũ, bắt buộc được bạn làm hôn lễ trước khi biết rõ người mình tính lựa chọn. Thà là muộn vợ, thà là ề chồng còn hơn là vợ quàng vợ xiên.

Tai hại nhất là những hôn nhân mà mục đích là để thoát ly đời sống khó chịu hiện tại. Nó chỉ là ảo tưởng và sớm muộn gì người ta cũng vỡ mộng, thấy đời sống chung còn đau khổ hơn đời hiện tại nữa; vì *“chỉ những người nào được tương đối sung sướng trước khi lập gia đình mới có thể sung sướng được sau khi thành gia. Hôn nhân không phải là một phương thuốc để trị những xung đột nội tâm của ta.”*^[11]

Điều thứ nhì nên tránh là kết hôn sớm quá. Theo luật pháp của ta, thiếu nữ đủ 15 tuổi và thiếu nam đủ 18 tuổi,^[12] với sự thỏa thuận của cha mẹ, có thể kết hôn được. Luật pháp các nước Âu Mỹ cũng dễ dãi như vậy, và theo bà Rosalind Russell, trong bài *J'ai bien fait de ne pas me marier jeune* (tạp chí *Sélection du Reader's Digest* số Avril 1959) thì ngay ở Mỹ có một nửa thiếu nữ về nhà chồng dưới hai mươi tuổi, và nhiều cô chỉ có mười sáu, mười bảy tuổi.

Các nhà làm luật có những lý do về tâm lý hay xã hội mà tôi không cần xét ở đây. Tôi chỉ xét đến hạnh phúc hôn nhân và tôi cho rằng những tuổi đó sớm quá.

Có nhiều người muốn thành gia sớm để khi về già khỏi chịu cái cảnh tre già mà măng mới mọc. Lý do chỉ đúng có một phần: dù cưới vợ sớm từ hồi hai chục tuổi, thì năm, sáu chục tuổi vẫn còn có thể có con được, và cái cảnh tre già măng mọc vẫn xảy ra được. Tất nhiên, lúc đó có đứa đã lớn, và đứa lớn có thể săn sóc đứa nhỏ, nhưng ta có nên giao phó hết nhiệm vụ của ta cho đứa lớn không? Và lại ta có thể hy vọng sống trung bình được sáu chục tuổi, thế thì ba chục tuổi thành gia cũng chưa muộn mà.

Càng sớm thì chỉ càng có hại. Dưới hai chục, hai mươi lăm tuổi, óc chưa già dặn, người ta chưa có kinh nghiệm, làm sao biết lựa bạn? Nếu biết nghe lời cha mẹ thì còn đỡ đỡ thôi, chứ không phải là không có hại, vì cha mẹ thường có quan niệm khác với quan niệm của con, còn như tự lựa lấy thì thật là nguy hiểm. Người ta dễ mê một kiểu tóc uốn, một màu áo ni lông hoặc một giọng hát “cha cha cha”, một điệu bộ hát bóng, chưa hiểu được những giá trị tinh thần, do đó mà cuộc hôn nhân không được bền. Nếu người ta sống bám vào cha mẹ thì thế nào cũng xảy ra những xích mích trong gia đình; nếu người ta ở riêng thì không biết thu xếp tính toán việc nhà, mà chưa hết tháng trăng mật nhà cửa đã không còn là một tổ uyên ương nữa.

Nhất là khi rủi ro, người chồng mất việc thì hạng vợ “búp bê” mười tám, mười chín tuổi không sao đủ nghị lực để chịu chung cảnh khó khăn với chồng, mà sớm muộn gì cũng bùng con trở về nhà với cha mẹ. Bạn nhận xét chung quanh thì biết: vô số những cặp uyên ương mới tháng trước quấn quít nhau, kè kè nhau vào các trà thất và các rạp hát, tưởng như tràn trề hạnh phúc, một hạnh phúc bất tuyệt, mà chỉ tháng sau đã mỗi người một ngã.

Là vì các “em bé” đó đòi hỏi ở hôn nhân nhiều quá: họ muốn chàng hoài hoài là một ông hoàng trẻ, lịch sự; còn nàng thì sẽ hoài hoài là một vị công chúa mới tỉnh giấc ở trong rừng, đẹp như mộng, vui như xuân và lú lo như chim sơn ca. Họ không hiểu tâm lý nhau, không biết nhìn nhau, không chịu được một sự khó khăn, bất như ý nào, dù là nhỏ nhặt.

Cho nên tôi khuyên bạn hai mươi lăm tuổi trở đi hãy lập gia đình. Cả các bạn gái cũng vậy. Nếu đã thôi học rồi mà tuổi còn nhỏ thì kiếm một công việc gì trong các sở hay hãng mà làm việc ít năm; như vậy sẽ tập được nhiều đức tính rất quý: có thứ tự, chịu gắng sức, biết lãnh

trách nhiệm, biết giá trị của đồng tiền, biết tự lập, nhất là biết phân biệt hạng đàn ông có chân giá trị với hạng mồm mép, lịch sự theo cái kiểu màn ảnh.

Điều thứ ba là đừng lập gia đình nếu cơ thể không lành mạnh. Tới hai mươi hai, hai mươi ba tuổi, cơ thể mới phát triển hoàn toàn, có thể lập gia đình được mà không hại cho cơ thể, nhưng vì hôn nhân là một cộng đồng về tính dục, về gia đình nên lại cần phải xét xem cơ thể có lành mạnh không, có thể di hại cho bạn trăm năm và cho con cái không.

Ở Pháp, đã có một đạo luật bắt nam nữ muốn kết hôn phải nộp một tờ chứng chỉ hôn tiền (certificat prénuptia) do một y sĩ của chính phủ phát cho. Tờ chứng chỉ đó không cấm, cũng không ngăn cản sự kết hôn, nhưng cho đương sự biết mình có bệnh gì có thể gây hại cho hạnh phúc chung không, và nếu có thì phải đề phòng ra sao.

Nước ta cũng nên có một đạo luật như vậy. Lập gia đình mà không biết cơ thể mình có lành mạnh để có thể lãnh trách nhiệm mới hay không thì thực là mù quáng: nếu biết là không được lành mạnh mà lại giấu diếm không cho người kia hay thì có khác gì lừa gạt nhau.

Để lập tờ chứng chỉ đó, y sĩ hỏi kỹ:

- Về những bệnh cũ của thanh niên.
- Về những bệnh của cha mẹ thanh niên, chú ý để xem thanh niên có bị bệnh di truyền nào không.

Nếu có bệnh thì phải trị, hoặc phải đề phòng và cho người kia hay trước.

Rồi y sĩ xét kỹ cơ thể của thanh niên: tim, phổi, gan, thận, bộ thần kinh...

Sau cùng lấy máu chia làm hai phần: phần thứ nhất để thử xem có vài loại vi trùng nào không; phần thứ nhì để xem máu ở trong nhóm nào, có xung khắc với máu của người kia không, nếu có thì y sĩ cho biết là phải rất cẩn thận trong khi có thai. Đó thuộc về vấn đề chuyên môn, tôi không thể giảng rõ ở đây được; bạn muốn biết thêm, nên hỏi một y sĩ hoặc đọc những sách y khoa viết về các loại máu (groupes sanguins).

Ở Mỹ, hình như tờ chứng chỉ hôn tiền không bắt buộc, nhưng châu thành lớn nào cũng có những cơ quan để xét cơ thể những thanh niên muốn kết hôn, và chỉ bảo cho họ những điều cần thiết về mục đích của hôn nhân, về tâm lý, sinh lý, tính dục, về cả những phương pháp thụ thai theo ý muốn.

Bác sĩ Abraham Stone trong bài *Ce qu'il faut savoir avant de se marier* (Sélection du Reader's Digest số November 1995), nói rằng nhờ cơ quan đó mà nhiều thanh niên đỡ lo lắng, vì cha bị ung thư ở bao tử, hoặc ông nội bị bệnh động kinh, bà ngoại ho lao... Bác sĩ trong cơ quan sẽ giảng cho họ rằng những bệnh đó không phải là di truyền; nhưng nếu xét cơ thể thanh niên, thấy có thì nên hoãn hôn lễ trong một thời gian để trị bệnh. Để kết luận ông bảo:

“Sự khăng khít trong gia đình ngày nay không còn có thể gây được, giữ được bằng những đạo luật, bằng sự ép buộc của tôn giáo, phong tục nữa. Người chồng khéo kiếm tiền, người vợ khéo việc nội trợ, bấy nhiêu không đủ cho gia đình êm ấm, đoàn kết. Thanh niên ngày nay còn đòi hỏi nhiều hơn, đòi có một sự hòa hợp thâm thúy hơn. Sự hòa hợp đó, nhờ cơ quan hướng dẫn hôn tiền, mà có thể thực hiện được”.

Ở nước ta, không có chứng chỉ hôn tiền mà cũng không có những cơ quan như ở Mỹ, cho nên khi nào dự định kết hôn thì chính bạn phải kiếm một y sĩ đứng đắn, quen thuộc, mà tự ý nhờ y sĩ đó xét kỹ cơ thể và chỉ bảo cho những điều cần thiết.

Điều thứ tư là chưa có nhà riêng thì đừng nên lập gia đình vội. Điều đó rất quan trọng, quan trọng đến nỗi thời xưa là cái thời chế độ đại gia đình còn rất chặt chẽ, những nhà ngũ đại đồng đường thường được coi là những nhà có phước lớn nhất, vậy mà các cụ cũng cho rằng kết hôn đồng nghĩa với ra ở riêng, cho nên hễ cưới gả con cái thì bảo là cho chúng ra ở riêng. Nhưng lạ lùng thay, tôi chưa thấy sách nào khuyên thanh niên như tôi vừa mới khuyên bạn. Hay là người ta cho rằng điều đó hiển nhiên, không cần phải nhắc chẳng?

Nhìn chung quanh, chúng ta thấy bao nhiêu cặp vợ chồng mới cưới không thực hiện nổi một trong bốn cái cộng đồng, chỉ vì thiếu một cái tổ riêng. Đó là một trong những nhược điểm rất lớn của thời đại văn minh này. Người ta văn minh quá, đến nỗi phải ở chui rúc một cách cầu thả trong những căn phòng chật ních. Người nào càng văn minh thì vấn đề chỗ ở càng nan giải. Kiếm được một miếng đất để cất nhà ở đô thành Sài Gòn này thật là trần ai: dò la cả năm không ra; có kiếm được thì từ lúc dứt đơn cho tới lúc được phép, tới lúc có đủ nguyên liệu để cất cho xong, cũng tốn không biết bao nhiêu công và thì giờ nữa. Mà có phải là ai cũng có đủ tiền để mua cất đâu. Lắm lúc tôi nghĩ thà cứ như đồng bào Thượng miền Bà Rá mà còn sướng hơn. Không có điện, không có nước lọc, không có máy khâu, khâu

hình, không có hát bóng; nhưng ít nhất cũng cất được một cái chòi riêng cho vợ con ở dưới bóng một cổ thụ, bên bờ một dòng suối, trước mặt là núi cao và cánh đồng cỏ bát ngát.

Thành gia rồi, bạn có thể sống chung với đại gia đình được nếu trong nhà không có những bà cô, bà chị dâu khó tính, nếu các cụ có óc rộng rãi, biết trọng đời tư của bạn cũng như đời tư của các cụ và nếu ít nhất bạn cũng có được một phòng riêng. Nhưng có được một căn nhà riêng dù là nhỏ, dù là xa thành phố thì vẫn hơn.

Tôi đã được nghe nhiều lời tâm tình của các bạn trẻ. Họ phàn nàn rằng họ có thể thành đau gan, đau tim, đau bao tử, đau thần kinh vì cái nỗi phải sống chung với đại gia đình. Không còn tự do nữa, không còn có một phút nào là của nhau nữa, không dám tỏ tình thân mật với nhau nữa; lúc nào cũng phải giữ ý. Vì có hằng chục cặp mắt soi mói từng ly từng tí; rồi những câu nói bóng gió, những lời ra tiếng vào, làm cho họ phát khóc lên được; rồi cuộc là cặp nào cũng tìm cách để thoát ly đại gia đình, xin đổi đi nơi khác, dù nơi đó đất đỏ như Sài Gòn hoặc xa xôi như Ban Mê Thuột.

Còn cái nỗi ở gửi rể nữa mới là điều đáng! Tại sao người ta lại chịu ở gửi rể nhỉ? Tôi không vợ đũa cả nắm. Tôi biết rằng ở trong Nam này, có những gia đình quý rể hơn con, nhất là trong những gia đình cha mẹ già có con gái út; nhưng thường thường thì người ở rể là người mất hết tự do, không dám làm mất lòng cha mẹ vợ, bà cô, ông chú, anh em họ hàng bên vợ, có khi không dám làm phật ý vợ nữa.

Có khi người con gái quyến luyến cha mẹ quá, đưa điều kiện là người chồng phải về ở nhà mình để mình được cha mẹ chiều chuộng như trước. Những thiếu nữ đó chưa già giặn về tâm lý, chưa nên lập gia đình.

Trong trường hợp đó, nếu người con trai bắt buộc phải ở gửi rể thì nên nghe những lời khuyên dưới đây mà tôi sửa đổi một chút cho phù hợp với phong tục phương Đông của Bác sĩ Clifford R. Adams trong cuốn *Preparing for marriage*:

- Xin cha mẹ vợ cho đóng góp mỗi tháng một số tiền vừa phải, chứ không phải là tượng trưng, về sự ăn ở của cả hai vợ chồng, và sau này của con cái nữa, như vậy để khỏi mang tiếng là nhờ nhà vợ.

- Đừng nên làm công cho bên vợ.

- Phải xét kỹ xem ông nhạc và bà nhạc có hòa thuận nhau không.

- Nhà phải đủ rộng để có một hai phòng riêng cho vợ chồng mình.

- Nếu người vợ là con một thì sự hòa thuận giữa vợ chồng trong trường hợp ở chung như vậy sẽ khó khăn lắm đấy, nên từ chối trước là hơn.

- Nếu xảy ra sự xích mích giữa hai gia đình thì nên tìm cách ở riêng ngay đi, đừng nên do dự.

Ai cũng nhận rằng nhà cửa có ấm cúng, vui vẻ, đẹp đẽ, ngăn nắp, thành một chỗ nghỉ ngơi cho người đàn ông khi đi làm về thì hạnh phúc gia đình mới vững. Đã không có một căn nhà riêng, một cái ổ riêng, phải chung chạ mà không lúc nào được tự do thì làm gì còn có sự ấm cúng, vui vẻ mà nói đến hạnh phúc trong hôn nhân được.

Sau cùng, điều thứ năm là đừng lập gia đình nếu óc chưa già giặn. Một người tinh thần già giặn đối với hôn nhân có ba thái độ:

- Hiểu rằng nó không phải chỉ là tính dục mà còn là tình nghĩa.

- Không nuôi những ảo tưởng về nó.

- Được sao thì nhận vậy.

Tôi lần lượt xét ba điểm đó ở dưới đây.

Hồi này trên báo, nhất là trong sách, người ta thường nhấn mạnh về vấn đề tính dục. Tạp chí Mai đã làm một cuộc phỏng vấn, kết quả là phải dạy dỗ thanh niên về tính dục.

Phải. Sự “thất học trong hôn nhân” như mục sư Butterfield ở Nữ Ước đã nói, là nguyên nhân chính của nhiều cuộc ly dị. Từ xưa đến nay ở nước ta chưa có ai giảng rõ điều đó cho thanh niên cả, và việc đó nên làm ngay ; nhưng ta cũng đừng nên quên rằng *trong hôn nhân không phải chỉ có tính dục mà còn có tình nghĩa.*

Trong mười năm nay, để ý sưu tầm những sách báo bàn về hôn nhân, tôi chưa thấy bài nào hợp ý tôi và có tính cách phương Đông bằng bài *L'amour dans le mariage* của giáo sư xã hội học Paul Landis đăng trong *Sélection du Reader's Digest* số tháng hai 1955, bạn nên kiếm bài đó mà đọc kỹ rồi suy nghĩ.

Đại ý ông bảo rằng chỉ chú trọng tới tính dục là một thiên kiến. Yêu nhau không phải chỉ vì thể chất. Một lời an ủi đúng lúc có thể làm cho người ta vui hơn là những sự tiếp xúc về thể chất. Không có gì sung sướng bằng biết chắc rằng trong những lúc khó khăn nhất, ta có

một người thân chia xẻ nỗi gian nan với ta, giúp đỡ ta, khuyến khích ta. Cái đó mới là điều quan trọng nhất trong hôn nhân, thiếu nó thì chế độ hôn nhân đã bị tiêu diệt rồi chứ không tồn tại được đến bây giờ.

Rất ít khi ta thấy hai người kết hôn với nhau chỉ vì nhục dục, và những cuộc hôn nhân đó không thể nào lâu bền được. Ngoài cái lý do hợp nhãn nhau, luôn luôn còn vài lý do khác: học thức như nhau, thị hiếu như nhau, hoặc mục đích như nhau, cảnh ngộ như nhau...

Ông kể chuyện một cặp vợ chồng nọ không có sự hòa hợp với nhau về tính dục, đồng lòng xin ly dị để thỏa mãn phương diện đó, về sau người đàn bà ân hận đã mất những nỗi vui thanh cao ở bên cạnh người chồng cũ mà tính tình nhã nhặn, tế nhị rất hợp với tính tình mình.

Thí nghiệm của bà ta thật chua xót. Ái tình vật chất quan trọng thật, nhưng như trên kia tôi đã nói, trong bốn cộng đồng, một cộng đồng có kém thì cũng không phải là thất bại trong hôn nhân.

Huống hồ nhu cầu tính dục thay đổi theo từng người, không có gì làm tiêu chuẩn. Có những thiếu phụ cho sự hòa hợp thân thể chỉ là kết quả của sự hòa hợp về tâm hồn. Có người lại cho sự có con, hoặc nội một sự tự hiến thân, sự được che chở, vuốt ve, an ủi là mãn nguyện rồi. Họ không đòi hỏi, như trong sách về tính dục do các bác sĩ viết, phải được như thế này, thế nọ. Về điểm đó, không có luật lệ, phương pháp, kỳ hạn gì cả.

Tóm lại, nếu giữa vợ chồng có sự hiểu biết nhau, sự hòa hợp với nhau về tâm hồn, sự nâng đỡ, an ủi nhau, thì tình ái về thể chất không quá quan trọng như người ta tưởng. Nói cách khác là có tính dục mà cũng có tình nghĩa và tình nghĩa mới là chính.

Quan niệm đó của ông Paul Landis tôi cho là đứng đắn. Các cụ ta hồi xưa đâu có học về tính dục mà ở với nhau cũng trọn kiếp, há không phải là nhờ tình nghĩa? Ngày nay ta hiểu biết hơn các cụ, biết sự quan trọng của tính dục nhưng cũng không nên quên sự quan trọng của tình nghĩa, nếu không cũng thiên lệch như cổ nhân chứ hơn gì!

Một cái bệnh chung nữa của thanh niên ngày nay là nuôi nhiều ảo tưởng về hôn nhân. Không có thứ hạnh phúc nào tự trên trời rơi xuống cả, trừ cái hạnh phúc sinh ra trong một nhà tế tướng, nhưng cái hạnh phúc đó nhiều khi lại là một đại họa. Ngay như cái vui khi

trúng số độc đắc cũng không phải là trời cho; phải bỏ tiền ra mua số, mà mua cả trăm lần chưa chắc gì đã trúng số nhỏ nhỏ đừng nói là đến số lớn nữa.

Vậy thì ký xong hôn thú ở tòa đô chính hoặc ở nhà làng rồi, bạn đừng tưởng rằng hạnh phúc sẽ tràn trề cho tới mãi đời đâu. Nó có thể tràn trề trong một tháng đấy, tháng trăng mật, nhưng rồi bạn phải biết giữ gìn nó, tạo ra nó nữa.

Phải bỏ những ảo tưởng đi. Thứ hôn nhân lý tưởng, thứ hôn nhân trong mộng chỉ có trong phim, trong tiểu thuyết; những phim và tiểu thuyết bầy bạ đó làm cho người ta mơ những chuyện hảo mà không nhìn vào sự thực. Rồi khi vỡ mộng thì người ta trách nhau: “Anh đã làm hại cái thanh xuân của tôi.”, “Em đã diệt hết những hy vọng của anh”, hoặc: “Ông đã làm hỏng đời tôi. Xưa kia ở với cha mẹ tôi sung sướng biết bao, bây giờ thì như vậy”, “Nếu không gặp cô thì đời tôi đâu có điều đúng thế này?”

Không, hôn nhân không phải chỉ là vấn đề hạnh phúc. Nó còn là vấn đề trách nhiệm, vấn đề trách nhiệm trước hết, trách nhiệm với bản thân, với người bạn đời của mình, với con cái, với xã hội. Chỉ khi nào cả hai bên đều làm tròn trách nhiệm của mình thì hạnh phúc mới bền. Mà muốn làm tròn trách nhiệm nào mà chẳng phải gắng sức, phải quên mình, phải đau khổ. Không có khổ thì không có vui.

Cho nên tôi nghĩ rằng những cuộc hôn nhân đẹp nhất không phải là những cuộc hôn nhân trên màn ảnh, mà là cuộc hôn nhân của những người đúng đắn, cộng tác với nhau để thực hiện một lý tưởng, đã chịu chung những đau khổ, thiếu thốn với nhau, an ủi nhau, nhường nhịn nhau, nâng đỡ nhau, như ông bà Curie. Hồi cưới ông chỉ cho bà được mỗi một cái áo mới mà bà lại chọn một thứ hàng tầm thường để cưới xong có thể bận đi làm được. Rồi trong mười mấy năm bà vừa dạy học, vừa học thêm, vừa lo việc nhà, vừa nghiên cứu với chồng để tìm ra quang tuyến. Khi ông mất, bà tiếp tục công việc của chồng, thay chân giáo sư đại học đường Sorbonne cho chồng, điều khiển viện quang tuyến của Pháp.

Một văn sĩ Pháp nói khi ký xong hôn thú là hai bên trai gái đều mỗi người mở một mục vui khổ cho đời mình. Mỗi hành vi, mỗi thái độ của bạn sẽ được ghi vào trang vui hay trang khổ tùy kết quả của nó. Ờ, mà sao người ta không lập một cuốn sổ như vậy nhỉ? Nếu ghi đều đều mỗi ngày, chẳng hạn chàng thì ghi: đã rầy vợ một cách vô lý cho vào trang xuất (tức khổ); nàng thì ghi: mãi đi mua hàng may áo, bỏ bê việc bếp núc, cho vào trang xuất, thì chỉ

trong sáu tháng tính sổ lại, sẽ thấy xuất hơn nhập hay nhập hơn xuất, và quan niệm của đôi bên sẽ thay đổi hẳn, hạnh phúc chắc chắn sẽ tới.

Các trường trung học ngày nay đều có dạy nữ công, chỉ cho nữ sinh cách giữ sổ chi tiêu trong gia đình. Đó là một tiến bộ. Nhưng nếu người ta dạy cho thanh niên cả nam lẫn nữ giữ sổ hôn nhân như tôi mới chỉ thì tiến bộ còn gấp mười, gấp trăm nữa. Càng nghĩ tôi càng thấy Lâm Ngữ Đường là thâm thúy khi ông bảo mục đích của văn minh là đào tạo những người chồng, người vợ, người cha, người mẹ lương hảo.

Ta không nên nuôi ảo tưởng về hôn nhân còn vì một lẽ nữa: *ở đời không có ai là vạn toàn*. Ai cũng vậy, được cái này thì hỏng cái nọ. Khi chưa cưới, người ta chỉ nhận thấy cái tốt của nhau; cưới được ít lâu rồi thì người ta lại chỉ nhận thấy cái xấu của nhau. Hai thái độ đều lầm lẫn mà bi kịch trong gia đình, đa số nguồn gốc ở đây. Giá trước khi cưới, người ta nhận thấy những chỗ xấu của nhau thì sự lựa chọn kỹ hơn và sau này đỡ phải tan mộng; và khi cưới rồi người ta vẫn nhận thấy những chỗ tốt của nhau thì đỡ phải chua xót, trách móc, nguyên rủa nhau.

Khi ta nhận một người nào dù là bạn trăm năm hay chỉ là một ông bạn nhậu, một người giúp việc, ta nhận toàn thể cá tính người đó gồm cả đức và tật, chứ không phải chỉ nhận riêng cái hay của người đó, vì có cái hay kia thì phải có tật nọ, không có tật nọ làm sao có cái hay kia.

Nó cũng như âm và dương, không thể tách nhau ra được. Đức Thích Ca vì lo cho nhân loại nên phải lỗi đạo với gia đình; mà đức Khổng Tử vì chú trọng tới thực tế cho nên ít bàn tới huyền học. Một người giỏi việc nhà thì việc xã hội phải kém; một người hiền lương, nhu mì thì uy quyền tất thiếu... Lẽ tự nhiên như vậy; biết khen cái sở trường thì phải nhận cái sở đoản, mà có nhận cái sở đoản thì mới thực biết khen cái sở trường. Ưu điểm tức là nhược điểm đấy. Có hiểu như vậy thì tinh thần mới là già giặn.

André Maurois, trong một tập tùy bút nhan đề là *Lettres à L'inconnue* (*Thư ngỏ gửi người đàn bà không quen biết*^[13]), viết hai trang khá hay để diễn ý đó, khuyên ta nên “nhận các dữ kiện”, tôi xin trích dịch ra dưới đây để kết thúc đoạn này:

“Người khác ra sao, **nhận** họ làm vậy, điều đó chưa đủ, họ ra sao phải **muốn** họ làm vậy, như thế mới là chân ái tình”. Câu nói đó của triết gia Alain, nó chứa một bài học cao và đẹp.

Chúng ta biết nhiều người đàn bà an phận và buồn bã. Họ biết nhận cảnh gia đình, nhưng vẫn không khỏi phàn nàn về chồng con. Họ bảo: “Tôi không may mắn; đáng lẽ ra tôi có thể cưới được một người chồng tài hơn hoặc khéo hơn, thành công hơn. Đáng lẽ tôi có thể có được những đứa con thông minh hơn, âu yếm hơn. Tôi biết rằng không sao thay đổi được con người; định mạng bắt sao thì chịu vậy, nhưng khi tôi thấy chị bạn nọ có chồng thành công rực rỡ, con cái học giỏi đậu cao, thì tôi cũng hơi phân bì và tiếc. Tự nhiên như vậy”. “Không, thưa bà, như vậy không phải là tự nhiên. Ít nhất cũng không phải là tự nhiên nếu bà yêu người thân. Nếu thật là yêu ai thì yêu cả những tật của người đó. Không có những tật ấy thì người đó sẽ không còn là người đó nữa và sẽ không có những đức làm cho bà mến. Các cháu nhà học kém những đứa trẻ khác ư? Biết đâu chúng chẳng âu yếm, vui vẻ hơn? Ông nhà thiếu uy quyền ư? Nhưng có phải là ông dễ thương không? Tính tình cũng như vẻ mặt, khi người ta yêu ai đắm thắm thì không thấy những tật, những nét xấu của người đó nữa. Tôi biết một bà nọ rất thân với tôi; bà không hiểu gì về nghệ thuật cả vì hễ bàn về nghệ thuật là thốt ra những lời vụng về. Cái đó có quan hệ gì đâu? Tôi không mắc cỡ vì bà; tôi biết rằng bà có cả ngàn đức khác. Một sinh vật là một toàn thể và tôi không muốn thay đổi chút gì trong cái toàn thể đó...” “Có hai cách nhận xét người. Một cách là nhìn bằng cặp mắt soi mói, cách đó có thể đúng nhưng nghiêm khắc, đó là thái độ của kẻ lãnh đạm. Một cách nữa đầy tình thương và hóm hỉnh; cũng nhìn thấy lỗi đấy nhưng chỉ mỉm cười rồi nhẹ nhàng, vui vẻ sửa lỗi. Thái độ này là của tình yêu mến.” “Có gì chứng thực rằng bà sẽ sung sướng nếu những người đó đổi khác không? Một ông chồng nhiều tham vọng hơn có làm cho đời bà dễ chịu hơn không? Biết đâu chừng? Càng cao danh vọng càng phải lo lắng, trách nhiệm càng nặng. Rồi có thể lên càng cao, té càng đau. Mà dù có giữ được thì thử hỏi địa vị cao có cho ta chân hạnh phúc không? Mới được cái danh vọng này đã vội quên nó rồi mong mỗi một danh vọng khác. Còn ngoài ra, không ai có thể ăn quá cái sức chứa của bao tử. Tình thân ái dễ nảy nở trong giới bình thường hơn là trong cái sa mạc của uy quyền. Bà chỉ có mỗi cái bất hạnh là tự cho mình là bất hạnh, tưởng tượng những cái mình không có chứ không biết hưởng những cái mà mình có.” “Vậy bà nên tự nhủ: “chồng mình nhút nhát, nhưng như vậy anh ấy mới thật là của mình. Con mình không có thiên tài, nhưng chúng âu yếm và ngoan ngoãn”. “Và như vậy, bà sẽ sung sướng. Vì hạnh phúc chính là không có ý muốn thay đổi những người mình yêu”.

André Maurois trong đoạn đó khuyên bạn gái, nhưng bạn trai cũng phải nhớ bài học ấy nữa. “Người khác ra sao thì ta phải *muốn* họ làm vậy.” Tuy nhiên, ngoài một số triết nhân vào hạng Socrate, còn phàm nhân chúng ta, muốn theo lời khuyên đó của Alain, thì cần phải lựa một người bạn trăm năm tính tình đừng khác ta quá. Cho nên muốn gây hạnh phúc trong hôn nhân thì phải thận trọng từ lúc đầu, từ lúc lựa bạn.

Chương VIII

LỰA BẠN TRĂM NĂM

1. *Tránh sự sung khắc về thị hiếu, tính tình, giai cấp, phong tục, tín ngưỡng.*
 2. *Một gương thành công: bà Disraeli.*
 3. *Không nên mù quáng.*
 4. *Hôn nhân mới bắt đầu bước vào giai đoạn tâm lý.*
 5. *Các viện nghiên cứu giao tế trong gia đình ở Âu Mỹ.*
 6. *Phương pháp của Dino Origlia.*
 7. *Nhưng cũng không nên sợ sống.*
-

Chương trên tôi đã nhắc đến Socrate. Ông là một hiền triết Hy Lạp sinh sau Khổng Tử khoảng 80 năm, có nhiều môn đệ mà người nổi danh nhất là Platon. Ông ảnh hưởng lớn đến văn minh phương Tây nhờ tư tưởng mới mẻ cùng đức độ cao siêu. Ông hiền triết bao nhiêu thì bà vợ, Xanthippe, cay nghiệt, quái ác bấy nhiêu. Tương truyền bà coi chồng chẳng ra gì cả, mắng ông như là đồ làm biếng, đồ vô dụng, đụt, không biết kiếm tiền. Bà gây sự với chồng suốt ngày và nhiều khi trước mặt bạn bè và môn đệ của chồng, bà mắng ông thậm tệ mà ông chỉ mỉm cười, lánh đi chỗ khác.

Có tác giả bảo sở dĩ ông cưới bà “la sát” đó để có dịp luyện đức cho cao, cái đức bình tĩnh, nhẫn nhục chịu tất cả những cay đắng trong gia đình. Có lẽ các tác giả đó đã dựa vào lời khuyên này của ông: “Dù sao thì các bạn cũng cưới vợ đi... Nếu gặp được người vợ hiền thì các bạn sẽ sung sướng; chẳng may gặp phải người vợ dữ thì các bạn sẽ thành triết nhân.” Nhưng như vậy là ông vui vẻ nhận nghịch cảnh, chứ không phải là khuyên ta tìm nghịch cảnh.

Trong hôn nhân tính tình, thị hiếu, lý tưởng, học thức, gia thế, tư tưởng chính trị, tôn giáo đôi bên càng hợp nhau thì hạnh phúc càng dễ gây dựng; khác nhau một đôi chút để bổ túc lẫn nhau thì cũng nên, nhưng nếu trái ngược hẳn nhau thì tai hại. Gương của gia đình Tolstoi, gia đình Lincoln còn đấy.

Gương còn đấy nhưng tôi biết rằng rất ít người chịu soi. Nữ sĩ Pearl S. Buck chưa chút thú rằng mặc dầu đã thấy nhiều cặp vợ chồng khổ sở vì không được môn đăng hộ đối, không có

cùng một căn bản giáo dục, rồi lại được cha mẹ chỉ bảo cho mỗi nguy để tránh mà rớt cuộc vẫn lầm lẫn, chẳng cứu lấy được chính bản thân, kết hôn với một kỹ sư canh nông trình độ văn hóa kém bà xa, sau phải ly dị. Nhưng bà đủ khôn để chỉ lầm lẫn một lần thôi và lần sau bà lựa một người chồng rất tương đắc, cũng yêu nền văn minh Trung Hoa như bà, cũng viết văn như bà, chủ bút tạp chí Á Châu, và giám đốc nhà xuất bản The John Day Company.

Cho nên André Maurois đã khuyên ta “*Người khác ra sao thì muốn người đó như vậy*”, lại nhắc ta phải tránh sự xung đột tính tình trong hôn nhân. Ông kể ra ba trường hợp xung đột quan trọng: xung đột về thị hiếu, về lối sống, về tư tưởng chính trị và tôn giáo.

Về thị hiếu ông lấy thí dụ gia đình George Sand. Hồi mười tám tuổi bà kết hôn với một người quý phái, ông Casimir Dudevant. Casimir tính tình hiền lành, muốn chiều chuộng vợ mà George cũng thành tâm và có nhiều thiện ý. Chỉ khổ một nỗi là bà có học, thích nhạc, thích đọc sách, còn ông chỉ thích săn bắn, hễ mở cuốn sách ra là buồn ngủ. Mới đầu phục vợ lắm, rán đọc Pascal cho vợ vui lòng, nhưng ngán quá, sách cầm trên tay rớt lúc nào không hay. Thế là bà khinh bỉ ông.

Bà lại lãng mạn, đọc nhiều tiểu thuyết tình, nên mơ tưởng những cuộc tình duyên trong tiểu thuyết, còn ông thì thực tế, kết quả là bà ở được mấy năm rồi bỏ ông để sống chung với những “tâm hồn bạn”, cũng nghệ sĩ như bà. Thời đó là thời lãng mạn, nhưng ngay thời này, nhìn chung quanh, chúng ta cũng thấy không thiếu gì những cặp George – Casimir. Nếu họ rút được kinh nghiệm của người trước nhỉ?

Có nhiều sự xung đột không gây ra đổ vỡ nhưng cũng làm hại cho hạnh phúc gia đình. Một ông chồng nọ chịu sự giáo hóa của đạo nho, cần kiệm, có dư thì cũng giúp đỡ người, nhưng trong sự giúp đỡ thường phân biệt thứ bậc, giúp người thân trước, kẻ sơ sau và chỉ giúp những người đáng giúp, còn những kẻ ỷ lại, chơi bời thì bỏ mặc. Châm ngôn của ông ta là: “tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi”. Bà vợ trái lại rất có từ tâm, hành động theo tình cảm, hễ có kẻ ỷ lại thì không chối từ, chẳng xét kẻ đó đáng giúp hay không, thành thử bị nhiều kẻ lường gạt.

Tôi không xét hai thái độ đó, thái độ nào hợp lý; có lẽ chẳng ai đáng trách cả, tôi chỉ nhắc các bạn trẻ rằng tính tình vợ chồng trái ngược như vậy thì khó hòa hợp với nhau được lắm.

Mà thực vậy, ông chồng đã nhiều lần rầy bà vợ là “liệng tiền qua cửa sổ”, mà bà vợ cũng chẳng kém, nhieéc lại ông chồng là “làm mọi giữ cửa”. Họ cần thay đổi thái độ mới sống chung với nhau được.

Tới những cái mà ta cho là lật vặt như lối ăn mặc, cử chỉ, ngôn ngữ cũng có thể làm lung lay nền tảng gia đình. Các bạn trẻ không ngờ vậy, tưởng rằng:

*Đêm thì ngủ ngáy kho kho
Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà
Đi chợ thì hay ăn quà,
Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.
Tóc đầy những rác cùng rom,
Chồng yêu chồng bảo hoa thơm cài đầu.*

Những câu đó cũng có phần đúng nhưng cái đúng trong tuần trăng mật hoặc trong vài trường hợp đặc biệt nào thôi, chứ bình thường thì người ta không hiền triết như Alain hoặc yêu nhau mù quáng như vậy suốt đời.

Ngày nay ít ai còn giữ tinh thần phân biệt giai cấp; không có lý gì con một người tá điền đậu bác sĩ mà lại không xứng đáng làm dâu hay rể một ông điền chủ. Nhưng muốn gây hạnh phúc trong gia đình thì tôi tưởng quan niệm môn đăng hộ đối của các cụ hồi xưa không phải là hoàn toàn vô lý. Ý kiến đó chẳng phải là ý kiến riêng của tôi mà còn là ý kiến của một người Mỹ, của bà Emily Hartshorne Mudd, tiến sĩ khoa xã hội học, nhân viên trong cơ quan cổ vấn hôn nhân ở Philadelphie. Trong bài *Dans le mariage il n'y a pas que l'amour* đăng ở tạp chí Sélection du Reader's Digest tháng mười năm 1958, bà viết:

*“Một số người có thể làm bộ tin rằng cha mẹ đôi bên không xứng nhau, chẳng hạn một bên cha là tiến sĩ Triết học, một bên mẹ không biết đọc, biết viết, hoặc bên con trai cha làm chủ một xí nghiệp lớn, còn bên con gái cha làm tài xế lái xe cam nhông thì cũng không sao cả... Nhưng những nỗi **khó khăn lớn** [\[14\]](#) đó không phải chỉ việc phủ nhận nó là đủ tiêu diệt được hết”.*

Rồi bà kể chuyện một thiếu phụ nọ một hôm tỏ tâm sự với bà, nửa hối hận, nửa thẹn thùng. Cha mẹ nàng giàu có mà chồng nàng là một nhà khoa học có tài. Hai người học chung

ở trường Đại Học rồi thương nhau, cưới nhau. Vì cha mẹ chồng ở xa nên mãi tới khi làm lễ cưới xong, nàng mới được chồng đưa về thăm gia đình bên chồng. Nhà chồng chỉ là một cái chòi nhỏ mà cha mẹ chồng quê mùa dốt nát. Nàng rán nén lòng, không muốn xấu hổ vì cha mẹ chồng; nhưng nàng đã đau khổ và trách chồng sao không cho biết trước gia thế. Chắc thiếu phụ đó không khi nào đi thăm cha mẹ chồng nữa và hai ông bà già quê mùa kia cũng ngượng ngùng, không muốn con dấy vợ về thăm mình.

Ở bên Mỹ còn vậy huống hồ ở nước ta. Tôi biết một ông cử người Huế, con một ông thừa phái. Ông ta làm rể một ông tuần vũ. Ở Huế thời trước, tinh thần quan liêu rất mạnh, cho nên trước mặt mọi người, ông thừa phái cứ phải khúm núm gọi thông gia của mình là cụ lớn, còn ông tuần vũ thì gọi lại là ông thừa, thành thử chẳng những dẫu rể hai bên mà đến người ngoài cũng ngượng thay.

Nếu cô cử phải ở chung với cha mẹ chồng thì không khí gia đình làm sao tự nhiên cho được?

Tất nhiên, một vài trường hợp như vậy không đủ cho ta trở lại sống theo lối cổ; cũng như không phải vì ngày nào cũng có tai nạn xe hơi mà ta nhất định phải dùng cang như cỗ nhân. Ta chỉ cần nhận định sự nguy hiểm và tìm cách tránh, nghĩa là thanh niên nam nữ bây giờ nếu gia đình ở trong những giới khác nhau mà muốn kết hôn với nhau thì nên biết trước những nỗi khó khăn đó mà tìm cách giải quyết với nhau, được thì tiến tới, không thì lui lại.

Cưới một người ngoại quốc là một sự mạo hiểm, nhất là hai bên còn cha mẹ.

Đây, tôi xin mượn một thí dụ của bà Emily Hartshorne Mudd. Leo và Marie sống chung với nhau được ba năm thì người vợ lại kể lể tâm sự với bà. Họ làm chung một sở cho nên quen nhau. Marie là người Mỹ, Leo là người Ý. Bạn nên để ý, phong tục và lối sống của người Mỹ và người Ý không khác nhau nhiều như phong tục và lối sống của người Việt với người Âu.

Marie phàn nàn rằng chồng nàng không biết trọng nàng, ngay từ hồi sắp cưới, muốn sắm nhà và sắm đồ đạc một mình mà không thèm hỏi ý vợ. Rồi khi cưới xong, Leo chăm lo cho mẹ từng tí mà chê trách vợ hoài là không biết nấu những món ăn Ý cho ngon miệng mẹ chồng.

Bà mời người chồng lại hỏi thì thấy chàng đau khổ, gắt gỏng, phàn nàn rằng mình chiều vợ hết cách, nào là lo mướn nhà, sắm đồ đạc, không bắt vợ phải khó nhọc một chút, chỉ yêu cầu vợ nấu những món ăn Ý cho mẹ vui lòng mà vợ chẳng chịu chiều, lại còn giận dỗi, tỏ ra ghen với mẹ chồng nữa, làm cho không khí trong nhà như nghẹt thở. “Vậy ra cứ có vợ là không được quý mẹ nữa hay sao?”

Bà giảng giải cho hai bên để họ hiểu nhau hơn. Bà bảo người vợ rằng, theo tục người Ý thì chồng lo lấy hết những việc mướn nhà, sắm đồ, có thể mới là thương vợ, và người Ý thường quý mẹ, muốn cho vợ được lòng mẹ để không khí trong gia đình được vui vẻ, chứ tuyệt nhiên không có ý chê bai, chỉ trích vợ là bếp núc kém.

Sau cùng bà đề nghị hai vợ chồng lập chung bảng kê những món ăn mỗi ngày trong tuần, lựa ít món ăn Ý mà mẹ thích và cô Marie có đủ thì giờ nấu. Cô Marie theo đúng. Gia đình hòa thuận trở lại.

Thật cũng may cho Leo và Marie sống ở một nước có những nhà cố vấn chuyên môn nên mới giải được nỗi khổ tâm, nếu không thì sẽ phải đưa nhau ra tòa li dị.

Tục trong gia đình xét ra cũng còn dễ theo, chứ vấn đề tôn giáo, nói rộng ra là tín ngưỡng dù là tín ngưỡng về thần thánh hay về một chế độ chính trị mới là vấn đề dễ gây giông tố nhất. Những gia đình theo đạo Kitô không cho con cái cưới một người ngoại đạo và ta thường thấy những thanh niên khác đạo nhau giải quyết bằng cách một người thuận theo đạo của người kia cho đủ lễ rồi khi cưới xong, ai theo tín ngưỡng của người ấy. Nếu họ không phải là những người rất mộ đạo thì không sao vì ta vẫn thường thấy những bà vợ mỗi chủ nhật đi lễ nhà thờ còn ông chồng thì dạo phố, tan lễ đón vợ về; mà họ vẫn vui vẻ sống với nhau. Nhưng nếu vượt lễ nghi mà tự do kết hôn thì kết quả tất tai hại. Ở Mỹ, người ta đã làm thống kê và thấy những hôn nhân mà hai bên tôn giáo khác nhau thất bại gấp hai lần rủi những hôn nhân hai bên cùng tôn giáo.

Đạo Phật và đạo Khổng đều có tính cách ôn hòa mà lòng tín ngưỡng và sùng bái của tín đồ hai đạo đó cũng khác xa của tín đồ Kitô. Trong nhiều gia đình cổ, chồng là nhà nho xuân thu nhị kỳ ra văn chỉ tế Khổng Tử mà vợ thì sóc vọng đi lễ chùa; lại có những gia đình đặt bàn thờ Phật ở trong nhà mà đồng thời cũng treo hình Khổng, Lão. Tinh thần khoáng đạt ấy

thực đáng quý. Tuy nhiên tôi cũng đã mục kích một bi hài kịch trong một gia đình nọ: trước khi cầm đũa, bà vợ kính cẩn đưa bát cơm lên ngang mày cầu nguyện với hai người bạn theo đạo, trong khi đó ông chồng điềm nhiên ngồi nhìn trần nhà, trên môi thoáng một vẻ khiêu khích. Làm gì có sự hòa hợp trong một gia đình như vậy?

Vậy các bạn nên nhớ rằng trong hôn nhân không phải chỉ có ái tình, mà còn nhiều yếu tố khác nữa, thấy đều ảnh hưởng đến hạnh phúc sau này của vợ chồng.

Tôi đã kể năm sáu yếu tố, còn phải xét thêm về học thức, nghề nghiệp, sức khỏe... nhưng tôi ngại rườm. Đọc tiểu sử các danh nhân như Napoléon, Voltaire, G. Sand, Chateaubriant... ta thấy ít có cặp vợ chồng nào được sung sướng. Họ có danh vọng, có tiền của, có quyền thế, có thể làm nghiêng ngửa được thiên hạ, người nào cũng rất thông minh, tài cán mà cái vấn đề quan trọng nhất trong đời thì họ giải quyết không được. Buồn thật!

Khi chưa cưới nhau, nhất là trong trường hợp “ái tình sét đánh” như người Pháp nói, thì người ta quyết lắm, cho rằng trở ngại nào cũng sẽ san phẳng, dòng tố nào cũng sẽ vượt qua; nhưng lưới sét của ái tình cũng như lưới sét của Thiên Lôi, hễ đánh thì mười lần chết đến chín rưỡi cho nên cưới nhau được ít lâu cặp nào cũng tan mộng, trở lại oán hờn nhau là không giữ được trái “tim vàng” cho nhau, làm hại cả một đời của nhau. Chỉ trách người mà không ai chịu trách mình cả. Chính là tại mình không thận trọng. Muốn đón một người về sống chung, chung sức nhau chia xẻ đau khổ, gánh vác khó nhọc để gây dựng một tương lai chung mà lại không thận trọng trong việc lựa người hợp với mình thì thật là mù quáng.

Tôi khen bà Disraeli tuy ít học mà sáng suốt. Hồi góa chồng thì cái xuân của bà đã tới 50, bà lại quê mùa, vụng về nhưng gia tài thì khá lớn. Một hôm bà nhận được một bức thư của một thanh niên đẹp trai, học rộng, bất thiệp, đã xuất bản vài cuốn sách và đang làm nghị sĩ quốc hội Anh. Thanh niên đó nghèo, kém bà 15 tuổi, ngỏ ý cầu hôn. Như người khác, gặp cơ hội đó chắc đã vồ ngay lấy. Bà thì không, trả lời rằng tuy cảm động lắm nhưng xin được suy nghĩ một năm rồi sẽ quyết định. Trả lời như vậy có khác gì nghi ngờ anh chàng kia là đào mỏ không? Mà ngờ là phải. Chàng xin tuân lời, kiên nhẫn đợi, và trong một năm đó, bà dò xét, điều tra rất kỹ, tìm hiểu tính tình của chàng. Hết hạn một năm, biết chắc anh chàng kia mê thứ gái góa và già này thật chứ không phải mê tử kết, bà nhận lời Disraeli, vì thanh niên

đó chính là Disraeli, thủ tướng của Anh dưới triều nữ hoàng Victoria, một nhà chính trị và ngoại giao đại tài, nổi danh nhất thời đó. Đáng khen hơn nữa là khi tái giá rồi, bà biết sở đoản của mình, tìm cách học hỏi, sửa đổi tính tình để được xứng đáng và hòa hợp với ông chồng. Kết quả là khi bà đã già khom mà thủ tướng vẫn mê bà như hồi mới cưới, vận động với nữ hoàng để phong tước cho bà và đôi khi nắm lấy tay bà, nhảy múa nói đùa:

“Mình ơi, anh cưới mình chỉ vì tham giàu thôi”.

Trước mặt nữ hoàng, ông thường hết lời khen ngợi bà là “người quan trọng nhất trong đời” ông. Bà cũng khoe với bạn bè rằng: “Nhờ lòng âu yếm của nhà tôi, đời tôi là một chuỗi dài hạnh phúc”.

Bà Disraeli quả là đã thành công hi hữu trong lịch sử hôn nhân, thành công gấp ngàn lần những đào hát bóng cưới được những ông hoàng Ấn Độ hay Ba Tư.

Vậy qui tắc đầu tiên, qui tắc quan trọng nhất để gây dựng hạnh phúc trong gia đình là lựa chọn thật kỹ lưỡng người bạn trăm năm của mình.

Chắc có bạn bảo rằng điều đó chẳng mới mẻ gì cả mà lại còn viễn vông nữa. Vâng, không mới mẻ gì đâu mà cũng hơi viễn vông đấy. Làm sao lựa chọn kỹ lưỡng cho được khi mà đi coi mặt nhau, người ta chỉ được nhìn thoáng qua lớp phấn ở ngoài mặt và những màu sắc lộng lẫ của quần áo? Chính hồi xưa tôi cũng đã có lần từ Rạch Giá lại Cái Răng để coi mặt theo kiểu “chớp nhoáng” đó. Hai tiếng “chớp nhoáng” thật hợp với cảnh quá. Dưới ngọn đèn măng sông, tôi chỉ thấy hiện ra trong một giây một hình loang loáng, xanh xanh xẹt qua như một ngôi sao đối ngôi, một ngôi sao sáng rực rỡ và thơm ngào ngạt.

Nhưng ngày nay thì phong tục đã thay đổi và tôi thấy nhiều gia đình cho hai bên nam nữ tiếp xúc nhau vài ba lần để hiểu nhau một chút trước khi quyết định. Bấy nhiêu chưa đủ, nhưng có ai bắt chúng ta phải vội vàng đâu? Ta vẫn có quyền điều tra, dò xét bằng cách này hay cách khác. Và nếu ta nghiêm trang thì sao không thử xin phép cha mẹ bên kia cho ta được trao đổi tư tưởng, quan niệm, dưới sự kiểm soát của người trên? Ừ đi đâu mà vội? Ta bỏ ra hằng năm để lựa một nghề thì sao không bỏ ra một năm để lựa bạn trăm năm như bà Disraeli? Ở Mỹ, người ta đã làm thống kê và thấy rằng thời gian đính hôn nếu dưới ba tháng

thì gây ra những cuộc li dị nhiều gấp ba những cuộc hôn nhân mà hai bên đính hôn với nhau hai năm rồi mới cưới.

Bạn lại bảo tôi: “Dù lựa kỹ cách nào cũng không chắc gì tìm được người hòa hợp với mình về mọi phương diện”. Vâng, hòa hợp về mọi phương diện thì không sao có được. Đến anh em ruột, ngay cả anh em sinh đôi mà không cùng do một nhân, tính tình cũng khác nhau, có khi trái nhau, hướng hồ là người xa lạ ở đâu. Cho nên tôi không khuyên bạn kiếm người hoàn toàn giống mình, mà kiếm người nào hòa hợp với mình về những điểm quan trọng. Khi có ý lập gia đình, để khỏi mù quáng đắm nhào vào cái lưới lồng lộng của ông Tư bà Nguyệt, bạn phải *định trước một lý tưởng, một cách sống, một quan niệm về nhân sinh*, rồi suy nghĩ xem người mình phải lựa tính tình ra sao, gia thế ra sao, học thức, tín ngưỡng thế nào... để có thể sống chung với mình trong sự hòa thuận được. Tóm lại, phải sáng suốt, *hôn nhân mà không xây dựng trên lý trí thì tức là xây dựng trên đồng cát*.

Tục ngữ nói:

Yêu nhau chín bỏ làm mười.

Tôi cho rằng lời khuyên đó còn dè dặt. Yêu nhau thì người ta có thể sáu bỏ làm mười. Nhưng khốn nỗi nhiều khi người ta chẳng được sáu mà chỉ được hai hay một thì làm sao bỏ làm mười cho được? Bốn phận của hai bên nam nữ là phải tìm người nào mà trong mười điểm quan trọng, ít nhất cũng có năm sáu điểm giống mình để có thể bỏ làm mười cho nhau. Còn về những điểm không quan trọng và ba bốn năm điểm tuy quan trọng mà chưa hòa hợp với nhau thì ta có thể trao đổi ý kiến, mỗi bên nhường nhau một chút, sắp đặt đời sống chung cách nào để tránh cho nhau những sự bức mình.

Miễn có hảo ý nhường nhịn nhau là được, sự khác biệt đôi chút không đáng cho ta ngại, có khi lại có lợi là làm cho ái tình thêm đậm đà như Paul G  raldy đã nói: *“Phải giống nhau một chút để hiểu nhau nhưng cũng phải khác nhau một chút để yêu nhau”*.

Một thái độ mù quáng nữa là đòi hỏi quá nhiều. Có người bảo thanh niên hồi này không muốn cưới vợ vì sợ không đủ tiền để nuôi vợ, không kiếm được một căn nhà, chỉ nhà ván thôi chứ không phải là nhà vàng, để chứa vợ; cho nên thiếu nữ ế chồng cũng khá nhiều. Chưa ai làm một cuộc điều tra, lập một bảng thống kê để cho tôi tin chắc điều đó đúng hay

không. Nhưng tôi biết rằng trong những gia đình người ta gọi là “quí phái”, số thiếu nữ già kén vẫn còn nhiều. Hồi trước chiến tranh, họ có câu: “Phi cao đẳng bất thành phu phụ”, bây giờ họ đổi ra là: “Phi tiến sĩ bất thành phu phụ”.

Nào họ chỉ đòi cái tiến sĩ mà thôi đâu vì tiến sĩ thời này kể ra cũng tương đối dễ; mỗi năm ra mấy trăm ông; họ còn buộc cả chục điều kiện khác nữa: lương phải từ hai ba chục ngàn trở lên (họ tính ra, nội tiền xăng nhớt, mướn tài xế, bồi bếp, vú em cũng phải tiêu mỗi tháng sáu, bảy ngàn rồi; khi người ta “quí phái” thì ai lại tự hạ, nhúng tay vào việc nhà kia chứ); ông chồng lại phải bảnh trai, bật thiệp, rất thông minh (nhưng còn họ, họ có thông minh không thì xin bạn đừng có hỏi tôi), lực lưỡng, có tinh thần thể thao, bơi lội giỏi, chơi quần vợt tài, giao du rộng (tất nhiên là trong giới các ông bự); thứ nhất là phải văn minh như người Tây, nghĩa là “galant”, biết đặt vợ lên một chiếc ngai để mà “thờ bà”.

Cũng có một số thanh niên đủ điều kiện cho các cô ấy mơ tưởng, nhưng hồi ôi, họ lại mắc cái tật đào mỏ. Còn những bậc thực anh tuấn mà có tư cách thì người ta hiểu cái chân giá trị của con người, cái chân hạnh phúc của hôn nhân và người ta chỉ lựa những thiếu nữ nhũn nhặn hơn, có học, có chí và có tinh thần giản dị, tự lập.

Cái hạng thiếu nữ già kén như vậy, ở Mỹ, theo bác sĩ Clifford R. Adams, chiếm tới 10% trong giới trưởng giả. Ở nước ta, tỉ số chắc chắn cũng không kém. Đa số tất phải ế chồng và nếu có chồng thì chắc chắn họ sẽ khổ sở. Họ không tưởng tượng nổi hạnh phúc của những cặp vợ chồng trẻ, sống với một số lương ba bốn ngàn một tháng, chồng vừa đi làm vừa học thêm để nâng cao tri thức và cải thiện sinh hoạt mỗi ngày một chút; và cũng không hiểu rằng giá trị con người ở chỗ tự tạo nên tương lai và sự nghiệp trong những hoàn cảnh khó khăn, chứ không phải ở chỗ tọa hưởng công của người khác.

Đạo Phật bảo đời là biển khổ. Tôi có tật hơi lạc quan, không tin như vậy và mỗi lần ra những bãi biển Long Hải, Nha Trang, nhìn những người đã sáu chục tuổi cũng “may dô” xanh đỏ, cũng đùa giỡn với sóng như con nít, tôi thường mỉm cười nghĩ rằng cái biển khổ của đạo Phật có lẽ không khác Nam Hải là mấy: sóng ầm ầm dữ dội thật, nhưng lá dương lá dừa vẫn reo cười dưới ánh mai mà không khí ban đêm vẫn mát mẻ nhẹ nhàng. Nhưng nếu đời quả là biển khổ thì ta phải nhận rằng con sông lớn nhất, chảy mạnh nhất vào cái biển

khổ đó chính là con sông Hôn Nhân. Nhìn chung quanh biết bao cặp vợ chồng mười điều không được lấy hai điều hợp nhau mà cũng sống gượng gạo với nhau được ba bốn chục năm, tôi không biết nên phục con Tạo hay nên thương cho loài người.

Cái thời mà nhân loại còn trọng nam khinh nữ thì dân tộc nào cũng đặt ra những luật lệ, phong tục trói người đàn bà vào người đàn ông. Trước cái thời đó có một thời mà ngược lại, nam ti nữ tôn và tục lệ do đàn bà đặt ra, buộc anh chồng vào chị vợ. Cả hai chế độ đều bất công và cái biến khổ của đạo Phật tùy thời mà chứa đầy nước mắt của đàn bà hay của đàn ông. Dù là nước mắt của bên nào thì cũng không làm cho tôi vui.

Ngày nay, trừ một vài nơi rừng rú, bán khai, đâu đâu nam nữ cũng bình quyền cả. Chế độ này hợp thời và nhân đạo. Nhưng đã bình quyền thì phải hiểu biết nhau, nhường nhịn nhau, nếu không chỉ đưa đến sự li dị như ở Mỹ. Người ta nói ở bên đó cứ mười vụ hôn nhân thì có bốn vụ li dị. Có những ông bà mới bốn chục tuổi đã trải qua ba bốn nhip cầu, có khi hai lần li dị chỉ cách nhau có sáu tháng hay vài tuần. Tại sao vậy? Tại hôn nhân đã qua cái giai đoạn thuần luân lý mà chưa bước vào cái giai đoạn tâm lý. Người ta chưa tập được đức thận trọng, tìm hiểu người rồi lựa bạn. Người ta chưa biết sáng suốt. Tất cả vấn đề ở đó: *Sáng suốt*. Khốn nỗi, khi người ta mới trên dưới hai mươi tuổi thì thấy tà áo nào mà chẳng rực rỡ những màu của cầu vồng cho nên người ta dễ “tùm” xuống biển khổ lắm. Khó mà sáng suốt được quá.

Nhưng cũng may là gần đây ở Âu Mỹ người ta đã thành lập những cơ quan để nghiên cứu vấn đề hướng dẫn trong hôn nhân, hy vọng là tăng hạnh phúc trong gia đình, rút bớt những cuộc li dị, tát voi được phần nào cái biển khổ của đạo Phật.

Ở Mỹ, *Viện nghiên cứu giao tế trong gia đình* ở Los Angeles có nhiệm vụ dò xét tính tình, hoàn cảnh của nam nữ rồi khuyên họ nên sống chung với nhau hay không, và viện đã thành công mỹ mãn. Bình thường tại Los Angeles, cứ hai cuộc hôn nhân thì có một vụ li dị. Vậy mà tám năm đầu, trong số những cặp được viện chỉ bảo, không xảy ra một vụ li dị nào cả. Những năm sau, có đôi ba vụ xảy ra, nhưng rất hiếm. Những cơ quan như vậy hiện nay rải rác khắp nước Mỹ. Số mục sư áp dụng phương pháp của viện để hướng dẫn tín đồ cũng mỗi ngày một nhiều. Lại có hàng trăm trường học lập ra những lớp giảng về các vấn đề trong

hôn nhân, chẳng hạn trường Stephens cho các nữ sinh; cựu học sinh của trường li dị sáu lần ít hơn các phụ nữ khác.

Ở Ý, ông Dino Origlia, tác giả cuốn *Psychologie du mariage* (Tâm lý hôn nhân) do nhà Buchet-Chastel xuất bản năm 1949, cũng đã tìm ra một phương pháp dò xét tính tình, hoàn cảnh của nam nữ, khuyên bảo hàng trăm cặp, 80% nghe lời ông và không có một cặp nào ân hận cả. Ông là một bác sĩ chuyên môn về tâm lý và sinh lý.

Chắc ở Pháp, Anh, Đức... cũng có nhiều cơ quan công và tư mà mục đích là khuyên bảo, hướng dẫn thanh niên trong hôn nhân như vậy. Những cơ quan đó không phải những cơ quan môi giới ta thường thấy quảng cáo trên các báo. Việc môi giới có vẻ thương mại, không đứng đắn; còn việc khuyên bảo, hướng dẫn trái lại, có tính cách xã hội, nghiêm trang.

Một đăng thì giới thiệu trên báo những người muốn tìm bạn, thường là những kẻ khó kiếm vợ hoặc ế chồng; một đăng thì tự ý thanh niên, khi muốn sống chung với một người nào mà còn ngại ngại, muốn hỏi ý kiến của những nhà tâm lý chuyên môn thì những nhà này sẽ phân tích kỹ lưỡng tâm lý, hoàn cảnh của hai bên rồi cho ý kiến. Kết quả của công việc phân tích đó sẽ giữ kín, mà ý kiến đó rất vô tư, thanh niên muốn theo hay không, tùy ý.

Đọc cuốn *Psychologie du mariage* tôi thấy phương pháp của ông Dino Origlia rất khoa học. Ông lập cho mỗi thanh niên một cuốn sổ trong đó ông ghi những kết quả của sự phân tích tâm lý về quá khứ, hiện tại.

Ông xét đủ mọi phương diện: thể chất, bệnh tật, hoàn cảnh gia đình, sự phát triển về cá tính, tình cảm, trí tuệ, tình dục, tinh thần xã hội, về sự giao thiệp với người khác, về lý do muốn lập gia đình... rồi trong đoạn kết luận, ông cho biết hai người sống chung với nhau thì sẽ lâu bền không, có hạnh phúc không? Đáng quý nhất là ông lại khuyên nếu sống chung thì nên có thái độ ra sao, nên đối đãi với người kia ra sao.

Đó là tôi mới kể qua những đại cương. Mỗi điểm đó còn rất nhiều chi tiết (cuốn sổ dày tới 46 trang). Chẳng hạn về lý do mà hai bên muốn lập gia đình, ông sẽ hỏi:

Tại sao muốn lập gia đình?

- Vì yêu người kia?

- Vì vấn đề tài chánh?
- Vì muốn có nhà cửa, có một cái “ổ”?
- Vì muốn có con?
- Vì muốn được yên ổn về phương diện tình cảm?
- Vì tuân ý cha mẹ?
- Vì muốn tránh sự cô độc?
- Vì muốn thoát ly đại gia đình?
- Vì mê cái vẻ yếu điệu (hoặc bảnh trai) của người kia?
- Hay chỉ vì khát khao tình dục?
- Vì muốn được che chở, nâng đỡ?
- Vì muốn có một địa vị trong xã hội?
- Vì muốn trả ơn người kia?
- Vì thích mạo hiểm?
- Vì theo tục lệ trong xã hội?

Về điểm *cư xử với người bạn trăm năm sẽ ra sao*, ông hỏi người đàn bà:

- Có trọng công việc của chồng không?
- Có hợp tác trong công việc đó không?
- Có trọng những tư tưởng của chồng không?
- Có sẵn sàng bắt con cái phải kính trọng cha không?
- Có sẵn sàng bình vực chồng mà chống lại người ngoài không?
- Biết nâng đỡ chồng trong lúc chồng thất vọng không?
- Có nghĩ rằng phải gắng sức làm sao cho chồng thấy rằng mình là một người bạn mới không?
- Có nghĩ rằng phải chiều chồng hơn cha mẹ không?
- Có tránh cái thói đặt quyền lợi của con trên quyền lợi của chồng không?

- Có nhận rằng chồng có quyền giữ những bí mật riêng, mình không được chạm tới không?

Và hỏi *người đàn ông*:

- Có muốn rằng vợ mình còn trinh tiết không?
- Có cho đức trinh tiết đáng giá ngàn vàng và cần thiết không?
- Có nhận đàn bà cũng có những quyền lợi như đàn ông không?
- Có nhận rằng vợ có thái độ riêng của vợ không?
- Có sẵn sàng cho vợ có những hoạt động ở ngoài gia đình không?
- Có nhận rằng công việc nội trợ là khó nhọc và cần nhiều tài năng, hy sinh không?
- Nếu cần thì có chịu nhận sự giúp đỡ của vợ về mặt tài chánh không?
- Có nhận rằng vợ cũng có quyền giữ kín những bí mật riêng không?
- Có nhận rằng vợ mình có thể bị người đàn ông khác ve vãn được không?
- Có để cho vợ mình tự do giao thiệp với họ hàng và bạn bè của nàng được không?
- Có nghĩ rằng không nên vì cha mẹ mà bắt công với vợ không?

Trước sau có tới hàng trăm câu hỏi như vậy, ấy là chưa kể hàng chục thứ trắc nghiệm tâm lý khác.

Tôi không hiểu những thanh niên nam nữ có thành thực trả lời hết thấy những câu hỏi của ông không; và nếu họ không thành thực thì những trắc nghiệm tâm lý khác có giúp ông tìm ra được sự thực không; nhưng tôi nghĩ khi người ta lo gây dựng hạnh phúc cho mình thì không có lý gì không thành thực; và nội một việc suy nghĩ về hàng trăm câu hỏi đó để trả lời cũng giúp người ta tìm hiểu mình được nhiều, có tinh thần già dặn hơn lên rồi, không dám coi hôn nhân là một trò chơi giữa các em bé nữa.

Dù sao, tôi cũng phải nhận rằng phương pháp phân tích tính tình, tâm lý của ông thật là tỉ mỉ và nếu chúng ta theo đúng thì tất sẽ hiểu rõ nhau hơn và một khi đã hiểu nhau lại sẵn sàng hòa hợp tính tình với nhau, nếu đôi bên có thể hòa hợp được, thì hạnh phúc trong hôn nhân gần như được đảm bảo. Cho nên tôi tin những kết quả của ông ghi trong cuốn *Psychologie du mariage* và cho rằng nhân loại đã tiến một bước lớn trong vấn đề hôn nhân, rằng chúng ta sắp bước vào một kỷ nguyên mới nhờ khoa Tâm lý học, kỷ nguyên mà chúng

ta có thể tự tạo lấy hạnh phúc trong hôn nhân, chứ không nhắm mắt để cho sự đưa đẩy. Tất nhiên, sự may rủi không thể mất hẳn được vì nội một việc hai bên gặp nhau cũng là do may rủi rồi, nhưng ít nhất chúng ta cũng sáng suốt hơn nếu chúng ta tự chủ được.

Bao giờ phương pháp phân tích tâm lý đó mới được áp dụng ở nước nhà?

Tuy nhiên, cái gì thái quá cũng không nên. Viết chương này tôi muốn khuyên bạn thận trọng trong việc hôn nhân chứ không khuyên bạn coi hôn nhân là một cuộc mạo hiểm đáng sợ.

Mù quáng là một tật xấu mà *sợ sống cũng là một tật xấu nữa*. Phải biết lựa chọn và phải biết can đảm chịu trách nhiệm, có vậy mới gây được hạnh phúc.

Tôi nghe thấy nhiều ông chồng phàn nàn:

- Tôi chỉ ưa hát bóng, nhà tôi lại chỉ thích đi cải lương. Như vậy làm sao sống chung với nhau được?

Hoặc:

- Nhà tôi thích giao du, tôi ưa ở một mình. Khác nhau như mặt trăng mặt trời.

Hoặc:

- Tôi ghét phấn son mà nhà tôi lại thích trang điểm.

Những sự xung đột nho nhỏ không thể nào tránh được, nhưng cũng không nên cho là rất tai hại. Và nếu ta bảo những ông chồng cầu nhau đó thử tìm điểm hai vợ chồng giống nhau rồi ghi lên một tờ giấy thì tôi chắc rằng các ông sẽ ngạc nhiên thấy có nhiều điểm mà mình không hề để ý tới: cùng dễ dãi với người khác, cùng săn sóc con cái, cùng siêng năng, cùng ngay thẳng, làm việc cũng nhanh như nhau, trong cảnh chạy loạn cùng chịu cực như nhau được... Như vậy thì làm sao lại không sống chung với nhau được? Đòi hỏi nhiều quá là dấu hiệu của một tâm hồn non nớt. Ta nên nhớ lời nhận xét của bác sĩ Edward Kaufmann, trong bốn cộng đồng, nếu có một cộng đồng rất cao còn ba cộng đồng kia chỉ trên mức trung thì hôn nhân cũng vững rồi.

Trong một tạp chí tôi được đọc câu chuyện này. Một bà vợ nọ có tính hay tranh luận mà gặp phải một ông chồng lảm lì, ít nói. Bà tìm mọi cách gợi chuyện để buộc ông chồng phải

nhận rằng giữa hai người có nhiều sự xung đột với nhau. Nhưng cuộc đời tình ái của họ thực hoàn toàn. Một buổi sáng, bà hỏi chồng:

- Chúng ta chỉ hòa thuận với nhau về phương diện vật chất, phải vậy không?

Ông chồng còn ngái ngủ, chiều lòng vợ, đáp:

- Mình nói có lý.

- Nhưng bấy nhiêu đâu gọi là đủ được?

Ông chồng tỉnh hẳn, mỉm cười đáp:

- Thừa rồi chứ!

Rồi qua phòng bên ăn điểm tâm rồi đi làm.

Theo ý bạn thì cặp vợ chồng đó ai khôn hơn ai?

Chương IX

ĐỂ GIỮ HẠNH PHÚC TRONG HÔN NHÂN

1. *Một vẻ đẹp của văn minh phương Đông.*
2. *Một câu chuyện đau lòng.*
3. *Lại một câu chuyện đau lòng nữa.*
4. *Lời khuyên của một nhà tâm lý phương Tây.*

Sáng suốt lựa chọn là qui tắc đầu tiên để gây hạnh phúc trong hôn nhân thì tị hiềm là qui tắc đầu tiên để giữ hạnh phúc đó. Tôi mong rằng những truyện thực tôi kể trong chương này sẽ làm cho bạn suy nghĩ.

Ký tính của tôi vào hạng trung bình mà không hiểu sao tới nay tôi vẫn còn nhớ rõ một việc rất tầm thường xảy ra cách đây trên bốn chục năm, việc cha tôi và tôi lại thăm bà Đỗ Chân Thiết mà trong nhà chúng tôi thường gọi là thím Ba Đỗ.

Ông Đỗ Chân Thiết (một nhà cách mạng tôi đã chép tiểu sử trong cuốn Đông kinh nghĩa thực) với cha tôi ngoài tình con cô con cậu, còn tình bạn đồng song và đồng chí nữa, cho nên coi nhau như anh em ruột, thường bá vai nhau đùa giỡn, tới chơi nhau thì dù đang ngủ cũng tung mền nhau ra rồi lôi dậy, rủ nhau đánh cờ hoặc dạo phố. Thân với nhau là thế, vậy mà tối hôm đó, tôi còn nhớ một tối mùa hè sau khi chú Ba Đỗ tôi trốn qua Trung Hoa, hoạt động với cụ Phan Bội Châu, cha tôi tới thăm thím Ba tôi, dắt tôi theo và khi tới nhà ở phố hàng Bạc, Hà Nội, cha tôi không vào, đứng ở cửa lên tiếng. Thím Ba tôi ra mời vào, cha tôi tiến vào vài bước nhưng không ngồi, chỉ đứng bên một cái bàn ở nhà ngoài, hỏi thăm tin tức của chú tôi. Thím tôi cũng không mời ngồi, mà đứng xa xa, chấp tay tiếp chuyện. Độ một phút rồi cha tôi cáo từ ra về.

Việc xảy ra chỉ có vậy mà đã đập vào óc tôi một cách khá mạnh. Hồi đó tôi lên bảy, nhưng thực ra chỉ mới đủ sáu tuổi, tối đi ngủ một mình còn sợ ma, biết suy nghĩ gì đâu mà sao đã cảm thấy rằng cha tôi và thím tôi hôm đó xử sự như vậy là hợp lẽ chứ không phải lãnh đạm. Khi còn chú tôi ở nhà thì cha tôi có thể thân mật: “Thím, chú ấy có nhà không?” rồi sòng sọc

bước vào nhà trong; nhưng khi chú tôi đã đi vắng, thím tôi ở nhà với vài người con nhỏ thì cha tôi phải có thái độ khác. Tôi còn ngờ rằng cha tôi lần đó dắt tôi theo, chủ ý để có người chứng kiến cho và tôi thấy ở hành động ấy một vẻ đẹp của phương Đông.

Lớn lên, ngoài hai mươi tuổi, tôi được biết thêm một vẻ đẹp nữa, khác hẳn, của phương Tây. Nam nữ của họ đối với nhau nhã nhặn mà tự nhiên. Đàn ông nhường bước cho đàn bà khi lên xe, xuống xe, khi vào cửa, ra cửa... Họ dắt nhau đi chơi, trò chuyện thân mật mà vẫn giữ lễ độ. Tôi cho như vậy cũng văn minh; nhưng trong tiềm thức của tôi như vẫn còn giữ cái nếp của phương Đông cho nên mỗi khi tiếp xúc với nữ giới, không phải hàng ruột thịt thì dù thân như chị em trong họ, vợ con của bạn, tôi luôn luôn giữ một thái độ mà nhiều người hiểu lầm là quá nghiêm, là lãnh đạm. Nào có phải tôi không trọng văn minh phương Tây; chỉ vì tôi đã học được bài học tị hiềm của cha tôi trên bốn chục năm về trước, một bài học mà bây giờ nghĩ lại tôi mới thấy là quý giá vô ngần.

Khoảng mười năm trước, hai ông nọ đã gần ngũ tuần, đều vào hạng trí thức, rủ nhau buổi tối đi học thêm tiếng Anh. Hạng công chức cao cấp tới tuổi đó mà còn chịu học thêm, đâu phải hạng người tâm hồn tầm thường. Trong lớp học có một bà chưa chồng ở Pháp mới về. Cũng là một nhân vật hiếm nữa. Chỗ đồng thanh đồng khí, ai mà không quý mến nhau; cho nên ba người dễ thân nhau và sau buổi học, một ông có xe hơi thường đưa hai người kia về nhà. Đó là một phép lịch sự rất thông thường của phương Tây.

Như vậy được một tháng rồi một tối nọ, xuýt xảy ra một cuộc “đại náo” ở ngay cửa trường, sau giờ tan học. Hai phu nhân của hai ông nọ nấp sau gốc cây, đợi cho ba người vừa lên xe, chưa kịp cho xe chạy là nhảy tới làm dữ. Cũng may, một ông khéo xử nên hàng phố ít ai được biết; nhưng từ đó ba người rất hiếu học kia đành bỏ dở việc học và tôi tin chắc rằng hai ông công chức đó có gặp bạn học ở ngoài đường tất không dám nhìn mặt nhau nữa. Thực tai hại!

Tôi không hề nghi ngờ lòng trong sạch của họ mà chỉ trách họ đã vụng xử, đã không biết đến chữ tị hiềm của đạo Nho mà cũng không hiểu cái tinh thần của phép xã giao phương Tây. Sao họ không tìm cách giới thiệu bạn với vợ ngay từ lúc mới làm quen để đến nỗi các bà vợ nghi oan là họ lén lút?

Gần đây tôi lại được nghe một chuyện buồn nữa. Nguyên do cũng tại cái phép đưa đón xã giao của phương Tây đó.

Một bà nọ – tôi tạm gọi là bà T, làm công chức trong một tỉnh nhỏ, vì có học, tính tình tự nhiên niềm nở, ăn nói hoạt bát, nên giao thiệp rộng và trong số đồng nghiệp, nhiều ông quý mến bà ta, coi như chị em ruột. Rồi bà ta có chồng. Người chồng tính tình nghiêm trang nhưng không cố chấp, để vợ tự do giao thiệp với bạn trai, không hề nghi ngờ gì cả. Như vậy được vài năm. Trong số bạn trai có một ông – tôi gọi là M, chưa vợ, thân với bà T nhất, thường tới lui dùng xe hơi đưa đón bà từ sở về nhà, từ nhà tới sở.

Và một hôm, việc phải xảy ra đã xảy ra. Sau khi vắng mặt khá lâu, ông chồng về nhà, thấy trong một tuần mà ông M đến thăm vợ mình bốn năm lần và luôn ba ngày liền, đem xe đến rước đi làm hay đi hội, có khi chín mười giờ tối mới đưa xe về. Hai người lại vụng về: ông M đến đón bà T mà không xin phép chồng bà; bà T cũng không xin phép chồng. Ông T nghĩ dù trong xã hội Âu Tây như vậy cũng là thiếu lịch sự, phải cảnh cáo vợ một cách hơi nghiêm khắc.

Bà T ủ rũ kể lể tâm sự với tôi vì tôi quen cả ba người.

Bà nói:

- Nhà tôi trách là phải. Tôi đã nhận lỗi và hứa giữ gìn ý tứ, nhưng nhà tôi vẫn chưa tha thứ cho tôi, mấy bữa nay đối với tôi có vẻ khinh khỉnh, cơ hồ cho là tôi thiếu giáo dục, tôi tủi thân lắm. Anh lạ gì ông M và tôi. Chúng tôi có thể nào thất lễ được mà anh cũng biết tôi kính mến nhà tôi lắm, cái gì cũng chiều anh ấy cả. Ông M chỉ vì tiện đường mà đưa đón tôi, chứ không cố ý và chúng tôi không xin phép nhà tôi chỉ vì vụng xữ thôi chứ không có lòng nào cả. Anh khuyên tôi phải làm sao bây giờ cho gia đình tôi đầm ấm trở lại?

Tôi đáp:

- Chị hỏi ý kiến tôi thì tôi phải nói thẳng, có điều gì phật ý chị tha lỗi trước cho, tôi mới dám nói.

- Vâng, xin anh cứ thành thật chỉ bảo cho.

- Chị trách anh ấy là quá nghiêm phải không? Theo tôi, nghiêm như vậy là có lý. Chị tin ở lòng ông M, thái độ đó rất đáng quý, nhưng chị quá tin ở lòng mình thì không nên. Tôi kể cho

chị nghe một chuyện. Một bà nọ, bà S có nhan sắc, có học, sinh trưởng trong một gia đình danh giá, hy vọng có được một người chồng bác sĩ hay kỹ sư, rồi vì cảm lòng chân thành với công đeo đuổi của một công chức tầm thường mà nhận lời người này. Trong hồi kháng chiến, bà ta bỏ được hết những thói quen trưởng giả, ăn trắng mặc trơn, mà vui vẻ sống với chồng con một cuộc đời lam lũ, trốn chui trốn nhủi trong tám năm tại một nơi đồng chua nước mặn; như vậy chị đủ biết đức của bà ta ra sao.

Vậy mà mười lăm năm trước, bà ta xuýt mắc một tội có hại cho thanh danh gia đình. Hồi đó bà ta mới có chồng được vài tháng. Người chồng rất chiều vợ và cửa nhà vui vẻ. Rồi một hôm, một người anh họ xa của bà S ở bên Pháp mới về lại thăm hai vợ chồng bà. Người chồng theo phép lịch sự mời ông anh vợ ở lại chơi lâu lâu để biết cảnh đồng quê và cũng để cho vợ đỡ thấy cảnh nhà vắng vẻ. Ngày ngày, trong khi chồng đi làm, bà S tiếp chuyện ông anh, chăm chú nghe ông kể đời sống bên Pháp. Thế rồi một tối nọ, hai người lên xe hơi trốn đi. Cũng may, thân phụ và chồng bà S thấy khác ý, đã kịp đề phòng, lái xe đuổi theo bắt bà ta lại.

Về tới nhà, bà ta như người mất hồn, nửa năm sau nghĩ lại mới thấy hối hận đến nỗi muốn tự tử; còn ông anh họ kia thì mắc cỡ, trốn luôn lên Cao Miên... Chị đừng ngắt lời tôi. Tôi biết chị muốn nói gì rồi. Không. Kể lại chuyện đó tôi không có ý so sánh chị với bà S đâu. Tôi chỉ muốn khuyên chị rằng chúng ta, chị cũng vậy mà tôi cũng vậy, không nên quá tin lòng mình. Nó thay đổi mỗi ngày một chút mà ta không hay; và chỉ trong một vài tháng, ta có thể không còn nhận ra được chính cái con người của ta nữa.

Vả lại, dù có tin chắc ở lòng mình thì cũng còn phải đề phòng dư luận. Tôi biết rằng nhiều người ở trong tỉnh này vẫn trọng đức của chị. Nhưng chị có dám tin chắc rằng không một ai nghi ngờ gì lòng chân thành của chị không?... Ít nhất cũng đã có một người rồi đấy và người đó lại chính là người thân nhất của chị. Mà đã có một người thì sao không thể có hai, có ba hay nhiều hơn nữa mà chị chưa hay đấy.

Ngày xưa Khổng Tử tới làm khách ở nước Vệ. Theo tục nước đó, Ngài phải vào chào vợ vua Vệ là nàng Nam Tử. Nam Tử vốn có tiếng là người đàn bà không đứng đắn, cho nên thầy Tử Lộ, học trò của Ngài, tỏ vẻ không vui; Ngài phải thề với Tử Lộ rằng: “Ta có làm điều gì chẳng phải thì Trời bỏ ta, Trời bỏ ta!”

Chuyện đó còn chép trong Luận Ngữ. Đức của chúng ta chắc không bằng một phần mười của Khổng Tử mà lòng người ở đây tin chị chắc cũng không bằng một phần mười lòng của Tử Lộ tin thầy. Thế thì chị càng phải nên giữ ý lắm chứ. Khi mà tin đồn đã đến tai chị thì trễ quá rồi, gột làm sao cho sạch? Vì vậy mà cổ nhân mới dạy chúng ta tị hiềm. Cái công dụng của đạo tị hiềm rất lớn: một mặt nó tránh cho ta những tiếng thị phi; mặt khác nó kìm hãm ta, đừng quá tin ở lòng mình mà phải đề phòng từng chút, từng phút để khỏi xảy ra những điều mà khi tỉnh lại, ta không ngờ rằng sao một người như ta có thể mắc phải. Khi ta nhớ câu: “Qua một vườn mận đừng sửa nón, qua một vườn dưa đừng sửa dép” thì mận và dưa không thể cám dỗ lòng ta được nữa.

Bà ta sụt sùi khóc. Tôi ngồi yên một chút rồi tiếp:

- Chị lại đây có ý cầu tôi an ủi mà tôi lại có vẻ như kết tội chị, thực tâm tôi không vui. Nhưng tôi nghĩ rằng chỉ khi nào chị thành thật không ân hận, nhận rằng chị và ông M đều có lỗi, không trách anh là nghiêm khắc nữa thì hạnh phúc trong gia đình chị mới toàn vẹn được. Bây giờ chị đã ân hận rồi thì tôi không thấy gì đáng ngại nữa. Tối nay chị rủ anh ấy đi coi phim *Ne dites jamais Adieu*. Câu chuyện trong phim gần giống câu chuyện của anh chị và khi coi xong, chắc anh ấy sẽ vui vẻ với chị ngay. Còn ông M thì để ngày mai tôi lại nói chuyện với ông ta. Ông ấy chỉ có cái tội thiếu căn bản Nho giáo và thiếu cả cái tinh túy của văn minh phương Tây, chứ bản chất cũng là tốt.”

Trong hai chục năm nay, nhận xét những gia đình của bạn bè hay thân thuộc, tôi thấy không ai có căn bản xấu mà hầu hết đều do không học đến chữ tị hiềm của cổ nhân để đến nỗi vợ chồng xích mích nhau rồi lần lần lãnh đạm với nhau, có khi xa nhau. Bà vợ ngồi toa phần tô son trước mặt bạn của chồng, hoặc ông chồng ngâm toàn những thơ Xuân Diệu và Nguyễn Bính cho một cô em họ của bà vợ nghe... đó, mới đầu đại loại là như vậy, rồi bị người kia khinh, khinh mà không nói vì trong giới học thức người ta thường tế nhị. Thực ra những việc như vậy cũng rất khó nói. Một khi đã rẻ nhau thì những nguyên do khác – như tiền tài chẳng hạn – mới xô nhau tới và nền tảng gia đình phải sụp.

Trong đạo vợ chồng, hầu hết kẻ nào làm cho người kia ghen đều có lỗi. Có lỗi cả những khi vô tình, cả những khi lòng rất trong sạch. Vì chỉ có Thượng Đế mới xét ta theo tấm lòng của ta, còn hết thấy loài người, cả những người thân nhất, cũng xét ta theo cử chỉ và thái độ của ta, và có những cử chỉ, thái độ đủ đánh giá một con người.

Tự lực văn đoàn hồi trước gây một phong trào vui vẻ trẻ trung, trai gái tiếp xúc với nhau rất tự nhiên. Phong trào đó đã thay đổi được tính tình của một hạng “cụ non” tư tưởng cổ chấp và cần cổ của thời ấy. Những nhà cải cách nào cũng phải hăng hái, quá trớn một chút rồi kẻ theo đòi lại nông nổi bước quá trớn hơn nữa, thành thử đa số bạn trẻ trong vài chục năm nay gần như mất gốc, quên cả lễ giáo của phương Đông mà chỉ bắt chước được cái tự do của phương Tây, chứ chưa học được cái tinh túy của người. Nếu họ hiểu được cái tinh túy của phương Tây, tất họ sẽ thấy rằng đừng nói chi những nhà đạo đức, ngay những nhà khoa học, nhà tâm lý Âu Mỹ cũng nghĩ rằng sự thân mật quá giữa nam nữ là một sự nguy hiểm, rằng người ta không nên quá tin lòng mình.

Chẳng hạn bà Marion Hilliard, người Gia Nã Đại, bác sĩ y khoa, giám đốc sở Phụ nhân y khoa ở dưỡng đường Toronto, trong bài *L'amour platonique existe-t-il?* (Có ái tình thuần khiết không?) đăng ở tạp chí *Sélection du Reader's Digest* số tháng tám năm 1956, bảo rằng các phụ nữ thường mắc cái lỗi chung là coi thường cái yếu tố sinh lý.

Sau hai chục năm kinh nghiệm, bà được nghe cả ngàn câu chuyện thương tâm, chỉ lỡ lầm một chút mà sa ngã. Nạn nhân vào hạng trẻ đã là nhiều mà vào hạng đứng tuổi cũng không phải là ít. Câu chuyện nào cũng như câu chuyện nào. Mới đầu họ kể sự giao du của họ với một người đàn ông, rồi bỗng nhiên họ im bặt. Bà đã đoán được rồi hỏi:

- Rồi người ta mời cô về nhà riêng phải không? Cô trả lời ra sao?

Thế là thân chủ của bà khóc lóc, kể lể tâm sự, hối hận.

- Chót lỡ một phút rồi sinh ra nông nổi đó, chứ tôi đâu phải là hạng người như vậy!

Điên khùng! Trừ một số rất ít mà sinh lực quá kém còn thì phụ nữ nào cũng là “hạng người như vậy” hết. Đàn bà, mà đàn ông cũng thế, bẩm sinh có những thị dục hỗn độn mà nhiều khi họ không kiềm chế nổi. Nó phát ra đúng những lúc mà họ không ngờ, và do những nguyên nhân rất nhỏ: một giọng hát áo não, một tiếng đàn thánh thót, một vòm trời đầy sao, một ánh trăng trên mái tóc, một tà áo phất phất chạm vào tay, một vẻ huyền ảo sau làn sương mờ...

Mới đầu, nghe những phụ nữ đáng thương đó thú rằng họ không kiềm chế được lòng, bà không tin. Cả những người có giáo dục, có học thức, có địa vị, có tư cách mà cũng không tự chủ được ư? Rồi càng ngày càng kinh nghiệm, bà phải nhận rằng có những lúc tình dục phát

lên, người ta không còn suy nghĩ gì được cả, và như vậy là thường tình, là tự nhiên. Vậy thì chỉ có một cách để giữ mình là đừng tin ở mình, đừng tin rằng tới lúc nguy kịch đó, mình còn đủ sáng suốt, đủ nghị lực để từ chối; và một khi đã không tin như vậy thì tất nhiên phải tránh những phút cảm dỗ. Chính những tiểu thuyết lãng mạn đã tạo ra những chuyện tình thuần khiết, những chuyện tình lý tưởng, trong đó những thiếu nữ đẹp như tiên và có nghị lực như thánh, tự hãm nhục dục trước khi xảy ra cái lỗi không thể nào chuộc được. Những tiểu thuyết đó rất tai hại cho đàn bà.

Và bà khuyên phụ nữ phải giữ gìn ý tứ. Ngay các bà đã có chồng con cũng phải đề phòng những sức mạnh ngấm ngầm trong cơ thể. Bà bảo: “Biết bao người vợ tin chắc rằng “không thể xảy ra cái gì được” vì lẽ người đàn ông đó là người bạn tốt, mà rồi cùng phải thú thực với tôi là không tự chủ được. Tôi tin họ thành thực, nhưng nếu họ dùng để cho một người đàn ông nào khác ngoài chồng họ ra, đánh xe đưa họ về nhà thì có lẽ họ đã tránh được tai nạn”.

Nếu ta không được biết tên tác giả thì đọc câu cuối đó, bạn đã tưởng là lời khuyên của một nhà nho cổ hủ, phải chăng? Vậy thì lời khuyên đó đáng cho bạn suy nghĩ chứ?

Bà còn kể nhiều chuyện thương tâm khác nữa. Một thiếu phụ nọ sinh đứa thứ nhì, khoe với bà rằng có một chị bạn rất thân vui lòng lại nhà trông nom dùm cho đứa con đầu lòng trong khi mình nằm ở nhà bảo sanh.

Bà tự nhủ:

- Dính rồi đây.

Quả nhiên vài tháng sau, điều bà tiên đoán đã xảy ra. Thiếu phụ đó khóc lóc kể với bà mọi sự rồi gào lên:

- Làm sao mà họ có thể như vậy được?

Nhưng lỗi ở ai? Ở người bạn, người chồng đã đành rồi, mà còn ở người vợ nữa chứ? Tại sao lại cho lửa gần rơm?

Cái tục *nam nữ thụ thụ bất thân* quả là nghiêm khắc và không hợp thời nhưng nó không phải không có nguyên do, một nguyên do chính đáng về tâm lý và sinh lý. Ta không nên theo cái tục đó nhưng cần hiểu nguyên do của nó để giữ gìn cho ta và cho người khác. Như

vậy mới thực là con người có học thức, là con người văn minh, ở Đông cũng vậy mà ở Tây cũng vậy.

Hôn nhân là một việc nghiêm trang. Một khi đã mang tên của người khác hoặc để người khác mang tên của mình thì không thể giữ sự tự do như hồi còn độc thân được, mà trong mỗi hành động, nên nhớ đến người bạn trăm năm của mình.

Những kẻ phàn nàn rằng từ khi thành gia, hóa ra bó buộc, đã là vô lý; mà những kẻ trách bạn bè, bà con từ khi ra ở riêng tình như lạnh nhạt, cũng là vô lý nữa. Họ không hiểu nghĩa hai tiếng sống chung.

Phong tục mỗi ngày một thay đổi nhưng dù sự giao thiệp giữa nam nữ “tiến” đến mức nào đi nữa thì qui tắc tị hiềm vẫn còn giá trị nếu chế độ hôn nhân không mất. Tiếc thay từ trước tới nay tôi chưa thấy một cuốn sách nào, cả những sách dạy đạo vợ chồng, nhắc đến qui tắc căn bản để giữ hạnh phúc trong gia đình đó.

Chương X

LỜI KHUYÊN RIÊNG CÁC BẠN GÁI

1. Người đàn bà trong gia đình và xã hội ngày nay.

2. Công.

- Phụ nữ Việt Nam hồi xưa và hồi gần đây.

- Phụ nữ ngày nay cần có nghề nghiệp.

3. Dung.

- Muốn sung sướng thì giấu nhan sắc đi.

- Cá tính quan trọng hơn nhan sắc.

4. Ngôn.

- Ngôn là ít nói.

- Những khi xung đột.

5. Hạnh.

- Lời khuyên của Clarence Williamson.

- Trường hợp có người khác xen vào.

Trong bài tựa cuốn *Giúp chồng thành công*, tôi có viết một đoạn làm cho một số nữ độc giả bất mãn, trách tôi là thiên lệch, bất công với bạn gái. Đoạn đó như sau:

“Đã đành (đàn ông) chúng tôi có một phần trách nhiệm, đã đành chúng tôi cũng có những người xấu tính, tàn nhẫn, hư hỏng, duy kỷ, nhưng trách nhiệm vẫn là do các bà vì sao này ra sao không biết, chứ ba bốn ngàn năm nay ai cũng nhận rằng nhiệm vụ chính của các bà là chiều chuộng chồng con, gây một không khí đầm ấm trong gia đình, để đàn ông chúng tôi vui vẻ xông pha ngoài xã hội”.

Các nữ độc giả ấy bắt lỗi tôi là coi đàn bà không được bình đẳng với đàn ông. Chắc có một vài vị nghĩ thầm rằng tôi là cái hạng lạc hậu, cổ hủ, thầy đồ gàn dở. Có lẽ tôi thiên lệch thật, nhưng nếu vậy thì chẳng phải mình tôi có lỗi mà còn vô số người, cả đàn bà lẫn đàn ông có học thức, ở một nước rất tiên tiến, nước Hoa Kỳ, cũng phải chịu chung một lỗi với tôi. Đàn bà thì có bà Dale Carnegie, tác giả cuốn *Giúp chồng thành công*, đàn ông thì có ông Edward Kaufmann, tác giả cuốn *Bạn và hôn nhân của bạn* (You and your marriage).¹⁵¹ Quan niệm

của bà Dale Carnegie chắc bạn đã biết; dưới đây tôi chỉ xin trích một đoạn của ông Edward Kaufmann. Ông bảo:

“Người ta biết rằng về phương diện pháp luật, đàn bà ở thế kỷ XX không bình đẳng với người đàn ông, và trong thực tế, đàn bà còn bị coi là một sinh vật kém đàn ông, và nếu đàn ông và đàn bà không được đặt ngang hàng trong đời sống thì làm sao có thể được đặt ngang hàng trong hôn nhân được.

Ta phải nhìn vào sự thật. Mà sự thật là đàn bà phải chiến đấu mấy thế kỷ nay để được ngang hàng với đàn ông; hiện nay ở các nước tân tiến và cả ở nước ta nữa, họ đã tranh giành được nhiều quyền lợi: được học tới cấp Đại học, được làm nhiều nghề, được quyền bầu cử, ứng cử (ứng cử vào Quốc hội thôi chứ chưa thấy ai ứng cử Tổng thống), được hưởng một phần gia sản của chồng... Những quyền đó, họ mới giành được gần đây, nên đa số còn chưa biết hưởng và tại nhiều nơi, những quyền đó mặc dầu được ghi rõ ràng trong các bộ luật, nhưng vẫn còn bị tục lệ hoặc cách giải thích luật pháp hạn chế.

Đó là tình trạng các phụ nữ tân tiến ở các đô thị, nói gì tới phụ nữ ít học ở các thôn quê. Cho nên xét chung thì hiện nay, ngay ở Âu Mỹ, trong các gia đình, người đàn ông vẫn làm chủ và người đàn bà vẫn đóng một vai phụ.

Phụ nữ còn phải chiến đấu nhiều năm nữa mới có thể hoàn toàn bình đẳng với đàn ông trong thực tế. Tôi thành tâm mong rằng họ sẽ chóng thành công, và viết chương này tôi có ý giúp họ nhận định rõ tình trạng cùng với bốn phận hiện thời của họ và đồng thời biết con đường phải theo để tiến tới cái mục đích là giành lại sự bình đẳng hoàn toàn. Chúng ta phải nghĩ tới tương lai, nhưng không được quên hiện tại. Chỉ nghĩ tới hiện tại thì là hẹp hòi mà chỉ nghĩ tới tương lai thì mơ mộng hão.

Chương này tôi viết riêng cho phụ nữ, nhưng bạn trai cũng cần phải đọc để hiểu biết thêm về người bạn trăm năm của họ và về một vấn đề xã hội hiện nay, vả lại có nhiều điều tuy là khuyên bạn gái mà bạn trai cũng nên theo: hiện nay, trách nhiệm gây cái tổ ấm phần lớn về phụ nữ, nhưng lần lần rồi sẽ tiến tới cái tình trạng trách nhiệm đôi bên sẽ ngang nhau, chúng ta không nên chống lại xu hướng đó, có chống lại cũng chỉ thành một nạn nhân của thời đại thôi.

Cổ nhân cho bốn đức chính của người đàn bà là công, dung, ngôn, hạnh. Đó là bốn đức trong gia đình. Đàn ông cũng có những bốn phạm trong gia đình; tuy không liệt kê ra rõ ràng, nhưng các nhà nho chân chính đều nhận rằng đàn ông phải nuôi nấng, săn sóc vợ con, phải nghiêm trang mà khoan hồng, phải công bằng, hòa nhã, siêng năng và có hạnh kiểm; nghĩa là bốn đức của đàn bà, đàn ông cũng phải có đủ (nghiêm trang, hòa nhã tức vừa là dung, vừa là ngôn). Sở dĩ cổ nhân không kể rõ ra có lẽ cho đó là một sự dĩ nhiên, mà trách nhiệm gây hạnh phúc trong gia đình phần lớn là về đàn bà.

Ta thử xét xem tứ đức đó, ngày nay nên hiểu ra sao. Tôi không rõ cổ nhân có dụng ý gì không, mà đặt công lên đầu tứ đức. Riêng tôi thì thấy cái đức hiện nay đáng đem ra bàn nhất là công, cho nên bắt đầu bằng đức đó.

Chúng ta gọi người vợ là nội tướng, nhưng sự thật thì người đàn bà Việt Nam hồi xưa không phải chỉ lo công việc lặt vặt trong nhà mà thôi. Trừ việc quan ra, không có công việc gì là họ không làm, mà nhiều khi họ gánh những công việc nặng nhọc hơn đàn ông, kiếm tiền nuôi cả gia đình, họ hàng nữa. Họ nhổ mạ, cấy lúa, làm cỏ, bón phân, tát nước, gặt hái, đập lúa, xay lúa, có người lại phải kéo cày, kéo bừa thay trâu nữa. Nghề buôn bán ở trong tay họ, từ những gánh hàng nhỏ ở trong chợ làng, chợ huyện đến những cửa hàng lớn ở kinh đô, hầu hết là do họ điều khiển. Về tiểu công nghệ, họ cũng dự phần sản xuất trong những việc nhẹ nhàng hoặc tỉ mỉ: dệt, thêu, đan, may, làm gạch, làm ngói. Ngay trong gia đình giới sĩ, người vợ cũng thường là người lãnh nhiệm vụ kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con. Khi còn là anh đồ thì ông chồng chỉ ăn no lại nằm, mọi sự chi tiêu đều trông vào bà vợ hết. Khi thành danh, làm quan, nếu không phải là hạng sâu mọt, thì lương không đủ sống, cũng lại phải nhờ vợ buôn bán giúp thêm.

Tóm lại, trừ một số gia đình quý phái, người đàn bà hồi xưa làm việc nhiều hơn người đàn ông, kiếm tiền nhiều hơn đàn ông. Chính họ là trụ cột trong gia đình về phương diện mưu sinh và chính vì địa vị quan trọng đó mà trong thực tế họ gần được bình đẳng với đàn ông, mặc dầu luật pháp khắt khe với họ. Ta cứ so sánh địa vị của các cụ bà của ta hồi xưa với địa vị phụ nữ Á Rập, Ấn Độ ngày nay thì thấy các cụ được tôn trọng rất nhiều. Như vậy là do

một lẽ rất tự nhiên: trong xã hội, kẻ nào kiếm được tiền là kẻ ấy được kính nể. Tôi gần như muốn nói, đó là một định luật của muôn thuở.

Tới khi người Pháp qua đây, giai cấp trưởng giả gồm các công chức và thương gia mới phát triển mạnh mẽ. Số công chức và thương gia tăng lên đều đều và mau, họ kiếm tiền dễ dàng hơn hồi xưa, một mình làm có thể nuôi cả gia đình một cách phong lưu. Lúc đó nhu cầu của chúng ta còn ít và vợ của họ khỏi phải giúp họ trong việc mưu sinh nữa, một số sinh biếng nhác, ăn không ngồi rồi, mà trở tay năm ngón, mọi công việc trong nhà giao cho người ở, người ở lúc đó công rất rẻ, còn họ thì lo việc trang điểm, ngồi lê, hoặc họp nhau đánh bài với lên đồng. Hạng đàn bà đó là hạng sa đọa nhất trong lịch sử phụ nữ Việt Nam. Họ sinh sôi nẩy nở trong vài thế hệ rồi tới cuộc biến cố lớn lao năm 1945, họ phải buôn bán tảo tần, làm mọi việc để giúp chồng con; và nhờ sự chiến đấu của dân tộc, họ thanh khiết, cao thượng lên, trở về cái nếp sống của các cụ bà hồi xưa.

Độc lập giành lại được rồi, họ hồi cư, một số ít nhiễm lại cái thói ỷ lại, biếng nhác, trưởng giả; nhưng một số còn giữ được tinh thần trong hồi chiến đấu; một số khác vì đời sống khó khăn, vì nhu cầu mỗi ngày một tăng, dù muốn hay không muốn, cũng phải tiếp tục làm ăn để giúp chồng gây dựng lại cơ nghiệp, nuôi con ăn học, mà sự học của trẻ thời nay rất tốn.

Vì vậy mà chiến tranh, vấn đề phụ nữ với chức nghiệp bỗng thành một vấn đề xã hội quan trọng và tờ báo Mai có sáng kiến làm cuộc phỏng vấn đầu tiên về nó.

Kết quả cuộc phỏng vấn đó là phụ nữ ta ngày nay tuy có tiến hơn hồi tiền chiến, nhưng chưa tiến được bao nhiêu: phần đông vẫn chưa nhận thức được đúng tình trạng và vai trò của họ trong những ngày sắp tới.

Người phụ trách cuộc phỏng vấn, ông Nguyễn Ngu Í, chỉ mới thu thập được ý kiến của hai mươi chị em. Phỏng vấn bằng thư thì kết quả như vậy là khá rồi và cũng tạm cho ta biết được ý kiến của mọi giới.

Trong bài kết đăng ở Mai ngày 10-12-60, ông viết:

“Với chị em lao động thì không thành vấn đề, chị em xem đó là việc tất nhiên, phải có làm mới có ăn, phải làm để phụ với chồng (...) Một số chị em khác, có học, thì vì sở thích, muốn tự lập, nên sống độc thân, có đôi bạn thì muốn cùng chồng xây dựng gia đình một cách thiết thực hơn, muốn tiếp xúc nhiều với xã hội để mở rộng thêm kiến thức (...) Và lại, ... ỷ lại

hoàn toàn vào chồng, người phụ nữ không cảm thấy hạnh phúc vì cảm thấy mình bất lực, thụ động quá”.

Nhưng số đó rất ít (ba bốn người) còn hầu hết đi làm vì hoàn cảnh hơn là vì sở thích.

Mà chính cái tư tưởng làm việc vì sở thích mới là tư tưởng tiến bộ. Đọc loạt bài phỏng vấn, tôi để ý nhất đến ý kiến của hai vị. Một vị làm giáo viên trường Thánh Tâm, Đà Nẵng, viết:

“Phụ nữ có chức nghiệp kể riêng về ngành dạy trẻ vẫn có nhiều lẽ vui sống hơn là sống dựa vào gia đình. Độc lập kinh tế, tôi cho là điều cần có cho cả mọi người”.

Câu sau rất đúng, chỉ tiếc trong câu trên nhận xét còn dè dặt, hạn chế trong phạm vi dạy trẻ: nghề nghiệp nào mà chẳng có cái vui nếu hợp với khả năng của ta?

Một vị nữa, làm tư chức trong một công ty ngoại quốc ở Saigon, bảo:

“Tôi không chối cãi những bối rối, trở ngại của người có gia đình mà gặp lúc chồng con bệnh hoạn, ốm đau, không thể vắng sự săn sóc ân cần của người mẹ, người vợ, nhưng nếu đem so sánh thì người phụ nữ có nghề nghiệp vẫn hơn.” Người phụ nữ đi làm có ý chí và khả năng tự lập. Người có gia đình có thể cùng chồng xây dựng gia đình một cách thiết thực hơn. Được tiếp xúc nhiều ngoài xã hội, kiến thức được mở rộng, tiến bộ được nhiều. Ngoài ra, nếu gia đình cần sự săn sóc của người đàn bà thì xã hội cũng cần đến công lao của phụ nữ góp vào không phải là ít. Nếu ta thử sống lại như xưa, người đàn bà trở lại chỉ gánh vác việc gia đình và so sánh, thì gia đình không lợi thêm được bao nhiêu mà xã hội sẽ mất nhiều lắm vậy”.

Ý tưởng của hai vị đó xác đáng, có thể nói là tân tiến nhất trong giai đoạn này ở nước ta, nhưng chưa đầy đủ. *Phụ nữ có nghề nghiệp còn là một điều kiện cốt yếu cho nền hạnh phúc gia đình ngày nay nữa*, mà chưa ai nhận ra. Phụ nữ ngày nay nên nhớ điều này là người đàn ông không cho công việc nội trợ, trông nom nhà cửa, săn sóc con cái là cái tài riêng. Dù người đàn bà có thức khuya dậy sớm, làm suốt ngày không hờ tay, quét nhà, cọ nhà, giặt quần áo, lau bàn ghế, đi chợ, nấu ăn, may vá, tưới cây, phơi sách, thuốc thang cho chồng con... làm cả trăm việc lặt vặt thì người chồng cũng vẫn không hiểu công cho họ, đi làm về vẫn quạo quọ hỏi: “Minh làm cái gì suốt ngày mà giờ này cơm nước vẫn chưa xong?” hoặc

“mấy cái áo sơ mi thiếu cái nút cả tuần lễ nay mà vẫn chưa đính”, “mà cái gạt tàn thuốc này đầy ăm ắp rồi mà vẫn chưa đổ?”...

Đại đa số đàn ông như vậy, họ ngây thơ tự cho mình là thần thánh khi họ kiếm được tiền để nuôi vợ con, như vậy thì người vợ chỉ lo việc nội trợ thôi làm sao có thể đòi hỏi được bình quyền hoàn toàn với họ? Bình quyền cái nỗi gì khi người đàn bà, tôi nói phần đông, ngoan ngoãn, chìa tay ra nhận số lương họ mang về, chìa tay ra nhận với vẻ thản nhiên hoặc miễn cưỡng? Bình quyền cái nỗi gì khi mà người vợ ngửa tay ra xin thêm ít tiền để tiêu vặt, mua phấn son, may cái áo, hoặc mua cân lê, cân táo về tặng cha mẹ mình?

Tôi vẫn biết người đàn ông có học thức cư xử với vợ thường tế nhị, nhã nhặn hơn, nhưng trong thâm tâm, mười người thì có cả mười người nghĩ rằng mình kiếm tiền thì quyền ở trong tay mình. Mà đàn bà phải kiếm tiền nuôi chồng thì cũng có cái tự tôn đó. Lẽ ấy rất tự nhiên.

Cho nên dù hoàn cảnh không bó buộc, dù chồng kiếm được dư tiền để chi tiêu, dù có của riêng đi nữa thì người vợ cũng nên làm thêm một công việc gì ở ngoài. Công việc này đem lại một số tiền khả quan thì càng tốt, nhưng điểm quan trọng không phải ở số tiền mà ở chỗ người đàn bà góp sức với người chồng, có thể tự lập, khỏi phải tùy thuộc người chồng trong mọi sự chi tiêu lật vật riêng của mình.

Nếu không làm một nghề thì ít nhất phải có một hoạt động văn hóa hay xã hội, để tự tạo cho mình một sự độc lập về tinh thần mà làm cho người chồng dễ nể vì hơn, chứ không phải là nhờ tình yêu. Dễ có vụ ly dị nếu giữa hai vợ chồng chỉ có ái tình mà không có lòng tôn trọng lẫn nhau, và lời khuyên: “Phu phụ tương kính như tân” của cổ nhân là lời từng trải nhất, thấu tâm lý nhất trong sự giao thiệp giữa hai vợ chồng.

Tôi đã nói hôn nhân ngày nay là một sự cộng đồng, một sự hợp tác; mà không thể nói đến sự cộng đồng và hợp tác khi hai bên không gần bình đẳng với nhau. Có một hoạt động ở ngoài gia đình, tức là có điều kiện để bình đẳng với chồng một cách thực sự, để phát triển những tài năng, trau dồi những hiểu biết của mình, do đó mà hóa ra quan trọng hơn, được kính nể hơn, và gián tiếp khuyến khích chồng tiến lên nữa.

Tôi vẫn biết hễ lo việc ngoài thì không còn đủ thì giờ săn sóc hết công việc trong nhà; nhưng đời sống ở các đô thị ngày nay khác đời sống ngày xưa nhiều: có những máy móc

giúp ta được nhiều việc trong nhà; quần áo không cần phải may lấy, đã có thợ chuyên môn; ngay như nhiều món ăn cũng chẳng cần phải nấu lấy; bây giờ đây có bà nội trợ nào dậy sớm nấu cháo để điểm tâm nữa không? Sự dạy dỗ săn sóc trẻ em cũng bớt đi nhờ có những tổ chức giáo dục, xã hội; vậy một phụ nữ có nghề nghiệp, nếu khéo tổ chức gia đình thì vẫn có thì giờ săn sóc nhà cửa.

Vả lại khi người vợ đã tiếp tay chồng để mưu sinh hay lo công việc xã hội, thì tự nhiên người chồng cũng phải tiếp tay vợ mà chia xẻ công việc gia đình. Ở Âu, Mỹ người đàn ông đi làm về vẫn thường giúp vợ nấu ăn, rửa bát, giữ con. Ở nước ta vì người ở còn tương đối dễ mướn cho nên ít có người chồng phải nhúng tay vào những việc đó, nhưng mười năm nữa tất có sự thay đổi, đời sống ở Saigon này sẽ không khác đời sống Âu, Mỹ là mấy.

Có người cho như vậy đàn ông sẽ mất cái tính cách của đàn ông và đàn bà sẽ mất cái thiên chức của đàn bà. Tôi không hiểu tại sao mà người đàn ông khi rửa bát, quét nhà giúp vợ lại làm mất tính cách của mình được và một người đàn bà vẫn sinh con, nuôi con, nhưng làm thêm những công việc khác ở ngoài xã hội thì lại mất thiên chức của mình? Tôi chỉ thấy rằng vợ chồng hợp tác với nhau trong mọi việc thì mới là đoàn kết chặt chẽ với nhau, hoàn toàn bình đẳng với nhau, tôn trọng lẫn nhau. Chưa có gì chứng minh cho tôi rằng khi người đàn bà độc lập hơn, không phải tùy thuộc người chồng trong mọi việc, cái duyên dáng của họ giảm đi. Trái lại là khác. Trong cuốn *You and your marriage*, ông Edward Kaufmann bảo sau mấy chục năm nghiên cứu, ông nhận thấy rằng trong những cuộc hôn nhân lâu bền được trên mười năm, thì luôn luôn người vợ đều độc lập ít nhiều về phương diện tài chánh, tinh thần hoặc xã hội, còn trong các cuộc hôn nhân thất bại, người vợ không có một chút độc lập nào cả, hoặc có mà rất ít. Vậy ta có thể kết luận rằng sự độc lập của người vợ về tài chánh, tinh thần hay xã hội giúp cho hôn nhân được lâu bền.

Tiếc thay chẳng những ở nước ta, mà ngay ở Âu, Mỹ cũng vậy, đa số phụ nữ chưa hiểu điều đó. Nhiều người chưa có chồng thì làm một nghề nào đó, khi có chồng rồi bỏ ngay nghề, lấy lẽ rằng:

- Chồng tôi hay ghen.
- Chồng tôi không thích cho tôi làm việc nữa.
- Chồng tôi kiếm đủ ăn rồi, tôi cần gì phải làm việc nữa?

- Công việc nhà nhiều quá... phải săn sóc con cái...

hoặc:

- Làm việc kiếm ăn nhiều khi nhọc lắm, gặp phải những ông chủ thế này thế nọ, rồi những bạn đồng sự ganh ghét, nói xấu...

hoặc:

- Chồng tôi làm công chức, nếu tôi còn làm việc thì mất lương phụ cấp của chồng mà phải mượn người coi sóc nhà cửa, rốt cuộc cũng chẳng lợi gì cả.

Phải, không có lợi về vật chất, nhưng có lợi về tinh thần: người vợ sẽ được chồng kính nể hơn, khả năng của mình phát triển hơn và hôn nhân cũng dễ bền hơn. Còn như cái sự ngại là bị nhọc thì tôi tưởng chẳng ai làm nhọc được một người biết tự trọng, mà tâm lý ông chủ nào cũng vậy: muốn có người cộng sự đắc lực, nghiêm trang; chỉ khi nào mình làm không đắc lực lại không nghiêm mà cứ cố bám lấy địa vị, đồng lương thì mới bị người ta khinh rẻ và lợi dụng.

Tôi ngờ rằng lời sau đây của ông Edward Kaufmann rất đúng:

“Còn vô số phụ nữ muốn tùy thuộc người chồng, để chồng chi phối (hoặc nghĩ rằng bốn phần của mình là như vậy), thích cảm thấy rằng mình kém chồng về tinh thần (...) Họ là những phụ nữ nô lệ, không có chút nhân phẩm của đàn bà, không được dạy dỗ để giữ cái nhiệm vụ làm vợ, làm người hợp tác với chồng. Họ là nạn nhân của những thành kiến và ý nghĩ sai lầm. Thực ra, trong hôn nhân thời nay, không có chỗ cho sự nô lệ”.

Tác giả nói về phụ nữ Mỹ vào khoảng mười năm trước. Phụ nữ của ta ngày nay ra sao?

Vậy, về đức *công* của phụ nữ, ý kiến của tôi đã rõ ràng: ngày nay, nữ công không phải chỉ là tía những miếng đu đủ, thêm những con bướm, cành hoa, nấu những món cỗ, làm những thứ bánh cho khéo; những cái đó dù có quan trọng cũng không đủ, còn cần có thêm một nghề hoặc một hoạt động về văn hóa, về xã hội.

Như vậy không phải là nền tảng gia đình bắt đầu sụp đổ đâu, trái lại, phụ nữ có thêm những hoạt động đó ở ngoài gia đình thì hôn nhân mới được bền vững hơn, gia đình được vui vẻ hơn. Và chỉ có con đường đó mới đưa phụ nữ tới sự hoàn toàn bình đẳng với đàn ông trên thực tế được.

Có thể rằng những điều tôi mới khuyên bạn gái về nữ công trong hiện tình xã hội của ta mười phần chỉ đúng năm, sáu; nhưng tôi tin chắc những lời sắp bàn về đức *dung*, bất kỳ trong xã hội nào, ở thời đại nào, mười phần cũng đúng tới chín hay hơn nữa.

Xin các bạn gái, nhất là các bạn gái có nhan sắc “chim sa cá lặn”, “nghiêng nước nghiêng thành” nhớ kỹ cho tôi điều này: những câu “hồng nhan bạc mệnh”, “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”... không phải là do óc tưởng tượng của các thi nhân giàu tình cảm tạo nên mà thôi đâu, nó là một chân lý muôn thuở, một luật thiên nhiên đấy. Cứ nhớ lại tiểu sử các bậc quốc sắc đông tây thời xưa và tìm hiểu đời sống các hoa hậu, các ngôi sao rực rỡ trên màn ảnh, trên sân khấu ngày nay thì rõ. Họ chẳng sung sướng chút nào cả, hoặc có được sung sướng cực điểm trong một thời gian thường là ngắn ngủi, thì rồi kết cuộc cũng đau khổ, tủi nhục, nếu không phải là chết bất đắc kỳ tử. Phương Tây có Cléopâtre, có Marie Antoinette... phương Đông có Bao Tự, Đắc Kỷ, Tây Thi, Chiêu Quân, Dương Quý Phi... kể không sao hết được. Đó là thời xưa. Còn ngày nay, có một ngôi sao màn ảnh nào thốt ra được lời này: “*Đời tôi tràn trề hạnh phúc*”, lời của bà Helen Keller, một người mù, câm và điếc không? Tôi rất ít giao du, nhưng một lần tình cờ được gặp một “ngôi sao” trong một bữa tiệc giữa các văn hữu. Tôi thương hại cho “người đẹp” quá: mới ngoài hai mươi tuổi mà vẻ mặt đã chán chường, trán đã nhăn, nụ cười đã chua chát, và lớp phấn đánh rất khéo, lớp y phục rực rỡ kia chỉ để che đậy một tâm hồn đã héo hắt. Chắc nàng đã phải tô điểm từ hồi năm, sáu giờ chiều để bảy giờ tối ngồi giữa đám tiệc đó, cho mọi người nhìn, khen những câu lãng nhách và hỏi những câu vớ vẩn. Ngồi cho có mặt độ hơn một giờ rồi nàng vội vã lên xe hơi Hoa Kỳ để tới một rạp hát, đem hết cả tài ba, tâm huyết ra làm vui mắt vui tai khán giả. Mấy giờ khuya nàng mới được nghỉ và mấy giờ sáng hôm sau nàng đã phải nghe điện thoại để nhận lời tới dự những cuộc hội họp như vậy nữa? Nếu đời một thiếu nữ, mà mười ngày có tới bảy tám ngày như vậy thì tôi tưởng khổ gấp trăm đời một cô em họ tôi, quê mùa nhưng cứ bảy giờ tối xong công việc nhà rồi, bồng đứa con kháu khỉnh ra đưa võng ở mái hiên bên một bờ con rạch, bồm bẻm miếng trầu mà nghe gió thổi trên ngọn sao, ếch kêu ở ngoài đồng, rồi thiu thiu ngủ lúc nào không hay.

Bạn nào cho ý kiến của tôi là ý kiến chủ quan của một kẻ thiếu từng trải thì tôi không dám cãi, nhưng xin giới thiệu với bạn đó bài *Les jolies filles jouent-elles toujours gagnantes?* của S. Lapun Desarden trong tạp chí *Constellation* tháng 7 năm 1956.

Tác giả bài đó điều tra về đời sống các phụ nữ đẹp. Mới đầu nghe lời tuyên bố này của một luật sư chuyên môn về các vụ ly dị: “Tôi không hiểu những phụ nữ đẹp có cái gì nó xui khiến họ gặp toàn những vận rủi”, ông ngạc nhiên, không tin. Sau ông tìm hiểu thì ra không phải là vô cớ. Hàng phụ nữ đó khó làm việc lắm. Đàn ông cũng như đàn bà, không ai muốn dùng họ, ngại họ là không được nghiêm trang. Có một số lớn không nghiêm trang thật – họ muốn lợi dụng nhan sắc để thao túng thiên hạ, họ kiêu căng, tự phụ, tưởng hễ “người đẹp” muốn là Trời muốn, nhưng cả những cô nghiêm trang thì đi tới đâu cũng vô tình gây nhiều chuyện rắc rối, làm cho các chủ hãng chủ sở phải ngán.

Ông kể trường hợp cô Dominique, một cựu hoa hậu. Số kiếp các hoa hậu là tỏa sáng rực rỡ nhưng chỉ trong ít ngày, trên báo chí, trên màn ảnh, trong vài cuộc hội họp rồi thì chìm luôn trong bóng tối. Nước ta trong mười năm nay đã có tới mấy trăm hoa hậu, kể cả những hoa hậu Vespa hay Lambretta, Prill hay Natico gì đó, nhưng có ai còn nhớ tên một “hậu” nào không? Họ như những sao đổi ngôi, hiện đó rồi biến đó.

Cô Dominique cũng vào hàng hoa hậu. Hồi nhỏ được cha mẹ rất cưng, muốn gì được nấy, và cô đã sớm tự cho rằng Trời đã chiều mình. Trời chiều ư? Chưa chắc. Vì hồi 18 tuổi, cô hai lần bị thất bại vì cái sắc đẹp của cô. Cô đi thi Tú tài, đậu kỳ viết, vào vấn đáp, bị giám khảo “truy gắt quá”, rớt; trong khi đó một cô bạn xấu, học kém cô lại đậu nhờ gặp được giám khảo dễ dãi. Mà giám khảo truy cô gắt chỉ tại cái vẻ khiêu khích của cô: chiếc áo đẹp quá, bó sát lấy người quá, nụ cười tự đắc quá. Kỳ sau cô thi, lại rớt nữa.

Cô đi xin việc làm. Xin thì dễ được nhưng làm đâu cũng không bền. Ở mỗi hãng ít tháng rồi thất nghiệp. Có nơi thì vì cái sắc đẹp của cô mà nhân viên gây chuyện với nhau và người ta phải cho cô nghỉ. Có nơi ông chủ đã vui lòng muốn mà bà chủ không bằng lòng. Làm tiếp viên hàng không cũng không được vì các công ty hàng không đã kinh nghiệm rằng các cô chỉ làm ít tháng rồi có hành khách “rước đi” mất; làm nghề đứng bán hàng cũng không được: khách hàng trong giới phụ nữ không thích, còn khách hàng trong giới đàn ông thì lại thích quá, chỉ ngắm nghía, tán tỉnh mà không mua; làm bác sĩ cũng ít thân chủ vì đàn ông không ai muốn đến cho các cô khám bệnh; làm luật sư cũng tai hại, vì khi cãi ở tòa, người ta bu lại

coi, làm cho tòa án mất vẻ tôn nghiêm, mà các ông chánh án thì rất ghét cái đó; thậm chí làm cái nghề quảng cáo cũng không xong vì hãng quảng cáo nào cũng tìm người đẹp, riết rồi đâm nhàm, khách hàng không để ý tới nữa.

Thực là khổ tâm, dù muốn làm ăn đàng hoàng thì người ta cũng ngờ là mình không nghiêm trang; người ta cứ bảo: “Đẹp như cô thì cần gì phải làm, xoay xở thế nào mà chẳng được?”. Đến nỗi mà mười năm trước, ở Mỹ người ta đã lập một hội để “bênh vực những phụ nữ vì đẹp quá mà bị thiên hạ ngờ là không thành tâm” và chỉ trong có sáu tháng, 250.000 người xin vào hội! Một phần tại người đời có thành kiến, nhưng một phần cũng tại chính các “ngôi sao” đó, hồi trẻ hơi tự phụ, khiêu khích, về sau biết ăn năn sửa tính thì đã muộn.

Thế là chỉ còn mỗi một nghề là kiếm chồng, đúng như André Maurois đã nói. Thu hút, quyến rũ các chàng trai thì các cô thành công lắm, nhưng cái việc lựa chồng thì khó khăn vô cùng. Lựa cậu nào bây giờ trong cái đám thanh niên bám như đĩa và hót như khướu đó? Gặp các cô thì cậu nào như cậu nấy thì chỉ khen cặp mắt nhưng, làn sóng tóc, hàm răng ngà và cặp môi trái tim của các cô, chứ còn nói gì khác nữa đâu. Những cậu nhút nhát thì cứ ngồi mà nhìn trơ trơ rồi thở dài ảo não, y như những anh chàng ngốc vậy. Còn những người đứng đắn thì hơi ối, người ta sợ các cô quá, không dám hỏi, sợ lây cái “bạc mệnh” vào mình.

Cô Dominique may mắn kiếm được một người chồng đàng hoàng, làm giám đốc kỹ thuật một hãng nọ, lớn hơn cô mười tuổi. Sinh được một đứa con gái, rồi hai vợ chồng gây lộn nhau. Nguyên nhân ra sao không biết, chỉ biết là chàng la lớn:

- À, cô tự cho cô là hoa hậu thì có quyền làm gì cũng được hả?

Rốt cuộc họ ly dị nhau. Luật sư bênh vực cho cô, mới trông thấy nhan sắc của cô đã lắc đầu tin rằng cô sẽ thua kiện. Quả nhiên cô thua kiện.

Mấy năm sau, cô mới tỉnh mộng, hóa ra khôn, không khoe cái đẹp của mình nữa mà tìm cách sống trong bóng tối. Ăn mặc rất giản dị, màu sắc nhũn nhặn, cô chăm chỉ theo học một trường đại học, tan giờ thì cùng với bạn bè lặng lẽ ra về. Tác giả bài báo kết luận:

“Từ đây tôi không cần phải theo dõi cô nữa. Tôi đã hiểu rằng khi mà cô không còn hành động như một người đẹp, đã thành một thiếu nữ thường như tất cả những thiếu nữ khác thì cô bắt đầu được sung sướng.”

Nghĩa là khi người ta đẹp quá thì người ta phải giấu cái đẹp của mình đi mới có thể sung sướng được. Bạn đã nhờ kỹ chưa?

John Mason Brown trong bài *Les femmes qu'on n'oublie pas* (Sélection du Reader's Digest – số tháng 5 năm 1957) cũng nghĩ gần như vậy. Ông bảo: “Nếu sắc đẹp không đi chung với những đức tính khác, thì nó chỉ là một cái lợi vô giá trị.”

Một người đàn bà chỉ có nước da trắng, nét mặt đều đặn, thân hình cân đối, mà không có một đời sống tinh thần cao nhã, một đời sống nội tâm phong phú thì bất quá chỉ như những tượng nữ thần Hy Lạp, làm cho “người ta mau chán lăm”.

Sự trang điểm cũng chỉ có hại nếu quá đáng. Xét chung thì người đàn ông, nhất là những người nghiêm trang, không hiểu gì về thời trang, về “cái mốt”. Họ mến những người đàn bà ăn mặc sạch sẽ, nhã nhặn, giản dị, kín đáo. Họ muốn cho vợ được người khác để ý tới cách ăn mặc lịch sự, nhưng rất xấu hổ khi bà vợ ăn mặc lố lăng, cố ý làm cho người khác để ý tới mình. Trong rạp hát tối tăm, họ có thể thích những cô đào hở hang một cách khiêu gợi, nhưng ra ngoài đường mà bắt họ phải khoác tay các cô đó thì chắc là họ muốn độn thổ.

Vậy thì về nữ dung, không nên quá chú trọng đến sắc đẹp và trang điểm. Nhiều người lấy làm lạ rằng sao nhiều ông chồng có “điểm phúc” cưới được một cô vợ trẻ, rất đẹp mà lại nhạt tình với vợ để mê những người đàn bà già hơn, xấu hơn. Nhưng nếu xét kỹ thì người ta không ngạc nhiên nữa: cái đẹp kia chỉ là cái đẹp vô hồn, còn cái xấu này, lại có cái duyên riêng của nó. Cái duyên đó ở đâu? Nó rất khó phân tích, thay đổi tùy từng người, nhưng xét chung thì người đàn bà có duyên phải có vài ba những đức tính dưới đây: nhu mì, hồn nhiên, dễ dãi, hiền hậu, thông minh, lanh lợi..., nhất là có một cá tính đặc biệt và dám phát biểu cá tính đó ra chứ không thềm bắt chước người này người khác. Những người sành tâm lý đều nhận như vậy: Marcelle Auclair, nhà bình bút danh tiếng của tờ Marie Claire nói: “Ngày nay cái cá tính của phụ nữ được trọng hơn là vẻ đẹp.” John Mason Brown cũng nói: “Cái duyên của đàn bà gốc ở cá tính của họ”. Mà một ký giả nổi danh ở Hoa Lệ Ước cũng chê sắc đẹp: “Sắc đẹp ư? Nó đã thành một món hàng tầm thường, đầy dẫy trên thị trường”. Nhưng cái cá tính mới là vô giá. Là vì nhờ những phương pháp khoa học, các mỹ viện ngày

nay có thể làm cho người đàn bà nào cũng hóa đẹp được, đẹp theo một tiêu chuẩn, mà đã theo một tiêu chuẩn thì không còn gì là cá tính nữa.

Biết tìm ra được cá tính của mình, phát biểu nó – chẳng hạn bạn bấm sinh ra giản dị thì cứ sống giản dị, bấm sinh nghiêm trang thì cứ nghiêm trang, mà nếu bấm sinh hồn nhiên thì cứ hồn nhiên – rồi trau dồi trí thức, tu luyện tâm hồn thì bạn sẽ được một số người mến phục, tận tâm với bạn. Tôi đã có lần gặp một thiếu nữ bán hàng, không phấn son, ăn mặc rất kín đáo, bình dị và tôi đoán cô ấy không thể nào ế chồng được: cô dám phát biểu cá tính của mình, không đua đòi thời thượng mà bắt chước một cách vụng dại những ngôi sao màn bạc. Tôi đã thấy vài bà già gần sáu chục tuổi mà càng nhìn tôi càng thấy kính mến, tưởng như đứng trước Phật Bà Quan Âm vì trông cái nét mặt đó, tôi nhận ra ngay được rằng đời đã tặng các bà ấy rất nhiều và các bà ấy cũng đã tặng cho gia đình, xã hội được rất nhiều.

Bây giờ tôi xét tới đức thứ ba: *ngôn*. Đức này có liên lạc mật thiết với hai đức *hạnh* và *dung*... Người nhu mì ăn nói rất từ tốn, và một người tươi cười thì không thể thốt ra những lời thô lỗ. Vậy thì ngôn có vẻ như không quan trọng, hay ít nhất, không cần phải tách rời hai đức kia. Tôi ngờ rằng cổ nhân đã tách nó ra vì từ thời có ông Adam và bà Eve tới giờ, người đàn ông thời nào, xứ nào cũng sợ những bà vợ lắm mồm.

Theo luật cổ của ta thì một trong thất xuất – nghĩa là một trong bảy có để được quyền ly dị – có cái tật hay nói của đàn bà. Tôi chưa tra lại các thánh kinh của đạo Ki Tô, đạo Hồi... nhưng tôi chắc rằng tôn giáo nào cũng khuyên đàn bà nên ít lời.

Nếu Diêm vương mà hiểu thấu tâm lý con người thì đừng bắt những kẻ sinh thời phạm những tội nặng nhất đầu thai lên trần làm kiếp trâu kiếp ngựa, cứ cho họ làm ông chồng một bà vợ la sát, như bà Xanthippe chẳng hạn. Nếu họ đổi tính mà thành một triết nhân như Socrate thì họ sẽ chịu đựng được bà vợ đó, giúp ích được cho nhân loại mà chuộc được tội của kiếp trước; nếu không thì suốt đời họ sẽ chịu cực hình, khổ hơn kiếp trâu, kiếp ngựa nữa.

Tôi nhớ mãi một nhà văn trong nhóm Tự Lực – hình như Khái Hưng hay Nhất Linh – đã viết một chuyện ngắn tả hạnh phúc của một ông chồng có người vợ câm. Tôi chắc rằng ở trong đời cứ mười ông chồng thì có ít nhất là một hai ông thầm cầu nguyện cho vợ mình

câm, và trăm ông chồng không có một ông nào là không có đôi khi bực mình về cái miệng của bà vợ. Cái thói lảm mồm, hay chỉ trích, chê bai, hay cần nhần, nói dai quả thực là đáng sợ. Cho nên tôi khen ông Dale Carnegie đã hiểu tâm lý đàn ông nên mới đặt lời khuyên sau này: *Đừng day dứt day nghiến chồng* lên hàng đầu bảy lời khuyên để tăng hạnh phúc trong gia đình. Mà tôi cũng khen bà Dale Carnegie nhận thấy rằng đàn ông sợ dĩ bỏ nhà, nguyên nhân quan trọng là cái thói hay cần nhần của bà vợ.

Đó không phải là một ý kiến chủ quan đâu vì bà Dale Carnegie đã dẫn chứng. Bà viết:

“Ông Ferman, một nhà tâm lý trứ danh đã nghiên cứu một ngàn rưỡi cuộc hôn nhân và kết quả cuộc điều tra của ông đã chứng tỏ điều này là các ông chồng sợ cái tật cần nhần của vợ nhất.

Một cuộc điều tra của viện Gallup – viện điều tra dư luận ở Mỹ – cũng đưa tới kết quả ấy: tật cần nhần đứng đầu số. Một phòng nghiên cứu tâm lý cũng kết luận như vậy. Tai nạn lớn nhất cho hạnh phúc gia đình là do nhiều bà cần nhần hoài hủ, gặp nổi khó khăn hay thất vọng nào cũng trút cả trách nhiệm lên đầu đức ông chồng.”

Tôi có thể góp với bà một tài liệu nữa. Trong cuốn *Psychologie du mariage* (Buchet – Chastel – Corr  a – 1959) Dino Origlia kể rằng nhà tâm lý học Terman đã ghi những lời phàn nàn của các ông chồng theo thứ tự nhiều rồi tới ít. Bạn thử tưởng tượng xem kết quả ra sao? Các ông chồng có phàn nàn rằng vợ mình xấu không? – Tuyệt nhiên không. Có phàn nàn rằng vợ mình không trang điểm không? Có, nhưng mà rất ít. Có phàn nàn rằng vợ mình vụng về việc t   gia không? – Có, nhưng cũng vẫn ít. Có phàn nàn vì vợ có ngoại tình không? – Hiếm lắm. Thế thì họ phàn nàn về cái gì? Thừa nhiều nhất là cái tật hay chỉ trích chồng, hay gây lộn, hay cần nhần, lảm mồm và hay nói tục.

Tôi tiếc rằng bảng thống kê dài tới hai trang, không tiện chép lại hết, chỉ xin cho bạn hay có 54 cơ để cho đàn ông phàn nàn về vợ thì:

- có “hay chỉ trích chồng” đứng hạng 3
- có “hay gây hấn” đứng hạng 14
- có “hay cần nhần” đứng hạng 16
- có “lảm mồm” đứng hạng 32
- có “hay nói tục” đứng hạng 45

- có “kém việc nội trợ” đứng hạng 21
- có “không trang điểm” đứng hạng 46
- có “vợ ngoại tình” đứng hạng 53

nghĩa là áp chót.

Nếu ta dồn năm có đầu lại làm một, vì chúng do một tật chung, tật thiếu cái đức ngôn, thì có thể nói rằng cái miệng của người vợ đáng cho người chồng sợ nhất.¹²⁷

Có lẽ vì vậy mà ở Thụy Điển một nghị án đã được trình lên quốc hội để sửa đổi Hình Luật: nếu chồng giết vợ vì vợ lắm mồm thì sẽ xử theo tội ngộ sát chứ không phải là cố sát.

Vậy thì đức *ngôn* tuy đứng hàng ba mà có lẽ lại quan trọng vào bậc nhất, mà những câu ca dao này chứa những lời khuyên vô giá:

Con đừng học thói chua ngoa,

Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười.

Dù no, dù đói, cho tươi.

...

Chồng giận thì vợ làm lành,

Miệng cười hớn hở, rằng: “Anh giận gì?”

Tôi đã năm chục tuổi mà chưa hề thấy một người vợ nào chồng giận thì hớn hở hỏi: “Anh giận gì?” Và tôi tưởng tượng có người vợ như vậy thì ông chồng dù gắt gỏng, thô lỗ tới mấy, lần lần cũng hóa ra ôn hòa, nhã nhặn.

Nếu không thể hớn hở được, thì cũng rán bình tĩnh, tỏ ra mình có giáo dục, có tư cách, và ông chồng thế nào cũng thấy ngượng, ân hận, xấu hổ nữa. Ngay từ hồi mới về nhà chồng, người vợ giữ được thái độ đó thì hạnh phúc trong gia đình chắc chắn bảo toàn được mà người vợ còn có thể cải hóa người chồng được nữa.

Nếu như vậy cũng không được nữa thì rán lánh mặt đi rồi đợi lúc chồng bình tĩnh trở lại sẽ giảng giải cho nhau nghe. Ngại không muốn nói thì có thể viết lên giấy đưa cho chồng đọc.

Tôi đã được đọc vài bài báo khuyên rằng nếu có sự bất bình giữa vợ chồng thì nên cho nó phát ra, nên trách móc nhau cho hết đi, để quạt lửa lòng ra ngoài mà không khí trong gia đình sẽ dễ thở hơn. Điều đó cũng có phần đúng: cứ ngấm ngấm chất chứa trong lòng, oán hận nhau hoài thì khó sống chung với nhau được lâu; nhưng chỉ đúng với điều kiện này là tiếng tuy có lớn mà lời đừng thô tục, cử động tuy có mạnh mà đừng tàn bạo; trách móc nhau đủ điều để hai bên hiểu nhau rồi thì khi người giận phải nghĩ lại tìm hiểu quan điểm của nhau, rồi mỗi bên đều chịu nhận một phần lỗi mà sửa mình. Có như vậy thì những cơn giông tố mới mỗi ngày một thưa mà tình vợ chồng sẽ mỗi ngày một bền chặt. Chứ nếu ngày nào hay tuần nào cũng gây lộn nhau thì hạnh phúc đâu nữa mà vẫn cứu? Tuy vậy đã là giông tố thì bao giờ cũng phủ phàng, tránh được thì vẫn hơn.

Đó là cái đức ngôn của phụ nữ, chúng ta nên hiểu như vậy. Nó trái hẳn cái thói tỉ tê với chồng để đòi cho được cái này, cái khác; tỉ tê không được thì dọa dẫm, mĩa mai, bới móc. Mà một khi hiểu như vậy, thì đức ngôn không phải là một đức riêng của đàn bà nữa, nó còn là của đàn ông, mà những lời khuyên của tôi trong đoạn này, như độc giả đã thấy, áp dụng được cả cho gái lẫn trai.

Sau cùng đến cái đức thứ tư: *hạnh*.

Tôi không muốn lặp lại những lời mà các cụ ngày xưa khuyên con gái trước khi về nhà chồng: các bạn sẽ cho là nhảm, sáo, cổ hủ; quả thực cũng có những điều không còn hợp thời nữa.

Nhưng có lẽ các bạn muốn biết lời một người phương Tây thời nay khuyên con gái chứ? Đó là lời của Clarence Williamson trong bài *Un mari c'est tout ça* đăng ở Sélection du Reader's Digest số tháng 11 năm 1956. Tôi xin tóm tắt bài đó dưới đây:

“Trước hết con nên tỏ cho chồng con thấy rằng chàng làm cho con vui. Buổi chiều về, trông vẻ mặt hớn hở của con, chàng sẽ sung sướng và chắc chắn đó là yếu tố chính của sự hòa hợp trong gia đình. Nếu chàng thấy con tiếp đón chàng niềm nở như tiếp đón những người bạn thân thiết của con thì chàng sẽ thấy rằng mình được vợ yêu và sẽ yêu vợ hơn lên. Nhưng nếu con không có thì giờ trò chuyện với chàng ít câu – mà những khi nói chuyện phớt lờ với bạn bè bằng điện thoại thì sao con rảnh rang thế! – Nếu con chỉ rón làm tròn

nhệm vụ của một người vợ hiền thê, chứ không nghĩ rằng nên làm thêm nhệm vụ một người bạn thân với chồng nữa, thì chàng sẽ bớt vui đi đấy. Ba thường thấy những người chồng được vợ chịu đựng, sẵn sàng đủ bốn phận mà vẫn khổ sở chỉ vì có cảm tưởng rằng mình không làm đẹp lòng vợ được (...)

Đừng phê bình nghề của chàng một cách nhẹ dạ. Con nên nghĩ như chàng rằng chàng có một tương lai rực rỡ và con cầu chúc chàng thành công. Trái lại, nếu con đại dốt tỏ ra rằng cái nghề kiếm ăn của chàng chẳng làm cho con hãnh diện chút nào thì con sẽ gặp những chuyện sầu khổ tai hại đấy. Thứ nhất là con phải tránh thói so sánh chàng với những bạn thân của chàng thành công hơn.

Buổi chiều chàng về, con ráng nghe chàng kể công việc sở vì chính con cũng thỉnh thoảng bắt chàng chú ý nghe công việc nhà kia mà! Lời kể lể của chàng có thể chán đấy, nhưng biết đâu chừng, chàng chẳng cho rằng có để ý đến công việc làm ăn của nhau mới là yêu nhau (...) Chàng cần có một người tin cần biết nghe mình để giúp mình giải quyết những nỗi khó khăn (...)

Có thể rằng bốn phận làm vợ sẽ bắt con phải bỏ những công việc cũ hoặc những mộng thiếu thời của con đi. Nếu con thấy không đủ sức hi sinh những cái đó thì nên ở vậy còn hơn con ạ (...) Nếu con ân hận rồi trách móc chàng rằng vì nhận lời chàng mà con phải bỏ nghề rực rỡ, làm cho thế giới thiệt mất một người đàn bà có thiên tài thì đừng lập gia đình là hơn (...)

Nếu chàng ít nói, ưu tư, thì con đừng vội cho rằng chàng bức mình vì con. Nếu lúc đó con lại hỏi chàng rằng: “Có cái gì mà mặt chăm bằm như vậy?” thì chàng sẽ bức mình thực sự. Con phải tìm hiểu những thái độ, nét mặt, những lúc cầu nhau hoặc bông lơn, những phút đột nhiên ân cần hoặc lãnh đạm của chàng.

Ba vẫn biết không dễ gì chịu đựng được cái con người luôn luôn đầy mâu thuẫn đó; có nghị lực mà lại nhu nhược, hay khoe khoang mà lại do dự. Vì chồng con có thể cùng một lúc, vừa khoe mình, vừa rên rỉ, vừa trách móc, vừa khen con, vừa làm cho con khâm phục năng lực của chàng, vừa năn nỉ con chú ý tới chàng một chút. Có lúc con phải nhận rằng không biết làm cách nào cho chàng sung sướng, có lúc con lại thất vọng cho rằng chẳng bỏ công. Con sẽ có cảm tưởng rằng hôm qua chàng yêu con lắm, mà hôm nay thì chàng ghét con thậm tệ, hôm khác chàng lại lạnh lùng như không biết có con, hôm khác nữa chàng là một tình nhân rất dễ thương. Con nghĩ sao thì nghĩ. Chồng con sẽ như vậy đó.

Về cái tình chăn gối thì con nên nhớ rằng chàng thích vợ mình ăn mặc đoan trang, mặc dầu là không ghét những phụ nữ khác để hở cổ và ngực.

Nhiều bà vợ làm duyên làm dáng, cố bắt ông chồng phải theo bên gót mình hoài, sợ bị người khác phổng mắt và họ tưởng như vậy là khôn. Nhưng con ạ, con nên nghe lời ba: rán làm sao cho chàng có thể tin cậy ở con mà ngủ yên được, có thể rằng một ngày kia con thấy rằng hôn nhân của con không có gì nên thơ cả và con tiếc cái thời chàng ve vãn con. Nhưng một người đàn ông cảm thấy rằng tất cả tình thương của vợ chung đúc vào mình mà không cần phải chiến đấu để giữ bà vợ. Nếu hai bên không chịu nhận định nguyên tắc đó thì hôn nhân thế nào cũng tan tành.

Tóm lại, điều quan trọng là con phải nhớ rằng chàng kén con làm vợ chính là vì chàng cho rằng có con ở bên cạnh thì cuộc chiến đấu của chàng để sống mới có ý nghĩa. Con ạ, nếu con gắng sức để hiểu được cái con người muôn vẻ đó – có nhiều đức tính mà cũng có nhiều tật xấu, vừa anh hùng vừa nhút nhát, vừa thô lỗ vừa thẹn thùng, vừa chuyên chế vừa rất đa cảm – thì con có thể sung sướng với chàng đấy.”

Phải từng trải hiểu tâm lý con người mới thấy rằng những lời khuyên đó tuy có vẻ tầm thường mà rất sâu sắc. Nếu giữ đúng được thì sẽ không có “người đàn bà khác” nào xen vào phá khuấy hạnh phúc gia đình của bạn cả. Nếu giữ không được, để cho bóng người đàn bà đó xuất hiện, thì lúc đó bạn cần phải tự xét mình.

Trong các sách vở cổ kim đã có vô số lời khuyên để dùng trong những trường hợp như vậy.

Xưa thì có lời khuyên của Bồ Tùng Linh trong truyện *Hằng nương* (Liêu trai). Phương pháp của Bồ có thể phân tích làm ba giai đoạn như sau:

Giai đoạn thứ nhất: buông rộng thả dài, cho ông chồng thỏa mãn đến chán chường người mới.

Giai đoạn thứ nhì: mới đầu hủy bỏ nhan sắc mình rồi sau tô chuốt cho ông chồng ngạc nhiên về sự thay đổi của mình mà phải để ý tới mình.

Giai đoạn thứ ba: khi ông chồng đã bắt đầu trở về với mình thì làm khó, lâu lâu mới cho gần một lần.

Phương pháp đó xây dựng trên tâm lý thông thường này: người đàn ông chán cũ mà thích mới, chuộng khó mà khinh dễ, và khuyên người đàn bà phải dùng những mảnh khoe xảo trá, để kích thích người chồng.

Đọc xong tôi bất mãn. Tôi không chối cãi rằng tính dục có một địa vị quan trọng trong sự hòa hợp giữa vợ chồng, nhưng nếu trong hôn nhân chỉ có tính dục thì không hiểu con người khác loài vật ở chỗ nào.

Gần đây thì có lời khuyên của André Maurois trong cuốn *Lettres à l'inconnue*. Phương pháp của ông Hàn này cũng chia làm ba giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất: tìm ra được địch thủ rồi nhưng cứ bình tĩnh, đừng tấn công chồng, cũng đừng nói xấu kẻ đó trước mặt chồng.

Giai đoạn thứ nhì: mời người đó về chơi nhà, như vậy có hai cái lợi: chồng mình được gặp người đó thường, sẽ không còn bí mật, cái “cửa cấm” hấp dẫn nữa, mà mình lại có cơ hội nhận xét xem người đó được chồng mình yêu vì lẽ gì, nói cách khác, là xét sở trường của người đó.

Giai đoạn thứ ba: tự xét sở đoản của mình về nhan sắc, y phục, cử chỉ để sửa đổi, nhưng không bắt chước người kia mà vẫn giữ cá tính của mình. Đồng thời cứ mời người đó tới chơi cho đến khi nào cả chồng mình lẫn người đó đều chán nhau, rồi thấy ngượng, và lúc đó chồng mình sẽ trở về với mình.

Có tiến bộ hơn phương pháp Bồ Tùng Linh, tiến bộ ở chỗ người đàn bà còn giữ được tư cách, không đến nỗi tự hạ giá quá như cô ả trong Liêu Trai, nhưng đại loại cũng không khác mấy, cũng vẫn dựa trên cái tâm lý hiếu kỳ của đàn ông, vẫn chỉ chú trọng đến nhan sắc, y phục.

Edward Kaufmann đưa ra vài cách giải quyết nữa nhưng cũng không khác của André Maurois bao nhiêu vì cũng chỉ đứng vào phương diện ái tình giữa nam và nữ, cũng chỉ áp dụng được vào trường hợp những ông chồng mê sắc hoặc chán cũ mà thích mới, chuộng khó mà khinh dễ.

Có những đàn ông như vậy thật mà có thể rằng hạng đó không phải là hiếm; nhưng tôi tin rằng sự lạc lòng của đa số hạng đó chỉ là một bệnh nhất thời, một thứ bệnh nhẹ dạ, thiếu tinh thần trách nhiệm, chẳng cần trị, tự nhiên một ngày kia nó cũng hết, và những lời

khuyên của tác giả tôi mới kể chỉ giúp cho bệnh mau hết thôi. Tôi lại mong rằng nữ độc giả của tôi là những người nghiêm trang, có lý tưởng, biết suy nghĩ, biết thận trọng lựa chọn bạn trăm năm, thì ít ai gặp phải những trường hợp như vậy.

Những người đàn ông *đứng đắn*, khi lập gia đình, không ai lại còn có ý gây thêm một mối tình ở ngoài nữa, nếu gia đình được êm ấm: chẳng những hại tới danh dự, mà còn làm thêm mất thì giờ, khổ tâm trí để chinh phục người mới, và tìm mọi cách che đậy những hành vi lén lút của mình. Một ông bạn của tôi bảo: “Việc đời, việc nhà nhiều quá làm không hết, nếu lại mệt trí tính những chuyện tầm phào đó, mà kết quả chỉ là để thỏa nhục dục trong một lúc, thì thực là không bỏ công”. Lời đó diễn được đúng tâm trạng của những ông chồng nghiêm trang.

Hạng người ấy mà không tìm thấy hạnh phúc trong gia đình, phải tìm ở ngoài, thì mới thực là một nguy cơ cho hôn nhân, có thể đưa tới sự li dị mà sự li dị thì nhất định là nên tránh.

Nếu người đàn ông đề nghị xin li dị thì người đàn bà nên bình tĩnh, cương quyết gạt đi, không cho nhắc tới, không nghe tới. Đừng bàn cãi gì hết, vì bàn cãi thì luôn luôn cả hai bên đều có điều để trách nhau rồi lời qua tiếng lại, cái hố càng thêm sâu.

Rồi người đàn bà phải can đảm, sáng suốt tìm xem nguyên nhân sự bất hòa ở đâu. Ở trên tôi đã nói hôn nhân là một cộng đồng về tinh thần, tính dục, kinh tế và gia đình. Phải tự xét xem thiếu những cộng đồng nào. Về tinh thần ư? Thì rán tìm hiểu thêm người chồng, rán trau dồi kiến thức để cho trình độ không kém xa người chồng. Về kinh tế ư? Thì tìm công việc nào mà làm thêm ngoài công việc nhà, hoặc tìm cách rút bớt chi phí trong nhà đi. Về gia đình ư? Thì tự hỏi xem cả hai bên có cùng lo săn sóc tới con cái, việc nhà không? Tại sao? Cải thiện tình trạng cách nào? Còn nếu là về tình dục, thì có thể áp dụng *một phần nào* những lời khuyên của André Maurois hay của Bồ Tùng Linh. Lời khuyên của họ không phải là không công hiệu, tôi chỉ trách họ đặt vấn đề một cách phiến diện, chỉ đứng về một trong bốn cộng đồng mà xét thôi.

Tìm được nguyên nhân rồi tự nhận lỗi, tự sửa mình, để cùng nhau tiến gần nhau được, như vậy nguy cơ có thể cứu vãn. Tôi xin nhắc lại, bốn cộng đồng đó không cần phải hoàn toàn gia đình mới đứng vững, chỉ cần có một hay hai cộng đồng khá cao còn những cộng đồng kia ở mức trung, hoặc dưới mức trung một chút cũng được. Như vậy đâu có khó, nếu

cả hai bên cùng có thiện chí. Nếu tự xét kỹ rồi mà vẫn thấy cả bốn cộng đồng đều ở dưới mức trung, không sao nâng cao lên được thì thực là tuyệt vọng. Cả hai bên đã mù quáng khi tính chuyện trăm năm với nhau rồi đấy và trong trường hợp đó thì tất cả hai bên đều không muốn sống chung với nhau nữa, mà phương pháp của Bồ Tùng Linh và André Maurois đều vô dụng. Li dị vẫn là nên tránh, nhưng có lúc không thể tránh được. Tôi thành tâm chúc cho bạn không gặp phải cảnh đó.

Dù sao thì trước khi đổ vỡ cũng rán tìm cách thỏa thuận với nhau. Con người văn minh là con người biết thỏa thuận với người khác.

Chương XI

DỰ BỊ CHO TUỔI GIÀ

1. Phải dự bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ.
2. Chúng ta có nhiều hy vọng tới tuổi “cổ lai hi”.
3. Những thuốc trường sinh và phép trường sinh.
4. Bốn nhu cầu của tuổi già.
5. Dự bị tuổi già cách nào.
6. Chịu đựng tuổi già.

Cuốn này tôi đã viết xong cách đây bảy tháng, chủ ý của tôi chỉ là để khuyên các bạn trẻ khi mới bước vào đời, nên tôi đã ngừng lại ở chương X. Trước khi xuất bản, tôi đã đưa một ông bạn coi và ông đã bảo tôi: “Tác phẩm của anh, người đã lớn tuổi như tôi đọc cũng có ích, chứ không phải chỉ riêng các bạn trẻ.” Đúng vào lúc đó, tôi đọc lại cuốn *Comment vivre 365 jours par an* của John A. Schindler và để ý tới câu này:

“Dù mới hai chục hay đã sáu chục tuổi, bạn càng lập sớm một chương trình kỷ lưỡng về những hoạt động của bạn sau khi sáu mươi lăm tuổi, thì tuổi già của bạn càng sung sướng.”

Nghĩa là ông khuyên ta nên dự bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ. Điều đó xưa kia tôi ít khi nghĩ tới, mà chắc các bạn bây giờ cũng vậy.

Khi người ta hai mươi hoặc hai mươi lăm tuổi, không ai vội lo nghĩ tới tuổi già và người ta thường nghĩ rằng sống sung sướng hoặc oanh liệt trong mười năm còn hơn là sống tầm thường trong năm mươi năm và người ta chỉ mong được hưởng đời trước khi bốn chục tuổi rồi chết lúc nào thì chết.

Nhưng ngoài năm chục tuổi, người ta mới thấy rằng dưới bốn chục tuổi – trừ một số ít thiên tài, người ta chưa làm được gì cả, và muốn lập được sự nghiệp, đa số phải kiên nhẫn, liên tiếp gắng sức luôn ba chục năm, có khi năm chục năm. Đọc tiểu sử các danh nhân, ta nhận rõ điều đó. Trong số các vị giáo chủ, chỉ có mỗi mình đức Giê Su là yếu, còn các vị khác đều thọ sáu bảy chục tuổi. Đức Khổng Tử chẳng hạn nếu mất hồi bốn chục tuổi chắc không lưu lại gì cho hậu thế. Điều đó tôi đã thưa với bạn rồi, không cần phải bàn thêm nữa.

Vậy thì tuổi già cũng quan trọng như tuổi trẻ. Nhất là ở thời này, nhờ những tiến bộ của y học, ta có nhiều hi vọng thọ hơn cổ nhân, thì vấn đề dự bị tuổi già càng đáng cho ta lưu ý tới, dự bị để sống một cách vui vẻ hơn, có ích cho đời hơn.

Theo Gilbert Gensac trong cuốn *Nous vivrons 150 ans* (Chúng ta sẽ sống 150 tuổi), thì một nhà bác học Mỹ, Mac Cay, đã thí nghiệm luôn 13 năm, từ năm 1930 đến năm 1943 – về tuổi thọ của loài chuột.

Mac Cay lựa những con chuột cùng dòng giống, chia làm hai nhóm: nhóm thứ nhất ông cho ăn thật nhiều, ăn “thả cửa” và tùy ý; nhóm thứ nhì ông bắt buộc phải theo một phép dinh dưỡng mà ông đã nghiên cứu kỹ lưỡng: ít thức ăn thôi nhưng đủ chất bổ.

Kết quả nhóm chuột thứ nhất tới tuổi 175 ngày thì ngưng lớn, rồi trung bình chết vào tuổi 750 ngày, còn nhóm thứ nhì lớn từ từ cho tới tuổi 300 ngày và sống lâu hơn: khoảng 1.400 ngày, gần bằng hai nhóm thứ nhất.

Ông kết luận rằng có thể nghiên cứu cách dinh dưỡng mà làm tăng lên rất nhiều tuổi thọ của các loài động vật có vú, trong đó có loài người.

Gilbert Gensac cho rằng lời kết luận đó có lý và không lâu đâu, chỉ tới cuối thế kỷ này thôi, là khoa học có thể làm cho loài người thọ một trăm năm chục tuổi. Nói vậy không phải là ai cũng có thể sống một thế kỷ rưỡi, mà chỉ có nghĩa là số những cụ già thọ được tới tuổi đó sẽ không phải là hiếm. Và lúc đó câu thơ của Nguyễn Du:

Trăm năm trong cõi người ta,

sẽ không còn đúng nữa.

Điều đó chỉ là một điều phỏng đoán, chưa lấy gì làm chắc. Điều chắc chắn là số người thọ trên sáu mươi lăm tuổi ở Âu Mỹ đã tăng lên rất nhiều trong nửa thế kỷ nay: John A.Schindler trong cuốn tôi đã dẫn, bảo năm 1900, chỉ có 5% dân số thọ được sáu mươi lăm tuổi, 1954, tỉ số đó tăng lên tới gần 10%, và tới năm 1980 thì sẽ tới khoảng 15%. Những con số đó hợp với những con số của Gilbert Gensac. Theo tác giả này thì tỉ số những người thọ 60 tuổi năm 1950 là 10%, năm 1954 là 16%, năm 1970 sẽ là 18% (tất nhiên số người thọ 65 tuổi ít hơn số người thọ 60 tuổi).

Vậy câu “*thất thập cố lai hi*” rồi đây cũng sẽ sai và bạn có nhiều hi vọng thọ được 65, 70 tuổi. Đó là một điều đáng mừng *nếu chúng ta biết hưởng tuổi thọ*.

Từ thượng cổ tới nay, nhân loại thời nào cũng tìm những phép trường sinh. Ai có công mà thu thập hết cả tài liệu đông tây về vấn đề đó, từ Ai Cập tới Ấn Độ, từ vua David tới Tần Thủy Hoàng, vua Minh Mạng... sẽ được một bộ sách dày cả ngàn trang mà đọc mê đi vì rất tức cười! Không biết bao nhiêu là “thần phương” kỳ dị, từ hơi ấm tiết ở thân thể những trinh nữ tới những pierre philosophale, liqueur d’or, những củ nhân sâm thiêng liêng ở Tây Bá Lợi Á mà kẻ nào tìm được tất sẽ gặp tai nạn, những trái thận của những con hải cẩu ở gần miền Bắc cực... lại thêm cả phương pháp tiếp huyết cho đức Giáo Hoàng Innocent VII bằng máu của những thiếu niên còn tân. Than ôi, tất cả những “thần phương” đó đều vô hiệu!

Gần đây, các bác sĩ Âu Mỹ tìm ra được nhiều phương pháp có tính cách khoa học hơn, như phương pháp tiếp cao hoàn do Voronoff tìm ra, phương pháp cấy nhau của Filatov, rồi tới thứ huyết thanh (sérum) Bogomoletz, tới thai tinh (extrait embryonnaire), sữa chua Yaourt, mật tinh (gelée royale), kích thích tố (hormone), sinh tố A, B, C... procaine...

Những thuốc mới đó cũng công hiệu ít nhiều, nhưng không bền,^{[19](#)} chưa có thuốc nào có thể gọi là cải lão hoàn đồng được cả; và hết thấy các bác sĩ đều nhận rằng muốn sống lâu mà về già được vui vẻ, khỏe mạnh thì phải giữ phép vệ sinh ngay từ hồi nhỏ, ít nhất cũng là từ hồi hai chục tuổi, lúc mà cơ thể phát triển đến tột độ và bắt đầu già lần lần. Tôi xin nhắc lại: cơ thể ta hết phát triển ở tuổi nào là bắt đầu già ở tuổi đó. Câu ca dao:

Trai ba mươi tuổi đang xuân.

Gái ba mươi tuổi đã toan về già.

Chỉ đúng một phần thôi: đàn bà mau già hơn đàn ông là vì phải sinh đẻ. Thực ra, gái hay trai thì cũng vậy, từ 20 tuổi, các cơ quan và các tế bào đã bắt đầu suy lặn, mà suy một cách khá mau cho tới 60 tuổi, rồi từ 60 tuổi trở đi, cũng tiếp tục suy nữa, nhưng rất chậm.

Vậy thì ngay từ bây giờ bạn đã bắt đầu già rồi đấy và phải biết phép vệ sinh để chống với sự suy nhược. Có hai thứ vệ sinh: vệ sinh về thể chất và vệ sinh về tinh thần. Các bác sĩ và các sách về y học chỉ dạy ta cách vệ sinh về thể chất, chẳng hạn phải ăn uống ra sao, luyện

tập cơ thể ra sao, đề phòng các bệnh ra sao, làm việc ra sao, nghỉ ngơi ra sao...? Nếu bạn chưa hiểu những cách đó thì tôi xin giới thiệu với bạn cuốn *Nous vivrons 150 ans*.

Nhưng gần đây, y học nhấn mạnh đến sự vệ sinh về tinh thần hơn. Ông John A. Schindler và ông Frank G. Slaughter, hai y sĩ Mỹ chuyên về môn tâm thể y khoa (*médecine psychosomatique*) đều bảo rằng phải sống vui vẻ thì mới có thể sống khỏe mạnh được.

Ông Schindler viết trong cuốn *How to live 365 days a year*: “*Hình như phần lớn những suy nhược của tuổi già là do lo buồn mà ra.*” Lời đó có lẽ khó tin, nhưng ông kể trường hợp sau đây đáng cho ta suy nghĩ, trường hợp một ông già tám mươi ba tuổi tên là George.

Hồi trẻ ông ta là một nhà dàn cảnh có tài ở Broadway. Năm bốn mươi tám tuổi góa vợ, rồi con trai lại ra ở riêng tại San Francisco. Ông không tục huyền, sống cô độc, rồi gặp những nghịch cảnh trong nghề nghiệp, đâm ra chán nản, uống rượu để tiêu sầu, thành nghiện ngập, vì vậy mà mất việc ở Broadway, phải làm mướn nơi này ít tháng, nơi kia ít tuần để kiếm ăn. Năm bảy mươi hai tuổi ông lâm vào cảnh cơ hàn, con trai ông đón ông về San Francisco nuôi dưỡng. Nhưng tại tỉnh này ông vẫn thấy cô đơn, không có bạn bè, nhất là phải xa hẳn cái thế giới ca nhạc trong đó ông đã sống trên bốn chục năm, ông thấy buồn lắm. Thêm nỗi bố chồng và nàng dâu không thuận nhau. Ông đau khổ, cho rằng mình bị hắt hủi. Từ đó ông lâm bệnh, nằm liệt ở giường. Vài ba bác sĩ tới coi mạch, bảo là ông bị bệnh già, huyết quản ngưng hóa (*artério-sclérose*), chỉ có cách tịnh dưỡng chứ không có thuốc trị.

Rồi một hôm, do một sự ngẫu nhiên nào đó, một y sĩ chuyên về bệnh thần kinh, bác sĩ K.M. Bownan, nổi tiếng ở San Francisco lại thăm ông, khám bệnh kỹ càng rồi bảo: “Chúng tôi mới dựng một nhà hát cho những cụ già và chúng tôi cần một người dàn cảnh. Nghe tiếng cụ, chúng tôi muốn nhờ cụ tiếp tay, không biết cụ chịu nhận lời không.”

Ông già đáp:

- Tôi sẵn lòng, nhưng bệnh tật như vậy, làm gì được?
- Không sao, chúng tôi cần những kinh nghiệm của cụ thôi, còn mọi việc đã có người khác làm.

Thế là người ta đặt ông già vào một chiếc xe, đẩy lại nhà hát, để ông chỉ huy công việc. Nửa tháng sau, ông khỏi phải ngồi xe đẩy mà đi lại như thường. Rồi nửa tháng sau nữa, ông hoạt động như hồi sáu chục tuổi. Ông mạnh mẽ lên, tay ông trước kia run bần bật, nay chỉ

còn hơi run một chút. Tóm lại ông đã trẻ lại hơn hai chục tuổi. Vậy bệnh suy nhược của ông phần lớn là do buồn chán mà sinh ra.

Bác sĩ Bowman còn kể được cả chục trường hợp như vậy nữa. Hễ sung sướng thì trẻ lâu, hễ khổ sở thì mau già, đó là điều mà ai cũng nhận thấy.

Mà muốn được sung sướng thì cần có một điều kiện là những nhu cầu của ta phải được thỏa mãn. Dù già hay trẻ, ai cũng có bốn nhu cầu dưới đây:

- Nhu cầu được an toàn.
- Nhu cầu được người khác kính mến mình.
- Nhu cầu được tỏ ra rằng mình có thể sáng tác được.
- Nhu cầu được sống một đời thay đổi, không đơn điệu.

Tôi sẽ lần lượt xét bốn nhu cầu đó.

Nhu cầu được an toàn. Tự nhiên, ở tuổi già, nhu cầu này còn mạnh hơn ở tuổi trẻ: cụ già nào cũng cần sự an toàn về sức khỏe, nhất là về tài chánh, vì có tiền thì mới sống được, mới trị bệnh được.

Hết thấy các tâm lý gia cổ kim đều nhận thấy rằng tuổi già thường mắc phải một tật lớn: tật tham tiền. Điều đó cũng dễ hiểu. Càng về già sức càng suy, khả năng kiếm tiền càng kém, mà muốn có sự an toàn về tài chánh, khỏi phải lo đói, lo rét, người ta dễ sinh ra tham lam, keo kiệt.

Nhất là thời nay, sự bất an về tài chánh càng rõ rệt, làm cho nhiều người già buồn khổ. Chúng ta tập cái thói sống xa hoa của Âu Mỹ, cho nên ngay những công chức cao cấp cũng khó mà để dành tiền được, nếu có để dành được thì rất có thể một sớm một tối, do những sự biến chuyển đột ngột trong xã hội, công lao hàn gấm trong mười năm, hai mươi năm sẽ tiêu tan hết. Ở Mỹ, những cơ quan xã hội, những cơ quan bảo hiểm được tổ chức rất đàng hoàng mà 50% người già còn phải sống cực khổ vì mức sinh hoạt mỗi ngày mỗi đắt đỏ mà tiền lương hưu trí hoặc những lợi tức khác không tăng hoặc tăng rất ít. Như vậy thì tình trạng ở nước ta còn bi đát tới đâu. Hạng trung lưu về già may mắn có đủ cơm ăn, áo mặc, hễ đau nặng là phải vào nhà thương thí hoặc nằm nhà mà chờ chết.

Nhu cầu được người khác kính mến. Các cụ già đều cưng cháu nội cháu ngoại chính là do nhu cầu đó. Các cụ thường sống trong cảnh cô độc: cụ thì góa chồng, cụ thì góa vợ, bạn bè thì mỗi ngày mỗi thưa dần, kẻ thì chết, người thì ở xa, còn con cái thì nhát nhẽo với mình, vì chúng thuộc vào một thế hệ khác, cho mình là gàn, lắm cẩm, có khi còn coi như một gánh nặng cho chúng nữa, thành thử lòng khao khát tình yêu dồn cả vào lũ cháu.

Đau đớn hơn nữa là nhiều cụ thấy xã hội cho mình là hạng người thừa, rồi cũng hóa ra bất mãn về chính bản thân mình.

Tôi biết nhiều cụ giàu sang, được con cháu săn sóc, đáng lẽ sung sướng hưởng cảnh già, mà chỉ than thở, mong “chết quách đi cho rồi” vì thấy mình không còn giúp gì được cho đời nữa. Các cụ đó thiếu nhu cầu thứ ba: *nhu cầu sáng tạo*.

Một đứa trẻ đòi mẹ cho nó được đút cơm lấy, một công chức hể về tới nhà là chỉ nghĩ đến việc làm thợ, một ông thầu khoán mà lập một chương trình cải tạo xã hội, một thầy y tá hể rảnh việc là may vá hoặc đóng bàn đóng ghế... hết thấy điều để thoả mãn nhu cầu muốn tạo ra một cái gì. Thiếu cái vui sáng tạo thì không ai có thể hoàn toàn sung sướng được. Vì vậy những nghề tự do – tức những nghề cho ta nhiều cơ hội để sáng tạo – mặc dầu là khó nhọc mà vẫn thú hơn nghề làm công. Không được sáng tạo trong nghề nghiệp của mình thì tìm cách sáng tạo trong những lúc tiêu khiển.

Một nỗi buồn nhất của tuổi già là không có công việc để làm, không có cơ hội để tỏ là mình còn sáng tạo được. Cho nên nhiều công chức phong lưu, có thể về hưu để sống an nhàn, mà vẫn xin được lưu dụng thêm ít năm nữa: về nhà, ngồi không, họ buồn quá, dễ sinh đau ốm. Xã hội ngày nay chỉ trọng những người trẻ, mà cho những người già là chậm lụt, làm việc không được. Như vậy là thiên kiến. Người già có sở đoản này thì có sở trường khác (chẳng hạn nhiều kinh nghiệm, kiên nhẫn, khéo cư xử, cẩn thận...) và có lý nào trong xã hội lại không có công việc để cho họ làm. Ở Mỹ ngày nay người ta đã lập những xưởng chỉ dùng những ông già trên sáu chục tuổi và sau nhiều năm thí nghiệm, người ta thấy rằng như vậy rất có lợi cho xã hội: năng suất của các ông lão đó không kém hạng trẻ là bao, mà đời sống của các ông hóa vui vẻ. Chính phủ đỡ phải cấp dưỡng các ông về thuốc thang. Ở nước ta lúc này ai cũng kêu rằng thiếu giáo viên, giáo sư, nhưng mỗi năm có bao nhiêu nhà giáo kinh nghiệm, có thể dạy Pháp văn, Việt văn trong các ban Trung học, mà mới năm mươi lăm tuổi đã phải về hưu nhường chỗ cho một hạng người học đã kém, đức lại càng kém, chỉ được

mỗi một cái lợi là còn trẻ mới ở trường ra. Nhưng khổn nỗi, xã hội ngày nay tổ chức như vậy đấy: không có đủ người để làm mà lại không có đủ công việc để cho mọi người làm. Thực là kỳ dị!

Sau cùng tới nhu cầu được sống một đời thay đổi, không đơn điệu. Ông John A. Schindler kể trường hợp một nữ thân chủ bị chứng nhức đầu, chóng mặt, thiếu máu, đau tim, kinh nguyệt không đều.

Hồi trẻ chị ta khỏe mạnh, vui vẻ. Lấy chồng trong thế chiến vừa rồi, ít năm sau được hai đứa con. Hết chiến tranh, người chồng làm cho một tiệm bánh mì, ngày nào cũng phải dậy từ hai giờ sáng để đi giao bánh tới trưa mới về nhà. Tiền thuê nhà đắt đỏ, hai vợ chồng mua một căn nhà ván rẻ tiền ở trên một ngọn đồi trơ trọi cách châu thành mười cây số. Họ sống cô độc như vậy vì chung quanh không có nhà cửa nào cả. Người chồng mỗi sáng còn được xuống châu thành, giao thiệp với khách hàng và bạn bè; người vợ trái lại, thui thủi ở nhà suốt ngày với hai đứa nhỏ, không đi đâu được cả, mà nhìn chung quanh chỉ toàn là đá xám. Được vài năm chị ta buồn quá hóa đau. Ông đoán được nguyên nhân của chị, khuyên người chồng phải bán căn nhà đó đi, dọn về châu thành mà ở, dù có tốn kém hơn, chật hẹp hơn nhưng đời sống của vợ con sẽ vui hơn và đỡ tốn tiền thuốc. Người chồng miễn cưỡng nghe lời, và chẳng bao lâu người vợ mạnh hẳn lại.

Các bà nội trợ phải làm hoài công việc nhà, ngày nào như ngày nấy, không hề thay đổi, thường dễ mắc bệnh nhức đầu, gắt gỏng. Cho nên các bà đó thích đi chợ lựa thứ hàng này, nhìn thứ hàng khác, hoặc tới nhà bạn để nói chuyện phiếm. Đó là do nhu cầu được sống một đời thay đổi.

Nhu cầu đó đối với người già càng cần thiết vì phần nhiều người già đã ngại đi ra khỏi nhà mà lại không có công việc để làm. Nhất là những người bị bệnh mà phải nằm liệt ở giường, suốt ngày nhìn cái trần nhà và bốn tấm vách, thì sức khỏe sút rất mau, không có thuốc bổ gì cứu được.

Hiểu bốn nhu cầu đó rồi, ta sẽ tìm ra được những bốn phận đối với bản thân ta và đối với ông bà, cha mẹ.

Đối với bản thân, nếu ta còn trẻ thì phải biết dự bị tuổi già, nếu ta đã già thì phải biết chịu đựng tuổi già.

Muốn *dự bị tuổi già* thì trước hết phải nghĩ tới nhu cầu thứ nhất: được an toàn về tài chánh. Phải dành dụm đều đều mỗi tháng một ít tiền, phòng khi về già có thể tự túc được, có căn nhà để ở, có chút tiền để tiêu. Con cái sau này nuôi dưỡng được mình thì càng quý, nếu chúng nghèo quá không giúp gì được thì mình cũng không đến nỗi quá thiếu thốn. Nếu cần, phải biết giảm cái mức sinh hoạt hiện thời đi, tập sống giản dị, như vậy khi về già, kiếm tiền không ra nữa, dễ sống một cuộc đời thanh bạch được.

Chúng ta ngày nay có thói lấy cuộc sống Âu Mỹ làm tiêu chuẩn. Hễ vào hạng trung bình thì ai nấy cũng muốn nhà phải có quạt máy, có máy lạnh, máy thâu thanh, truyền hình lại có cả máy hát tự động, máy chụp hình rồi máy quay phim, máy magnétophone, máy điện thoại... khá hơn chút nữa thì muốn có xe hơi, có ho-bo, có khi một chiếc xe hơi không đủ, phải hai chiếc mà chiếc nào cũng uống rất nhiều xăng. Chân hạnh phúc đâu có cần nhiều thứ như vậy, mà chính hạng trí thức Âu Mỹ cũng cho cái lối sống đó là quá lỗ.

Muốn được người khác kính mến mình – nhu cầu thứ nhì – mình phải giúp ích cho người và khoan hồng với người, hiểu người.

Những họa sĩ thời xưa vẽ hình của đức Khổng Tử, Lão Tử, Phật, tuy là tưởng tượng mà rất có ý nghĩa. Hình đức Khổng Tử là một ông già nghiêm trang; hình đức Lão Tử cũng là một ông già khoáng đạt, vui vẻ; duy có hình các đức Phật là luôn luôn trẻ. Có phải là vì không có đức Phật nào thọ đâu, mà cũng không phải là đức Phật nào cũng thành Phật ngay từ hồi trẻ. Chỉ là vì đức Phật nào cũng phải có một tâm hồn rất trẻ mới có thể từ bi với mọi người và với cả vạn vật được.

Những người rộng rãi, không chấp nhất, hay giúp đỡ kẻ khác thì dù sáu bảy chục tuổi, nét mặt vẫn tươi tỉnh; còn những người hay quạu quọ, gắt gỏng, một chút gì cũng bất bình, rồi bắt bẻ, thì dù mới ba chục tuổi cũng đã có những nét của người già rồi. Vậy muốn cho tuổi già được vui vẻ thì ngay từ hồi trẻ, phải tập tìm thấy chỗ dễ thương của người khác và tìm cách giúp đỡ mọi người. Nếu ta chỉ nghĩ đến bản thân thôi thì chẳng ai nghĩ tới ta cả và tất nhiên ta phải sống cô độc, mà sự cô độc dễ gây nhiều bệnh làm cho ta mau chết.

Để thỏa mãn nhu cầu thứ ba, ta phải thích một công việc gì ngoài công việc ta hiện đang làm vì sinh kế. Chẳng hạn ta có thể tìm hiểu về nghề làm vườn, nghề chăn nuôi, để khi nào sắp về hưu, là có thể chuyển qua nghề đó được. Có thể dành dụm một số vốn, về già mở một tiệm nho nhỏ để bán sách, bán bánh. Nếu kiếm được thêm nhiều tiền thì càng quý, nhưng mục đích chính là để tiêu khiển, để tỏ rằng mình còn có thể làm việc được, sáng tạo hoặc có sáng kiến được. Và tại sao những người làm những công việc tinh thần một khi về hưu rồi là không chịu dùng tới bộ óc của mình nữa? Sao không đọc sách, nghiên cứu về một vấn đề nào đó? Tuổi già mới là tuổi nhàn nhã, có nhiều thì giờ làm những công việc không vị lợi, và nếu ta lựa trước một vấn đề nào đó ngay từ hồi còn trẻ, gom góp tài liệu để đến khi nghỉ việc xã hội, bắt tay ngay vào việc khảo cứu, thì đời vui lắm chứ.

Có công việc như vậy, ta đồng thời còn làm thỏa mãn được nhu cầu thứ tư, có một đời sống thay đổi nữa.

Ông John A. Schindler còn khuyên chúng ta điều này: nêu vấn đề người già lên cho xã hội chú ý tới, nghĩa là phải hô hào chính quyền tạo những cơ quan xã hội, chẳng những lo việc cấp dưỡng một cách đàng hoàng những người già mà còn lo kiếm việc làm cho người già nữa, tùy khả năng của mỗi người. Đừng để cho các cụ già có cảm tưởng rằng xã hội chỉ mong cho mình mau chết để khỏi phải nuôi báo cô.

Đó là những việc bạn trẻ nên làm để dự bị tuổi già. Còn những độc giả nào đã tới tuổi già rồi thì nên đọc kỹ những lời khuyên dưới đây của Schindler:

1. Cái gì đã không tránh được thì chịu nhận nó đi.
2. Khi có một bạn già xa mình rồi thì kiếm một bạn khác để lâu lại thăm nhau, chuyện trò với nhau.
3. Nên mềm mỏng, đừng cố chấp, đừng có thành kiến. Đừng rầy tuổi trẻ là hư đốn, lỗ lã, vô lễ, không như thời trước.
4. Ăn bận sạch sẽ, đàng hoàng, đừng lôi thôi, cử chỉ nên nhã nhặn, lễ độ.
5. Để hết tâm trí vào việc tiêu khiển cũng như hồi trẻ đã để hết tâm trí vào công việc làm vậy.

6. Nên vui tính và dễ thương, gặp ai cùng niềm nở; đừng than thở về số phận của mình và bắt người khác phải nghe cho được.

7. Lúc nào thấy mệt thì nghỉ, nhưng đừng lo lắng tới sức khỏe của mình quá.

8. Đừng nghĩ tới sự chết. Từ xưa tới nay có ai thoát khỏi cảnh chết đâu; với lại nếu ai cũng bắt tử cả, và cứ mỗi cặp vợ chồng sinh được hai trai hai gái thôi thì chỉ trong năm mươi thế hệ nghĩa là khoảng 1.000 năm, mỗi người sẽ chỉ còn có 1 thước vuông trên trái đất này, làm sao mà sống nổi?

Độc giả thấy rằng trong tám lời khuyên đó thì lời khuyên thứ nhất, thứ bảy và thứ tám có mục đích gây cho ta một cảm giác an toàn; mà nếu không có được sự an toàn thì quên nó đi.

Lời khuyên thứ nhì, thứ ba, thứ tư và thứ sáu liên quan tới nhu cầu thứ nhì tôi đã trình bày ở trên.

Còn lời khuyên thứ năm là để giúp ta thỏa mãn được nhu cầu thứ ba và thứ tư.

Những lời khuyên đó là của một nhà tâm lý từng trải, hẳn là có giá trị. Nhưng tôi muốn tiếp lời ông Schindler mà thêm một nhận xét này nữa: *hồi trẻ ta đối với cha mẹ ra sao thì về già con cái ta cũng đối với ta như vậy*. Cho nên cư xử với cha mẹ cho phải đạo, luôn luôn nhớ tới bốn nhu cầu của các người là cách hay hơn hết để dự bị tuổi già của ta đấy.

Chế độ đại gia đình của ta cũng như mọi chế độ khác, không thể toàn mỹ được. Tôi đã biết những đại gia đình lục đục quanh năm vì những chuyện chị chồng em dâu, hoặc bà cô, cháu rể; và những đại gia đình trong đó một người, có khi là một bà cụ già, nai lưng ra làm quần quật để nuôi một lũ con cháu đã ăn báo lại còn phá phách.

Nhưng ít nhất chế độ đó cũng có một điểm đẹp là nhờ nó mà xã hội không cần đến viện cô nhi, viện dưỡng lão; gia đình càng đáng lấy hết những trẻ mồ côi trong dòng họ, còn người già thì được quý mến, kính trọng.

Ở Âu Mỹ ngày nay, tình cảnh trẻ mồ côi và người già thật đáng thương mặc dầu họ được xã hội nuôi nấng, khỏi bị đói rét, nhưng sống nào phải chỉ cần có cơm áo? Trẻ đã cô độc mà già cùng cô độc. Bà Pearl S. Buck trong cuốn *My several worlds* kể chuyện một bà cụ nọ, cháu nội đã năm tuổi mà chưa được ngủ với nó một lần nào, khi nó xin bà được ngủ với bà một đêm thì bà rất vui nhưng không dám cho, bảo nó xin phép mẹ nó đi đã. Mẹ đứa nhỏ không

dám quyết định, phải đợi chồng về hỏi ý chồng. Rốt cuộc cha đưa nhỏ cho phép nó sau khi dặn kỹ: “Chỉ lần này thôi nhé!”

Chưa đâu xót bằng cảnh một ông già nọ khi bước chân vào một viện dưỡng lão, quay lại nhìn đứa con trai và nghe nó dặn nhỏ: “Ba đừng nói hớ tên gia đình mình ra nhé?”

Văn minh Âu Tây tuy có những nét rực rỡ thật, nhưng như vậy không thể gọi là văn minh kiểu mẫu, trừ khi, như bà Pearl S. Buck đã nói “kiểu mẫu đó là chủ nghĩa cá nhân”. Tôi mong rằng người phương Đông chúng ta không bắt chước họ ở điểm đó. Đời sống thời này khó khăn, nhiều bậc cha mẹ lo dành dụm để có thể tự túc khi già mà con cái khỏi phải lo; nhưng con cái phải hiểu rằng đó là lòng hi sinh của cha mẹ chứ làm con thì phải cấp dưỡng cha mẹ khi về già, với tất cả tấm lòng kính mến, chứ không phải chỉ với một ý thức về bổn phận.

PHỤ LỤC

TRẮC NGHIỆM VỀ TINH THẦN GIÀ GIẶN

của Bác sĩ Clifford R. Adams trong cuốn PREPARING FOR MARRIAGE

Nếu bạn hoàn toàn tin ở mình thì mới trả lời có. Mỗi câu đáp có, ghi một điểm. Làm xong, cộng lại rồi coi ở cuối trắc nghiệm xem bạn ở vào hạng nào.

Có / Không

1. *Bạn có thể nghe người khác chỉ trích mình mà không phật ý không?*
2. *Bạn có thường tránh được thói ghen tương và ganh tị không?*
3. *Khi tranh luận với ai, bạn có thường kiếm được một cách thỏa hiệp có lợi cho cả hai bên mà bạn không lấy vậy làm chua chát không?*
4. *Bạn có một thái độ đàng hoàng vì bạn cho như vậy là tự nhiên đứng đắn, chứ không phải vì sợ người ta chê là lỗ lã không?*
5. *Tính tình bạn có vui vẻ, không nóng nảy vô lý không?*
6. *Bạn có nhận thấy rằng dù sao, phần đông thiên hạ cũng lương thiện, ngay thẳng, dễ thương không?*
7. *Trước khi làm một công trình mới hoặc quyết định một điều gì hơi quan trọng, bạn có cân nhắc kỹ lợi và hại không?*
8. *Bạn có thể rời nơi bạn thường ở trong một tháng mà không thấy nhớ quê nhà không?*
9. *Bạn có thể quyết định một việc quan trọng mà không cần nhờ cha mẹ hay bạn thân góp ý kiến, cân nhắc giùm cho không?*
10. *Bạn có sẵn lòng tuân lệnh của nhà cầm quyền và luật pháp trong xứ không?*
11. *Bạn thích làm một việc, nhưng nếu hoãn lại, thú sẽ tăng lên, thì bạn có nghị lực để hoãn lại không?*
12. *Bạn thắng được những thói như giật gân, nói lắt, cắn móng tay... không?*
13. *Bạn có sống trong hiện tại không hay là nhớ lại hoài cái thời xa xưa mà bạn cho là vui thú?*
14. *Bạn có ngủ ngon giấc mà không mộng mị không?*
15. *Bạn có hòa thuận với cha mẹ, anh em và các bạn thân không?*

16. Khi mọi sự không được như ý, bạn có rón tìm nguyên nhân ở đâu rồi diệt những nguyên nhân đó không, hay là khoanh tay oán hận, trách móc người?
17. Được hưởng một đặc quyền nào, bạn có thể lãnh những trách nhiệm tương đương với đặc quyền đó không?
18. Bạn có những bạn trai và gái hơi nhỏ tuổi hơn mình và hơi lớn tuổi hơn mình không?

KẾT QUẢ

Nếu bạn cộng được mười bốn hay trên mười bốn điểm thì tinh thần bạn già giặn trên mực trung. Nếu cộng được mười sáu điểm thì chỉ cần cẩn thận lựa chọn người bạn trăm năm là bạn có thể hưởng được một hạnh phúc đặc biệt trong hôn nhân.

HẾT.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

[u](#) Mới đây, trong một buổi thuyết pháp của đại đức Khema (người Anh ở Long Xuyên, tôi được nghe rằng Đức Thích Ca cũng có tinh thần thực tiễn như vậy. Một lần một đệ tử hỏi Ngài về những lẽ huyền vi của vũ trụ, như vũ trụ hữu tận hay vô tận, nguồn gốc vạn vật ở đâu, có linh hồn hay không... Ngài đáp: “Khi tôi nhận ông làm môn đệ, tôi có hứa giảng cho ông những cái đó không, hay chỉ hứa giúp ông tìm được con đường giải thoát? Tìm hiểu những cái đó không có lợi gì cho sự giải thoát của ta mà có thể có hại nữa (2-1962)

[\[2\]](#) Trong chương trình Trung học 1958 của Bộ Quốc gia Giáo dục tôi thấy ghi 15, 16 tác phẩm triết học, từ La République của Platon, Introduction aux existentialismes của Emmanuel Mounir, tới Đạo đức kinh, Dharma Pada. Người lập chương trình không có óc thực tế, chỉ chép đúng chương trình của Pháp rồi thêm ít tác phẩm về phương Đông; không biết rằng ngay trong các trường Trung học Pháp, nhiều cuốn tuy có ghi mà giáo sư chẳng bao giờ giảng, học sinh chẳng bao giờ lựa, như cuốn Le rire của Bergson. Họ lại quên trình độ học sinh, mà đa số không hiểu được những tác phẩm cao siêu như Đạo đức kinh, Dharma Pada. Theo tôi chỉ nên ghi về phương đông: Đại học, Trung dung, Luận Ngữ (riêng cuốn sau sẽ rút ngắn), về phương Tây: Discours de la Méthode của Descartes, Introduction à L'étude de la Médecine expérimentale của Claude Bernard. Le Contrat Social của J. J. Rousseau có thể giảng qua trong giờ Công Dân giáo dục.

[\[3\]](#) Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê: Thẳng tiến trên đường đời.

[\[4\]](#) Hồi đó thế chiến mới chấm dứt được bốn năm, nhiều thanh niên mãn quân dịch, vào các trường đại học tiếp tục học, mặc dầu đã có gia đình.

[\[5\]](#) Coi cuốn The conquest of happiness (Liveright publishing Corp).

[61](#) Trong này gọi là cây công chúa.

▣ Theo Will Durant trong cuốn the Story of Philosophy.

[\[8\]](#) Có sách chép là heart.

^[9] Một truyện ngắn của Đỗ Quang Định đời Đường, hơi có tính cách triết lý và kiếm hiệp (chữ Hán là: Cầu nhiễm khách), chép trong bộ Thái Bình Quảng Ký, được nhiều nhà phê bình cho là một trong những truyện hay nhất của Trung Hoa.

⚡ Sau thế chiến vừa rồi, Trung Hoa dân quốc cũng đã phá giá đồng bạc gần như vậy và các bà nội trợ của họ phải xé từng tờ giấy bạc để đi chợ.

▣▣ Bác sĩ H. Bowman.

121 Ở Pháp: trai 18 tuổi và gái 15 tuổi. Ở Thụy Sĩ: trai 20 tuổi và gái 18 tuổi, cả hai nước dưới 21 tuổi phải có phép của cha mẹ.

[\[13\]](#) Nguyễn Hiến Lê dịch, đã xuất bản.

[114](#) Chính tôi đã cho in đậm.

[115](#) Nhà René Julliard ở Ba Lê dịch một nửa ra tiếng Pháp, nhan đề là Vous et votre mari.

[1161](#) Ở xứ ta thì có này chắc phải đứng từ hạng 10 trở lên.

u7i Mà cái miệng của đàn ông thì cũng vậy. Cũng theo thống kê của Terman thì đàn bà rất ít phàn nàn vì chồng già quá (số 50/51) hay có ngoại tình (44/51) mà phàn nàn rất nhiều vì ông chồng chỉ trách vợ hoài (5/51), hay gây sự (8/51), nói tục (40/51). Tuyệt nhiên họ không hề phàn nàn rằng ông chồng xấu xí.

118 Tác giả nói: “Có thể rằng...” Riêng tôi, tôi nghĩ rằng những người chồng sáng suốt, nếu thấy vợ mình có tài hoặc thích làm một nghề nào đó thì ít ai ngăn cản vợ; vì nếu người vợ thật tâm thương mình, không bỏ bê việc nhà thì sự phát triển hoàn toàn những khả năng của vợ chỉ làm cho chồng thêm mến phục vợ, mà tình càng sâu đậm thêm, chứ không phai nhạt.

[\[19\]](#) Coi thêm cuốn *Nous vivrons 150 ans* của nhà Del Duca – Paris.